NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 158 • JUNE 2002

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

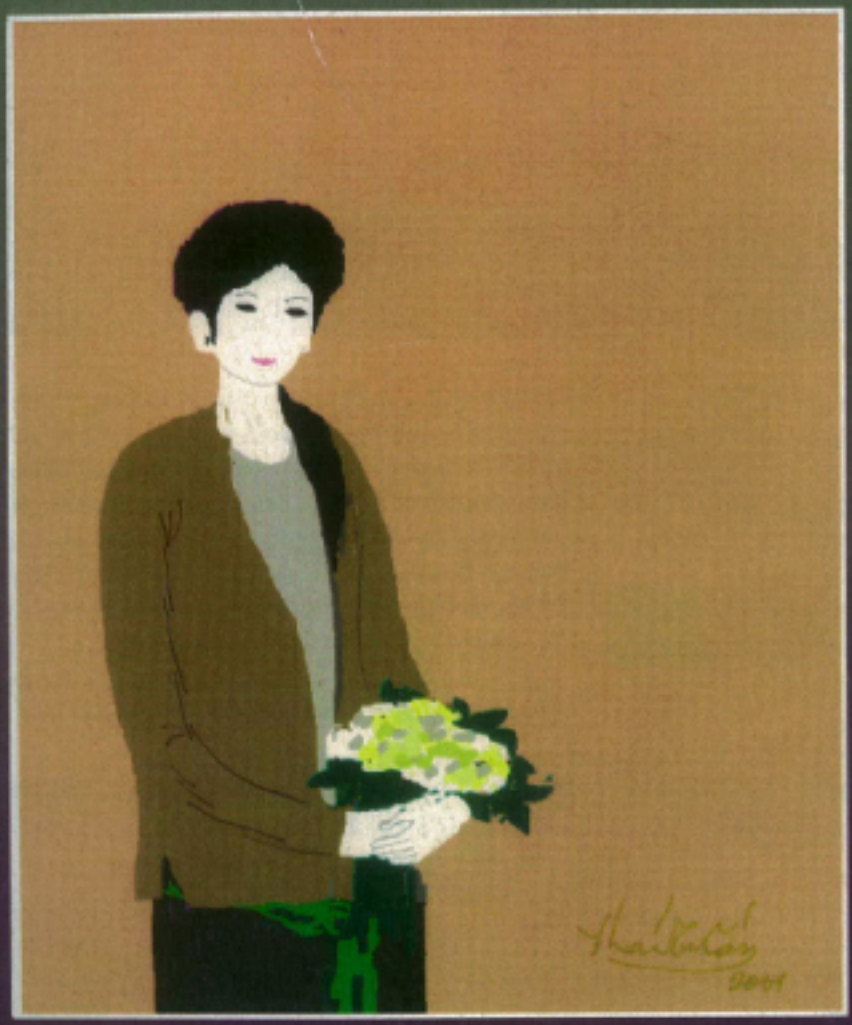

MỘT SỐ SỬ LIỆU LIÊN QUAN TỚI BIÊN GIỚI VIỆT HOA TỪ MAI

BA CHÀNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ CỦA TI VI DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

GIEO CẦU SONG THAO

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

HÀNG NGÀN KHÁN GIẢ ĐÃ NHIỆT LIỆT TÁN THƯỞNG
ĐÊM VĂN NGHỆ THÍNH PHÒNG tại KNOTT'S BERRY FARM
NHIỀU NGƯỜI TIẾC NGẨN NGƠ VÌ KHÔNG MUA ĐƯỢC VÉ

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO
Paris by Night 64

Nhạc chủ đề: VŨ THÀNH AN - TUẤN KHANH - TỪ CÔNG PHỤNG

Phát hành ngày 6 tháng 6 năm 2002

** Paris by Night 64 dòng nhạc Tuấn Khanh (Hoa Soan Bên Thềm Cũ, Chiếc Lá Cuối Cùng...) làm sống lại cả một khung trời Sài Gòn thương nhớ đã chôn vùi 27 năm qua*
** Paris by Night 64 với những Bài Không Tên nức nở của Vũ Thành An (Tình Khúc Thứ Nhất, Em Đến Thăm Anh Đêm Ba Mươi...) đã một thời làm hàng triệu con tim yêu đương rướm máu.*
** Paris by Night 64 với những ca khúc trữ tình lãng mạn của Từ Công Phụng (Mắt Lệ Cho Người, Giọt Lệ Cho Ngàn Sau...) như một ngôn ngữ đặc biệt ca ngợi tình yêu đẹp đẽ nhất trong âm nhạc VN.*

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

KHÁNH LY, LỆ THU, KHÁNH HÀ, Ý LAN, NHƯ QUỲNH, THÁI HIỀN, LƯU BÍCH, THANH HÀ, TRÚC LINH, TRÚC LAM, BẢO HÂN, LOAN CHÂU, PHƯƠNG DIỄM HẠNH, NGỌC HẠ, THÚY ANH, LAN ANH, TRÚC QUỲNH, TUẤN NGỌC, DUY QUANG, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TRẦN ĐỨC, TRẦN THÁI HÒA, DON HỒ, NHẬT TRUNG

Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : **714-894-5811**

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Phiếu mua Tạp Chí Thế Kỷ 21

Giá áp dụng từ 1- tháng 1- 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....

ĐẶT MUA THẾ KỶ 21 :

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 100 Euro*		*US$170.00 189 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí ***Thế Kỷ 21*** *theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ : 11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .

Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)

. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền: (như trên -----check vào đây)

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*.....

Sở Làm:().....

Sáng kiến đề nghị cùng tạp chí: (714) 585-4666

Báo cũ : Để bổ túc các bộ tạp chí lưu trữ, Tòa soạn cần mua lại một số ấn bản Tạp Chí Thế Kỷ 21 sau đây: Các số 7, 10, 33&34, 42, 48, 94, và 118&119.

Quí vị nào có dư những số tạp chí nói trên, xin liên lạc về tòa soạn, chúng tôi xin bồi hoàn tiền, hoặc đổi báo mới.

Thường xuyên **giảm giá 15% khi mua để tặng bạn hữu.**

Tạp chí đang mở rộng mạng phát hành, **cần thêm nhiều đại lý. Huê hồng cao.**

Như thường lệ: Quí vị nào giới thiệu 3 độc giả, xin tặng 9 tháng báo; giới thiệu 5 độc giả mua báo, xin tăng nguyên năm 1st class

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

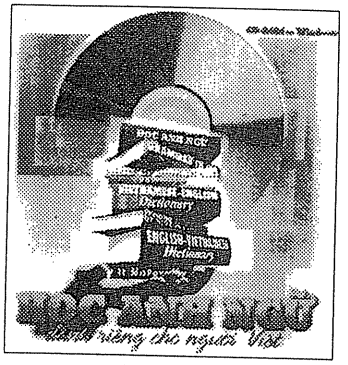

300 NGÔI CHÙA NỔI TIẾNG VIỆT NAM

CD-ROM chứa hơn 2200 ảnh màu và tóm tắt lịch sử của 300 ngôi chùa nổi tiếng nhất. Tra cứu dễ dàng. Âm thanh tự động, rõ ràng. Gồm cả một bản đồ Việt Nam với chi tiết các tỉnh, tên đường...
Giá 10 Mỹ kim

HỌC ANH NGỮ DÀNH RIÊNG CHO NGƯỜI VIỆT

CD-ROM dạy đàm thoại, học từ vựng, văn phạm, luyện nghe tiếng Anh theo giáo trình Headway, tiếng Mỹ theo New American Streamline, từ điển Anh-Việt với khoảng 110,000 mục từ, và rất nhiều sự tiện lợi khác để học tiếng Anh. Giá 10 Mỹ kim

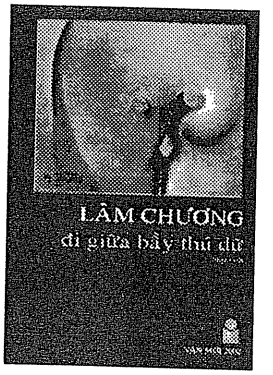

ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ

Tập truyện vừa của
LÂM CHƯƠNG
Sách gồm hai truyện *Gió về phố biển* và *Đi giữa bầy thú dữ*. Lâm Chương là một trong những nhà văn được độc giả yêu mến nhất hiện nay. Truyện của ông phản ảnh thân phận của mỗi người Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua. Giá 11 Mỹ kim

ĐẤT LÀNH

Nguyên tác The Good Earth của PEARL S. BUCK, bản dịch của Nguyễn Thế Vinh. Truyện viết về tình yêu đất của người Trung Hoa. Đầu thập niên 1930 đây là cuốn sách best seller suốt 21 tháng liền tại Mỹ. Giá 12 Mỹ kim

TUYỆT KỸ XOA BÓP THEO HÀ ĐỒ LẠC THƯ

Sách dạy xoa bóp theo huyệt đạo của VƯƠNG NHẤT ĐINH, bản dịch của Hoàng Thái. Hà đồ Lạc thư là tinh túy của văn hóa Trung Quốc, hàm chứa quy luật âm dương. Vận dụng Hà-Lạc vào kỹ thuật xoa bóp là một tuyệt kỹ để chữa bệnh hoạn của con người. Giá 9 Mỹ kim

ĐOÁN BỆNH QUA TƯỚNG MẠO

Soạn giả: **BÀNH THANH HOA, CHU VĂN PHONG**. Dịch giả: **Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Kim Oanh, bác sĩ Ngô Quang Thái.** Phương pháp chẩn bệnh chỉ bằng cách nhìn, không cần dụng cụ y khoa, của môn chẩn đoán học cổ truyền Trung Quốc.
Giá 22 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Bìa: tranh của họa sĩ **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Nguyên Dũng, Anh Thành**

MỤC LỤC

Số 158 Tháng Sáu 2002

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ

20. Những đề nghị cải tiến bang giao Việt-Mỹ – **Nguyễn Quốc Khải**
25. Hiện tượng Le Pen ở Pháp... – **Nguyễn Trường Sơn**
28. Nghĩ về những vụ lạm dụng tình dục... – **Trần Phong Vũ**
33. Liệu giáo hội có thể vượt qua được cơn khủng hoảng – **Johanna McGeary, Nam Ngọc** dịch
39. Những nữ tu hy vọng... – **Elizabeth Mehren** và **Mary Rourke, C.N.** dịch

LỊCH SỬ – TÀI LIỆU

11. Một số sử liệu liên quan đến biên giới Hoa-Việt – **Từ Mai Trần Huy Bích**
42. Vấn đề truy dụng tài liệu mật đã bạch hóa... – **Lâm Vĩnh Thế**
53. Những vấn đề không cần bàn cãi nhiều – **Tạ Chí Đại Trường**
57. Ở xứ chuông rè – nguyên bản tiếng Pháp của **Ngô Văn**, bản dịch của **Phan Thị Trọng Tuyến**
73. Cần đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam – **Nguyễn Văn Tuấn**
79. Nguy cơ động đất từ những con đập Vân Nam – **Ngô Thế Vinh**

ĐIỆN ẢNH

108. Đi xem Green Dragon – **Bùi Bích Hà**

VĂN

67. Ba chàng ngự lâm pháo thủ của Ti Vi – **Dương Như Nguyện**
84. Gieo cầu – **Song Thao**
89. Người điên trước cổng trời – **Hoàng Ngọc Lễ**
92. Một đám cưới ngày ấy – **Trần Tri Chi**
103. Tôi đã về Phát Diệm – **Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh**

THƠ

61. Xuân ầu ơ – **Lưu Hy Lạc**. 69. Sinh trụ, Hoại diệt, Và hồi sinh – **Lý Thừa Nghiệp**. 87. Chia đều – **Nguyễn Văn Thực**. 95. Thư viện ở Florence – **Nguyên Dũng**.102. Thành phố trong hồi tưởng – **Trần Hồng Châu**. 105. Mở – **Trần Mộng Tú**. 107. Đà Nẵng một thời – **Lưu Nguyễn**.
111. Rượu xuân – **Hoàng Huy Khánh**

MỤC THƯỜNG LỆ

7. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
10. Hộp thư trị sự – **Ngô Trúc Linh**
48. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
112. Chân trời Văn học Nghệ thuật – **Anh Thành, Cam Vũ**
116. Sách báo trong tháng – **Phạm Xuân Đài**

Vấn đề Dioxin: cần nói đúng sự thật và có bằng cớ

Trong lá thư "Vấn đề dioxin tại Việt Nam" (*Thế Kỷ 21*, 5/2002), ông Nguyễn Gia Tiến đã viết một số điều không đúng sự thật, hay không có cơ sở. Xin có đôi lời trao đổi như sau:

1.- Tác giả viết "Trong chiến tranh, chất da cam chủ yếu được dùng ở vùng rừng núi thưa dân cư, mức độ nhiễm độc dioxin tại các vùng đồng bằng Việt Nam khó có thể lên đến mức độ trầm trọng như Hà Nội phơi bày," nhưng ông không cho biết chỗ nào là "thưa dân"! Sự thật là trong thời gian chiến tranh, Mỹ đã rải xuống không chỉ những vùng "rừng núi" mà phần lớn là các khu vực có ruộng, vườn, gần nơi dân cư ngụ. Tôi đã từng ở những vùng này thuộc tỉnh Đồng Nai, nên đã nhìn tận mắt sự tàn phá của chất độc màu da cam. Theo tài liệu Mỹ, trong thời chiến tranh Mỹ đa rải thuốc khai quang trên một diện tích khoảng 1.5 triệu ha (hay 10% diện tích miền Nam Việt Nam), và trong số đó có một phần ba bị rải hai lần trở lên, và khoảng 52000 ha bị rải đến 4 lần.

Tôi chưa thấy Hà Nội họ "phơi bày" mức độ trầm trọng ở các vùng đồng bằng nào cả, mà chính các nhà khoa học Mỹ và Canada trình bày các dữ kiện khoa học về nồng độ dioxin ở các vùng như Biên Hoà, Đà Nẵng, Nha Trang... trong các diễn đàn khoa học thế giới. Hà Nội thường hay đề cập đến vấn đề dị tật bẩm sinh (birth defects) và dioxin, nhưng vì bằng chứng khoa học chưa rõ ràng nên chẳng mấy ai tin. Các trường hợp dị tật bẩm sinh này không phải dựa vào các mẫu trong bệnh viện Từ Dũ (như ông Tiến viết) mà trong các vùng như Đà Nẵng, Biên Hòa.

2.- Ông Tiến viết "27 năm sau khi chiến tranh chấm dứt, vẫn chưa tiến hành được tại Việt Nam một công cuộc nghiên cứu khoa học đứng đắn, khách quan, chính là vì thiếu thiện chí..." Không hiểu theo ông thế nào là một nghiên cứu "khách quan," "đứng đắn" hay có "thiện chí," nhưng trong thực tế đã có ít nhất là 10 nghiên cứu được tiến hành trong vòng 15 năm qua, với sự cộng tác của các nhà khoa học Mỹ, Pháp, Thụy Điển, Việt Nam... Có nghiên cứu khá qui mô, trên hàng ngàn người từ khắp vùng trong Việt Nam. Tất cả các nghiên cứu này đều được công bố trên các tập san y khoa thế giới. Chỉ cần chịu khó tìm qua hệ thống "PubMed" là sẽ thấy hết.

Trước khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam, các y sĩ trong nước không thể tiến hành một nghiên cứu dioxin hoàn chỉnh, vì ngân sách cho một nghiên cứu như thế rất lớn, và quan trọng hơn là ở Việt Nam không có phương tiện máy móc để đo nồng độ dioxin. Chỉ thử dioxin trong máu của một người dân có thể lên đến cả ngàn Mỹ kim. Muốn làm trong một ngàn người thì phải có hơn một triệu Mỹ kim, một ngân sách nghiên cứu mà các y sĩ Việt Nam khó mà có trong thập niên 80 và 90.

Do đó, câu văn ông viết "Chất lượng các thành quả nghiên cứu của giới y sĩ được đào tạo dưới chế độ cộng sản xưa nay vẫn còn là một nghi vấn" thì hoàn toàn không có cơ sở.

3.- Về trình độ nghiên cứu khoa học, ông Tiến viết "vấn đề không chỉ giản dị căn cứ vào một số quan sát lâm sàng để đi đến kết luận về nguyên nhân bịnh lý, mà không dẫn chứng những nghiên cứu khoa học, thống kê đáng tin cậy," nhưng trong thực tế tất cả các nghiên cứu y khoa đều phải bắt đầu bằng những quan sát lâm sàng. Thống kê không phải dùng để chứng minh những quan sát lâm sàng, mà chỉ là một phương tiện để xác định hay phủ định một giả thuyết lâm sàng. Những xác định của thống kê nhiều khi không có một ý nghĩa lâm sàng gì cả. Chẳng hạn như nếu hai nhóm có tỷ lệ ung thư khác nhau khoảng 0.001%, và với một triệu bệnh nhân thì sự khác nhau đối với thống kê có thể "significant," nhưng trong thực tế lâm sàng thì chẳng có ý nghĩa gì cả. Không thể và không nên tùy thuộc vào thống kê một cách quá mù quáng. Trên các tạp chí y khoa vẫn có hàng ngàn bài nghiên cứu ở dạng "case reports" tường trình những quan sát lâm sàng, không cần dùng đến thống kê, mà kết quả vẫn có thể dùng trong lâm sàng đó. Ngoài ra, những nghiên cứu liên quan đến cơ chế bệnh tật và khoa học cơ bản (basic science, ở mức độ tế bào) cũng ít khi nào cần đến thống kê.

Nhiệm vụ chính của bác sĩ là chữa bệnh, chứ không phải để làm toán thống kê. Ngay cả những bác sĩ có huấn luyện về

thống kê học, có mấy ai dám tự nhận mình hiểu thống kê? Ông Tiến có dám tự nhận rằng ông hiểu thống kê và những ứng dụng thống kê trong nghiên cứu y học hay không? Tôi nghĩ chắc không. Do đó nếu có một bác sĩ Việt Nam, hay bất cứ một bác sĩ nào trên thế giới, không rành về thống kê học là một điều dễ hiểu và có thể châm chước được.

4.- Ông Tiến viết theo một bài báo của ông Mai Thanh Truyết rằng một nhà khoa học Mỹ khi mang các "mẫu đất" từ Việt Nam sang Mỹ nghiên cứu thì bị công an Việt Nam tịch thu lại. Đây là một lỗi lầm cổ điển về việc trích dẫn sai và không chịu kiểm tra thông tin, vì thông tin đã sai ngay trong bài viết của ông Mai Thanh Truyết. Sự thật là các mẫu máu (chứ không phải mẫu đất) và mô (tissues) mà Giáo sư Arnold Schecter (Trường Đại Học Texas) thu thập được, lúc đầu đã bị Hải Quan Việt Nam chận lại không cho mang ra ngoài Việt Nam, nhưng sau đó họ đã trả lại cho ông mang về Mỹ phân tích. Những phân tích của ông cũng đã được công bố trong một tạp chí y khoa Mỹ. Các thông tin này đều được loan báo trên tạp chí *Science* của Mỹ, chỉ cần chịu khó kiểm tra thì sẽ biết rõ. Sự kiện này xảy ra không phải "gần đây" (như ông Tiến viết), mà từ giữa năm 1995!

Tưởng cần nói thêm là vấn đề đem các mẫu máu ra ngoài một quốc gia là một vấn đề tế nhị. Các nước trên thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp, Mỹ, Tân Tây Lan, Úc, v.v... đều có qui luật nghiêm ngặt để phòng ngừa người ngoại quốc lợi dụng buôn bán mẫu máu. Do đó việc làm của Hải Quan Việt Nam, hay bất cứ Hải Quan nước nào, nên được xem là bình thường.

5. Ông Tiến cho rằng Mỹ cần phải tiến hành nghiên cứu ở Việt Nam để giải quyết các tranh chấp giữa cựu chiến binh Mỹ về việc bồi thường tai hại do dioxin gây ra, nhưng tôi cho rằng ông không có cơ sở để nói như thế. Trong 30 năm qua, Mỹ đã tiến hành hàng loạt nghiên cứu lớn nhỏ mà trong bài viết cũng trên *Thế Kỷ 21* ông Nguyễn Văn Tuấn đã trình bày khá rõ, và họ cũng đã bồi thường cho một số cựu chiến binh Mỹ. Người Mỹ không cần phải đến Việt Nam để nghiên cứu mới giải quyết được vấn đề bồi thường cho cựu chiến binh Mỹ, vì họ đã và đang giải quyết vấn đề. Họ đến Việt Nam nghiên cứu là vì muốn có thêm dữ kiện và kinh nghiệm để đối phó với môi trường ở nước họ, vì lý tưởng khoa học và lòng nhân đạo. Trong một bài xã luận trên tạp chí *Science*, một tác giả Mỹ viết "It is also the case that scientific information about TCD effects gleaned from studies in Vietnam will help industrialized nations to deal with widespread contamination by dioxin in their own environments" (tạm dịch: "Các thông tin về ảnh hưởng của TCD thu thập từ Việt Nam sẽ giúp cho các quốc gia kỹ nghệ đối phó với sự ô nhiễm dioxin đang lan rộng trong môi trường.")

Những thông tin liên quan đến dioxin và Việt Nam đã bị "nhiễu" khá nhiều vì nhiều người trong chúng ta và người cộng sản vẫn bị chính trị chi phối và làm lu mờ một vấn đề mang bản chất khoa học. Có một cách có thể góp phần làm cho sự việc sáng tỏ hơn, đó là chỉ viết hay nói những gì mình biết và có bằng chứng trong tay hoặc bằng chứng có thể kiểm chứng được.

Phạm Hà Giang (***Internet***)

Vẫn một bài học

Đọc bài "Vẫn một bài học" của ông Nguyễn Gia Kiểng trong báo *Thế Kỷ 21* số 157, tôi đồng ý với tác giả rằng nguyên nhân thất bại của chế độ cộng hòa miền Nam Việt Nam trước chế độ cộng sản miền Bắc là do lãnh đạo của các chế độ miền Nam yếu kém, bất tài... nhưng tôi chỉ coi đây là một trong những nguyên nhân, nếu không thì nó sẽ dẫn đến một cách kết luận phiến diện, thiển cận và thiếu khách quan.

Tôi không đồng ý khi ông Nguyễn Gia Kiểng viết: "Thực tế là quân đội cộng sản đã chiến đấu gan dạ hơn và hiệu lực hơn quân đội quốc gia, tổ chức tuyên truyền và địch vận của họ đã hơn hẳn , các cơ sở hậu phương và nằm vùng của họ đã tỏ ra kiên trì và sáng tạo hơn hẳn . Cuối cùng chiến thắng ngày 30.4.1975 đã là một trong những chiến thắng toàn vẹn nhất và vinh quang nhất."

"Chiến thắng ngày 30.4.1975 đã là một trong những chiến thắng toàn vẹn nhất và vinh quang nhất." - Đây là một cách so sánh nhưng không đưa ra đối tượng so sánh. Toàn vẹn nhất và vinh quang nhất so với cái gì? So với toàn bộ lịch sử Việt Nam hay sao? Nếu thế thì những chiến công hiển hách của các anh hùng dân tộc như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Lý Thường Kiệt... chỉ là những chiến thắng nhỏ nhoi không đáng kể?

So sánh tinh thần chiến đấu của các cán binh cộng sản và chiến sĩ quân lực Việt Nam cộng hòa, ông Kiểng đã xác định rõ ràng rằng: "quân đội cộng sản đã chiến đấu gan dạ và hiệu lực hơn quân đội quốc gia." Tôi sợ rằng lời xác nhận này của ông Kiểng sẽ gây bất bình và ngộ nhận nơi nhiều độc giả và những cựu chiến binh, những anh hùng đã hy sinh xương máu và nếm mùi tù tội vì đã chiến đấu để bảo vệ giang sơn, bờ cõi. Tôi tuy không trực tiếp tham gia chiến đấu chống lại quân đội cộng sản nhưng đã có nhiều dịp chứng kiến những chiến công hiển hách của các chiến sĩ quân lực Việt Nam cộng hòa, họ đã chiến đấu hết sức gan dạ và quả cảm trong khi cộng quân thì chỉ biết xua quân đánh liều vì không đánh thì không đường thoát. Chính mắt tôi đã chứng kiến hình ảnh nhiều dân công bị giết chết trên chiến trường vì cộng sản đã đẩy họ vào chiến trường trong chiến dịch "biển người, thí quân" để dành chiến thắng. Tất cả đều bị Bác và Đảng lừa dối và đẩy vào trước họng súng và cái chết thế thôi, họ không còn một lối thoát. Vậy thì đâu là sự gan dạ.

Theo tôi, chuyện thắng bại trong cuộc chiến Việt Nam, chúng ta không thể xác định rằng do bởi sự gan dạ, thông minh và sự lãnh đạo tài ba của người cộng sản mà do bởi nhiều nguyên nhân khác. Thử hỏi rằng nếu quân đội miền nam Việt Nam không bị đồng minh bỏ rơi và quân đội cộng sản Bắc Việt không được sự hậu thuẫn hùng hậu và toàn diện của Nga-Tàu và toàn thể khối cộng sản kể cả một vài nước tây phương thì cộng sản Việt Nam có thể chiến thắng hay không?

Tôi vốn rất thích cách viết văn của ông Nguyễn Gia Kiểng, ông có một văn phong sắc bén và trôi chảy và đôi khi có những lý luận khá xây dựng và thực tế nhưng có khá nhiều điều ông viết ra cốt chỉ nhằm lôi kéo dư luận chú ý tới ông mà không căn cứ vào một bằng chứng xác thực nào.

Hoàng Ngọc Lễ (*Thụy Sĩ*)

Sốt ruột

Đọc trong mục Bạn Đọc Viết số trước: "... đọc phần văn nghệ của TK 21, có cảm giác bước giật lùi lại thời Tự Lực Văn Đoàn. Ở thời đó mà đọc văn chương đó thì thích, chứ thời này thì sốt ruột."

Tầm thức người đọc thay đổi tùy hoàn cảnh sống. Đành thế. Nhưng một lúc nào đó, đọc Tự Lực Văn Đoàn thấy sốt ruột không phải là lý do để người khác không viết như TLVĐ (viết được như TLVĐ đâu có dễ nhỉ?). Cũng tựa như "*bây giờ nghe nhạc cổ điển buồn ngủ quá*" không phải là lý do để nhạc cổ điển (hay quá đi chứ) phải cáo chung khỏi mặt đất này. Đa dạng và loại bỏ vốn triệt tiêu nhau và ý niệm loại bỏ bao hàm triệt tiêu luôn cả tự do, phải không ạ?

Xin làm ơn chia sẻ, đừng đóng dấu, cho những ngòi bút được thở.

Bùi Bích Hà **(Quận Cam)**

Thác Bản Giốc

Khi vừa nhận được tập san Thế Kỷ 21 số 156, tôi đã dán mắt vào bức hình bìa với một hình ảnh của một "bức tranh" tuyệt mỹ mà tạo hóa đã khéo léo kết hợp giữa các dòng nước và cây cỏ tạo nên một cảnh sắc hài hòa có một không hai của một thác nước thiên nhiên không do bàn tay người sắp xếp. Nhìn kỹ lại dưới dòng nước có những thuyền bè mà cách cấu tạo là của người Trung Hoa. Khi lật qua trang mục lục để tìm xuất xứ thì đây là "Thác Bản Giốc" do nhiếp ảnh gia Phí Văn Trung chụp hồi tháng Năm, 2000.

Trời ơi, giang sơn gấm vóc do tiền nhân ta để lại nó đẹp đẽ đến như thế này sao? Tại sao nay thuộc vào các "danh lam thắng cảnh" của Trung Quốc?

Lật qua trang "Bạn Đọc Viết" đọc trích đoạn lá thư của một công dân Việt Nam đã sinh ra và lớn lên tại địa phương của ải địa đầu này thì rõ ràng là một tiếng kêu thống thiết của một con chim đã bị mất tổ ấm và tiếp theo đó là lời lẽ căm hận và phỉ nhổ bọn người đã cam tâm dâng phần đất đẹp đẽ này cho ngoại bang để được an thân tiếp tục hút máu đồng bào.

Thiết nghĩ chế độ cộng sản chỉ là một tên gọi khác của một đảng Mafia nắm chính quyền. Riêng những tên Cộng sản Việt Nam đã từng có nhiều thành tích hiển hách là đem cả cha mẹ ruột là những người thân thương và gần gũi nhứt của mình ra trước công chúng để đấu tố hòng tỏ lòng trung thành tuyệt đối với đảng cướp của mình thì việc đem "xương máu của tổ tiên" ra mà dâng hiến cho đảng Mafia bạn thì cũng chỉ là một hành động thông thường của loại người như chúng mà thôi. Nhưng chúng ta, những người còn in sâu "Nước Việt Nam trải dài từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau" thì không thể đứng yên mà nhìn chúng đem từng phần đất thân yêu dâng hiến dần dần cho ngoại bang.

Ước mong mọi gia đình Việt Nam có được một bức ảnh đẹp đẽ của thác Bản Giốc, kèm với lời lẽ thống thiết của một người mất nơi chôn nhau cắt rún, tuy rằng nó chỉ là một phần nhỏ của đất nước ta nhưng chắc nó sẽ giúp cho con cháu ta không bao giờ quên sự vẹn toàn lãnh thổ của Tổ Quốc Việt Nam.

Lê Hữu Nghĩa (*North Hills, CA*)

Thanh Tâm hay Tâm Thanh?

Trong mục Sách Báo Trong Tháng số báo 157 vừa rồi, bài điểm sách *Gỗ Thức Trên Rừng*, phần đầu ghi rõ tên tác giả là Tâm Thanh, bức ảnh bìa sách ngay bên cạnh cũng thấy tên Tâm Thanh, thế mà câu cuối, người điểm sách lại ghi tên tác giả là Thanh Tâm. Viết lộn do đảo chữ thì cũng thường thôi, nhưng ở đây là một sự lầm lẫn hoàn toàn có ý thức, có chủ ý: *"Mong cuốn sách đi xa để gieo rắc tài năng và tấm lòng của tác giả, đúng như bút hiệu mà ông đã chọn, là Thanh Tâm."* Ông Phạm Xuân Đài viết như thế thì ông nghĩ tên tác giả là Thanh Tâm chứ không phải ông viết lộn; ông muốn nói tác giả *Gỗ Thức Trên Rừng* có cái tâm thanh tịnh. Mới ở đầu bài viết một đằng, đến cuối bài (dài chỉ vài trăm chữ) đã "nghĩ" một nẻo, tác giả đáng được liệt vào hàng thiên tài, theo cái nghĩa các thiên tài thì hay đãng trí. Nếu không phải thiên tài thì bộ nhớ của ông đã có vấn đề rồi đấy!

Lan Phương (*Internet*)

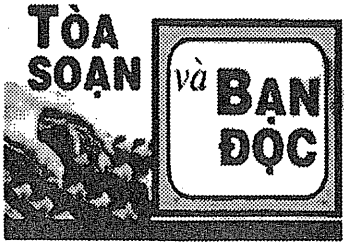

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Trần Huy Sao, Chu Vương Miện, Lý Thừa Nghiệp, Tố Ngọc, Võ Doãn Nhẫn, Hoa Cúc, Uyên Quang, Song Thao, Lĩnh Hàn, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Văn Thà, Trần Mộng Tú, Trần Phong Vũ, Vũ Như Phong Châu, Lưu Hy Lạc, Bùi Bích Hà, Diệu Tần, Hoàng Ngọc Lễ, Nguyễn Hòa Trước, Nam Ngọc, Từ Mai, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Trường Sơn, Trần Trị Chi, Nguyễn Quốc Khải, Ngô Thế Vinh.

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Báo tháng nay lại vắng mục Sổ Tay, vì người phụ trách có việc phải đi xa. Lại xin cáo lỗi cùng quý vị, xin hẹn tái ngộ ở số sau.

Suốt mấy tháng qua, một sự việc đã làm quấy động dư luận trong xã hội Mỹ, và có lẽ phần nào trên thế giới nữa, đó là những vụ xâm phạm tình dục trẻ em của một số tu sĩ Công giáo tại xứ sở này. Sự yếu đuối của con người thì bao giờ và ở đâu cũng có, những tội lỗi đó không có gì là khó hiểu và khó thông cảm. Nhưng vấn đề là trong một thời gian dài, tội lỗi đã được che đậy, ém nhẹm trong phương thức "xử lý nội bộ," do đó tội lỗi có cơ hội tiếp tục tồn tại và tác hại, cho đến lúc sự thật bị bục vỡ ra, và gặp nền truyền thông tự do và hiếu kỳ của xứ này tận tình khai thác.

Sự việc không còn nằm trong nội bộ của một tổ chức tôn giáo, mà ảnh hưởng lan ra tới bên ngoài, với các nạn nhân trực tiếp đau khổ trong cuộc đời riêng của họ, với sự can thiệp của cơ quan công quyền, với niềm tin của nhiều người trong xã hội, trong hay ngoài Công giáo, bị chao đảo hay sứt mẻ...

Trong số báo mà quý vị đang cầm trên tay có một số bài đề cập đến vụ việc nói trên mà cho đến nay truyền thông Mỹ đã nói đến quá nhiều, mong rằng qua đó quý độc giả có một ý niệm về tầm mức và bản chất của chuyện đáng tiếc này.

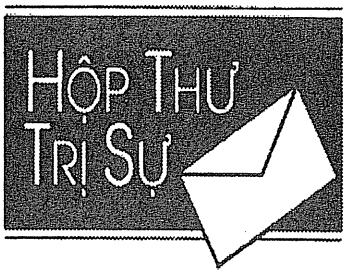

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Vo Van Dieu (Wichita KS), Lib: Reservoir (AUSTRALIA), Bui Manh Duc (San Francisco CA), Bui Quyen (San Jose CA), An Ha Chau (Richardson TX), Chuong Le (San Jose CA), Nguyen Dinh Nhac (Portland OR), Cao Hoang (Seatle WA), Nguyen A.T Tuan (Edison NJ), Han Long Toan (Marlborough MA), Nguyen Hung Quang (San Jose CA), Tran Tu Huyen (Oakland CA), Nguyen Ngoc Phong (Dorchester MA), Thuy Armstrong (CANADA), Nguyen Van Phac (CANADA), Nguyen Tung (CANADA), Tra Lu (CANADA), Ngo Phuong Dung (CANADA), Nguyen Phi Phung (FRANCE).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Le Martine (FRANCE), Pham Nguyen Hong (San Diego CA), Lan Nguyen (San Jose CA).

MỘT SỐ SỬ LIỆU LIÊN QUAN TỚI BIÊN GIỚI VIỆT HOA

Từ Mai TRẦN HUY BÍCH

Không người Việt Nam nào không bàng hoàng, đau xót trước sự việc đất nước mất ít nhất trên 700 cây số vuông miền biên giới và trên 10 ngàn cây số vuông hải phận. Quan trọng hơn nữa, những vùng đất và biển bị mất có tầm chiến lược sinh tử, có ý nghĩa lịch sử thiêng liêng đối với dân tộc, và với nhiều tài nguyên phong phú. Có cơ duyên tìm được một số sử liệu đáng lưu ý liên quan tới biên giới Việt Hoa trong khoảng hơn 200 năm qua, người viết những dòng này xin được trình bày những tài liệu ấy tới tất cả những ai quan tâm đến quyền lợi cùng tương lai đất nước.

I. Chiếc cổng "Trấn Nam quan" của Trung Hoa

Trong *Vân đài loại ngữ,* được sáng tác khoảng năm 1777, nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) ghi lại bài ký "Trùng tu Trấn Nam quan" của Tuần phủ Quảng tây Lý Công Phất đời Ung chính nhà Thanh. Theo bài ký này, việc tu bổ Nam quan là việc của nhiều quan chức nhà Thanh đã chuẩn bị gỗ, đá từ trước, nhưng người thực sự dùng tiền được thưởng (1800 lạng bạc) giúp cho việc tu bổ tiến hành là Án sát Quảng tây Cam Nhữ Lai. Bài ký cho biết: "Cửa quan này từ lâu không được sửa sang, ngày càng đổ nát," và chép lại câu nói của viên Án sát họ Cam: "Các quan thú trước nghèo cho nên không sửa sang nổi. Nay đã có món tiền thưởng này, một mình ta xin gánh việc ấy." Việc tu bổ bắt đầu từ tháng 2 năm Ung chính thứ ba (Ất Ty, 1725), đến mùa Đông năm ấy mới hoàn tất. Bài ký cũng cho biết: "Cửa quan này tường cao, lầu kín; nơi khám xét, nơi đóng quân, nơi canh phòng đều đầy đủ, chỉnh tề." Cam Nhữ Lai người tỉnh Giang tây, thi đậu Tiến sĩ, làm quan được tiếng thanh liêm; trước đã làm Tri phủ Thái bình (tỉnh Quảng tây, giáp biên giới Việt Nam) trước khi thăng Phó sứ đạo Tả giang rồi Án sát Quảng tây. Các quan chức nhà Thanh cùng tham gia vào việc tu bổ Nam quan có Tổng đốc Lưỡng Quảng Khổng Dục Tuân, Đề đốc Quảng tây Hàn Lượng Phụ, và Tổng trấn đạo Tả giang Lương Vĩnh Hi (1).

Theo nhà bác học Lê Quý Đôn, việc dùng tiền bạc, gỗ đá, và bỏ ra gần một năm để tu bổ Trấn Nam quan là việc của nhiều quan chức Trung Hoa đời Thanh, đáng kể nhất là Án sát Cam Nhữ Lai. Ta có thể tin: chiếc cổng này của Trung Hoa. Chính vì của họ nên họ đã đặt tên là "cổng để trấn giữ phương Nam." Người đổi tên cho Nam quan gần đây ("cổng để hòa mục với phương Nam") cũng là một người Trung hoa khác: Mao Trạch Đông.

II. Cho tới tháng 3-1886, biên giới Việt Hoa ở đúng vị trí của Nam quan

Tuy Trấn Nam quan của Trung Hoa, cho tới tháng 3-1886, khi các Ủy viên của chính phủ Pháp tới gặp đại diện của Trung Hoa để phân định biên giới theo sự quy định của Hiệp ước Thiên tân (1885), chiếc cổng này vẫn được coi là mốc biên giới giữa hai nước Hoa Việt.

Dưới đây là bản chụp lại một bản đồ chính thức của triều đình nhà Thanh về miền biên giới Quảng tây – Lạng sơn, được in trong *Đại Thanh nhất thống chí* 大清一統誌 (Da Qing yi tong zhi). Đây là một bộ sách công phu và đồ sộ, hoàn tất trong đời Càn long nhà Thanh (trị vì 1736-1795), và được in theo lệnh của chính vua Càn long năm Giáp Thân, 1764. *Đại Thanh nhất thống chí* gồm 500 quyển, với bản đồ từng phủ, huyện của Trung Hoa. Trong bản đồ phủ Thái bình, tỉnh Quảng tây (giáp với Việt Nam), ba quan ải được đề cập tới là Trấn Nam quan, Thủy khẩu quan, và Bình nhi ải. Theo bộ địa dư chính thức của nhà Thanh này, biên giới Hoa Việt chạy sát ngay trước Trấn Nam quan cũng như Thủy khẩu quan, và cắt ngang Bình nhi ải với phần của Trung hoa nhiều hơn (xin xem bản đồ 1). Trong bộ sách này, bản đồ phủ Thái

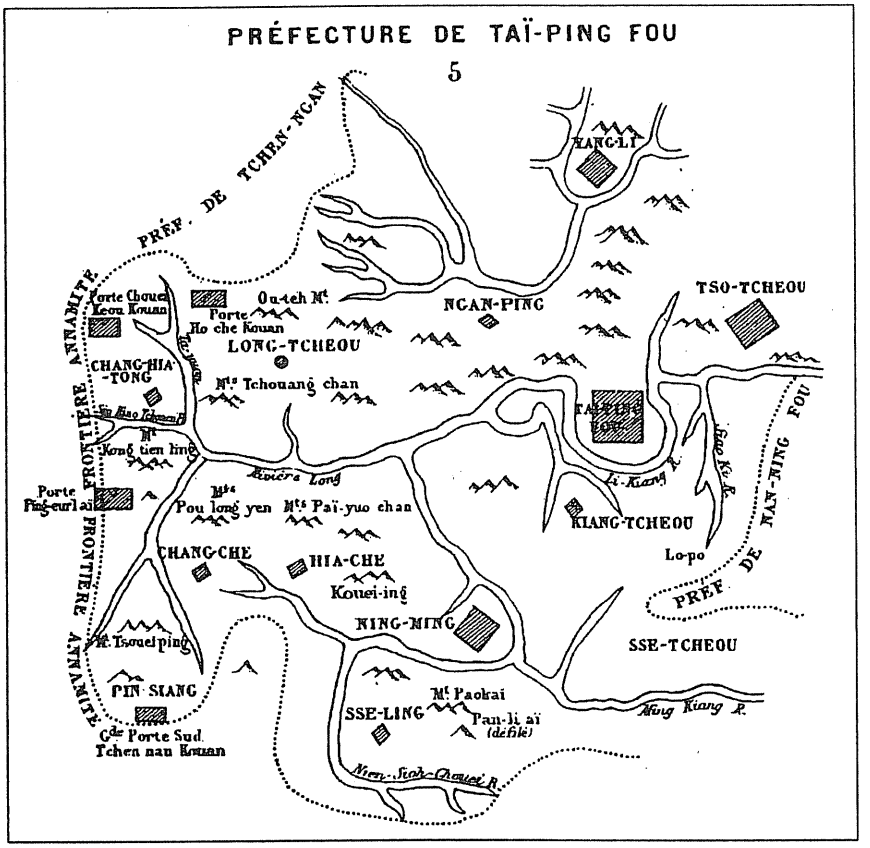

Bản đồ phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây của Trung Hoa theo Đại Thanh nhất thống chí (1764). Địa danh do Gabriel Devéria chuyển ra mẫu tự La Tinh và in lại trong La Frontière Sino-Anamite (Paris: E. Leroux, 1886)

bình được in ở quyển 365, các tờ 1 và 2.

Đại Thanh nhất thống chí vẫn được tàng trữ ở thư viện Bắc kinh cùng một số thư viện quan trọng của Trung Hoa. Tại Hoa Kỳ, bên cạnh thư viện Quốc hội, bộ sách cũng được giữ tại thư viện một số Đại học lớn: UC Berkeley, UCLA, Univ. of Colorado (Boulder), Univ. of Florida (Gainsville), Univ. of Michigan (Ann Arbor), Univ. of Pittsburg (Pennsylvania)...

Bản đồ kèm theo bài này được rút ra từ cuốn *La Frontière Sino-Annamite* (Biên giới Hoa-Việt) của Gabriel Devéria, do nhà Ernest Leroux xuất bản tại Paris năm 1886 (năm bắt đầu cắm mốc biên giới). Bản đồ này chỉ khác bản đồ nguyên thủy của nhà Thanh ở chỗ các địa danh đã được chuyển từ chữ Hán ra phiên âm theo mẫu tự La tinh, dùng hệ thống phiên âm của người Pháp cuối thế kỷ 19. Chẳng hạn: Trấn Nam quan = Tchen Nam kouan, Thủy khẩu quan = Chouei keou kouan, Bình nhi ải = Ping eurl ai.

Chính vì Trấn Nam quan được coi là ở ngay tại biên giới hai nước (từ cổng trở về bắc: Trung Hoa, về nam: Việt Nam) nên *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn mới chép: "Phía bắc cửa có Chiêu đức đài, đằng sau đài có Đình tham đường của nước Thanh, phía nam có Ngưỡng đức đài của nước ta," và nói rõ thêm về Ngưỡng đức đài: "bên tả bên hữu đài có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ",(2). Hai giáo sư Trần Gia Phụng và Hà Mai Phương đều đã dựa vào *Đại Nam nhất thống chí* (vừa kể) và *Phương đình dư địa chí* của Nguyễn Văn Siêu để nêu lên việc Đốc trấn Lạng sơn Nguyễn Trọng Đang trùng tu Ngưỡng đức đài năm Giáp Thìn (1784), nhằm năm Cảnh hưng 45 đời vua Lê Hiển tông. Xin góp thêm một nhận xét: theo văn bia do chính vị Đốc trấn họ Nguyễn viết, việc trùng tu này gần một năm mới xong (từ mùa Hạ năm Giáp Thìn đến mùa Xuân năm Ất Tỵ, 1785). Trong gần một năm ấy, nhiều toán dân phu "do bốn dịch trưởng trông nom công việc" đã tới đài "dùng gạch ngói" để sửa và xây cho được "hoành tráng, cao rộng thêm." Nếu Ngưỡng đức đài, tại ngay phía nam của Nam quan, không thuộc địa giới nước ta thì làm sao dân phu Lạng sơn có thể hàng ngày tới thực hiện những công việc huyên náo trong một thời gian kéo dài như thế? Và nếu đài, một công trình kiến trúc tại khu vực Nam quan "nằm sâu trong lãnh thổ Trung Hoa" như tình trạng hiện nay, thì vị Đốc trấn Lạng sơn tốn nhân công, vật dụng tu bổ để làm gì?

Sang triều Nguyễn, Nam quan vẫn được coi là biên giới hai nước. Khi vâng lệnh vua Gia long cầm đầu một sứ bộ sang Trung Hoa năm Quý Dậu, 1813, thi hào Nguyễn Du đã ghi lại những nhận xét về cửa quan này như sau:

Việc cũ đời Lý, Trần xa xôi, mờ mịt khó tìm
Suốt ba trăm năm thẳng tới hiện nay

Hai nước chia đều nhau từ mặt chiếc lũy lẻ loi
Một cửa quan oai hùng trấn giữa muôn quả núi...

Nguyên văn trong *Bắc hành tạp lục*:
Lý Trần cựu sự yểu nan tầm
Tam bách niên lai trực đáo câm
Lưỡng quốc bình phân cô lũy diện
Nhất quan hùng trấn vạn sơn tâm... (3)

Câu "Hai nước chia đều nhau từ mặt chiếc lũy lẻ loi" cho ta thấy: "mặt chiếc lũy lẻ loi chính là nơi phân định biên giới hai nước." Và đó là chuyện "từ ba trăm năm thẳng tới hiện nay." Vị thi hào Chánh sứ của Việt Nam đồng ý hoàn toàn với *Đại Thanh nhất thống chí* của Trung Hoa. Từ đồn canh biên giới của Việt Nam thời ấy, không hề và không thể có những câu đau lòng: "Nam quan nằm sâu trong đất Trung Hoa, đứng đây không nhìn thấy được" (4).

III. Tháng 3-1886, chúng ta mất 100 thước đất ở Nam quan

Để thi hành Điều III Hiệp ước Thiên tân, ký ngày 9 tháng 6 năm 1885 giữa đại diện chính phủ Pháp là Jules Patenôtre với đại diện nhà Thanh là Li Hong-Chang (Lý Hồng Chương), Teng Tcheng-Sieou (Tăng Thành Siêu) và Si Tchen, chính phủ Pháp cử một phái đoàn gồm 5 Ủy viên lấy từ 3 bộ khác nhau (bộ Ngoại giao, bộ Chiến tranh, và bộ Hải quân) tới biên giới HoaViệt gặp đại diện Trung Hoa để thực thi việc cắm mốc biên giới. Phái đoàn do Tổng Lãnh sự Bourcier Saint-Chaffray thuộc Bộ Ngoại giao cầm đầu. Trong phái đoàn có sự tham dự của Bác sĩ P. Neis, một nhà thám hiểm và cũng là Bác sĩ của Hải quân. Bác sĩ Neis viết một hồi ký, cung cấp nhiều chi tiết quan trọng về chuyến đi này, đăng nhiều kỳ trên tạp chí Pháp *Le Tour du Monde* năm 1887 dưới nhan đề "Sur les frontières du Tonkin." Thiên hồi ký mới được Tiến sĩ Walter E. J. Tips, một chuyên viên về Đông Nam Á dịch sang Anh ngữ, in thành sách dưới nhan đề *The Sino-Vietnamese Border Demarcation, 1885-1887.* Sách do White Lotus Press xuất bản tại Bangkok năm 1998, và đã được giữ trong rất nhiều thư viện Đại học ở Hoa kỳ.

Phái đoàn Pháp rời Marseilles cuối tháng 9-1885, tới Hà nội ngày 1 tháng 11, nhưng mãi đến 12 tháng 1-1886 mới thực hiện được cuộc gặp gỡ đầu tiên với phái đoàn Trung Hoa tại Đồng đăng. Phái đoàn Trung Hoa do chính Teng Tcheng-Sieou, một trong những nhân vật ký Hiệp ước Thiên tân, cầm đầu.

Theo bác sĩ Neis, trong các cuộc gặp gỡ sơ bộ tại Đồng đăng các tháng 1 và 2-1886, phái đoàn Trung Hoa đưa ra những đòi hỏi về lãnh thổ cực kỳ quá đáng ("most exaggerated claims" trong bản Anh ngữ). Cuộc thảo luận bế tắc, suýt đổ vỡ hai lần. Mặt khác, song song với những đòi hỏi ấy, phái đoàn Trung Hoa tỏ ra rất hào phóng với phái đoàn Pháp trong việc khoản đãi: những bữa tiệc thịnh soạn với vây, yến, hải sản, rượu champagne với các nhãn hiệu nổi tiếng, nhiều quà tặng... Hai phái đoàn đồng ý: ngày 20 tháng 3-1886 sẽ gặp nhau để thực hiện việc cắm mốc ở Trấn Nam quan (theo bác sĩ Neis, Trung Hoa gọi là "Tche-nan-quan" và người Việt gọi là "cua ai") (5).

Cũng theo bác sĩ Neis, hôm phái đoàn Pháp rời Đồng đăng lên Nam quan, trên các ngọn đồi nhìn xuống Đồng đăng suốt cho tới đường đi Thất khê, quân đội Trung Hoa xuất hiện khắp nơi, mang theo rất nhiều cờ và cắm xuống nhiều chỗ, làm như những vùng đất ấy thuộc Trung Hoa. Để tới Nam quan, phái đoàn Pháp phải đi xuyên qua các đơn vị quân đội ấy. Tới Nam quan, Trưởng phái đoàn Pháp lên tiếng phản đối việc xâm phạm lãnh thổ, yêu cầu quân Trung Hoa rút về bên kia biên giới. Thoạt đầu, các viên chức Trung Hoa hành xử như không hiểu phái đoàn Pháp muốn yêu cầu điều gì ("acted as if they did not understand any of our demands"). Tới khi phái đoàn Pháp cho biết sẽ chỉ bắt đầu cuộc thảo luận sau khi quân đội Trung Hoa đã rút hết, các viên chức Trung Hoa mới giải thích: quân đội ấy là do các vị quan võ "tự ý đưa sang" để "đón tiếp phái đoàn Pháp một cách trọng thể" nhưng không báo cho họ (các quan văn) được biết. Tuy nhiên, họ cũng ra lệnh cho các đơn vị quân đội lui về bên kia biên giới để cuộc thương thảo được tiến hành (6).

Phái đoàn Pháp biết rằng Nam quan nằm ngay trên đường biên giới. Các tài liệu, bản đồ họ có trong tay đều cho thấy như thế. Nhưng các đại diện Trung Hoa cương quyết nhấn mạnh ("strongly insist") rằng chiếc cổng và bức tường ngăn không được coi là biên giới. Họ muốn có "ít nhất một ít thước của khoảng đất hoang trước cổng" ("at least a few meters of fallow terrain in front of it"). Sau khi đi bộ ra trước cổng quan sát, phái đoàn Pháp đồng ý nhân nhượng: biên giới sẽ chạy theo một con suối dưới chân đồi, trước

chiếc cổng "khoảng 150 thước." Đây là nhân nhượng đầu tiên, cũng là một nhân nhượng khá rộng rãi. Theo bác sĩ Neis, sau đó phái đoàn Pháp không ngớt khoe khoang về điều này (7).

Một trí thức Việt Nam sống tại Pháp, ông Trương Nhân Tuấn, đã hi sinh rất nhiều thời gian và công phu vào tìm kiếm trong Văn khố Đông dương của Pháp tại Aix-en-Provence, và tìm được nhiều tài liệu liên quan đến Hiệp ước Thiên tân cùng Biên bản việc cắm mốc biên giới. Theo những tài liệu ông Tuấn đưa lên Internet, phần thứ ba của Biên bản nhắc tới cột mốc trước Nam quan: cột mốc này được cắm trên đường Nam quan về Đồng đăng, cách cửa quan 100 thước ("sur le chemin de Nam Quan à Dong Dang, à 100m au S. de la porte") (8).

Trên nhật báo *Người Việt* đầu tháng 4 năm 2002, nhà báo Ngô Nhân Dụng đã lưu ý tới chỗ sai biệt giữa hồi ký của bác sĩ Neis và biên bản do ông Tuấn tìm thấy: cột mốc cách Nam quan "100 thước" theo biên bản và "khoảng 150 thước" theo hồi ký. Ông Dụng nêu nhận xét: biên bản cho biết khoảng cách theo đường chiếu thẳng, "đường chim bay," trong khi hồi ký ước lượng khoảng cách theo những bước quanh co đi bộ xuống đồi. Chỗ sai biệt không lớn, có vẻ hợp lý, và biên bản nhiều phần chính xác hơn. Điểm quan trọng là biên giới mới chạy theo một con suối trước cửa quan. Người viết những dòng này hoàn toàn đồng ý với ông.

Tóm lại, so với các đời trước, ngày 20 tháng 3 năm 1886, biên giới Việt Nam tại Nam quan đã bị lùi lại 100 thước do sự hào hiệp của phái đoàn Pháp đối với các quan nhà Thanh, đáp ứng phần nào những khoản đãi hậu hĩ từ phái đoàn Trung Hoa. Đây mới là nhân nhượng đầu tiên. Trong việc cắm mốc biên giới này — mãi đến 1895 mới hoàn tất – lãnh thổ Việt Nam còn chịu nhiều mất mát đáng kể hơn thế nữa.

IV. Một số đất Việt Nam bị mất sau cuộc cắm mốc biên giới 1886-1895

Theo nhà nghiên cứu Pháp Charles Fourniau trong bài "La frontière sino-vietnamienne et le face à face franco-chinois à l'époque de la conquête du Tonkin" in trong cuốn *Les frontières du Vietnam* (Paris : Harmattan, 1989), trong mấy năm cắm mốc biên giới, phái đoàn Pháp có lý do để nhân nhượng phái đoàn Trung Hoa trong các thương thảo liên quan đến lãnh thổ Việt Nam. Trong một công điện gửi từ Bắc kinh về Pháp ngày 10 tháng 10-1886, Đô đốc Rieuner cho biết Lý Hồng Chương đã nói thẳng với ông: "Nước Pháp đã được rất nhiều khi lấy được Bắc kỳ, chư hầu của Trung quốc từ 600 năm nay. Việc ấy lại qua sự trung gian của tôi (*Lời chú của người viết:* Lý Hồng Chương muốn nói ông ta đã điều đình và ký Hiệp ước Thiên tân, bản hiệp ước công nhận quyền "bảo hộ" của Pháp trên đất nước Việt Nam) . Điều này đã gây cho tôi (vẫn lời Lý Hồng Chương) nhiều phiền muộn. Theo tôi, một sự đền bù dưới hình thức một nhân nhượng nhỏ về lãnh thổ tại biên giới An-nam là cần thiết" (*nguyên văn*: "Une compensation sous la forme d'une petite cession de territoire sur la frontière de l'Annam me semble nécessaire") (9).

Trong thời gian ấy, Pháp cũng đang muốn ký với Trung Hoa một hiệp ước thương mại để được quyền buôn bán ở Hoa nam cùng mở các tòa Lãnh sự ở Quảng tây và Vân nam. Mỗi khi có mâu thuẫn đến độ bế tắc khiến các phái đoàn cắm mốc biên giới phải hỏi ý chính phủ, chỉ thị từ phía Pháp thường là: "nhân nhượng" (10). Chính vì thế, theo một chính sách nhiều nhà nghiên cứu gọi là "politique des pourboires" ("chính trị tiền trà nước"), trong cuộc phân định biên giới giữa Pháp và nhà Thanh này, Việt Nam đã bị mất nhiều lãnh thổ đáng kể. Để làm thí dụ, xin đơn cử hai vùng đất quan trọng hơn cả: một số làng ở Đông bắc Móng cái và vùng mỏ đồng Tụ long.

Một số làng ở Đông bắc Móng cái:

Theo bác sĩ Neis, sát theo bờ biển phía Đông bắc Móng cái có một số làng Việt Nam. Cư dân gồm người Việt cùng nhiều sắc dân thiểu số chứ không có người Hoa. Những làng này ngăn cách với vùng đất Trung Hoa bao quanh bằng mấy rặng núi hình vòng cung của dãy Thập vạn đại sơn (Shiwan dashan) . Danh hiệu một số làng là danh hiệu Việt Nam: Trung sơn, Song phong, Mai công... Một số làng sống bằng nghề đánh cá lấy tên Vạn Công, Vạn Mi, Vạn Thọ, Vạn Tray... như nhiều làng đánh cá Việt Nam khác. Các làng này từ trước vẫn sống dưới quyền quản trị của triều đình Việt Nam.

Có một điều bất thường là các làng này không tiếp giáp với lãnh thổ chính của Việt Nam. Một dải đất chiều ngang 10 cây số thuộc tỉnh Quảng đông của Trung Hoa chắn ngang ở giữa. Muốn đi từ các làng này về lãnh thổ chính của Việt Nam (chẳng hạn Móng cái) phải đi khoảng 10 cây số qua đất Trung Hoa, hoặc phải dùng thuyền. Ngay

khi mới tới Móng cái và biết được điều ấy, bác sĩ Neis đã tiên liệu sẽ gặp rắc rối trong việc phân định biên giới. Ông vẽ một bản đồ (xin xem bản đồ 2) và gọi khu vực này là "enclave annamite" (vùng Việt Nam bị vây trong lãnh thổ Trung Hoa) (11).

Các làng này quây quần quanh một vũng biển nhỏ có tên là vũng Vạn Xuân. Một mỏm đất nhọn chạy nhô ra biển, bọc phía ngoài chặn sóng gió, có tên là mũi Bạch long (phía Trung Hoa gọi là Pak-lung) . Bác sĩ Neis được cho biết: Tổng đốc Lưỡng Quảng Zhang Zhi-Dong (Trương Chi Động), một đối thủ chính trị đáng kể của Lý Hồng Chương, rất muốn đoạt vũng biển và mũi đất này.

Việc tranh chấp xảy đến đúng như dự đoán. Theo những tìm tòi của bác sĩ Neis, tất cả những tiêu chuẩn xác định chủ quyền cần thiết, từ phong tục truyền thống, tập quán, văn kiện sổ sách, cho đến tài liệu địa dư chính thức của Trung Hoa, đều cho thấy vùng đất này thuộc miền Bắc Việt Nam ("Traditions, customs, records, and even official Chinese geography indicate this country as being part of Tonkin"). Trong một điện văn do phái đoàn phân định biên giới gửi cho đại diện chính phủ Pháp có câu: "Tham khảo nhiều nguồn tài liệu khác nhau, các ủy viên của nước Pháp đã thu thập được một hồ sơ thật lớn về thẩm quyền của đế quốc An nam trên vùng đất này" ("Les commissaires francais avaient accumulé une grosse documentation sur les droits de l'empire d'Annam sur cette région, en consultant des sources nombreuses et variées") (12). Nhưng phái đoàn Trung Hoa nhất định không nhân nhượng. Họ được lệnh một cách chính thức từ Trương Chi Động: không được công nhận vùng đất này là của Bắc kỳ ("They had formal order from the viceroy of Canton not to recognize this territory as Tonkinese") (13) .

Phái đoàn Pháp không thể làm gì khác hơn là viết một tờ trình kèm theo bản đồ, gửi về xin ý kiến chính phủ. Sau sáu tháng chờ đợi (từ tháng 12-1886 đến tháng 6-1887), bác sĩ Neis được biết: vị Đặc ủy đại diện chính phủ Pháp, người đang điều đình một Hiệp ước thương mại quan trọng ở Bắc kinh (Ernest Constans) đã quyết định nhường các làng ấy cùng mũi đất Bạch long cho Trung Hoa. Trong "Thỏa ước phân định biên giới" ("Convention relative à la délimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin") do Ernest Constans, Đặc ủy viên Cộng hòa Pháp, ký với đại diện Trung Hoa tại Bắc kinh ngày 26 tháng 6 năm 1887, vùng đất trên được nhắc tới như sau: "Những điểm tranh chấp ở Đông và Đông bắc Móng cái, phía bên kia biên giới theo sự ấn định của Ủy ban phân giới, được phân phối cho Trung Hoa" ("Il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'est et au nord-est de Monkai, au-delà de la frontière telle qu'elle a été fixée par la Commission de délimitation, sont attribués à la Chine"). Bác sĩ Neis kết thúc đoạn hồi ký về chuyện này một cách chua chát: "dân chúng trở về nhà, từ nay trở đi là người Tàu" (14).

Việc mất các làng phía Đông bắc Móng cái là một thiệt hại kép đối với Việt Nam: ảnh hưởng đến ranh giới hải phận. Trong một buổi thuyết trình về biên giới Việt Hoa tại Viện Việt Học đầu tháng 4 năm nay, giáo sư Nguyễn Văn Canh cho biết: quyết định nhường vùng đất phía Đông bắc Móng cái cho Trung Hoa của Ernest Constans đã ảnh hưởng tới việc phân chia hải phận vịnh Bắc Việt một cách thiệt hại cho Việt Nam. Người viết những dòng này hoàn toàn đồng ý với giáo sư. Vì vùng đất trên bị mất, đường ranh chia hải phận vịnh Bắc Việt (đường ranh Brévié) chỉ được tính từ mỏm cực đông của đảo Trà cổ. Mỏm này cách ranh giới phía đông của vùng đất bị mất 27 cây số về phía tây. Ranh giới hải phận Việt Nam trong vịnh Bắc Việt do đó cũng bị đẩy lùi về tây, hẹp hơn 27 cây số.

Vùng mỏ đồng Tụ long:

Theo *Đại Nam nhất thống chí* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, núi Tụ long ở xã Tụ long, châu Vị xuyên; sau khi châu này phân đôi, được cắt cho huyện Vĩnh tuy, cách huyện lỵ 200 dặm về phía đông bắc. Trong núi có mỏ đá nam châm và đồng đỏ, cũng có chỗ lẫn ngân sa. Trong đời Lê trung hưng vùng này đã mất về Trung Hoa suốt 40 năm, từ năm Mậu Thìn 1688 đến năm Mậu Thân 1728. Sang đời Nguyễn, mỏ đồng Tụ long vẫn được khai thác. Triều đình cho dựng bảo Tụ long, một loại đồn binh, để bảo vệ biên giới và vùng mỏ này. Nói về nguồn lợi của mỏ đồng Tụ long thời trước, ca dao có câu:

Đồng Tụ long, thiếc sông Ngâu
Tiền rừng bạc bể kể đâu sánh bằng.

Tổng Tụ long gồm 9 xã (Tụ nhân, Tụ nghĩa, Tụ hoa, Tụ mỹ, Tụ thanh, Tụ long...). Theo Charles Fourniau, tổng này hoàn toàn thuộc lãnh thổ Việt Nam ("Le canton de Tulong, tout entier territoire de l'Empire annamite...") (15). Sau mấy đợt nhân nhượng của người Pháp từ 1887 đến 1897, 3 phần

4 tổng Tụ long gồm cả mỏ đồng, với một diện tích khoảng 750 cây số vuông, đã bị nhường cho Trung Hoa, sáp nhập vào phủ Khai hóa, tỉnh Vân nam. Nguyệt san *Revue Indochinoise,* số 5 và 6, xuất bản tại Hà nội các tháng 5 & 6-1924, có đăng bài tường thuật của Trung tá Bonifacy, "Le canton de Tu-long et la frontière Sino-Tonkinoise," kèm theo một bản đồ ghi từng giai đoạn của việc nhường đất này. *Revue Indochinoise* hiện rất khó tìm. Rất may, tấm bản đồ ấy cùng các chi tiết về việc nhường đất đã được in lại trong cuốn *Sử liệu về biên giới ta và Tàu từ đời nhà Lý cho tới đầu thời Pháp thuộc* của Hà Mai Phương và Chu Thu Hằng, do Mai Hiên xuất bản tại Campbell, California năm 1999. Độc giả muốn tìm hiểu thêm về tổng Tụ long cũng như về việc mất một số vùng đất khác, xin tham khảo tài liệu kể trên.

V. Một kinh nghiệm mất đất và đòi đất của người trước

Như đã trình bày trên, vùng mỏ đồng Tụ long từng bị mất cho Trung Hoa trong đời Lê trung hưng, 40 năm sau mới đòi lại được. Dưới đây xin tóm lược ít kinh nghiệm của người trước trong việc mất đất cũng như đòi đất này.

Theo *Cương mục* và *Đại Nam nhất thống chí*, đầu đời Lê trung hưng, Gia quốc công Vũ Văn Mật có công đánh nhà Mạc, được phong An tây vương, và được đời đời giữ đất Tuyên quang (địa giới trấn Tuyên quang thời ấy rất rộng, tiếp giáp với Trung Hoa, gồm cả khu vực tỉnh Hà giang hiện nay). Con ông là Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ và cháu là Thái bảo Hòa quốc công Vũ Đức Cung (theo Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục:* Vũ Công Ứng) tuy được quyền tự trị, vẫn tòng phục triều đình. Đến đời chắt là Thiếu phó Tông quận công Vũ Công Đắc ỷ thế xa xôi hiểm trở, muốn tự lập xưng vương. Sau khi Công Đắc bị bộ thuộc sát hại, triều đình phong cho con Công Đắc là Vũ Công Tuấn tước Khoan quận công nhưng giữ ở kinh đô, rồi sai quan đi trấn giữ Tuyên quang (16).

Không rõ do các quan triều đình cử đi không được lòng dân địa phương, phần đông là người thiểu số, hay do những bất mãn vì chuyện bị giam lỏng không được về lãnh địa, ba năm sau Vũ Công Tuấn bỏ trốn về Tuyên quang làm phản. Lúc ấy là năm Nhâm Tý, 1672, đời vua Lê Gia tông.

Mười sáu năm sau, bị triều đình dồn đuổi, Vũ Công Tuấn chạy sang Vân nam, đem ba châu thuộc lãnh địa xin sáp nhập vào Vân nam để mong được che chở. Quan địa phương nhà Thanh bèn chiếm luôn ba châu ấy, đặt chức tuần ty để thu thuế. Đó là các châu Vị xuyên, Bảo lạc thuộc Tuyên quang, và châu Thủy vĩ thuộc Hưng hóa. Mỏ đồng Tụ long thuộc châu Vị xuyên. Trấn thủ Tuyên quang - Hưng hóa là Lê Huyến gửi thư sang phân biện nhưng viên chức nhà Thanh không chịu trả. Bấy giờ là năm Mậu Thìn, 1688, đời vua Lê Hi tông, nhằm năm thứ 27 niên hiệu Khang hi nhà Thanh (17).

Trong những dịp sang tuế cống sau đó, sứ thần Việt Nam nhiều lần trình bày vấn đề ba châu này. Nhưng mỗi khi Thanh đình định cho điều tra, các quan địa phương nhà Thanh lại tâu rằng các châu ấy "thuộc Trung quốc từ lâu," và đổ cho Việt Nam đã "lợi dụng tình trạng hỗn loạn sau khi nhà Minh mất để mưu toan bành trướng lãnh thổ." Mãi đến năm Bính Ngọ, 1726, theo đề nghị của Tổng đốc Quảng tây Khổng Dục Tuân, triều đình nhà Thanh mới đồng ý trả lại một phần đất bị mất nhưng vẫn không trả khu vực mỏ đồng (18).

Hai năm sau, Mậu Thân 1728, nhà Thanh trả thêm đất cùng khu vực mỏ đồng. Có lẽ do những tế nhị trong việc bang giao thời trước, chính sử của ta chép rất sơ lược về vấn đề này. *Cương mục* chỉ viết là khi vua Ung chính nhà Thanh theo lời cáo buộc man trá của quan phủ Khai hóa (tỉnh Vân nam), hạ sắc văn bắt ta phải "trả những đất đã chiếm," viên thổ mục giữ quan ải là Hoàng Văn Phác "dùng lời lẽ kháng cự, nhất thiết không chịu tiếp nhận sắc văn." Tình trạng căng thẳng kéo dài. Tổng đốc Vân nam – Quý châu là Ngạc Nhĩ Thái một mặt đưa văn thư sang Quảng tây, yêu cầu chia địa điểm phòng giữ, một mặt xin triều đình điều động binh mã ba tỉnh để đối phó. Vua Thanh phải sai một Tả đô ngự sử và một Nội các học sĩ tới biên giới để "xem xét sự động tĩnh của nước ta." *Cương mục* cũng cho biết: "lúc ấy biên giới phương bắc cảnh giới nghiêm ngặt." Hai viên chức của nhà Thanh sắp sửa ra đi thì Thanh đình nhận được quốc thư từ Đại Việt đưa sang. Theo *Cương mục,* quốc thư trình bày "lòng thành thờ nước lớn" khiến vua Thanh Ung chính rất đẹp lòng, lập tức sai quan viết sắc văn trả lại cả vùng Tụ long (19).

Ta có quyền tin *Cương mục* chép theo lối "ý tại ngôn ngoại," tránh không nhắc đến một số điểm tế nhị, chứ sự thật không đơn giản như thế. Việc viên thổ mục giữ quan ải một nước nhỏ "dùng

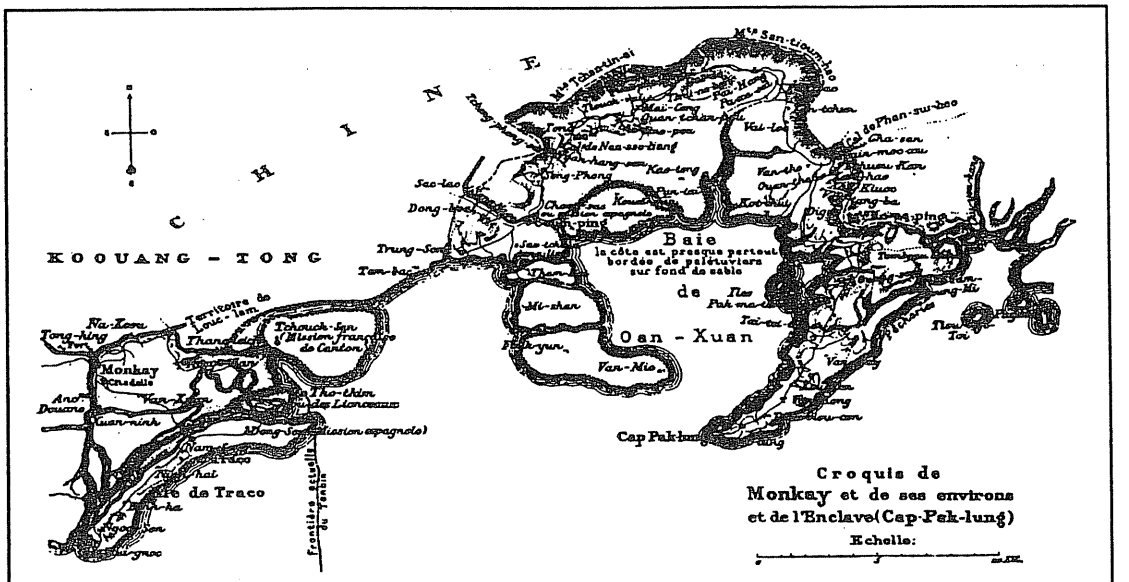

Plate 65. *A sketch of Monkay and its environs and of the enclave (Cape Paklung).*

Mông Cái và vùng phụ cận

lời lẽ kháng cự," nhất quyết không chịu tiếp nhận sắc văn của Thiên tử nhà Thanh là một hành động quá vượt mức bình thường. Gây nên những chấn động tới độ Tổng đốc hai tỉnh lớn của Trung Hoa phải xin triều đình "điều động binh mã ba tỉnh" để đối phó, và "biên giới phương bắc cảnh giới nghiêm ngặt," ta không thấy viên thổ mục bị triều đình khiển trách. Rốt cục những chấn động ấy đưa tới việc vua Thanh quyết định trả đất sau khi đọc xong một bức thư , một việc dằng dai từ mấy chục năm triều đình nhà Thanh chưa chịu thi hành. Nhiều phần viên thổ mục không hành động tự ý, mà đã đảm nhiệm một cách xuất sắc một vai trò được điều hợp từ cấp cao hơn.

Nghiên cứu sâu thêm về bang giao Hoa Việt thời ấy và đối chiếu với sử Trung hoa, nhà sử học Philippe Langlet, nguyên giáo sư Đại học Văn khoa Sàigòn, cho biết: Bốn năm trước đó (1724), Việt Nam đã thực hiện một cuộc biểu dương binh lực ("démonstration militaire"), đánh lui đạo quân do Tổng đốc Vân nam – Quý châu cử đến để khai thác mỏ đồng. Trong thời gian này, tù trưởng các bộ lạc thiểu số ủng hộ triều đình Việt Nam, trong khi quân đội nhà Thanh đang gặp khó khăn ở Trung Á. Đang cần tập trung một binh lực đáng kể tại Tân cương, vua Ung chính không muốn có thêm một cuộc chiến ở biên giới phía Nam. Điều khám phá này được trình bày trong bài "La frontière sino-vietnamienne du XVIIIe au XIXe siècle", in trong *Les frontières du Vietnam* (Paris : Harmattan, 1989) (20).

Dù sao đi nữa, chuyện trả đất đã thực sự xảy ra. Vua Ung chính gửi sang một văn thư đầy khẩu khí "Thiên triều": "Trẫm thống trị thiên hạ. Phàm những nước đã liệt vào phiên phong, thì dầu một thước đất không chỗ nào không phải đất đai do trẫm chủ tể, can chi phải so đo 40 dặm đất nhỏ bé ấy làm gì?... 40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân nam thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc vào An nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm, không có một chút gì phân biệt cả. Vậy chuẩn đem đất ấy ban thưởng cho quốc vương được đời đời giữ lấy." (21) Đúng như câu ngạn ngữ "bất không được, tha làm phúc." Thiên tử rất anh minh, đã "ban thưởng" cho một quốc vương có lòng thành kính. Điểm đáng ghi nhận là thiên tử thưởng một cách vĩnh viễn, được "giữ đời đời."

Chính sử không ghi lại bức thư đã đưa vua Ung chính tới quyết định trả đất, và cũng không cho biết tác giả thư ấy là ai. Ta có quyền tin: thư này không phải chỉ nói chuyện "lòng thành thờ nước lớn." Vừa mềm mỏng vừa cương quyết, tác giả bức thư đã thành công một cách thật xuất sắc, không khác Ngô Thì Nhậm trong bức thư làm hòa với nhà Thanh 61 năm sau (Kỷ Dậu, 1789).

Chuyện trả đất chưa chấm dứt. Theo *Cương mục*, khi Tả Thị lang bộ Binh Nguyễn Huy Nhuận và Tế tửu Quốc tử giám Nguyễn Công Thái (vị quan đứng đầu Quốc tử giám, cơ sở giáo dục cao cấp nhất thời trước) lên nhận đất với đồng thuận từ triều đình nhà Thanh là biên giới ở sông Đỗ chú, thổ quan phủ Khai hóa muốn ăn chặn một số đất ở Bảo sơn thuộc tổng Tụ long, nên đã chỉ

một con sông khác (ở phía Nam sông thật) nói gian là sông Đỗ chú. Tế tửu Nguyễn Công Thái phải xông pha lam chướng, vượt những chỗ hiểm trở để tìm ra sông Đỗ chú thật, rồi cùng quan nhà Thanh tranh biện và dựng mốc biên giới. Bia của Trung Hoa ở bờ phía Bắc, bia của Nam Quốc ở bờ Nam. Bia bờ Nam được khắc như sau: "Giới mốc châu Vị xuyên, trấn Tuyên quang, nước An nam, lấy sông Đỗ chú làm căn cứ" (22). Năm ấy, Mậu Thân 1728, là năm Bảo thái thứ 9 đời vua Lê Dụ tông, ngoài Bắc dưới quyền chúa An đô vương Trịnh Cương, sử Trung Hoa nhầm năm Ung chính thứ 6 nhà Thanh. Đề cập đến chuyện này, *Đại Nam quốc sử diễn ca* chép như sau:

Đem thư biện với nhà Thanh
Mỏ đồng, mỏ kẽm lại giành về ta
Lập bia bên Đỗ chú hà
Giới cương từ đó mới là phân minh (23).

Tình trạng phân minh ấy được tiếp tục qua triều Nguyễn. Theo *Đại Nam nhất thống chí,* năm Minh mạng 13 (Nhâm Thìn, 1832), triều đình còn cử quan tới biên giới trùng tu nhà bia bên bờ sông Đỗ chú. Biên soạn trong khoảng các năm 1864-1875, *Đại Nam nhất thống chí* vẫn đề cập đến biên giới này (24). Chỉ ba năm sau khi Việt Nam mất chủ quyền do Hòa ước Giáp Thân 1884 (Hòa ước Patenôtre) , vùng đất này mới bị nhường cho Trung Hoa do Thỏa ước Bắc kinh ngày 26 tháng 6-1887 như đã nói trên. Bia và nhà bia chắc đều không còn.

VI. Một vài nhận xét

1) Các viên chức Trung Hoa, từ các quan ở Vân nam thời Khang hi, Ung chính, qua Lý Hồng Chương, Trương Chi Động cuối thế kỷ 19, tới các viên chức cao cấp của Đảng Cộng sản hiện nay, nói chung vẫn có một điểm giống nhau. Nếu thấy có cơ hội lấn được chút đất nào ở biên giới nước ta, họ đều không bỏ lỡ. Chỉ trừ một giai đoạn tương đối ngắn là giai đoạn Pháp thuộc, lịch sử Việt Nam chủ yếu là một chuỗi những cố gắng liên tục của dân tộc ta trong việc đối phó với ông láng giềng khổng lồ phương Bắc.

2) Trong việc đối phó với những tham vọng đất đai của Trung Hoa, ta phải đương đầu không phải chỉ với chính quyền trung ương của họ, mà còn cả với các thế lực địa phương. Chuyện Tổng đốc Lưỡng Quảng Trương Chi Động, các quan nhà Thanh ở Vân nam, và viên thổ quan chỉ sông Đỗ chú giả ở Khai hóa... là những thí dụ điển hình.

3) Để bảo vệ đất đai của tổ tiên hầu truyền lại cho hậu thế, tiền nhân ta đã phải tranh đấu rất gian nan. Việc Tế tửu Nguyễn Công Thái, một nhà giáo dục, một vị quan văn, quyết dấn thân vào những chỗ hiểm trở, xông pha lam chướng để tìm ra sông Đỗ chú thật, là một tấm gương đáng ghi nhớ.

4) Để bảo vệ đất đai vùng biên giới, sự ủng hộ của dân địa phương – nhất là các sắc tộc thiểu số – vô cùng cần thiết. Năm 1688, ba châu Vị xuyên, Bảo lạc, Thủy vĩ bị mất do sự vụng về của triều đình đối với địa phương. Theo *Cương mục,* sau khi quan nhà Thanh đoạt mất ba châu này, Trấn thủ Lê Huyến tìm cách dụ cư dân tại địa phương theo triều đình, nhưng không thành công. Năm 1728, một trong những lý do khiến nhà Thanh phải nhân nhượng là lãnh tụ các sắc tộc thiểu số đứng về phía triều đình Đại Việt.

5) Những người cầm đầu nước Pháp cuối thế kỷ 19 đem binh lực tới công phá Đà nẵng, chiếm Gia định, đoạt Hà nội, uy hiếp Huế ..., để đòi quyền "bảo hộ" Việt Nam. Một trong những hành động đầu tiên của họ sau khi lấy được quyền ấy là cắt nhiều vùng đất của Việt Nam cho Trung Hoa để đổi lấy quyền lợi kinh tế. Đó là một hành động cực kỳ sai trái. Cũng may, Pháp là một xã hội dân chủ với truyền thống trọng sự thật và lẽ phải. Nhiều trí thức Pháp đã đem những chuyện ấy viết lại một cách trung thực để chúng ta biết rõ quá khứ và quyền lợi dân tộc. Chúng ta ghi nhận những nét đẹp trong truyền thống dân chủ của nước Pháp và cám ơn các nhà trí thức ấy.

6) Đảng Cộng sản Việt Nam giải thích: phải điều đình lại về lãnh hải và biên giới vì Hiệp ước Thiên tân là do thực dân (Pháp) ký với phong kiến (nhà Thanh). Nhưng nếu thế thì phải chữa lại những sai trái, bất công trong quá khứ. Như trên đã thấy, trong việc phân định biên giới những năm 1886-1895, Việt Nam bị thiệt và đã mất rất nhiều lãnh thổ. Nếu điều đình lại thì cần điều chỉnh những mất mát bất công ấy. Nay không chữa được một chút thiệt hại nào của quá khứ mà còn mất thêm! Như thế thì điều đình và ký để làm gì? Phải chăng với mục đích bán nước?

Người viết những dòng này góp tiếng nói với toàn thể quốc dân trong và ngoài nước, yêu cầu những người cầm đầu Đảng Cộng sản Việt Nam nghĩ đến trách nhiệm trước tiền nhân và hậu thế mà công bố những hiệp ước đã lỡ ký với Trung Hoa. Mối lo của đất nước là mối lo chung. Đáng lẽ nên mừng rỡ khi thấy có những trí thức lỗi lạc và tâm huyết như Trần Khuê, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang... chung lo trước những khó khăn

của đất nước, lại tìm cách đàn áp, giam hãm họ, những người cầm đầu Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ tự làm mình cô lập và bất lực thêm. Không đủ khả năng đối phó trước những tham vọng càng ngày càng phức tạp của người ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ mỗi ngày một thất bại, sa lầy thêm, và thêm nặng tội trước lịch sử.

Trình bày bổ túc của người viết:

1) Khi nêu ra một dẫn chứng cho thấy chiếc cổng "Trấn Nam quan" do các quan Trung hoa đời Thanh trùng tu, người viết những dòng này tuyệt không có ý phủ nhận quan niệm "đất nước chúng ta từ ải Nam quan đến mũi Cà mâu."

Theo tất cả các tự điển, "ải" có nghĩa là "chỗ đất hẹp, hiểm trở, dễ phòng thủ" (tương đương với "défilé" trong tiếng Pháp hoặc "defile," "narrow valley," hay "mountain pass" trong tiếng Anh). Theo chữ Hán, "ải" 隘 được viết với bộ "phụ" (gò, đống), cho thấy đó là hình thế thiên nhiên của đất chứ không bắt buộc phải có công trình kiến trúc nhân tạo. "Ải Nam quan" là vùng đất hẹp, hiểm trở, dễ phòng thủ của Việt Nam, tiếp cận chiếc cổng Trấn Nam quan của Trung Hoa. Vùng đất này từ xưa vẫn của nước ta. Việc những người cầm đầu đảng Cộng sản Việt Nam dâng bán cho Trung Hoa chỉ mới xảy ra trong ít năm gần đây. Ngày 19 tháng 4 vừa qua, một trí thức am hiểu Hán tự là ông Nông Bản Nhân đã lên tiếng trên Internet về vấn đề này. Người viết những dòng này hoàn toàn đồng ý với ông.

2) Trong thời Pháp thuộc, tuy biên giới trên lý thuyết cách Nam quan 100 thước, biên giới trên thực tế vẫn ngay tại Nam quan. 100 thước không phải một khoảng cách lớn. Liên hệ giữa người Pháp với Trung Hoa trước 1945 không đến nỗi tệ nên người Pháp và người Việt bên này biên giới vẫn có thể tới sát Nam quan. Nhiều vị cao niên, nhất là các vị cư ngụ quanh khu vực Lạng sơn, Đồng đăng đã xác nhận điều này.

Ở miền Bắc trước 1979, khi những thế lực "vừa là đồng chí, vừa là anh em" lăn xả vào đánh giết nhau, dân ta vẫn tới được Nam quan. Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện cho biết: khoảng 1977, sau khi được trả tự do lần thứ nhất, chính ông đã có dịp đến sát chiếc cổng này. Tình trạng dân Việt bên này biên giới không còn có thể đến Nam quan mới chỉ xảy ra gần đây.

Chú thích

1. Lê Quý Đôn, *Vân đài loại ngữ*, Quyển 3: *Khu vũ loại.* Phạm Vũ & Lê Hiền dịch và chú giải (Sàigòn: Miền Nam, 1973), trang 160-162.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí.* tỉnh Lạng sơn. Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính (Huế: NXB Thuận Hóa, 1997), trang 384-385.
3. Nguyễn Du, "Trấn Nam quan," trong *Nguyễn Du toàn tập.* Tập I: Thơ chữ Hán, Mai Quốc Liên phiên âm, dịch nghĩa với sự cộng tác của Nguyễn Quảng Tuân... (Hà nội : NXB Văn Học, 1996), trang 295.
4. Lời công an biên phòng nói với những người muốn đến thăm Nam quan năm 2001. Dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, trong đó có: Trần Gia Phụng, *Ải Nam quan.* (Toronto, Ont., Canada : Non Nước, 2002), trang 30.
5. P. Neis, *Sur les Frontières du Tonkin,* Walter E. J. Trips dịch sang Anh ngữ, *The Sino- Vietnamese Border Demarcation, 1885-1887.* (Bangkok : White Lotus , 1998), trang 16-18.
6. P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 37-38.
7. P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 38.
8. Trương Nhân Tuấn, *Tài liệu nhận được qua điện thư,* 15 tháng 4-2002.
9. Charles Fourniau, "La frontière sino-vietnamienne et le face en face franco-chinois à l'époque de la conquête du Tonkin", trong *Les Frontières du Vietnam* (Paris : Harmattan, 1989), trang 90.
10. Charles Fourniau, *Tài liệu đã dẫn,* trang 211. Xem thêm P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 211.
11. P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 142, 203.
12. P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 208.
Xem thêm Fourniau, *Tài liệu đã dẫn,* trang 92.
13. P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 208-209.
14. "Convention relative à la délimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin, signée à Pékin le 26 juin 1887," trong *France, Code no. 95886, Recueuil des Traités conclus par la France en Extrême-Orient,* in lại trong Trần Gia Phụng, *Sách đã dẫn,* trang 59-61. Xem thêm P. Neis, *Sách đã dẫn,* trang 211-212.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí (đã dẫn),* Tập 4, trang 345. *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục,* Chính biên, Quyển 37. (Huế : NXB Thuận Hóa, 1998), trang 809. Xem thêm Fourniau, *Tài liệu đã dẫn,* trang 92.
16. *Cương mục (đã dẫn),* trang 731-732.
Đại Nam nhất thống chí (đã dẫn), trang 360-361.
17. *Cương mục (đã dẫn),* trang 749.
18. *Cương mục (đã dẫn),* trang 803.
19. *Cương mục (đã dẫn),* trang 808-809.
20. Philippe Langlet, "La frontière sino-vietnamienne du XVIIIe au XIXe siècle" trong *Les Frontières du Vietnam (đã dẫn),* trang 72,
21. *Cương mục (đã dẫn),* trang 809.
22. *Cương mục (đã dẫn),* trang 809-810.
23. Lê Ngô Cát & Phạm Đình Toái, *Đại Nam quốc sử diễn ca,* Hoàng Xuân Hãn chú giải (Sàigòn : Trường Thi, 1956), trang 194.
24. *Đại Nam nhất thống chí (đã dẫn),* Tập 4, trang 353.

NHỮNG ĐỀ NGHỊ CẢI TIẾN BANG GIAO VIỆT-MỸ VÀ DÂN CHỦ HÓA VIỆT NAM CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH CÔNG VỤ HOA KỲ (1)

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Trong hai tháng vừa qua, một số thành viên trong nhóm chuyên gia về Việt-Nam thuộc Viện Nghiên Cứu Chính Sách Công Vụ Hoa Kỳ (the American Enterprise Institute for Public Policy Research: AEI), đã nghiên cứu về một số đề nghị để cải tiến bang giao giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam. Theo bản tham luận sơ khởi được phổ biến giới hạn vào ngày 11.4 vừa qua, mục tiêu của chính sách mới này là giúp Việt-Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh về kinh tế lẫn quân sự với một thể chế dân chủ để Việt-Nam có thể tự chủ, độc lập và duy trì mối liên hệ thân thiện với các quốc gia láng giềng, đặc biệt là Trung Hoa và Hoa-Kỳ. Điều này có lợi cho an ninh và thịnh vượng không những cho Việt-Nam mà cho cả khu vực Á châu và Thái Bình Dương.

Tình hình mới nghiêm trọng

Bản tham luận AEI nhận định rằng trong những năm gần đây Bắc Kinh đã theo đuổi một chính sách bành trướng về mọi mặt: kinh tế, quân sự, ngoại giao, và lãnh thổ với sự vắng mặt của Hoa-Kỳ và Nga tại vùng Đông Nam Á. Lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Hoa trợ giúp Miến Điện về quân sự và kinh tế một cách đáng kể. Nhờ vậy chính phủ không được lòng dân tại xứ này đã đứng vững từ năm 1988 tới nay. Vì được sử dụng hải cảng Thilawa của Miến Điện mà lần đầu tiên trong lịch sử hạm đội của Trung Hoa đã có mặt tại Ấn Độ Dương. Ảnh hưởng kinh tế của Trung Hoa tại Cam Bốt cũng rất mạnh. Điều này không phải là không liên quan đến việc Chính Phủ Hun Sen từ chối không cho Toà Án Quốc Tế xét xử những lãnh tụ Khờ Me Đỏ.

Song song với việc dính dấp vào Miến Điện, Trung Hoa lần đầu tiên trong lịch sử đã tuyên bố và thi hành chủ quyền về Nam Hải, chiếm đoạt các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt-Nam mà trước đây qua bao nhiêu triều đại đóng đô ở Tây An, Lạc Dương, Hàng Châu, Nam Kinh và Bắc Kinh , Trung Hoa không hề ngó ngàng tới. Những cuộc thao diễn quân sự của Trung Hoa được thực hiện tại Nam Hải và một phi cơ trinh sát của Hoa-Kỳ bị quấy nhiễu cũng tại khu vực này đã gây ra một biến cố ngoại giao lớn mới đây giữa Hoa-Thịnh-Đốn và Bắc Kinh vào tháng 4 năm vừa qua.

Bản tham luận nhắc nhở tới những nhượng bộ về lãnh thổ và lãnh hải của Việt-Nam dưới áp lực của Trung Hoa qua hai thỏa hiệp bí mật ký kết vào năm 1999 và 2000. Mới đây nhất là đòi hỏi của Trung Hoa về việc sử dụng hải cảng Vinh và cho phép 900 thuyền đánh cá Trung Hoa đượcvào hải phận Việt-Nam mỗi ngày. Trung Hoa cũng yêu cầu Việt-Nam viết lại sử liệu nói về cuộc chiến tranh biên giới Việt-Hoa vào năm 1979 và loại bỏ những "thành kiến bài ngoại". Trung Hoa thực sự là một đe dọa lâu dài cho Việt-Nam .

Lập trường của Hoa-Kỳ

Trước những sự kiện lịch sử này, bản tham khảo cho rằng Hà Nội và Hoa-Thịnh-Đốn phải có một chính sách đối ngoại cho thích hợp. Không nước nào cho phép Trung Hoa bá chủ cả vùng Đông Nam Á. Cả hai nước muốn Trung Hoa tiếp tục tôn trọng nền độc lập của Việt-Nam, hạn chế phiêu lưu quân sự vào vùng phía nam biên giới với Miến Điện, Lào và Việt-Nam. Làm thế nào để cân bằng lực lượng tại vùng Đông Nam Á Châu là mối quan tâm chung của cả hai nước Việt-Nam và Hoa-Kỳ. Nguyên tắc của Hoa-Kỳ từ 1954 tới nay là thực thi một chính sách nhằm giúp Việt-Nam trở thành một nước theo chủ nghĩa quốc gia, độc lập và tự chủ.

Hoa-Kỳ lo ngại về việc Trung Hoa bành trướng ảnh hưởng bằng quân sự hoặc bằng các hình thức khác vào lục địa Đông Nam Á là điều hợp lý. Tuy nhiên nếu Hoa-Kỳ chọn lựa một giải pháp bảo vệ những nước nhỏ như Việt-Nam để ngăn chặn tham vọng bá chủ của Trung Hoa, điều này sẽ gặp sự chống đối của Trung Hoa như một số người lo ngại. Ở một điểm cực đoan, sự lo ngại của Hoa-Kỳ sẽ đưa đến đối đầu quân sự với Trung Hoa để bảo vệ đường biển và các nước bị Trung

Hoa đe dọa. Mọi sáng kiến phải được sử dụng để tránh hậu quả này và ngược lại phải tìm cách để hai nước có thể tương trợ lẫn nhau trong một môi trường nhân đạo và khoan dung.

Hoa-Kỳ không thể để cho việc xây dựng Việt-Nam lại gây ra bất bình với Trung Hoa. Ngược lại Hoa-Kỳ cũng không thể để mối lo ngại này quyết định chính sách của Hoa-Kỳ đối với Việt-Nam. Không có một lực đối kháng với Trung Hoa, Việt-Nam sẽ tự nhiên bị thu hút vào quỹ đạo của nước láng giềng phương bắc. Khoảng trống trong địa dư chính trị (geopolitics) sẽ mời mọc những tham vọng và sẽ đưa đến tai hại. Vì vậy, những khoảng trống đó không được phép tồn tại lâu. Một nước Việt-Nam dân chủ không bị dằng buộc bởi sự che chở của Trung Hoa dành cho các lãnh tụ Việt-Nam , có quyền tự chủ, duy trì bang giao tốt đẹp với Trung Hoa và Hoa-Kỳ là một giải pháp dung hòa thay cho cả hai "kịch bản": Một là để cho Trung Hoa quyết định chính sách của Hoa-Kỳ đối với Việt-Nam và hai là Hoa-Kỳ và Trung Hoa đi tới xung đột.

Bản tham khảo nhận định rằng Hoa-Kỳ sẽ không nhắm mắt hỗ trợ bất cứ một chính phủ nào ở Việt-Nam. Việc cải thiện bang giao giữa hai nước đòi hỏi phía Việt-Nam phải thi hành những biện pháp dân chủ hóa. Lộ trình đề nghị ở đây không đòi hỏi bãi bỏ "chế độ đảng cộng sản" (Communist party regime) hiện nay tại Hà Nội. Lộ trình này gồm những bước chuyển tiếp về chính trị để tất cả mọi người có cơ hội đóng một vai trò mới trong một chính thể mới để xây dựng một nước Việt-Nam tiến bộ, phú cường và tự hào.

Lịch sử đã chứng minh rằng Hoa-Kỳ tôn trọng giá trị tự do trong lãnh vực xã hội, kinh tế và chính trị. Về chiến lược trong chiến tranh từ Đệ Nhật Thế Chiến cho tới chiến tranh tại Á Phú Hãn, Hoa Kỳ luôn luôn chọn lựa giải pháp liên minh nhiều quốc gia để giải quyết những tranh chấp vùng. Hoa-Kỳ không có ý đồ bá chủ Việt-Nam. Điều này trái với truyền thống của Hoa-Kỳ.

Bản chất và khả năng của Việt-Nam

Theo sự phân tích của bản tham khảo, lịch sử chứng minh rằng Việt-Nam là một quốc gia tản quyền (decentralized rule). Định luật tự trị bắt nguồn từ trong đạo Phật, triết lý Lão Tử, Phúc Đức và định mệnh của mỗi tha nhân. Xã hội có khuynh hướng tôn trọng cá nhân.

Hồ Chí Minh đã từng đưa ra những khẩu hiệu "Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc." Việt-Nam đã ký kết vào các công ước quốc tế về nhân quyền. Việt-Nam đã tiến bộ hơn trước đây về mặt dân chủ và nhân quyền. Đàn áp của công an và cấm đoán tự do tôn giáo đã bớt phần man dã. Quốc Hội đã ban hành một số luật. Việt-Nam đã cho dân chúng được làm ăn buôn bán tự do hơn trước. Số dân với tuổi dưới 40 chiếm 65 phần trăm không biết gì về xã hội chủ nghĩa. Việt-Nam có 2 triệu điện thoại, 64 luật dân sự, 3,000 luật sư, 700 tờ báo và 8,000 nhà báo, mặc dù rằng tất cả báo chí đều thuộc chính phủ hoặc đảng và những nhà báo này làm việc cho nhà nước hoặc đảng. Tuy nhiên sự kiện này chứng tỏ rằng cơ chế của một xã hội dân sự (civil society) đã thành hình.

Sau gần 60 năm chia rẽ vì chủ nghĩa cộng sản và không cộng sản, sự hoà giải chỉ có thực hiện được nếu có sự tương kính, tha thứ và chia sẻ quyền hành và những đặc ân. Chỉ có một thể chế đa nguyên mới thực hiện sự đoàn kết dân tộc. Một chế độ cộng sản không ép buộc người khác phải theo sẽ có một chỗ đứng trong chế độ hiến trị (regime of constitutionalism) trong đó không một cá nhân hay đảng phái nào có quyền lấn áp văn hoá và xã hội.

Việt-Nam, cũng như Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, không phải Liên Bang Sô Viết hay Trung Cộng. Việt-Nam có thể thực hiện một cách mạng nhung (Velvet Revolution) với những bước chuyển tiếp chia sẻ quyền hành trong quốc hội như trường hợp một số nước Đông Âu. Việt-Nam không có vấn đề sống chết phải bảo vệ quyền cai trị của đảng Cộng Sản như tại Liên Bang Sô Viết hay có thể tại Trung Cộng như một số người tin như vậy.

Mục đích của chủ nghĩa quốc gia Việt-Nam ngày nay là thúc đẩy và hoàn tất một cách nhanh chóng hơn tiến trình thay đổi cơ chế mà trên thực tế đang được tiến hành. Chỉ có cách này Việt-Nam mới có thể bắt kịp các quốc gia tiền tiến trong đại gia đình các dân tộc và tham dự trọn vẹn vào định mệnh chung của nhân loại.

Lộ trình do AEI đề nghị

Dưới đây là lộ trình do AEI đề nghị. Điểm then chốt của lộ trình mới nhằm cải tiến bang giao giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam là Hoa Kỳ sẽ gia tăng trợ giúp Việt-Nam từng giai đoạn song song với việc dân chủ hóa tại Việt-Nam. Sự trợ giúp của Hoa-Kỳ bao gồm ba điểm: phát triển kinh tế, trợ giúp chiến cụ và huấn luyện quân sự. Lộ

trình chính thức sẽ được thảo luận với những đại diện của Hoa-Thịnh-Đốn và Hà-Nội. Tuy nhiên, lộ trình này không cần phải là một thỏa hiệp thành văn. Nó có tính song phương và có thể viết dưới hình thức một thỏa thuận và cam kết đơn phương hoặc gián tiếp thông tin giữa đôi bên.

Lộ trình gồm bốn giai đoạn với những điểm chính sau đây:

Giai đoạn I:

Việt-Nam: Ứng cử viên ngoài đảng CSVN được phép ứng cử vào Quốc Hội trong kỳ bầu cử vào tháng 5, 2002. Các công ty tư nhân được đối xử ngang hàng với các công ty quốc doanh, đặc biệt về vấn đế tín dụng ngân hàng. Đảng CSVN công khai hóa tình trạng tài chánh và đầu tư trong lãnh vực kinh doanh.

Hoa-Kỳ: Tân trang và sửa chữa quân cụ mà Quân Đội Nhân Dân Việt-Nam thâu thập được vào năm 1975. Trợ giúp kỹ thuật cho Việt-Nam về các ngành kế toán và tài chánh quốc tế để phát triển khu vực ngoại thương và đầu tư.

Giai đoạn II:

Việt-Nam: Các tín đồ thuộc các tôn giáo được tự do chọn lựa tổ chức điều hành của họ. Các tổ chức này chỉ hoạt động tôn giáo không được phép hoạt động chính trị. Đảng CSVN không được quyền bác bỏ việc bổ nhiệm các vị giám mục Công Giáo và tu sĩ. Đảng CSVN rút các ủy viên chính trị ra khỏi quân đội. Tất cả các thẩm phán và luật sư phải rút ra khỏi Đảng CSVN. Tất cả các tù nhân chính trị được thả tự do. Một số tạp chí và báo được tự do, không bị ràng buộc vào chế độ kiểm duyệt. Những công ty và xí nghiệp mà Đảng CSVN có trên 25% cổ phần được đem bán cho công chúng. Việt-Nam sẽ bảo vệ những tài sàn trí tuệ để khuyến khích đầu tư.

Hoa-Kỳ: Viện trợ chính thức $500 triệu. Tổ chức những chương trình trao đổi để tạo cơ hội cho người Mỹ gốc Việt có thể giúp Việt-Nam phát triển văn hoá và kinh tế. Huấn luyện Việt-Nam về các ngành dịch vụ. Một công ty tư nhân Hoa-Kỳ sẽ xây một khu kỹ nghệ và sửa chữa hải cảng Cam Ranh. Cung cấp cho quân đội Việt-Nam dụng cụ truyền tin và huấn luyện.

Giai đoạn III:

Việt-Nam: Những đảng phái không cộng sản được phép hoạt động, phê bình chính phủ, tham gia vào các cuộc bầu cử. Điều 4 của Hiến Pháp có thể được thay đổi hoặc không. Những công ty quốc doanh phải được bán cho tư nhân để sản xuất của khu vực công không quá 25% của tổng sản lương nội địa (GDP).

Hoa-Kỳ: Trợ giúp chính thức sẽ gia tăng. Khuyến khích công ty Hoa-Kỳ đầu tư vào Việt-Nam. Phối hợp huấn luyện quân sự giữa những nước Việt-Nam, Hoa-Kỳ, Thái Lan, Úc, và Phi Luật Tân. Hoa Kỳ cung cấp võ khí tối tân cho Việt-Nam.

Giai đoạn IV:

Việt-Nam: Tách lực lượng cảnh sát và an ninh ra khỏi Đảng CSVN và giảm nhân số. Tất cả những nhân viên cảnh sát và an ninh phải ra khỏi Đảng. Hoa-Kỳ được phép sử dụng hải cảng Cam Ranh cho mục tiêu quân sự.

Hoa-Kỳ: Trợ giúp của chính phủ sẽ giảm và thay thế bằng đầu tư trực tiếp và gián tiếp của tư nhân. Các đại học Hoa-Kỳ được khuyến khích mở chi nhánh ở Việt-Nam. Hoa Kỳ bắt đầu tổ chức những cuộc huấn luyện thao diễn quân sự hàng năm với mọi binh chủng của quân đội Việt-Nam.

Tính cách khả thi của Lộ Trình AEI

Tính cách khả thi của lộ trình AEI tuỳ thuộc rất nhiều vào tình hình trong nước và khu vực Đông Nam Á. Lộ trình AEI đưa ra lúc này là thích hợp.

1. Thương ước Việt-Mỹ đang được thi hành. Việt-Nam sẽ thỏa mãn những điều kiện để gia nhập AFTA vào năm 2006 và sẽ chuẩn bị gia nhập WTO trong vài năm tới. Cải tổ kinh tế sẽ tiếp tục. Tình hình kinh tế đang ở trong chiều hướng thuận lợi cho những cải tổ chính trị.

2. Những đề nghị về viện trợ kinh tế của Hoa-Kỳ phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của Việt-Nam và những cam kết của Việt-Nam qua những thương ước Việt-Nam đã ký với Hoa-Kỳ và ASEAN.

3. Tham nhũng trầm trọng không có cách chữa trị, sai biệt giầu nghèo càng ngày càng gia tăng, bất công trong xã hội ngày càng nhiều và đạo đức ngày càng suy đồi thêm. Chế độ hiện tại sẽ không thể tồn tại nếu không mạnh dạn cải tổ.

4. Trung Hoa với chính sách bành trướng lãnh thổ và ảnh hưởng rõ rệt là một mối đe dọa trầm trọng cho Việt-Nam, tình hình an ninh của Đông Nam Á và thế đứng của Hoa-Kỳ tại Á châu.

5. Khả năng quốc phòng và tinh thần của quân đội đã suy giảm khá nhiều. Việt-Nam không có đủ khả năng tự vệ như trong thập niên 60-80. Viện trợ quân sự của Hoa-Kỳ là một sự cần thiết.

6. Việt-Nam không thể cưỡng lại những thay đổi tự nhiên về mọi mặt: kinh tế, xã hội và chính trị. Việt-Nam khó có một lựa chọn nào khác tốt đẹp hơn nếu muốn thoát ra khỏi hoàn cảnh nghèo đói, hậu tiến, nguy cơ mất khả năng tự chủ và duy trì nền độc lập.

7. Những đề nghị trong lộ trình AEI rất thực tiễn và uyển chuyển để sẵn sàng chấp nhận kết quả của những thương thảo giữa đôi bên trong tương lai.

8. Phương thức công khai đưa ra một một thỏa hiệp tế nhị giữa hai quốc gia qua một tổ chức nghiên cứu tư nhân là một bước quan trọng đầu tiên đã thực hiện được một cách khéo léo về phía Hoa-Kỳ. Nó sẽ giúp hai chánh phủ xây dựng niềm tin để thực hiện những bước kế tiếp.

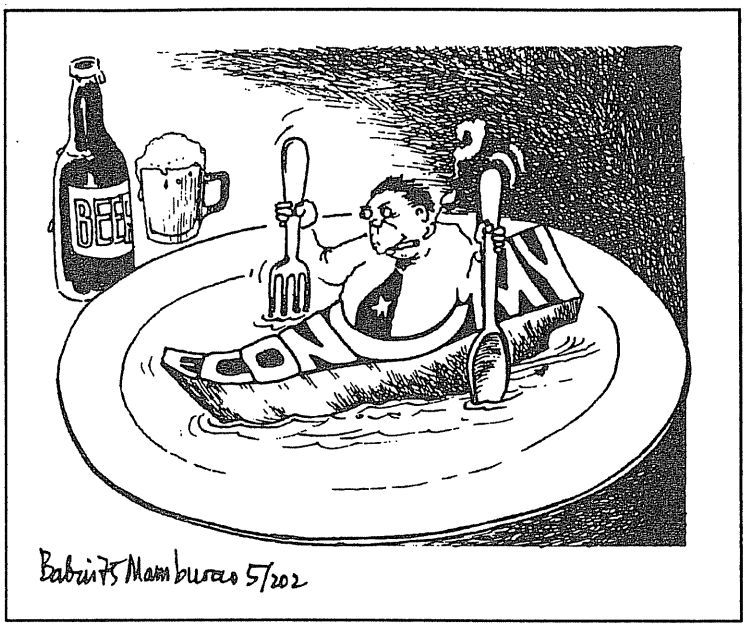

9. Chính giới Hoa-Kỳ sẽ ủng hộ lộ trình AEI. Bộ Chính Trị CSVN nghĩ gì về lộ trình này là một dấu hỏi to lớn. Lựa chọn của BCT tuỳ thuộc vào ưu tiên của họ đặt vào đâu (cá nhân, đảng phái hay dân tộc) và mức độ thân thiện của các Ủy Viên trong BCT với Trung Hoa.

Nhận xét và kết luận

Tình hình Việt-Nam và của vùng Đông Nam Á đang thay đổi nhanh chóng. Chủ trương làm bá chủ trong vùng Nam Hải và bán đảo Nam Á của Trung Hoa là mối đe dọa lớn lao trực tiếp cho Việt-Nam và các quốc gia nhỏ bé khác trong vùng. Tham vọng của Trung Hoa sẽ trở thành vô giới hạn và phi lý nếu không có một lực lượng đối kháng kịp thời. Hoa-Kỳ cần cấp bách có một chính sách ngoại giao thích hợp với tình thế mới này để giúp chặn đứng những nguy cơ nghiêm trọng hơn sẽ xẩy đến trong tương lai. Chúng tôi tin rằng những đề nghị cải tiến bang giao Mỹ-Việt trên đây được đưa ra để đáp ứng nhu cầu cấp thiết đó. Mặc dù còn đang bận bịu với khu vực Trung Đông và chiến tranh chống khủng bố, nhưng cuộc chiến tại A Phú Hãn đã thu hẹp lại và người ta tin rằng Hoa-Kỳ có đủ tài nguyên để không bỏ quên vùng Đông Nam Á. Vả lại chẳng có khi nào thế giới hoàn toàn lắng dịu cả.

Đặc điểm của lộ trình AEI đề nghị trên đây là đưa ra được một chương trình hành động cụ thể và khả thi. Tuy nhiên đây cũng chỉ là một dự thảo mà thôi. Nó sẽ cần được đem ra mổ xẻ trong những cuộc thảo luận kế tiếp của các chuyên gia về Đông Nam Á ở nhiều tổ chức và cơ quan của cả hai phía Việt-Nam và Hoa-Kỳ. Mục tiêu của những đề nghị do nhóm nghiên cứu Việt-Nam thuộc AEI đưa ra là hoàn toàn hợp lý: một nước Việt-Nam dân chủ, hùng mạnh về cả kinh tế lẫn quân sự, tự chủ, độc lập, thân thiện với Trung Hoa và Hoa-Kỳ. Sự giúp đỡ kinh tế và quân sự của Hoa-Kỳ cho Việt-Nam như đã nêu ra trong bản lộ trình để đổi lấy một sự thay đổi chính thể trước sau gì cũng sẽ phải xẩy ra là một cơ hội tốt mà Việt-Nam không thể bỏ phí. Trông đợi vào sự bảo hộ của một kẻ thù truyền kiếp để tồn tại trong nô lệ và nghèo đói là một điều dại dột.

Dĩ nhiên bản Lộ Trình AEI đề nghị còn nhiều thiếu sót. Nhưng nó sẽ làm tròn nhiệm vụ gợi ý cho những cuộc tranh luận lúc đầu để tiến tới một lộ trình hoàn hảo hơn. Một điểm quan trọng mà Lộ Trình AEI không xác định là thời gian ấn định cho mỗi chặng đường mà Việt-Nam và Hoa-Kỳ phải đi qua bốn giai đoạn. Chúng tôi tin rằng đây có thể là chủ tâm của những tác giả soạn thảo ra lộ trình. Họ muốn dành đề tài then chốt cho những cuộc thương thảo sau này.

Một số điều kiện kinh tế nêu ra trong bản lộ trình AEI (chúng tôi đề nghị tạm thời gọi như vậy cho gọn) có phần dư thừa vì những điều kiện này đã được Việt-Nam thỏa thuận thi hành trong khuôn khổ Thương Ước Việt-Mỹ đã được ký kết vào năm vừa qua. Thí dụ như cải tổ khu vực quốc

doanh, đối xử các công ty tư nhân một cách công bằng và bảo vệ tài sản trí tuệ. Thay vào đó Hoa Kỳ có thể đặt những điều kiện về tự do thông tin, chấm dứt việc phá các làn sóng phát thanh, tự do thành lập các hội phi chính phủ, bãi bỏ độc quyền của chính phủ về phương diện xuất bản, phát hành, nhập cảng sách báo và ngăn cấm mở các trường đại học ngoại quốc dậy những ngành không phải là khoa học và kỹ thuật.

Lộ Trình AEI đề nghị tiêu chuẩn về sản lượng của khu vực công là 25% của tổng sản lượng nội địa (GDP). Con số này tương đối còn quá cao và chỉ nên được chấp nhận trong trong giai đoạn đầu cho phù hợp với Thương Ước Việt-Mỹ. Tỉ lệ này cần hạ thấp xuống 15% khi chương trình cải tổ các công ty quốc doanh được chính phủ Việt-Nam hoàn tất chậm nhất là vào năm 2007 do những điều khoản trực tiếp và gián tiếp của Thương Ước Việt-Mỹ đòi hỏi.

Đề nghị có tính cách tùy nghi về Điều 4 của Hiến Pháp mâu thuẫn với việc cho phép các đảng chính trị tự do hoạt động và sẽ gây rắc rối trong tương lai. Do đó Điều 4 của Hiến Pháp cần phải dứt khoát loại bỏ để chính thức hoá việc thành lập một chế độ đa đảng và chấm dứt vai trò độc tôn của Đảng CSVN. Thời gian từ đây đến cuộc bầu cử quốc hội vào ngày 19.5.2002 quá ngắn để có thể chuẩn bị cho việc thi hành lộ trình AEI. Nhưng nếu đợi đến cuộc bầu cử tới vào năm 2007 thì quá xa. Vì vậy lộ trình cần thay đổi để cho phép tổ chức một cuộc bầu cử quốc hội đặc biệt, tự do dưới sự giám sát quốc tế trong vòng 2-3 năm tới. Quốc Hội mới sẽ làm lại Hiến Pháp. Việc chọn lựa người lãnh đạo hành pháp và tư pháp, quyết định về quốc hiệu, quốc kỳ và quốc ca sẽ dựa vào Hiến Pháp mới trong tinh thần tự do và dân chủ.

Một tháng sau khi dự thảo Lộ Trình AEI được phổ biến Đảng CSVN, quân đội, công an và các cơ quan chính phủ chưa có phản ứng chính thức nào chống đối lại đề nghị của AEI. Theo TS Stephen Young, một thành viên trong nhóm chuyên viên nghiên cứu về Việt-Nam của AEI, "Sự yên lặng này báo hiệu rằng Việt-Nam xem xét đề nghị AEI với một đầu óc cởi mở." Tuy nhiên, phản ứng của dân chúng có chiều hướng thuận lợi với những lời phê phán về lộ trình AEI là "hợp lý", "thực tế", "cụ thể", "thiết thực", "xây dựng", "đáng được cứu xét và thảo luận", "căn bản để tiến tới."

Về phía người Việt ở hải ngoại, Lộ Trình AEI đã gây được nhiều chú ý. Cho tới nay chính thức chỉ có một vài phản ứng chống đối nhỏ. Một vài người khác thì hoài nghi rằng CSVN sẽ chỉ muốn thi hành hai giai đoạn đầu mà thôi hoặc tin rằng phải ở vào thế bí, CSVN mới chịu nhả quyền lực họ còn khư khư nắm gọn trong tay. Nhưng tuyệt đối chưa có ai đề nghị một giải pháp nào khác ngoài những nhận định về tình hình đất nước, tuyên cáo, v.v. đã phổ biến trước đây.

Về phía Hoa-Kỳ, đề nghị AEI đã được đệ trình Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Đại Sứ Burghardt, Đô Đốc Thomas B. Fargo, Tư Lệnh Hải Quân Hoa-Kỳ vùng Thái Bình Dương và Bộ Quốc Phòng. TS Stephen Young cho biết ông sẽ cùng với TS Arthur Waldron, Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Á Châu Sự Vụ, University of Pennsylvania và cũng là một thành viên của AEI, và cựu Đại Sứ ở Hán Thành và Bắc Kinh James Lilley sẽ tiếp xúc với Quốc Hội Hoa-Kỳ và Hành Pháp về Lộ Trình AEI.

Cựu Tổng Thống Hoa-Kỳ Jimmy Carter viếng thăm Cuba và kêu gọi nhà độc tài Fidel Castro dân chủ hóa xứ sở này. Bà Daw Aung San Suu Kyi của Miến Điện được trả tự do sau 19 tháng bị nhóm độc tài quân phiệt quản thúc tại gia. Những biến đổi thuận lợi này sẽ giúp cho ban lãnh đạo CSVN thấy rõ hơn con đường dân chủ tất yếu cần phải theo để đưa 78 triệu dân thoát ra khỏi cảnh nghèo khổ, lạc hậu, bất công, kìm kẹp hiện nay.

18-5-2002

(1) Nhóm nghiên cứu Việt Nam gồm các ông Arthur Waldron, Arthur Dommen, Narankiri Tith, Stephen B. Young, Parker Borg, Gerald Schecter, Barry Zorthian, Ellen Bork, Winston Lord, James Lilley. Phía người Việt gồm có các ông Trần Thanh Hiệp, Bùi Diễm, Nguyễn Quốc Khải, Nguyễn Mạnh Hùng, Dương Thái Sơn, Nguyễn Văn Trấn, Trần Văn Chi. Nhóm nghiên cứu cũng có một số cựu đảng viên cộng sản quan trọng và đang tỵ nạn chính trị như ông Bùi Tín và Võ Nhân Trí.

(2) Viện Nghiên Cứu Chính Sách CôngVụ Hoa Kỳ (the American Enterprise Institute for Public Policy Research: AEI) là một tổ chức tư vấn bất vụ lợi được thành lập từ năm 1943. Với chủ trương bảo vệ các nền tảng của tự do, AEI chủ trương giới hạn chính quyền, phát triển khu vực kinh doanh tư nhân, xây dựng cơ sở văn hóa và chính trị vững chắc, theo đuổi một chính sách ngoại giao và quốc phòng mạnh mẽ.

(3) Hoàng Xuân Chỉnh, "Từ điển, nhân danh, địa danh và tác phẩm văn học nghệ thuật Trung Quốc.", Hương Tuấn xuất bản, Stafford, Texas 2000.

(4) Về chi tiết lịch sử xin đọc Trần Văn Chi, "It is time for the United States to have an earnest, realistic and effective Vietnam policy relative to the threat of China.", 10.4.2002.

(5) A Concept Paper on Improving US-Vietnam Relations, "Bộ Chính Trị dưới sự lãnh đạo của Lê Khả Phiêu đã chủ trương phụ thuộc vào Trung Hoa để đổi lấy sự che chở của nước láng giềng hầu kéo dài độc quyền cai trị của Đảng CSVN." The American Enterprise Institute, Asian Studies Program, trang 11.

(6) Về chi tiết xin đọc Trần Thanh Hiệp, "Vietnam: Constitutions, Constitutionalism and the Question of Democracy." Washington, DC April 10, 2002.

HIỆN TƯỢNG LE PEN Ở PHÁP VÀ PHONG TRÀO CỰC HỮU ĐANG LÊN Ở ÂU CHÂU

NGUYỄN TRƯỜNG SƠN

Chúng tôi đến Pháp vào đúng thời gian bầu cử tổng thống đợt hai của quốc gia này. Dân Pháp gốc Việt và các nhóm thiểu số Phi Châu và Trung Đông rủ nhau ùn ùn đi bỏ phiếu. Thông thường người Việt chúng ta, kể cả giới trí thức, thờ ơ với chính trị. Họ tuyên bố không hoạt động chính trị mặc dù cực chẳng đã họ đã phải bỏ xứ ra đi trong muôn vàn hiểm nghèo. Một người Việt ở Pháp mà tôi gặp ở phòng phiếu tâm sự: "Trên 30 năm sống tại Pháp, tôi vẫn cảm thấy tôi là một người ngoại cuộc. Ngày hôm nay thì không." Tại sao vậy? Câu trả lời ngắn gọn là mối đe dọa thật sự do hiện tượng Le Pen ở Pháp và phong trào cực hữu đang lên ở nhiều nước Tây và Bắc Âu.

Jean-Marie Le Pen, 73 tuổi, là ứng cử viên tổng thống thuộc một tổ chức cực hữu Mặt Trận Quốc Gia (Front National). Ông là một cựu sĩ quan nhẩy dù, từng là một thanh niên hay gây xáo trộn ngoài đường phố và có khuynh hướng kỳ thị chủng tộc và bài ngoại trong ba thập niên. Le Pen từng tuyên bố, nếu đắc cử tổng thống, ông sẽ đuổi tất cả những di dân ra khỏi nước Pháp và sẽ ưu tiên dành việc làm, quyền lợi an sinh xã hội cho công dân Pháp, và sẽ khôi phục lại đồng quan Pháp thay vì đồng Euro, tiền dùng chung cho Liên Hiệp Âu Châu (LHAC) đang được lưu hành hiện nay. Như thế có nghĩa là nước Pháp sẽ rút ra khỏi LHAC. Trong vòng bầu cử tổng thống thứ nhất vào ngày 21.4.2002, Le Pen về hạng hai với 17 phần trăm số phiếu, sau đương kim Tổng Thống Jaques Chirac với 20 phần trăm số phiếu. Đương kim Thủ Tướng Lionel Jospin, một người thuộc phe Xã Hội, về hạng ba. Tất cả các nhóm thuộc phe tả chiếm dược hơn 10 phần trăm ở vòng bầu cử đầu. Trong đó Đảng Cộng Sản Pháp chỉ thu được 3.7 phần trăm số phiếu, dưới chỉ tiêu tối thiểu là 5.5 phần trăm, do đó chỉ được chính phủ trợ cấp 100,000 Mỹ kim và nợ thêm 8 triệu Mỹ kim.

Le Pen đã lấy được một số phiếu đáng kể từ giới cử tri nhiều tuổi và giới nghèo vì có lập trường

Quang cảnh một phòng bỏ phiếu Tổng thống vừa qua ở Pháp.

Bích chương tranh cử Tổng Thống: trái, Le Pen; phải, Chirac.

hợp lý về một số vấn đề đối nội của nước Pháp. Le Pen kêu gọi cải tổ guồng máy chính trị của Pháp hiện nay bất ổn và tham nhũng. Không phe nào chiếm được đa số lớn. Trong năm năm qua, Tổng Thống Pháp Jacques Chirac thuộc phe hữu, Thủ Tướng Lionel Jospin thuộc phe xã hội, được chỉ định không phải bởi tổng thống đương nhiệm, mà tuỳ thuộc số ghế mỗi phe chiếm được trong quốc hội. Người ta lo ngại rằng tổng thống Pháp có thể trở thành một thứ Hoàng Hậu của Anh quốc nhưng khá hơn một chút là có quyền quyết định về chính sách ngoại giao theo truyền thống của Pháp. Mọi việc khác do Thủ Tướng quyết định.

Vấn đề tội ác gia tăng ở Pháp và việc sát nhập của 5 đến 8 triệu di dân gốc Ả Rập (Algeria, Morocco, Turkey) vào xã hội Pháp: Cả hai vấn đề này có liên quan với nhau nhưng đều chưa được giải quyết. Trong khi đó, kinh tế của Pháp đi xuống. Một số công ty lớn trước đây thành công nay đang gặp nhiều khó khăn (France Telecom, Vivendi Universal). Ngược lại một số công ty ngoại quốc làm ăn phát đạt như McDonald và Yahoo. Giới tiêu thụ càng ngày càng mất tin tưởng kể từ năm 1998. Nạn thất nghiệp gia tăng trong gần một năm nay. Thị trường chứng khoán của Pháp suy yếu. Người ngoại quốc chiếm một tỉ lệ lớn cổ phần của Pháp. Nhiều công ty và nhân viên Pháp chuyển ra nước ngoài. Đó là kết quả của một chính sách đối nội và kinh tế do phe tả kiểm soát.

Hai vấn đề khác làm người dân Pháp lo sợ là nước Pháp sẽ mất tính cách cá biệt của mình dưới ảnh hưởng của hai hiện tượng Âu châu hoá và toàn cầu hóa. Le Pen gọi chung hai hiện tượng này bằng một danh từ kép là "Euro-globalisation" (Âu – toàn cầu hoá). Ông Simon Serfaty, Giám Đốc Chương Trình Nghiên Cứu Âu Châu Sự Vụ thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu Chiến Lược Quốc Tế nhận xét rằng Liên Hiệp Âu Châu ra đời từ tai họa Đệ Nhị Thế Chiến. Nay Âu châu tiến xa hơn biến một liên hiệp các quốc gia (nation-states) thành một liên hiệp công dân (member-states). Chủ quyền quốc gia sẽ giảm. Nhiều quyết định sẽ được làm tại Brussels thay vì tại Paris. Trong khi đó thì phe tả tung ra chiến dịch chống Coca Cola hoá (coca-colonisation), McDonald hoá và loại thực phẩm thay đổi nhiễm sắc (genes). Nước Pháp đang chịu đựng một cuộc xâm lăng vô hình với quá nhiều di dân, Liên Hiệp Âu Châu và xâm nhập của văn hoá Mỹ.

Hiện tượng Le Pen không phải chỉ thấy ở Pháp mà xuất hiện nhiều nước ở Tây và Bắc Âu, từ Áo, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hoà Lan, Thụy Sĩ, Ý, Đan Mạch, tới Na Uy. Từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, phe Dân Chủ Thiên Chúa Giáo (Christian democrats) và Dân Chủ Xã Hội (social democrats) ngự trị chính trường Âu châu. Trong vài năm gần

đây, phe cực hữu và phe tả dành được thêm ảnh hưởng hơn. Phe hữu hiện nay nắm quyền tại Đan Mạch, Ý, Áo, Bỉ và Bồ Đào Nha. Ở Áo có đảng Tự Do (Freedom Party). Ở Đức có nhóm Republikaner và Đảng Hành Động cho Luật Pháp và Trật Tự (Law and Order Offensive Party). Ở Bỉ là Đảng Vlaams Blok. Ý có hai nhóm cực hữu là Liên Minh Quốc Gia (National Alliance) và Liên Minh Miền Bắc (Northern League). Ở Na Uy có Đảng Tiến Bộ (Progress Party). Ở Đan Mạch và Thụy Sĩ có Đảng Nhân Dân (People's Party).

Hòa Lan nổi bật lên sau khi một ứng cử viên cực hữu, có triển vọng trở thành thủ tướng Pim Fortuyn, bị ám sát chết vào ngày 6.5.2002. Pim Fortuyn trước đây thuộc phe tả Leefbaar Nederland. Sau đó ông bị trục xuất ra khỏi liên minh này vì chủ trương hủy bỏ một điều khoản chống lại kỳ thị trong hiến pháp và đòi chấm dứt nhận những người Hồi Giáo di dân vào Hoà Lan vì ông cho rằng Đạo Hồi sẽ đe dọa nền văn hóa đa diện và rộng lượng của Hòa Lan. Ông đứng đầu nhóm cực hữu Lijst Fortuyn (Fortuyn List). Lập trường của Pim Fortuyn không cực đoan như Le Pen của Pháp nhưng thế lực chính trị của Pim Fortuyn cùng phát xuất từ một nguồn gốc giống như trường hợp Le Pen. Pim Fortuyn từng tuyên bố rằng "Tôi nghĩ rằng 16 triệu dân là đủ. Quốc gia này đã đầy." và Hồi Giáo là một "nền văn hóa lạc hậu." Pim Fortuyn tin rằng di dân gây ra sự gia tăng tội ác tại Hòa Lan. Ông nói tại thành phố Rotterdam 45 phần trăm của 600,000 dân cư sinh đẻ ở ngoại quốc. Xác suất cho một người Hoà-Lan bị giết chết là zero phần trăm, nhưng 75 phần trăm nạn nhân và sát nhân là người ngoại quốc.

Một điểm rất đặc biệt là phong trào cực hữu ở Tây và Bắc Âu không thuần nhất. Pim Fortyun của Hoà Lan thường công khai chỉ trích lập trường của Le Pen của Pháp về người Do Thái. Haider của Áo không muốn bị so sánh với Le Pen và Pim Fortuyn. Thành viên của nhóm cực hữu có những điểm giống nhau. Pim Fortuyn mô tả là những thành viên phe hữu ở Âu châu thường cạo trọc đầu, cục cằn, thô bạo, đề cao phái nam, chống lại sự bạo động trong đám di dân và sợ hoặc coi rẻ những kẻ đồng tình luyến ái. Tuy nhiên về phương diện quốc gia tính, những thành viên phe hữu khác biệt nhau. Ở Bắc Âu và Hòa Lan nhóm cực hữu khai thác sự bất mãn của quần chúng đối với di dân và những kẻ tị nạn chính trị. Ở những nơi khác, thành tích của những nhóm cực hữu là chống những người theo đạo Do Thái và chế độ độc tài. Ở Áo, lãnh tụ cực hữu được sự ủng hộ của những cựu thành viên của các đơn vị tinh nhuệ của Hitler. Ở Đức một số nhóm cực hữu chống lại luật cấm tỏ cảm tình đối với chế độ Quốc Xã Đức.

Trở về nước Pháp, sự thắng cử trong vòng đầu của Le Pen đã thức tỉnh những nhóm dân thiểu số, những công dân cấp tiến và giới trẻ của nước Pháp. Nhiều người không tham gia vào việc bỏ phiếu trong vòng đầu, đã tham gia tích cực vào cuộc bỏ phiếu vòng hai. Lãnh tụ bảo thủ Jacques Chirac thuộc Đảng RPR (Rassemblement Pour la République) đã thắng cử vào nhiệm kỳ thứ hai với tỉ lệ phiếu cao nhất trong lịch sử Pháp là 82 phần trăm. Nước Pháp đã khẳng định không chấp nhận lập trường cực hữu. Tất cả phe tả và trung hữu đã bỏ phiếu cho Jaques Chirac, không phải có cảm tình với Chirac nhưng chính vì họ chống lại lãnh tụ cực hữu Jean-Marie Le Pen. Cho dù Le Pen bị đánh bại, nhưng những nguyên nhân để Le Pen thắng trong vòng đầu vẫn còn: tội ác gia tăng nhất là trong giới di dân, kinh tế trì trệ, tình trạng di dân và an sinh thiếu kiểm soát, và guồng máy chính trị tham nhũng và tê liệt. Tổng Thống Jacques Chirac và chính phủ mới có giải quyết được những vấn đề này hay không còn tùy thuộc vào kết quả của cuộc bầu cử quốc hội vào tháng Sáu tới.

Phe hữu hiện có ba nhóm: RPR, UDF (Union pour la Democratie Francaise) và FN (Front National). Lãnh tụ của phe tả Lionel Jospin đã từ chức thủ tướng chính phủ và quyết định về hưu. Chưa rõ ai sẽ thay thế Jospin. Cuộc thăm dò dư luận thực hiện ngay sau đợt hai của cuộc bầu cử tổng thống Pháp cho thấy phe hữu sẽ thắng phe tả trong cuộc bầu cử vào quốc hội với một số phiếu cách biệt rất ít. Nếu phe tả thắng, tình trạng "sống chung" (co-habitation) lại xảy ra giữa một tổng thống và thủ tướng thuộc hai phe đối nghịch như năm năm vừa qua. Trong khi đó nước Pháp cần có một chính quyền mạnh để thay đổi tình trạng trì trệ hiện nay và đây là lý do nẩy sinh ra hiện tượng Le Pen. Nước Pháp không cần có một hiến pháp mới nhưng cơ cấu quốc gia phải thay đổi. Những nhà chính trị học lý luận như vậy. Dân Pháp bằng lá phiếu vào tháng Sáu sẽ quyết định có nên tái diễn tình trạng "sống chung" trong năm năm tới nữa hay không./.

22-5-2002

NGHĨ VỀ NHỮNG VỤ LẠM DỤNG TÌNH DỤC TRONG GIỚI GIÁO SĨ HOA KỲ HIỆN NAY

TRẦN PHONG VŨ

Lời người viết: *Trước khi bắt đầu, người viết xin có đôi điều cùng qúy độc giả. Đầu tiên, xin minh danh xác nhận: cá nhân tôi là một tín hữu thuộc Giáo hội Công giáo. Khi viết bài này, người viết có hai tư cách. Thứ nhất là tư cách của một chi thể trong GHCG, và thứ đến là tư cách con người. Ở tư cách thứ nhất, tôi nhìn vụ tai tiếng cho dù đáng tiếc, nhưng là một cơ may –nói theo ngôn ngữ đức tin, là một Ân Huệ Thiên Chúa gửi đến- để giúp Giáo hội hoàn vũ, và cách riêng Giáo hội Hoa kỳ, có dịp nhìn lại hầu thanh tẩy chính mình, một tiến trình thanh tẩy liên tục và không ngừng, khởi đi từ Giáo hội sơ khai. Trên cương vị con người, tôi chia sẻ đến tận cùng nỗi đau của các nạn nhân, bao gồm không chỉ những người trẻ từng là đối tượng lạm dụng tình dục của một số giáo sĩ mất căn, mà còn là tuyệt đại đa số những mục tử hiền lương đang phải hàm oan trước cặp mắt xăm xoi, phán xét của công luận. Dĩ nhiên, trong mọi trường hợp, tội ác vẫn là tội ác. Nói như Giáo Chủ Gioan Phaolô II: ngoài sự xúc phạm tới Thiên Chúa, tới chi thể của Ngài là Hội Thánh, đây là một hành vi tội ác không thể khoan nhượng trong đời thường.*

Khi viết, tôi ghi nhận sự việc và giãi bày tâm tư của mình cách trung thực, không che giấu. Vì thế tôi biết trước là sẽ có những thành phần nuôi ác ý dựa vào một số ý tưởng, một số đoạn rời trong bài viết để làm chứng từ cho những luận điểm chê bai, phê phán GHCG. Trong khi ấy, cũng sẽ không thiếu những thành phần bảo thủ có chung tôn giáo với người viết, nhất là những thành phần mà niềm tin chỉ ngừng lại nơi những tước vị, phẩm trật trong Giáo hội trần gian, hẳn sẽ không tiếc lời xuyên tạc tác giả là kẻ phá đạo, phản đạo – hay hơn thế, lạc đạo!

Nguyện ước của người viết là những gì được ghi nhận trong bài này phải được đặt trên căn bản toàn bộ –toàn bộ sự việc, toàn bộ bài viết- không trích dẫn với gian ý, không chỉ 'nghe nói' mà phải đọc thật sự trước khi đưa ra lời phê phán. Vì giới hạn của một bài báo ngắn, chắc chắn những trình bày và nhận định của người viết sẽ không tránh khỏi thiếu sót. Có một điều chắc chắn là nó đã được giãi bày bằng tấm lòng chân thành phát xuất từ một lương tâm trong sáng. Trân trọng.

T.P.V. (Thứ Tư 22-5-2001)

Chuyện thật, người thật

Trước hết, cần nói ngay rằng vụ một số giáo sĩ trong Giáo hội CG Mỹ dính líu vào những hành vi xách nhiễu tình dục liên quan tới trẻ vị thành niên là điều hiển nhiên, không chối cãi. Nó âm ỉ từ nhiều năm qua và đến đầu năm 2002 thì nổ thành chuyện lớn. Gần như trong suốt tháng ba, tháng tư năm 2002 vừa qua, các cơ quan truyền thông của Mỹ đều liên tục đưa tin về vụ tai tiếng có một không hai này. Người ta được đọc trên báo chí, nghe trên đài phát thanh và quan sát những hình ảnh sống động trên màn ảnh nhỏ TV, phơi bày chi tiết những hành vi xách nhiễu tình dục liên quan tới trẻ nhỏ mà chính phạm là những giáo sĩ, tu sĩ Hoa Kỳ.

Vụ việc bắt đầu nổ lớn khi John J. Georghan, cựu linh mục, thuộc Tổng Giáo Phận Boston bị truy tố ra tòa tháng 01-02 vì hàng loạt những vụ lạm dụng tình dục thiếu niên. Điều khiến dư luận trong và ngoài Giáo hội bất bình là xuyên qua vụ này, người ta nhận ra thái độ khinh xuất của một số giới chức cao cấp trong Giáo hội địa phương. Khi phát hiện những cá nhân giáo sĩ có những hành vi bất xứng đối với các em nhỏ, thay vì có những biện pháp dứt điểm, những người có trách nhiệm lại thuyên chuyển đương sự đi những nơi khác, dẫn tới thảm trạng 'di họa Giang Đông'. Theo luật sư Mitchell Garabedian thì *từ năm 1994 ông đã biện hộ cho 118 nạn nhân của Georghan!* Số nạn nhân này thuộc năm giáo xứ mà đương sự đã lần lượt được thuyên chuyển tới phục vụ trong vòng một phần tư thế kỷ.

Đầu tháng tư năm 2002 khi nguồn tin cựu lm Shanley, 71 tuổi (người từng dính dấp vào một vụ lạm dụng tình dục trẻ nhỏ trong thời gian làm mục vụ ở Tổng Giáo Phận Boston) tình nguyện qua California phục vụ trong một cơ quan từ thiện xã hội, được các cơ quan truyền thông Mỹ loan

tải rộng rãi, thì dư luận càng thêm bức xúc. Lý do là vì những người có trách nhiệm tại giáo phận cũ đã không thông báo về chuyển đổi bại trong quá khứ của đương sự.

Trong khi có những áp lực đòi hồng y Bernard F. Law, người cầm đầu TGP Boston từ chức thì những vụ tai tiếng tại nhiều giáo phận khác trên lãnh thổ Hoa Kỳ cũng được công luận và giới truyền thông tích cực chiếu cố. Người ta nhắc tới trường hợp đức cha Anthony O'Connell giám mục giáo phận Palm Beach, tiểu bang Florida từ chức sau khi nhìn nhận đã từng lạm dụng tình dục với một chủng sinh. Báo chí, truyền thanh, truyền hình cũng lập đi lập lại những ngân khoản lên tới hàng trăm triệu mỹ kim mà Giáo hội HK đã phải xuất ra để bồi thường cho các nạn nhân. Theo những con số được công khai hóa thì Giáo phận Santa Fe, tiểu bang New Mexico phải chi ra khoảng 50 triệu, Giáo phận Dallas, Texas tốn 23 triệu, giáo phận Lafayette, Lousinana chi 18 triệu, tổng Giáo phận Boston tốn khoảng từ 20 đến 30 triệu.

Và chuyện phải đến đã đến. Vatican đã chính thức triệu tập 13 hồng y Mỹ (trong số có ba vị đang phục vụ bên cạnh Tòa Thánh) và các giám mục đương nhiệm thuộc Hội Đồng GMHK qua Rôma để tham dự một cuộc hội nghị thượng đỉnh trong hai ngày 23 và 24 tháng 4 năm 2002 để tìm hiểu nội vụ và đề ra biện pháp giải quyết. (Nửa khuya Thứ Ba 21-5, trong khi ngồi trước bàn làm việc, tôi loáng thoáng nghe người xướng ngôn trên màn ảnh TV nói tới những vụ đồng tính luyến ái trong giới giáo sĩ địa phương. Một đề tài khác nhưng không mới mẻ đối với những người hiểu chuyện).

Những góc tối cần được soi sáng

Như đã trình bày, không ai phủ nhận đây là một vụ tai tiếng tầm cỡ với những chuyện thật và người thật. Tiêu đề nổi bật trên màn ảnh nhỏ TV trong mục thời sự thế giới mỗi tối của Peter Jenning trong suốt tháng tư mệnh danh đấy là "The Catholic Church In Crises" –*Giáo hội CG trong cơn khủng hoảng*-. Không chỉ riêng người Công giáo, mọi người đều cảm thấy chóng mặt khi bị cuốn hút vào vòng xoáy của những tin tức giật gân. Và vì bị chóng mặt nên ít ai bình tĩnh đủ để nhìn rõ những xó xỉnh tối tăm trùm lấp chung quanh nội vụ.

* *Những con số gây hỏa mù:* Những bản tin thời sự lạnh lùng nêu tên linh mục này, tu sĩ nọ, thậm chí cả giám mục kia đã dính líu vào những vụ lạm dụng tình dục với trẻ con. Trên khung ảnh TV, bên cạnh lời tường thuật nhiều khi sống sượng còn kèm theo cả những hình ảnh được lập đi lập lại của những giáo sĩ 'can phạm' lồng trong những lễ nghi tôn giáo trang trọng với sự hiện diện của hàng chục linh mục và giám mục. Nó có tác dụng của những làn khói hỏa mù dẫn giắt trí tưởng tượng của khán thính giả xa lìa thực tế để vô tình đắm vào những ngộ nhận. Ít ai biết rằng Giáo hội Công Giáo Mỹ có tất cả trên 46 ngàn linh mục đang phục vụ tại các xứ đạo trên khắp 50 tiểu bang.

Những thế lực chuyên khai thác và kiếm sống bằng các dịch vụ truyền thông đại chúng ở Hoa Kỳ thường rất nhạy bén trước những nguồn tin giật gân, được coi là ăn khách. Làm thế nào để khỏi bị các đồng nghiệp dành thế thượng phong trước một tin được lượng giá là lớn –lớn vì tự nó lớn và cũng có thể chỉ vì khán thính giả nghĩ rằng lớn-? Đấy là mối ưu tư tâm phúc của chủ nhân ông các hệ thống phát thanh, phát hình, các tờ báo lớn nhỏ của xứ Cờ Hoa. Họ sẽ không ngây thơ mà cũng không mất công để cho người đọc tin, nghe và xem tin biết rằng dù con số giáo sĩ sa đọa được lập đi lập lại là bao nhiêu thì nó cũng chỉ chiếm một tỉ lệ rất khiêm tốn là trên dưới 3% tổng số linh mục đoàn trong Giáo hội Công giáo Hoa Kỳ.

* *Hấp lực ma mị của những ngân khoản bồi thường:* Trong một bài viết đăng trên tờ Diễn Đàn Giáo Dân số 7 phát hành tháng 5-2002, chúng tôi đã có dịp nhận định: *"Tiền bạc khơi gợi lòng tham. Và lòng tham thường khiến người ta mù quáng có thể làm mọi chuyện, kể cả chuyện bịa đặt ghê tởm nhất, để thỏa mãn nó. Đối tượng của lòng tham không phải là những cá nhân giáo sĩ mà là cơ cấu đào tạo và nuôi dưỡng giáo sĩ. Cơ cấu ấy được những cặp mắt xoi bói coi là béo bở... Vì thế, bên cạnh những vụ việc có thật đã không tránh khỏi những mưu toan bất chính, những cuộc dàn dựng vô lương để chụp lên đầu giáo sĩ này, linh mục nọ những chuyện tày đình thường được hô hoán là đã xảy ra cả chục năm về trước! Để làm gì? Để đòi bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân (cả thật lẫn giả) về tâm lý, về sinh lý và về tất cả những gì các tổ hợp luật sư và giới y sĩ có thể nghĩ ra. Từ vụ hồng y Mahony, cai quản Tổng giáo phận Los Angeles bị một phụ nữ mắc bệnh tâm thần vu khống gần đây, người ta liên tưởng tới nỗi oan khiên vào cuối đời của hồng y Bernadine thuộc Tổng giáo phận Chicago những năm trước."* Được biết vào đầu thập niên 90, một người đàn ông tên Steven Cook đã lên tiếng tố cáo hồng y Bernadine là đã có những hành vi bất chính về tình dục với ông thời ông còn là một đứa trẻ. Không bao lâu sau, vào năm 94, chính

Steven Cook đã công khai xin lỗi hồng y TGM Chicago và tuyên bố trong một cuộc họp báo là anh đã bị người ta xúi giục để bịa chuyện cáo gian ngài!

* *Những bàn tay quậy phá bên trong:* Tổ chức nào cũng có những bất mãn tiềm tàng trong nội bộ. Cho dù là một tổ chức có kỷ luật, Giáo hội Công giáo cũng không có luật trừ. Trong những thập niên gần đây, đã nảy sinh những phong trào tranh đấu đòi Giáo hội cho nữ giới làm linh mục, bỏ luật độc thân cho phép giáo sĩ lập gia đình, công nhận giới 'đồng tính luyến ái', đòi thay đổi quan điểm về vấn đế ngừa thai, thậm chí phá thai. Người viết sẽ không bàn tới vấn đề phải trái, hay dở của làn sóng chống đối trên đây, vì nó không phải là đề tài bàn luận trong bài viết này. Điều ai cũng nhận thấy là vụ tai tiếng về lạm dụng tình dục của giới giáo sĩ với trẻ nhỏ hiển nhiên đã tạo cơ hội bằng vàng cho những thế lực đối kháng trong Giáo hội kể trên ra tay quậy phá. Nó là một trong những động cơ khiến những vụ kiện cáo bùng lên mãnh liệt hơn, đồng thời cũng thúc đẩy các bộ phận truyền thông đại chúng khai thác tận tình hơn vấn đề thời sự nóng bỏng này để đáp lại thị hiếu của quần chúng khán thính giả.

Đó đây đã vẳng lên những luận điệu cho rằng chính luật buộc giáo sĩ sống độc thân là căn nguyên làm gia tăng tệ trạng giáo sĩ, tu sĩ sờ mó con nít. Và người ta đi đến kết luận giản đơn là để chấm dứt tình trạng đồi bại kể trên Giáo hội, Công giáo cần bãi bỏ luật buộc để mở cửa cho người linh mục được phép sống đời đôi lứa. Để đạt được mục đích riêng, người ta dễ dàng quên đi sự kiện trước mắt: *trong thực tế con số những người đàn ông có vợ có con, bao gồm cả giới nhà giáo và các mục sư Tin Lành, bị mắc vòng lao lý vì có những liên hệ tình dục với trẻ thơ không phải là ít. Đấy là chưa kể tới trường hợp đồi bại hơn là cũng đã có không ít những người cha phạm vào tội ác này với chính những đứa con ruột của mình!*

Quan điểm và cách giải quyết vấn đề của Giáo Hội

Sự kiện Vatican mau mắn triệu tập các hồng y và các chức sắc trong Hội Đồng Giám Mục Hoa kỳ qua tham dự cuộc hội nghị thượng đỉnh tại Tòa Thánh trong hai ngày 23 và 24 tháng 4 vừa qua cho thấy tầm mức quan trọng của vấn đề. Trong diễn từ đọc trong buổi khai mạc hội nghị, giáo chủ Gioan Phaolô II nói: *"Hành vi xách nhiễu tình dục, đưa tới cuộc khủng hoảng hiện nay, hoàn toàn sai trái, bị xã hội coi là một tội ác và dưới mắt Thiên Chúa nó là một trọng tội, một lỗi phạm kinh hoàng (an appalling sin). Đối với các nạn nhân và gia đình, dù bất cứ nơi đâu, tôi xin bày tỏ mối quan tâm và tình liên đới sâu xa của tôi với họ."*

Hôm 26/4, một ngày sau khi từ Vatican trở về giáo phận, hồng y Mahony đã lập lại lời Giáo chủ Gioan Phaolô II, trong cuộc gặp gỡ báo chí như sau: *"Mọi người cần biết rằng không thể có chỗ đứng cho đời sống giáo sĩ và tu sĩ đối với tất cả những ai đe dọa sự an toàn của tuổi trẻ."* Theo hồng y tổng giám mục Los Angeles thì câu nói của đức Thánh Cha đã xác định rõ ràng thái độ *tuyệt đối không khoan nhượng* (zero tolerance) của Giáo hội đối với hành vi xách nhiễu tình dục liên can tới trẻ thơ của giới giáo sĩ. Hồng y Mahony nói tiếp: thái độ 'tuyệt đối không khoan nhượng' này cũng là đường lối của tổng giáo phận Los Angeles. *"Chúng ta sẽ không lùi bước. Đấy là mục tiêu của tôi, với tư cách người có trách nhiệm trong tổng giáo phận. Ngoài ra, tôi cũng tha thiết mong mỏi đấy là thái độ chung của các giáo phận khác trên toàn lãnh thổ Hoa kỳ."*

Trong một tuyên ngôn công bố ngày 19-2-2002, sau khi tỏ bày mối cảm thông và tình liên đới sâu xa của Giáo hội địa phương đối với các nạn nhân, giám mục Wilton D. Gregory, chủ tịch HĐGMHK viết: *"Nhân đây, tôi muốn nói tới hơn 40 ngàn linh mục tuyệt vời của xứ sở chúng ta, những phần tử sáng sáng thức dậy cống hiến đời mình cho giáo hội như là chứng tá của Chúa Giêsu. Tôi rất buồn vì những hành vi sai trái của một thiểu số nhỏ nhoi đã trùm lấp bóng tối lên những tác vụ đầy ân sủng và cần thiết cho giáo hội và xã hội chúng ta. Đời sống linh mục là một kho tàng chuyên nhất của giáo hội và tôi bảo đảm với anh chị em rằng chúng tôi đang làm tất cả những gì có thể để chúng ta có được những ứng viên linh mục tốt lành...."*

Hàng loạt những biện pháp được coi là tích cực đã được giới thẩm quyền các giáo phận đề ra. Từ những biện pháp cải tiến chương trình đào luyện tu sĩ, linh mục trong hệ thống chủng viện Mỹ tới những quyết tâm thanh lọc tận căn những hành vi lạm dụng tình dục trong giới giáo sĩ ngay khi vừa mới chớm phát hiện. Riêng hồng y Bernard Law đã chính thức yêu cầu ban giám đốc một đại học y khoa ở Boston thiết lập một trung tâm nghiên cứu nhằm ngăn chặn sự lạm dụng trẻ em. Vân vân và vân vân...

Nghĩ gì?

Bài này không có tham vọng đại diện cho ai mà chỉ phản ảnh quan điểm cá nhân của người viết. Khi trưng dẫn những lời tuyên bố của các chức sắc cao cấp trong Giáo hội Công giáo như trên không có nghĩa là tôi muốn dựa vào đấy để chống đỡ hay biện minh cho vụ tai tiếng. Người viết chỉ tóm tắt nêu lên như những sự kiện trước khi trình bày quan điểm riêng tư. Sau đây là những suy nghĩ của tôi.

* *Một cuộc khủng hoảng về luân lý:* Những vết đen trong lịch sử Giáo hội nếu đã là căn nguyên làm mất đức tin của một số người, thì cũng chính nhờ nó đã thổi vào tâm hồn nhiều thế hệ tín hữu một niềm tin không dời đổi. Những gì thánh Phanxicô 'de Salles' đã làm để vực dậy Giáo hội sau cuộc ly giáo của Martin Luther là một bằng chứng điển hình. Điều cần lưu ý là căn nguyên khiến linh mục Luther dòng Augustine lìa bỏ Giáo hội Công giáo để thành lập giáo phái Tin Lành không phải vì lý do thần học hay đức tin, mà chính là vì những hiện tượng suy đồi về luân lý, đạo đức. Chứng kiến lối sống xa hoa, đồi bại kinh hoàng của Alexaner VI, người cầm đầu Giáo hội đương thời, nên sau cuộc hành hương Rôma trở về Đức, Martin Luther đã phát động phong trào cải cách, mà giai đoạn quá độ đã đẩy ông lìa xa Hội Thánh.

Trong một bài thuyết giảng mới đây, linh mục Roger Landry thuộc giáo phận Fall River, Hoa kỳ đã nhìn sâu vào trường hợp tai tiếng liên quan tới giới giáo sĩ hiện nay để đưa ra lời kết luận: đây chính là một cuộc khủng hoảng về luân lý trong Giáo hội cũng như xã hội ngày nay. Ông đã thẳng thắn lật lại những giai đoạn đen tối nhất trong lịch sử Giáo hội Công giáo kèm theo những chứng tá cho thấy phép lạ của những cuộc đổi đời sau đó để đi tới kết luận kể trên. Vẫn theo vị linh mục trẻ được tiếng là có đời sống gương mẫu này thì giải pháp duy nhất cho cuộc khủng hoảng là dứt khoát mọi người từ giáo sĩ tới giáo dân phải trở về với con đường THÁNH THIỆN. Như Phanxicô Assisi đã làm trong thế kỷ 12. Và như Phanxicô 'de Salles' đã rập khuôn bằng đời sống chứng nhân của ngài ba thế kỷ sau đó. Một chọn lựa dứt khoát: ngay trong lòng Hội Thánh mà không chấp nhận mọi hình thái ly khai.

Cá nhân người viết hoàn toàn chia sẻ quan điểm trên đây

* *Ảnh hưởng tiêu cực của cơn khủng hoảng:* Không ai chối cãi rằng vụ tai tiếng hiện nay trong giới giáo sĩ Hoa kỳ đã tạo nên những ảnh hưởng không đáng mong chờ nơi mọi người, mọi giới, kể cả người Công giáo. Người ta lý luận cách đơn giản là một tôn giáo mà ngay cả những thành phần được tuyển chọn là giáo sĩ, tu sĩ mà còn phạm vào những tội ác tầy đình như thế thì còn có gì để bảo đảm cho giá trị đích thực của tôn giáo ấy nữa! Lý luận này ít nhiều mang tính thuyết phục khi người ta chỉ ngừng lại ở những hiện tượng bên ngoài. Nói được như vậy vì cá nhân người viết thường nghĩ tới những giai đoạn thử thách cam go, cay nghiệt nhất trong quá trình 2000 năm Giáo hội Công giáo. Ở đấy có những lúc người ta tưởng Giáo hội sẽ không tránh khỏi qui tắc lạnh lùng, bất dịch của luật đào thải. Nói rõ ra, Giáo hội sẽ bị tiêu vong! Nhưng không. Sau những lần tưởng chừng gục ngã, Giáo hội của Đức Kitô đã đứng dậy. Không phải một lần mà nhiều lần.

Vững tin vào chân lý ấy, chỉ mới cách chúng ta hai thế kỷ, hồng y Consalvi đã nói thẳng vào mặt Napoléon rằng: *"Ngài không thể làm nổi việc ấy,"* khi vị Hoàng đế bách chiến bách thắng của nước Pháp này toan tính xóa tên Giáo hội Công giáo. Napoléon quả quyết lập lại: *"Nhưng tôi quyết sẽ tiêu diệt Giáo hội của ông."* Hồng y Consalvi đáp lại: *"Không. Dứt khoát ngài không thể làm nổi. Nếu các Giáo chủ xấu xa, các giáo sĩ sa đọa và hàng ngàn tín hữu tội lỗi trong Giáo hội đã không thể thành công trong việc triệt hủy Giáo hội ngay từ nội bộ, thì làm sao ngài có thể làm được điều đó?"* Một lần nữa lịch sử đã trả lời.

Dĩ nhiên ảnh hưởng tiêu cực do vụ xì-căng-đan tình dục trong giới giáo sĩ Hoa kỳ sẽ còn dai dẳng khó có thể tẩy xóa trong sớm chiều. Những đánh phá, chỉ trích ngấm ngầm cũng như công khai sẽ còn tiếp tục tái diễn. Lớp tín hữu nhẹ dạ, chưa thực sự trưởng thành sẽ xa lìa Giáo hội dưới hình thức này hay hình thức khác. Nói theo linh mục Landry thì *"vụ việc đáng sỉ nhục này sẽ là cái móc vĩ đại mà trên đó nhiều người sẽ tìm cách treo sự bào chữa của mình lên khi họ bắt đầu lẩn tránh và không còn sống đức tin."* Những người này đã để cho đức tin của họ ngừng lại nơi những hình tướng bề ngoài của Giáo hội. Đó là cơ cấu, là phẩm trật, là những chức sắc làm nên Giáo hội lữ hành trần thế. Mặc dù không phủ nhận sự cần thiết của Giáo hội này nhưng điều quan trọng là đừng quên Giáo hội chỉ là phương thế và tuyệt đối không phải là cứu cánh. Cùng đích của đức tin là chính Thiên Chúa xuyên qua đức Giêsu Kitô *Con-Thiên-Chúa-Làm-Người.*

Làm gì?

Như đã khẳng định, vụ tai tiếng hiện nay trong

Giáo hội Hoa kỳ khơi nguồn từ một cuộc khủng hoảng luân lý, đạo đức. Vì thế, con đường duy nhất để thay đổi cuộc diện là trở về với những giá trị cốt lõi của Tin Mừng. Cách cụ thể là phải sống Thánh Thiện. Mọi nỗ lực canh tân của giáo quyền như thẳng tay loại bỏ những *con sâu* đang làm *rầu nồi canh Giáo hội* thông qua giải pháp *zero tolerance,* hoàn chỉnh chương trình đào tạo giáo sĩ tương lai, ra sức tìm kiếm những biện pháp khả thi kể cả cố gắng cầu viện tới những phương pháp khoa học tân tiến... đều là những việc làm cần thiết, đáng khích lệ. Nhưng dứt khoát nếu chỉ có thế thì vẫn chưa đủ. Cá nhân người viết chia sẻ trọn vẹn suy tư của linh mục Landry là *"Chỉ một phản ứng đầy đủ đối với sự sỉ nhục lớn lao này, một phản ứng của toàn thể Giáo hội Công giáo –như Thánh Phanxicô Assisi đã thể hiện trong thế kỷ 12, như Thánh Phanxicô 'de Salles' đã thể hiện trong thế kỷ 16: đó là sự THÁNH THIỆN!* Bởi vì quá khứ đã chứng minh: *"Mỗi một khủng hoảng mà Giáo hội phải đương đầu, mỗi một khủng hoảng mà thế giới phải đối phó đều khơi nguồn từ sự khủng hoảng thánh thiện!"*

Ý nghĩa lời mời gọi *'Tái Phúc Âm Hóa Giáo Hội"* trong suốt hai thập niên qua của Giáo chủ Gioan Phaolô II là gì nếu không là từ lâu ngài đã được ơn soi sáng của Thánh Thần Thiên Chúa để nhận ra những dấu hiệu xa lìa Tin Mừng của con người ngày nay. Không phải đâu xa mà ngay giữa lòng Giáo hội Công giáo!

Những chuyện bên lề nhưng thiết thân

Trước khi kết thúc, người viết muốn đề cập vài chuyện thời sự bên lề.

Trước hết là trường hợp linh mục Nguyễn Văn Lý, người đã quyết liệt đứng lên tái phát động cuộc đấu tranh cho tự do tôn giáo và quyền làm người trong lòng chế độ cộng sản Việt nam trong những ngày tháng cuối cùng của thiên niên thứ hai. Trong thời gian tranh đấu và nhất là sau khi bị bắt giam (tháng 5-2002) rồi bị kết án 15 năm tù ở và 5 năm quản chế (10-2002), cả một chiến dịch cáo buộc linh mục Lý có vợ có con được tung ra khắp nơi, ở trong cũng như ngoài nước.

Thứ đến là gần đây, linh mục Nguyễn Thanh Sơn thuộc dòng Chúa Cứu Thế, người từng bị tai tiếng nhiều năm trước và đã bị Bề Trên dòng phủ nhận tư cách linh mục, đã tung ra hàng loạt truyền đơn tố cáo một số giáo sĩ là đã có những hành vi bất xứng về tiền bạc cũng như những liên hệ tình dục với người khác phái. Ông đã dùng một vài chi tiết có thể có thật để gây ấn tượng xấu với rất nhiều giáo sĩ mà cá nhân người viết rất kính trọng về nhân phẩm cũng như tư cách giáo sĩ của các đương sự.

Là người cầm bút, tôi đánh giá rất cao những bài viết của lm Nguyễn Trọng Tước bút danh Nguyễn Tầm Thường viết trong thời gian ông tu học ở Ấn Độ. Ít nhất cá nhân người viết đã hai lần công khai bày tỏ lòng hâm mộ nội dung vừa thâm thúy vừa đầy tính chất hòa đồng tôn giáo hàm chứa trong những bài viết của vị lm Dòng Tên này. Bài thứ nhất là bài "Đạo Sĩ Sadhù" và bài thứ hai mang tựa đề "Đối Thoại Tôn Giáo." Khởi hứng từ bài thứ nhất tôi đã viết một tiểu luận nhan đề *"Nhân bài viết của một LM, bàn về hai chữ NHU CẦU."* Vì nhận thấy tác dụng giúp thăng hoa sự tương kính giữa Phật giáo và Công giáo ẩn tàng trong bài thứ hai nên tôi đã chuyển thành một đặc ký truyền thanh và sau đó đã được phát trên đài Sàigòn Houston. Nếu trí nhớ của tôi không quá tệ thì ít nhất một trong hai bài này –hoặc cả hai- đã được lm Nguyễn Tất Hải chọn đăng trên nguyệt san *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp* cách đây không lâu.

Chỉ với trường hợp này mà lm Nguyễn Thanh Sơn lên tiếng chỉ trích lm chủ bút nguyệt san ĐMHCG và qui kết bài viết của tác giả Nguyễn Tầm Thường được chọn đăng trên nguyệt san này là 'viết nhảm nhí về Phật giáo Ấn độ' (!) đã đủ để giúp độc giả thẩm định những gì đọc được trên những tờ truyền đơn của đương sự.

Về trường hợp lm Lý bị bôi bác đời tư, mà khởi động của chiến dịch bôi bác này phát xuất từ các ống loa tuyên truyền của nhà nước cộng sản, dư luận đồng bào hải ngoại đã bàn bạc khá nhiều về nguyên nhân hệ quả của nó. Riêng trường hợp lm Sơn hăng say tố cáo hàng loạt những người anh em linh mục của ông về đủ thứ tội danh, nhất là những lỗi phạm về đức trong sạch, ngay sau khi ông từ Việt Nam trở lại Mỹ tiếp theo một chuyến 'áo gấm về làng' kéo dài hai tháng, từ ngày 20-01-2001 đến ngày 18-02-2002*, hẳn phải mang một ý nghĩa nào.

Muốn giải quyết tận căn, mọi thiện chí, mọi nỗ lực của mọi giới liên hệ đều cần và đáng khích lệ. Tuy nhiên, nó chỉ đủ và thật sự mang lại lợi ích thiết thực và lâu dài khi tất cả đều quyết tâm trở về với đời sống THÁNH THIỆN. Không mưu toan, không ẩn ý. Và nhất là không chịu sự sai khiến của những thế lực tiêu biểu cho SỰ ÁC bất cứ từ đâu đến.

** Ngày đi VN và ngày trở lại Mỹ của lm Sơn được chính đương sự ghi lại trong những truyền đơn của ông.*

LIỆU GIÁO HỘI CÓ THỂ VƯỢT QUA ĐƯỢC CƠN KHỦNG HOẢNG?

Bài của **Johanna McGeary**
(*Times*, số đầu tháng 4/2002).
Bản dịch của NAM NGỌC

(Khi những lời cáo buộc lạm dụng tình dục - và sự bao che của cấp trên - tăng lên, những người Thiên Chúa Giáo giận dỗi đang thúc giục những vị lãnh đạo của họ hối lỗi và cải cách giáo hội)

Cái gây chấn động là ở chỗ có quá nhiều vụ xâm phạm tình dục đã tràn ra ngoài công chúng như những chiếc áo giòng vấy bẩn - không chỉ ở Boston nhưng còn ở Los Angeles và St. Louis, bang Motana, và Philadelphia và Palm Beach, bang Florida, và Washington và Portland, bang Maine, và Bridgeport, bang Connecticut. Cái khiến ta khủng khiếp không phải ở sự khác thường mà là sự tương tự đáng sợ của chúng: Sự thừa nhận tu sĩ Thiên Chúa Giáo La Mã xâm phạm tình dục trẻ con và giáo hội bao che nó bất kể là nó dính líu đến Cha Dan hay Cha Oliver hay Cha Rocco hay Cha Brett. Hồi đó, Frank Martinelli là một cậu bé phụ lễ 14 tuổi non nớt, mong mỏi được trở thành một tu sĩ. Cậu nhìn thấy một tương lai thánh thiện mở rộng khi được cha Laurence Brett - một tu sĩ trẻ rất có sức thu hút phục vụ tại nhà thờ St. Celicia ở Stamford, Connecticut - đăng ký vào một nhóm thiếu niên có biệt danh là Brett' s Mavericks. Martinelli cho biết, trong một chuyến đi tham quan Washington, cha Brett đã vuốt ve cậu một cách âu yếm trong nhà tắm. Rồi trong khi chở cậu về nhà, vị tu sĩ lại nài nỉ cậu cho ông khẩu dâm (oral sex), bảo đó là một cách để nhận được Ơn Thánh Thể (Holy Communion). Giống như hầu hết những thanh thiếu niên 30 năm về trước, Frank quá hổ thẹn, quá sợ hãi, trân trối đến nỗi không nói được nên lời.

Cậu bé Martinelli đó bây giờ 54 tuổi, đã không bao giờ trở thành tu sĩ. Ông cưới vợ, có một cậu con trai và cư ngụ ở Milwaukee, làm tư vấn cho những tổ chức bất vụ lợi. Đời sống của ông bị tràn ngập bởi những rối loạn, giận dữ, tuyệt vọng không giải thích được và mất hẳn đức tin. Mãi đến năm 1991, ông mới hiểu ra lý do. Hôm đó, đang nói chuyện điện thoại với một người bạn cũ ở Connecticut thì người bạn bỗng buột miệng nói rằng anh ta đã bị cha Brett xâm phạm tình dục vào những ngày còn sinh hoạt trong nhóm Maverick. "Một cảm giác đột ngột ùa vào. Trời ơi, tôi nhận ra cái gì đã xảy ra cho tôi," Martinelli nói với phóng viên báo Times. Sau đó, ông bắt đầu tìm một nhà tâm lý trị liệu để chữa và một năm sau, ông nạp đơn kiện cha Brett và giáo xứ Bridgeport tại tòa án liên bang ở New Haven, Connecticut.

Cấp lãnh đạo giáo xứ Bridgeport đã khám phá ra xu hướng bất thường của Brett ngay từ năm 1964. Nhưng họ không hề báo cáo cho nhà chức trách địa phương hoặc báo động cho giáo dân rõ, vẫn để ông tiếp tục điều hành việc nhà thờ qua nhiều chức vụ vòng quanh xứ sở. Năm 1990, khi cha Egan đảm nhận chức giám mục ở Bridgeport, ông gặp Brett và sau đó ghi lại: "Xét kỹ mọi điều, cha Brett gây ra một ấn tượng tốt. Trong cuộc nói chuyện, nhiều chi tiết được cha (Brett) thành thật phơi bày ra." Kết quả là Egan để Brett trở về lại Bridgeport tiếp tục hành xử chức năng tu sĩ.

Vào tháng 11/1992, Brett thú nhận đã làm một điều sai trái và sau đó, thú nhận thêm hai điều nữa - nhưng vẫn tiếp tục phục vụ trong nhà thờ. Ông bị Martinelli, rồi thêm một người nữa kiện. Cuối cùng, một tuần sau, Egan mới ngưng chức Brett. Giữa năm 1997, một bồi thẩm đoàn quyết định quy cho giáo xứ chịu trách nhiệm về việc đã

không báo cho Martinelli biết về xu hướng đặc biệt của cha Brett và bồi thường cho Martinelli một triệu đô la. Một tòa phá án đảo ngược án lệnh và sau đó, vụ kiện được dàn xếp với một số tiền không được tiết lộ.

Hiện nay, cha Brett đang trốn tránh và vẫn còn là một tu sĩ chính thức mặc dầu có nhiều lời yêu cầu đòi cởi áo linh mục ông ta. Cha Egan, hiện là Hồng y cai quản tổng giáo phận New York và có lẽ là tổng giám mục nổi tiếng nhất Hoa Kỳ, đang chịu sự chỉ trích nặng nề đòi phải giải thích không những chỉ về vụ Brett mà còn các vụ lạm dụng chưa được giải quyết của những tu sĩ khác mà ông ém nhẹm trong khi điều hành giáo phận Bridgeport. Riêng Martinelli, ông không cảm thấy được an ủi chút nào. Ông nói, ông chẳng cảm thấy yên ổn với số tiền bồi thường nếu ông vẫn chưa nhận được một lời xin lỗi công khai từ vị tu sĩ.

Hàng ngàn Martinelli và hàng trăm cha Brett như thế đã phủ một bóng đen tăm tối lên giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã trong mùa Phục Sinh. Cuộc khủng hoảng được hâm nóng từng ngày, với chừng 2000 tu sĩ bị tố cáo xâm phạm tình dục khắp nước khi các đường dây điện thoại khẩn cấp tiếp tục bị kẹt vì những cú điện thoại của nạn nhân gọi vào. Đó không chỉ là cái mà Hồng Y Law ở Boston gọi là "một lầm lẫn bi đát" (tragic error) nhưng còn là một cú đấm vừa tâm linh vừa tài chánh vào cấp lãnh đạo giáo hội, làm mất tinh thần bất cứ ai mang danh tu sĩ Thiên Chúa Giáo La Mã. Đời sống bị tổn thương, niềm tin bị thiệt hại và sự tin cậy vào giáo hội trong việc phát biểu về các vấn đề xã hội bị vấy bẩn.

Phải mất hết bao lâu thì những cơ chế đầy quyền uy này mới nhận ra rằng không chỉ tội phạm mà chính sự bao che cũng đang gây ra mọi phiền hà? Giáo Hội Thiên Chúa Giáo La Mã đã giữ im lặng hàng thập niên về hành vi bội phản vô luân, có tính cách tội phạm mà con cái của nó đã tạo ra, nhưng trong thời đại cởi mở này, điều đó sẽ không còn tác dụng nữa. Khi những tu sĩ đứng trong nhà thờ của họ tuần lễ thánh này, họ sẽ nói gì với những giáo dân hổ thẹn, đau khổ, giận dữ vì đã bị dấu giếm quá lâu như thế? Trong khi những tín đồ Thiên Chúa Giáo La Mã tại Hoa Kỳ vui mừng Chúa đã sống lại để cứu chuộc linh hồn họ, thì bây giờ họ muốn biết giáo hội của họ sẽ tự cứu chuộc mình như thế nào.

Sau những tuần lễ im lặng, giáo hoàng John Paul II đã phát đi một bản thông điệp Tuần Thánh mơ hồ, nói rằng "Với tư cách là tu sĩ, cá nhân mỗi một chúng ta hết sức đau buồn vì tội lỗi của một số đồng đạo chúng ta đã phản bội ân sủng của thiên chức linh mục" và bày tỏ sự "quan tâm" đến các nạn nhân. Nhưng những lời lẽ nhỏ nhẻ đó không làm thỏa mãn những người đang trông đợi nhiều hành động cụ thể hơn. Trong một lá thư giáo sĩ nhân ngày Chúa Nhật Lễ Lá (Palm Sunday), Hồng y Egan lập lại chính sách của ông là sẽ đích thân cứu xét những vụ tố cáo xâm phạm tình dục và thúc giục nạn nhân báo cáo vụ việc với cảnh sát. Và ông bảo vệ sự đàng hoàng của mình khi ở Bridgeport giống như một luật sư: mỗi một vụ được tiết lộ đều xảy ra vào thời người tiền nhiệm; ông lấy ý kiến của những nhà chuyên môn khi ông tái bổ nhiệm những tu sĩ có tội đó vào trong nhà thờ.

Định chế bí mật

Nhiều người trong chúng ta có lẽ như vừa được đánh thức dậy với cảm giác sững sờ trước vụ lạm dụng tình dục trẻ em (pedophilia) từ tháng 1/2002 khi tờ báo Boston Globe tiết lộ những tội lỗi của tu sĩ John Geoghan và thói quen che dấu chúng một cách có hệ thống của giáo xứ. Nhưng giáo hội Hoa Kỳ đã biết tất cả về điều đó - hành vi sai phạm tình dục sâu xa, rộng lớn và thường xuyên đến như thế nào - ít nhất là kể từ vụ tai tiếng xâm phạm tình dục lớn đầu tiên nổ ra tại một phiên tòa ở Louiasiana năm 1985, khi cha Gilbert Gauthe bị kết án 20 năm tù vì tội hiếp dâm hàng chục trẻ em, khiến giáo hội phải chịu bồi thường tổng cộng đến 18 triệu đồng.

Trong những năm kế đó, có thêm những vụ lớn hơn và tốn kém nhiều tiền hơn để giải quyết - ước lượng đến một tỷ đô la hoặc hơn - nhưng rồi cũng chỉ có những nỗ lực nửa vời trong việc thừa nhận những đường lối chỉ đạo cứng rắn nhằm đối phó với vấn đề. Trước đó, cha Thomas Doyle, cố vấn giáo luật tại tòa đại sứ Vatican ở Washington thảo ra một bản tường trình 100 trang đề nghị rằng những kẻ có tội phải bị cách ly với trẻ em, rằng nạn nhân phải được cứu giúp và rằng công chúng phải biết sự thật. Nhưng bất cứ khi nào có một vụ mới xảy ra, giáo hội lại nói đó chỉ là một sự lầm lỡ, một trường hợp riêng lẻ, một trái táo hư. Hoặc cho đó là đòn công kích trên mặt truyền thông của báo chí chống-công-giáo.

Mô thức các giáo xứ áp dụng là phủ nhận và nói dối. Họ xem tình dục như một hư hỏng luân lý và tội ác như một vấn đề tôn giáo. Giáo Hội

Thiên Chúa Giáo La Mã là một hệ thống tôn ti chặt chẽ luôn luôn giữ mọi cuộc thảo luận trong vòng bí mật, tự giám sát và ra lệnh từ bên trên. Một tu sĩ biết vâng lời leo lên nấc thang quyền hành bằng cách luôn luôn cúi đầu tuân phục, nhận các phần thưởng nhờ thói quan liêu và tính bảo thủ. Khi những Hồng y được phong chức, họ phải thề trước giáo hoàng là "giữ bí mật mọi điều vì nếu tiết lộ sẽ tạo nên tai tiếng và làm hại giáo hội." Mỗi lần xảy ra vụ xâm phạm tình dục, Vatican nói với các giám mục, đó là việc riêng của quý vị. Nếu tránh cho giáo hội khỏi tai tiếng mới chính là đức hạnh của Hồng y, rồi các vị tổng giám mục của 194 giáo xứ ở Hoa Kỳ chịu trách nhiệm trực tiếp về những vụ sai trái của tu sĩ sẽ biến điều đó thành nguyên tắc đầu tiên của họ. Tốt hơn là đừng bao giờ để cho công chúng biết.

Nếu có lời cáo buộc nào xảy ra trong giáo xứ thì vị tổng giám mục, người thường hành xử quyền hành của mình y như chức linh mục đã dành cho ông chia sẻ một phần tính không-phạm-tội (infallibility) của giáo hoàng, đóng vai trò vừa là công tố viên, vừa là quan tòa vừa là người kết án. Tuyệt vọng vì phải giữ lại trong giáo hội ngay cả những tu sĩ phạm tội, khi số tu sĩ càng ngày càng giảm sút một cách đáng báo động, và đặt uy tín giáo hội lên trên hết, những giám mục cố làm đẹp tổ chức. Bằng cách thuyết phục gia đình rằng sự công khai sẽ làm hại đức tin. Bằng cách đừng báo cho cảnh sát; đừng báo động cho giáo xứ. Bằng cách thuyết phục vị tu sĩ thú tội, rồi đưa đến một trung tâm phục hồi bí mật để có thời gian thư giản và xá tội. Và cho ông ta trở lại làm nhiệm vụ tại một giáo xứ khác, cùng một cách mà họ sử dụng đối với các tu sĩ nghiện rượu. Bao nhiêu năm, các giám mục tin, hay tự làm cho mình tin rằng tội xâm phạm tình dục trẻ con có thể được "chữa trị," cho đến khi một loạt những vụ hiếp dâm và nhiều nạn nhân và những kẻ phạm tội tiếp tục phạm tội chứng minh rằng niềm tin đó không đúng. Chỉ có những kẻ ngoan cố phạm tội nhiều lần, cuối cùng mới bị "cởi áo" (laicized) - buộc phải ngưng chức tu sĩ - một thời gian lâu sau khi họ đã làm những điều tệ hại nhất. Nếu nạn nhân kiện cáo, chiến lược là không thừa nhận gì hết, mua sự im lặng, dàn xếp bãi nại và kết thúc bằng một hợp đồng bí mật. Richard Sipe, nguyên là một tu sĩ dòng Benedic, thường ra tòa với tư cách một nhà chuyên môn cho phía nguyên cáo trong những vụ xâm phạm tình dục, nói: "Giáo hội luôn luôn chọn thế phòng thủ hơn là hành động."

Khoảng 30, 20, hay ngay cả 10 năm trước đây, trẻ em thường giữ im lặng việc bị hiếp. Nói chung, các em thiếu kiến thức, sợ hãi, cảm thấy có tội và không chắc là có ai tin các em không. "Tôi không nhận ra điều đó là xâm phạm tình dục lúc bấy giờ," Chris Dixon, 40 tuổi, nói với phóng viên báo Times. Chỉ đến tháng này (4/2002), ông mới nói rõ chi tiết về những lời cáo buộc hai thập niên trước chống lại tổng giám mục Anthony O'Connell, Palm Beach, bang Florida, người từ chức ngay mấy ngày sau đó. "Tại sao một ai đó lại tin tôi? Tôi nghĩ rằng cha mẹ tôi sẽ trách tôi." Những gia đình sùng đạo - những tu sĩ tội lỗi lại thích chọn nạn nhân của họ từ những tín đồ nhiệt thành nhất - thường được dạy trong nhiều thế hệ là phải ca ngợi, kính trọng và tin cậy tu sĩ. Có ai dám tưởng tượng rằng cha Tim - vẫn thường đến ăn cơm tối, chơi đùa với mấy đứa nhỏ, an ủi mẹ và cư xử như cha - lại làm một điều tội lỗi như vậy? Ngờ vực tu sĩ sẽ phải trả giá bằng chính sự an toàn tâm linh của mình. Khi Ralph Sideway kể cho mẹ ông cách đây 65 năm rằng một ông tu sĩ trong giáo xứ đã hiếp dâm mình thì "bà la rầy ông ta vì người ta không nên nói như vậy về các tu sĩ," Sheldon Stevens - luật sư ở Florida, lo vụ kiện của đứa con lớn của Ralph tên là Kevin, về việc anh ta bị cha Rocco D'Angelo hiếp dâm khi còn nhỏ- kể lại như vậy. Nhà thờ biết chuyện đó và (dùng nó như một ví dụ) để can ngăn người ta không nên khiếu nại. Không có cách nào biết được là cái dịch xâm phạm tình dục trẻ em có được kiểm tra hay không. Hầu hết các trường hợp nằm trong hồ sơ đều xảy ra nhiều năm trước đó. Nếu việc thú nhận các tai nạn đáng hổ thẹn đó trong quá khứ đối với người lớn dễ dàng hơn thì khó mà buộc các cậu bé nói ra ngay khi vụ việc đang tiếp diễn. Neil Blaka, một luật sư ở New Mexico chuyên về các vụ xâm phạm tình dục, nói: "Tôi không rõ là hiện có những tu sĩ nào đang hiếp dâm trẻ em đâu đó, bởi vì các em sẽ chẳng kể với ai chuyện đó. Họa chăng phải đến năm 2015 chúng ta mới biết."

Đến phiên luật pháp

Những câu chuyện nổ bùng trên trang đầu các báo đang thay đổi thái độ của giáo hội, dù các cấp lãnh đạo có thích hay không. Do áp lực, một số tổng giám mục đã tranh nhau loan báo chính sách "zero-tolerance" (hoàn toàn không khoan

hồng) đối với bất cứ tu sĩ nào bị cáo buộc phạm tội, dù trong quá khứ hay hiện tại. Có đến 12 tu sĩ ở Los Angeles đã âm thầm bị cách chức trong vài tuần gần đây. Giáo xứ Orange County ở Nam California đưa cha Michael Pecharich khỏi nhà thờ vào đầu tháng ba ngay khi tìm thấy bằng chứng của một vụ hiếp dâm xảy ra trước đây hàng chục năm. Khi Kathryn Barrett-Gaines và người chị, hiện đã ngoài 30, tiếp xúc tổng giáo phận ở Washington hai tuần trước để tố cáo đức ông Russell Dillard - 54 tuổi, vị linh mục rất được hâm mộ của Cộng Đoàn Công Giáo La Mã Mỹ gốc Phi lâu đời nhất của thành phố - là đã "hôn và sờ mó bậy bạ" khi cả hai còn ở lứa tuổi thiếu niên, Hồng y Theodore McCarrick tức khắc đình chỉ công tác người bạn tốt của ngài (Dillard). Dillard nói với cấp lãnh đạo trực tiếp của ông rằng ông "đã không vượt quá biên giới của sự đứng đắn," nụ hôn của ông là "nụ hôn giữa cha và con gái" (father-daugher kissing). Tuy nhiên, McCarrick gửi Dillard tới lượng giá ở một bệnh viện chuyên về xâm phạm tình dục, báo cho cảnh sát về vụ khiếu nại và sẽ không để cho vị tu sĩ được yêu mến này trở về nếu hai chị em nói đúng sự thật.

Những giáo dân có giáo dục, quyền thế trong địa phận trung thành với Dillard thẳng thừng phản đối sự đình chỉ công tác này (của Dillard) (...) Không phải ai cũng cảm thấy thoải mái với sự thiếu thủ tục thích đáng mà chính sách "zero-tolerance" dành cho những bị cáo. Dĩ nhiên, có ít thủ tục thích đáng khi những cuộc điều tra nằm trong tay các tổng giám mục. Năm ngoái, Vatican đưa ra những quy định mới bí mật đến nỗi hầu hết những tu sĩ (churchmen) không biết rằng mọi điều đã thay đổi. Roma lặng lẽ công bố, bằng tiếng la-tinh, một chỉ thị của giáo hoàng được gọi là "motu propio" (nghĩa là dưới thẩm quyền cá nhân của ngài), chen vào bên trong một bài dài trình bày thành tích hàng năm của Tòa Thánh. Chỉ thị hướng dẫn những vụ tố cáo xâm phạm tình dục phải được bí mật mang ra xét xử bởi "Congregation for the Doctrine of the Faith" (Giáo Đoàn về Tín Lý Đức Tin) đã từng biết dưới tên "Inquisition" (Tòa Án Dị Giáo) trước đây nhằm giữ mọi tiến trình xét xử dưới sự kiểm soát chặt chẽ của giáo hội. Chỉ thị không nói gì về việc báo cho nhà chức trách dân sự.

Nghị Hội Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ cũng không đưa ra những nguyên tắc chỉ đạo phổ quát trong việc thực hiện đúng đắn chính sách "zero-tolerance." Jan Malicki, thụ phong linh mục ở Ba Lan, đến North Miami cuối thập niên 1980 để làm linh mục phụ tá. Năm 1998, hai phụ nữ tố cáo ông ta xâm phạm tình dục trong khi một trong hai người còn nhỏ. Malicki nói giáo phận đã mang ông ta ra làm dê tế thần khi vội vàng loan báo ông sắp bị bắt và rồi không thừa nhận trách nhiệm của giáo hội vì được bảo vệ bởi Tu Chính Án số 1. Ngay cả dù những nhà điều tra quận hạt kết luận hai năm trước đây rằng họ không có cơ sở để buộc tội ông ta, Malicki vẫn còn nghỉ việc. "Tổng giáo phận đã đứng ra ngoài để cho vị tu sĩ này tự xoay sở lấy," Ellis Rubin, luật sư của Malicki nói như thế. Còn người tiền nhiệm của Dillard thì tự hỏi: "Điều đó đã đi quá xa chăng? Tôi cho rằng bây giờ mỗi một tu sĩ đều hàng ngày nơm nớp lo âu rằng mình có thể bị tố cáo vì một điều gì đó."

Khi các vụ tố cáo chồng chất, tương quan giữa giáo hội với luật pháp bị buộc phải xét lại. Cho đến hôm nay, chỉ có 19 tiểu bang đòi hỏi giới tăng lữ báo cáo những nghi ngờ hay cáo buộc xâm phạm tình dục trẻ em với nhà chức trách. Trong khi những nhà lập pháp vội vã đưa ra những đạo luật "báo cáo bắt buộc" (mandatory reporter law) áp dụng cho giáo hội, nhiều giám mục nói họ đã cam kết báo cáo cho cảnh sát bất cứ tội phạm nào mới xảy ra. Một số giáo xứ, như ở Boston hay Bridgeport, đang lục lọi những văn kiện lưu trữ bí mật của họ để tìm ra những chi tiết của tất cả các vụ kiện, lùi lại cả 49 năm trước. Nhưng ở New York, Hồng y Egan lại chẳng mấy để ý rằng mọi sự bây giờ đã thay đổi. Ông vẫn tự giữ cho mình cái quyền hành xem xét các tu sĩ có vấn đề, sẽ báo cáo cho cảnh sát những vụ nào chỉ khi nạn nhân đồng ý và ông cảm thấy có "lý do chính đáng" để tin tưởng họ. Những hồ sơ cũ sẽ vẫn được giữ kín.

Các tiểu bang đang nghiên cứu về các đạo luật giới hạn các vụ khiếu nại liên hệ đến tội xâm phạm tình dục vốn rất khác nhau. Một ít tiểu bang, như Florida chẳng hạn, có thể theo đuổi các cáo buộc tội phạm trong hầu hết các vụ, nhưng một số (tiểu bang khác) lại không cho phép truy tố sau hơn 1 hay 5 hay 10 năm sau khi đứa bé nạn nhân lên 18 tuổi. Nhờ vậy mà hầu hết các tu sĩ bị cáo thoát khỏi bị kết án và ở tù dài hạn. Trong trường hợp vụ kiện chống lại cha Marshall Gourley ở Denver, không bên nào cảm thấy mình thắng kiện hoàn toàn khi nội vụ bị xếp lại vì đạo

luật giới hạn hết hạn. Cha Gourley vẫn còn vô tội.

Nhiều năm, hầu hết những vụ đưa ra tòa là những vụ kiện dân sự, nhưng tổn phí rất lớn, có khi đến hàng triệu đô la. Do đó, một số giáo xứ chấp nhận những chiến thuật pháp lý bằng cách lăng mạ lại nạn nhân. Một nhóm 39 nguyên cáo đã chiến đấu với giáo xứ ở Providence, Rhode Island, kéo dài cả 10 năm trời để dành tiền bồi thường từ những vụ xâm phạm tình dục của 11 tu sĩ. Những luật sư do nhà thờ thuê mướn tấn công vào tính tin cậy của các nạn nhân và làm nhục gia đình họ. Họ tấn công dồn dập nạn nhân với hàng 500 câu hỏi viết sẵn, đòi hỏi giấy khai thuế lợi tức trong vòng 30 năm, đòi được xem tên tuổi và ngày tháng cho mỗi một lần đi khám bác sĩ từ lúc 12 tuổi. Họ tranh cãi với các bà mẹ về đời sống tình dục của các nạn nhân. Lee White, 45 tuổi, một trong những nguyên đơn nói: "Đó là một sự đe dọa. Tôi cảm thấy giống như là đang bị xâm phạm một lần nữa" (I feel like I am being reabused).

Nhìn về tương lai

TOrước hết, giáo hội phải thừa nhận tầm mức của sự thiệt hại. Những đoạn văn đầy ẩn dụ vào cuối lá thư Thứ Năm Tuần Thánh (Holy Thursday letter) của Giáo hoàng gửi cho các tu sĩ khó mà xây dựng nên một thứ "mea culpa" thực sự. Tại cuộc họp báo sau đó, Hồng y Castrillon Hoyos, một ứng viên chức giáo hoàng kế nhiệm, bỏ qua hàng loạt câu hỏi, lên tiếng bảo vệ chính sách hiện tại một cách cương quyết. Nêu ra những quy luật nội bộ "nghiêm khắc và cứng rắn" mà giáo hội đã áp dụng đối với các tu sĩ phạm tội, Hồng y nhìn lên từ bài viết của ngài và hỏi xem có những tổ chức nào có những hướng dẫn chỉ đạo như thế hay không. Ông đưa ra một ngón tay và nói: "Tôi chỉ biết có một mà thôi."

Vatican từ lâu đã bỏ ngoài tai tất cả những náo động của "vấn đề Mỹ" nếu như nó chẳng gây khó khăn gì sang các nước khác. Ở bên trong tòa thánh, các giám mục gièm pha, bêu riếu cái bản chất "ưa kiện cáo" của xã hội Mỹ và trách các tu sĩ về những tập quán tình dục lỏng lẻo kiểu Mỹ. Một viên chức Vatican than phiền "Ở Mỹ, sự quá tin cậy vào tâm lý học hiện đại thế chỗ cho cái khôn ngoan truyền thống của giáo hội." Những viên chức nói đức giáo hoàng hết sức đau lòng vì cuộc khủng hoảng của giáo hội Mỹ. Nhưng như thế không có nghĩa rằng ngài sẵn sàng hoặc có thể đương đầu với một vấn đề nổ bùng như thế. Luật sư Jeff Anderson ở Minnesota, người đã đứng ra kiện giáo hội về những vụ lạm dụng, cho rằng vai trò giáo hoàng không chấp nhận cúi đầu trước áp lực bên ngoài. "Họ sẽ không thay đổi cho đến khi nào một giám mục bị bỏ tù và mỗi một giám mục nghe cánh cửa tù đóng sầm đàng sau lưng và âm thanh vang vọng tới Vatican."

Nhưng sẽ không phải dùng một loại cách mạng kiểu Công Đồng Vatican II để bắt đầu cải tiến cách giáo hội xử lý các vụ xâm phạm tình dục. Mới đây, qua một bản tường trình của hàng giáo phẩm, tổng giám mục Atlanta, John Donoghue, ghi lại một ít bài học: báo cáo ngay các vụ tố cáo cho cơ quan luật pháp. Hợp tác trong các cuộc điều tra. Cách ly người bị tố cáo khỏi trẻ em. Và nếu ông ta nhận tội, không cho ông ta trở lại công việc nhà thờ. Scott Appleby, giám đốc của "Notre Dame' s Cushwa Center for the Study of American Catholicism" (Trung Tâm Nghiên Cứu về Thiên Chúa Giáo Hoa Kỳ tại Notre Dame) cho rằng Nghị Hội Tổng Giám Mục Thiên Chúa Giáo nên tìm ngay ra một quy ước thống nhất có tính cách cưỡng chế ràng buộc các chính sách chứa đựng những nguyên tắc đó. "Vấn đề xảy ra trong quá khứ là do tính tự trị của mỗi một giám mục - tự do chấp nhận hay không chấp nhận những chính sách của nghị hội." Nhiều người gợi ý rằng mỗi một giáo xứ nên cử ra một tiểu ban gồm những cố vấn độc lập nằm ngoài giới tu sĩ (lay advisers) - chẳng hạn như luật sư, tâm lý gia - để giám sát từng vụ lạm dụng một. Cần có thêm các vụ kiểm tra nghiêm túc và các khóa huấn luyện trong chủng viện được hiện đại hóa dành cho các tu sĩ còn thiếu kiến thức về tình dục, sẽ rất hữu ích. Nói chung, đi chập chững từng bước một.

Nhưng theo một số càng lúc càng lớn những người Thiên Chúa Giáo La Mã, chẳng hạn như giáo sư tôn giáo Cristina Traina, đại học Northwestern, thì (chừng đó) vẫn không đủ để bù đắp cho "vi phạm quá đáng" của giáo hội về sự tin cậy. Nhiều nạn nhân bị lên án là kiện cáo chỉ để lấy tiền, phát biểu rằng cái mà họ thực sự mong muốn chính là sự khoan dung tâm linh (spiritual generosity): một sự xin lỗi từ giáo hội, thừa nhận những tội lỗi đã phạm phải và giải thích rõ giáo hội đã dung túng cho những tội phạm như thế nào. Traina cho rằng sự giận dữ sẽ không bắt

đầu vơi đi cho đến khi những tu sĩ từ trên xuống thú tội và ăn năn hối cải thực sự. "Phải có một sự phát biểu công khai nhân danh tất cả những người dính líu vào việc bao che" và cái cơ cấu quyền lực hỗ trợ cho sự bí mật phải được thay thế cho phù hợp với "những chuẩn mực kỹ nghệ" (industry standards) của hành vi đạo lý."

Thực tế thì Rome sẽ chẳng để ý gì đến những cải cách lớn lao trong khi cuộc khủng hoảng đang còn trong tình hình dầu sôi lửa bỏng. Điều đó là để trấn an hai Hồng y dính líu sâu nhất trong vụ tai tiếng là Hồng y Law ở Boston và Egan ở New York. Nhưng nhiều người Công giáo có ảnh hưởng đang gợi ý rằng giáo hội Hoa Kỳ sẽ hưởng lợi nếu như những người lãnh đạo cao cấp nhất từ chức để tỏ dấu ăn năn. Một bài xã luận trong tuần san "Roman Catholic of America" phát hành toàn quốc có đoạn viết "Nếu ngay từ đầu, một vài giám mục nhận hết trách nhiệm và từ chức thì những nạn nhân, tu sĩ, giáo xứ, ngành truyền thông và các bồi thẩm có lẽ ít tìm cách trút cơn giận dỗi lên toàn thể giáo hội như vậy. Chẳng hề có một giám mục nào (trừ hai người phạm tội) từ chức trong cuộc khủng hoảng 15 năm này là rất đáng ngạc nhiên."

Nếu những giám mục vẫn ở lại, giáo dân mong muốn những người lãnh đạo của họ chuyển đổi chủ trương bí mật thành công khai và tinh thần trách nhiệm. Hồng y Wilton Gregory, chủ tọa Nghị Hội các Hồng Y cho rằng bó buộc đầu tiên là "làm cho những vấn đề như thế ai cũng biết". Thứ đến là đặt ra những quy luật rõ ràng buộc giáo hội phải chịu trách nhiệm về những sai sót của mình. Lời kêu gọi hùng hồn đó xuất phát từ những cây bút bảo thủ như William J. Bennett, người đã khuyên "Hành động, lời nói và sự tiết lộ đầy đủ là một điều bó buộc (phải làm) nếu muốn bảo vệ thanh danh của giáo hội." Và nó cũng đến từ những nhà chuyên môn về xâm phạm tình dục như Richard Sipe "Giáo hội sẽ không thoát ra khỏi khủng hoảng nếu không mở ra đầy đủ một cuộc đối thoại mà lại cứ tiếp tục dùng hệ thống bí mật để xử lý mọi việc." Các nạn nhân cũng nói, tiếp tục nói như thế. Jim Griley, 39 tuổi, cho biết anh đã bị tu sĩ Michael Pecarich ở California xâm phạm tình dục 30 năm trước, nói anh có sứ mệnh phá vỡ sự bí mật của giáo hội. "Điều này sẽ mang lại sự tẩy rửa sạch sẽ cho giáo hội. Họ cần lật những hòn đá này lên. Họ cần mang điều này ra cho mọi người đều biết."

Tầm mức rộng lớn của vụ tai tiếng đã làm những người Công giáo Hoa Kỳ giận dữ khi chẳng có gì trước đó kêu gọi cho cuộc thảo luận về lý thuyết gây ra nhiều tranh cãi - chẳng hạn như chế độ độc thân, tu sĩ lập gia đình, linh mục phụ nữ. Cha Richard McBrien, một giáo sư tôn giáo tại đại học Notre Dame cho rằng chính những vấn đề đó là nguồn gốc của chuyện xâm phạm tình dục trẻ em. Bản tường trình chính thức của tổng giáo phận Boston, tuần rồi, thúc dục những người Công Giáo La Mã đặt vấn đề và nghiên cứu xem những giáo điều xưa cũ này có còn cần thiết hay không. Những người ủng hộ cải cách cho rằng nỗ lực của giáo hội nhằm lấp đầy hàng ngũ tu sĩ đang thiếu hụt trầm trọng có thể sẽ tiếp nhận được nhiều ứng viên lành mạnh hơn , hiểu biết rõ hơn về tình dục nếu những người đàn ông có gia đình và phụ nữ được cho phép (trở thành linh mục). Nhưng hiện Rome chẳng quan tâm gì đến sự thay đổi hệ thống tăng lữ toàn đàn ông độc thân này. Theo Chester Gillis, giáo sư thần học tại Georgerown University, hy vọng thực tế duy nhất cho một cuộc cải cách mạnh mẽ như thế tùy thuộc vào vị giáo hoàng sắp kế nhiệm.

Công Giáo La Mã đã không bao giờ là một tôn giáo dân chủ. Nhưng trong một bài giảng đầy xúc động hai tuần trước đây, đức ông Clement Connolly, thuộc giáo xứ Holy Family ở South Pasadena, California - là giáo xứ vốn không dính dáng gì đến bất cứ một vụ tố cáo nào - thách thức cấp thẩm quyền giáo hội mở rộng trái tim và tâm hồn giáo hội cho một cuộc đối thoại không hề có trước đó. Ông nói với tờ Times "Hiện chúng ta chẳng có một dụng cụ gì trước mặt, chúng tôi cho rằng nếu chúng ta nói với giáo dân, lắng nghe giáo dân và chia sẻ với họ, chúng ta sẽ có dụng cụ ngay." Khi những người Công Giáo La Mã trên toàn xứ sở đến ngồi đầy nhà thờ để làm lễ phục sinh, nhiều người xót xa, than phiền là vì tai tiếng đã lay động đức tin của họ đến tận cùng. Herb Timm, ở Winnetka, Illinois cho rằng "Dĩ nhiên, chúng tôi phẫn nộ." Ed Ternan, ở giáo xứ Holy Family, gọi vụ tai tiếng là "một thời điểm quan trọng trong sinh hoạt của giáo hội," bi kịch cho nạn nhân, cho tu sĩ, cho giáo hội. "Lối hành xử cũ để đối phó với vụ tai tiếng bằng cách chẳng đối phó gì cả sẽ không đưa đến hiệu quả nào." Thay vào đó, những nhà lãnh đạo giáo hội cần phải cầu nguyện rằng họ có thể tìm ra thuốc chữa trước khi các tín đồ mất hết đức tin của họ./.

NHỮNG NỮ TU HY VỌNG VỤ TAI TIẾNG XÂM PHẠM TÌNH DỤC SẼ MANG LẠI CẢI TỔ SÂU RỘNG

ELIZABETH MEHREN VÀ MARY ROURKE
C.N. dịch từ báo *Los Angeles Times* ngày 30/4/2002

Những hình ảnh từ Rome khiến bà nữ tu Marie LaBollita hết sức giận dỗi. Tất cả đều là những người đàn ông tóc bạc trong bộ đồ lễ màu đỏ (hồng y) nhưng chẳng một nạn nhân nào của vụ xâm phạm tình dục có mặt. Chẳng có một thành viên gia đình nào để chứng tỏ sự tác hại gây ra do hành vi xâm phạm tình dục. Chẳng có một nhà chuyên môn nào về căn bệnh ưa quan hệ tình dục với trẻ em (pedophilia). Cũng chẳng có một phụ nữ nào.

Từ văn phòng của bà tại nhà thờ "Our Lady Help of Christians" ở thành phố Newton, Massachusetts, nữ tu LaBollita nói trong khi đang nhìn cuộc họp diễn ra ở Vatican của những Hồng y Hoa Kỳ tuần rồi: "Thật là xấu hổ. Tôi nổi giận." Tuy không từng ở trong phong trào nữ quyền, người nữ tu 41 tuổi vốn là cựu nhân viên của "Sisters of Charity" này phản ảnh cảm giác phẫn uất đang dâng lên giữa nhiều trong số 76 ngàn nữ tu trên toàn quốc Hoa Kỳ. Đã hàng bao nhiêu thế kỷ, họ lặng lẽ phục vụ cho nhà thờ trong lúc những người đàn ông điều hành mọi việc. Bây giờ, trong khi giáo hội đang đắm chìm trong vụ tai tiếng xâm phạm tình dục trầm trọng, nhiều vị nữ tu bày tỏ nỗi giận dữ và một cảm thức sâu xa về sự phản bội.

Cùng với hàng ngàn giáo dân Công giáo và cả một số trong hàng ngũ tăng lữ, những nữ tu đòi hỏi được đóng một vai trò lớn hơn và bình đẳng hơn cho phụ nữ trong giáo hội. Họ hiểu được ngay vụ tai tiếng là một cơ hội để đặt vấn đề về chế độ độc thân bắt buộc cho các tu sĩ - và thúc giục giáo hội thừa nhận một thái độ rõ ràng hơn về tính dục. Từ những thiếu nữ vị thành niên cho đến những phụ nữ lớn tuổi và làm nhiều công việc khác nhau, những nữ tu Hoa Kỳ không phải là một nhóm duy nhất. Chẳng có ai thăm dò ý kiến họ để đánh giá chung phản ứng của họ đối với vụ tai tiếng xâm phạm tình dục của các tu sĩ. Nhưng tổ chức nữ tu lớn nhất của quốc gia, "The Leadership Conference of Women Religious', dự tính sẽ đưa cuộc khủng hoảng ra trước hội nghị tuần này tổ chức ở Vatican. Eugene Kannedy, tác giả cuốn "The Unhealed Wound: The Church and Human Sexuality" và là giáo sư danh dự tại đại học Loyola ở Chicago cho rằng đối với những nữ tu, lúc này là thời điểm quan trọng. "Giáo hội Hoa Kỳ mang nợ rất nhiều về sự thành công của giáo hội đối với phụ nữ, những người nữ tu đã hy sinh một cách rất anh hùng. Những phụ nữ này có một ý thức rõ ràng rằng, cũng như những công trình kiến trúc hoặc là những giám mục, họ là giáo hội - và họ sẽ nói ra quan điểm của họ. Và khi nói, họ sẽ nói rõ ràng và nói lớn."

Hàng thế kỷ rồi, những nữ tu đã phục vụ như những người chăm sóc: cô giáo, y tá, nữ hộ sinh và giúp đỡ cho "những người bị thương vì bạo động hay bị tước mất hết hy vọng." Đây chính là những lời mà LaBollita đã khấn hứa khi bà gia nhập dòng tu. Kể từ đó, những sắc lệnh từ tòa thánh Vatican đã thay đổi cách sinh hoạt của các nữ tu. LaBollita đã chuyển thói quen của bà để đổi lấy chiếc áo khoác màu đỏ và chiếc váy đen gọn gàng. Bà chạy xe Honda nhanh đến nỗi bạn bè gọi bà là "người nữ tu bay." Tuy thế các nữ tu vẫn phải chịu khuất phục dưới một lề thói cũ do giai cấp tăng lữ đàn ông khống chế. Nhưng nay thì họ nhìn thấy triển vọng của một cuộc cách mạng. Những nữ tu này nói dù có bi thảm và xáo trộn cách mấy, vụ tranh cãi về sự sai trái tình dục của các tu sĩ có thể mở những cánh cửa ra cho một cuộc cải cách đã từ lâu rất cần. Bà Chris Schenk, một nữ tu ở nhà thờ St. Joseph, Cleveland, nói: "Tôi cho rằng điều này tạo nên một bước ngoặc. Nó tiếp thêm nghị lực cho những nữ tu. Quý vị cứ nhìn vào các hậu quả do tập tục giữ bí mật trong giới tăng lữ và loại trừ phụ nữ thì sẽ rõ. Điều đó sẽ chẳng còn tác dụng nữa." Joan Chittister, nữ tu dòng Benedic hiện sống ở Erie, Philadelphia, đồng ý rằng giáo hội không thể nào

cứ tiếp tục dựa mãi trên cái "tập tục ba chân (tripod culture) là im lặng, độc quyền và bác bỏ (silence, exclusivity and demonization). Cái đã xảy ra trong nhiều vụ là một tội ác, một tội lỗi. Nhưng đó cũng là một triệu chứng của một tổ chức cần thay đổi." Chittister đã bị tòa thánh La Mã khiển trách năm rồi vì đã viết và thuyết trình những đề tài về quyền của phụ nữ trong giáo hội. "Cái mà chúng ta đang chứng kiến là bước khởi đầu cải cách trong giáo hội không còn chỉ là phỏng đoán," bà tiếp.

Thay đổi lớn lao nhất sẽ là sự tham dự của phụ nữ trong việc hình thành chính sách của giáo hội và sự mở rộng hàng ngũ lãnh đạo giáo hội cho người phụ nữ tham gia. "Điều này đã bắt đầu xảy ra. Quý vị phải đưa toàn thể giáo hội vào trong việc xác định những gì giáo hội cần." Khi nào thì những chuyện đó sẽ xảy ra là một việc khác. Hiện tại, Chittister vạch ra rằng "Chúng ta chẳng có một địa vị chính thức nào trong giáo hội. Chúng ta sẽ không được hỏi ý kiến về cuộc khủng hoảng này, chẳng khác gì cộng đồng giáo dân." (Các nữ tu thường chịu trách nhiệm trước các trưởng dòng tu của họ và những vị này trình báo về Vatican. Trong một số trường hợp, nữ tu cũng chịu trách nhiệm đối với cấp thẩm quyền giáo xứ địa phương).

Nhiều nữ tu cũng muốn chấm dứt thói quen giấu giếm trong giáo hội. Nữ tu Nancy Sylvester, thành viên của dòng "The Servants of the Immaculate Heart of Mary" và nguyên là giám đốc nhóm vận động hành lang cho công bằng xã hội tại Washington D.C, nói: "Cơ cấu của giáo hội không cho phép thảo luận công khai. Bí mật là dụng cụ mà tầng lớp lãnh đạo dùng để duy trì quyền hành và kiểm soát những vấn đề gây tranh cãi." Thêm vào đó, những nữ tu này kêu gọi có những cuộc thảo luận công khai về đạo đức tính dục trong giáo hội. Nữ tu Kathleen Pruitt thuộc nhà thờ "St. Joseph of Peace," Seatle, chủ tịch của "Leadership Conference of Women Religious", nói: "Thần học về tính dục con người kém phát triển một cách đáng tiếc ở trong giáo hội Công Giáo La Mã." Dù không được lập gia đình (như nam giới), những nữ tu lại được giáo dục tốt hơn các nam tu sĩ trong lãnh vực tính dục con người bởi vì việc huấn luyện chuyên môn đòi hỏi điều đó, Pruitt phát biểu.

Khắp xứ sở - trong các tu viện, công sở, và khuôn viên đại học - các nữ tu gặp gỡ, trò chuyện, cầu nguyện và truyền thông qua Internet. Họ bày tỏ nỗi đau xót ghê gớm của họ đến các nạn nhân bị xâm phạm tình dục và gia đình của họ. Nhưng họ cũng nhanh chóng nhắm đến thẩm quyền đã cho phép những kẻ lạm dụng tình dục thực hiện được ý định ngay trong hàng ngũ của mình: những viên chức Công giáo đã chuyển những tu sĩ phạm tội từ giáo xứ này qua giáo xứ khác và che giấu dấu vết của họ. Một vài nữ tu cảm thấy ray rứt giữa lòng trung thành đối với giáo hội mà họ nguyện theo suốt đời và sự mất

Cơ cấu tổ chức Giáo Hội Công Giáo

Giáo hoàng (Pope): đứng đầu Giáo Hội Công Giáo La Mã và nhà nước Vatican

Hồng Y (Cardinals): do Giáo Hoàng bổ nhiệm. Các Hồng y cố vấn cho Giáo Hoàng và bầu Giáo Hoàng kế tiếp.

Tổng Giám Mục (Archbishops): điều hành một tổng giáo phận (archdiocese). Một tổng giáo phận gồm có nhiều giáo phận (dioceses) hợp lại.

Giám Mục (Bishops): Coi sóc một giáo phận.

Linh Mục (Priests): đứng đầu một giáo xứ (parish) hay một nhà thờ (church) do Giám Mục bổ nhiệm.

Vai trò của Hồng Y:

- Hồng Y là những tu sĩ được bổ nhiệm bởi Giáo Hoàng. Trong số 176 Hồng Y hiện tại, có 155 vị là do Giáo Hoàng đương nhiệm John Paul II bổ nhiệm.
- Kể từ năm 1059, Hồng Y là những người duy nhất bầu ra Giáo Hoàng.
- Hồng Y Đoàn (College of Cardinals) được thành lập năm 1150 để cố vấn cho Giáo Hoàng trong việc lãnh đạo giáo hội.
- Hầu hết Tổng Giám Mục và Giám Mục đều được nhận danh hiệu Hồng Y. Nếu không, vị đó phải được thụ phong Giám Mục trước khi trở thành Hồng Y.
- Các Hồng Y được xem như là những "Hoàng Tử của Giáo Hội" (Princes of the Church) chia làm ba hạng:
  * Giám Mục Hồng Y (Cardinal Bishops): Giám Mục của 7 khu ngoại ô của Rome.
  * Linh Mục Hồng Y (Cardinal priests) coi sóc những giáo phận thuộc những khu vực đô thị quan trọng. Hồng Y Bernard Law (Boston) và Hồng Y Edward Egan (New York) là những Linh Mục Hồng Y.
  * Trợ Tế Hồng Y (Cardinal deacons): Những tu sĩ nằm trong cơ cấu chính phủ của Giáo Hoàng.

(Theo *Times magazine*)

kiên nhẫn với một tổ chức đầy dẫy những sai sót và lỗi thời. Carole Shinnick - một nữ tu làm việc tại trường học của nhà thờ Notre Dame, hiện là giám đốc điều hành của "The Leadership Conference of Women Religious" ở Sylver Spring, bang Maryland, đồng thời cũng là một nhân viên xã hội làm việc tại dưỡng đường - nói: "Những nữ tu tranh đấu với những cảm giác bất kính mà đôi khi chúng tôi có về giáo hội. Nhưng chúng tôi yêu thương giáo hội và nhìn thấy điều này như là thời điểm mà điều tốt đẹp có thể đến."

Shinnick, gợi đến những ẩn dụ trong sách Phúc Âm để soi rõ sức mạnh và sự cứu chuộc có thể xảy ra từ nỗi phiền muộn và đau khổ như thế nào. Bà nhớ lại thời gian còn đi học và nhận thấy quần chúng nói chung thường thích nghi nhanh chóng hơn cấp lãnh đạo và tổ chức của họ. Và trong khi rất hy vọng, bà thừa nhận "Nói giáo hội La Mã tiến chậm thì không đúng sự thật mấy."

Từ tu viện Carmelite ở Indianapolis, nữ tu Teresa mở một Website gọi là "praythenews.com" để bình luận về vụ tai tiếng tình dục. "Xâm phạm tình dục không có gì kỳ lạ lắm trong những xã hội nguyên thủy. Nhưng người ta mong nhiều hơn từ giáo hội. Khó mà thừa nhận rằng vấn đề đã không bao giờ giải quyết." Theo nữ tu Margaret Farley - thuộc dòng "Sister of Mercy" hiện dạy đạo đức tại trường "Yale Divinity School" và đã viết nhiều bài nghiên cứu sâu xa về đạo đức tình dục - giống như những giáo dân của họ, các nữ tu Hoa Kỳ tin cậy ở giáo hội và bị chấn động khi biết những sai trái về tình dục giữa các nam tu sĩ cứ lan tràn mãi. "Có lẽ không chấn động như những người khác, nhưng những nữ tu biết rõ tính dễ tổn thương và nhược điểm của những nam tu sĩ hơn là những người khác," Farley thú nhận.

Trong nhóm phụ nữ giáo xứ tại nhà thờ "Our Lady Help of Christians," LaBollita lắng nghe trong khi Paula Ford, một giọng nữ cao của ca đoàn, nói về những vấn đề mà Greg Ford, đứa con trai 24 tuổi của bà đang chịu đựng. Khi bà đọc bài xã luận trên tờ Boston Globe về Cha Paul Shanley, một tu sĩ phục vụ và dạy lớp giáo lý cho trẻ em tại "Our Lady" bị tố cáo là xâm phạm tình dục trẻ em, LaBollita run rẩy. Điện thoại gọi từ Paula Ford xác nhận nỗi sợ hãi của bà. LaBollita ôm chặt lấy Greg Ford sau một cuộc họp báo, qua đó, luật sư của anh đã đưa ra những bằng chứng từ nhà thờ cho thấy Tổng giáo phận Boston đã biết rất rõ rằng Shanley đã có quan hệ tình dục với trẻ em. Tại một phiên xử tháng này (4/2002) qua đó, gia đình Ford đã giành được quyền tìm một sự cung khai từ Hồng Y Bernard Law, LaBollita đã bắt tay luật sư Roderick MacLeish Jr. và ca ngợi ông ta là "đã làm công việc của Thượng Đế." Bà biết rằng đối với những người lãnh đạo giáo hội, sự ủng hộ của bà đối với gia đình Ford và luật sư của họ có thể được xem như bất phục tùng - nhưng bà không quan tâm. "Tất cả những người phụ nữ chúng ta là những người hỗ trợ và nếu biết làm việc chung với nhau, chúng ta sẽ thay đổi tất cả. Trách nhiệm của tất cả chúng ta là hoạt động cho sự cải cách trong giáo hội."

LaBollita quay sang phía bức ảnh của Giáo Hoàng John Paul II và những Hồng Y Hoa Kỳ, đang tập họp tại Rome để xây dựng một chính sách của giáo hội về vấn đề xâm phạm tình dục. "Cả nhóm đàn ông này đang làm quyết định đấy chăng? Thật là kỳ cục!" Cùng với những người nữ tu trên khắp xứ sở, LaBollita nói, bà tự mình tìm thấy đây là một "thời điểm cách mạng" khi "toàn thể vấn đề xâm phạm tình dục đang đặt chúng ta trên con đường cải cách. Điều đó sẽ mang chúng ta đến đâu thì còn phải chờ xem. Nhưng tôi rất hy vọng"

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

VẤN ĐỀ TRUY DỤNG TÀI LIỆU MẬT ĐÃ BẠCH HÓA CỦA CHÍNH PHỦ HOA KỲ

LÂM VĨNH THẾ
Đại Học Saskatchewan
Canada

Từ nhiều năm nay, rất nhiều tài liệu mật của Chính phủ Hoa Kỳ đã được bạch hoá, trở thành một nguồn thông tin quan trọng trong việc nghiên cứu về Việt Nam Cộng Hòa nói chung và Chiến tranh Việt Nam nói riêng. Bài viết nầy nhằm giới thiệu với bạn đọc vấn đề truy dụng (access) loại tài liệu nầy, dựa trên kinh nghiệm bản thân của người viết trong quá trình khai thác các tài liệu nầy trong việc nghiên cứu.

Vài Nét Về Tài Liệu Mật Đã Bạch Hóa Của Chính Phủ Hoa Kỳ

Việc bạch hóa tài liệu mật của Chính phủ Hoa Kỳ bắt đầu từ Lệnh Hành Pháp (Executive Order) số 11652 do Tổng Thống Richard M. Nixon ký ban hành vào năm 1972.1 Với lệnh nầy, hàng ngàn tài liệu của Chính phủ Hoa Kỳ sau Thế Chiến 2, từng được xếp hạng Top Secret, Secret và Confidential, đã được bạch hoá, sau khi trải qua một sự duyệt xét bắt buộc, ghi rõ trong Lệnh Hành Pháp nầy. Các tài liệu nầy gồm đủ loại, từ những công điện, văn thư ngắn vài ba trang cho đến những báo cáo quan trọng, đã từng được sử dụng trong việc hình thành nhiều chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ. Phần lớn các tài liệu nầy là của Cơ Quan Trung Ương Tình Báo (Central Intelligence Agency — CIA), Bộ Ngoại Giao (Department of State — DOS), Bộ Quốc Phòng (Department of Defense — DOD), nhưng cũng có những tài liệu của nhiều cơ quan chính phủ khác, như là Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Council — NSC) và Toà Bạch Ốc (White House — WH).2

Nhà xuất bản Carollton Press tại Washington, D.C. đã tiến hành thu thập các tài liệu nầy, chụp vào vi-phiếu (microfiche), làm toát yếu (abstract), bảng dẫn (index) và ấn hành vào năm 1976 bộ Declassified Documents Retrospective Collection, gồm ba quyển, chia làm hai phần: Part One: Catalog of Abstracts, gồm Volume 1 (pages 1-475) và Volume 2 (pages 476-967); Part Two: Cumulative Subject Index. Đồng thời, Carollton Press cũng xuất bản tạp chí Declassified Documents Quarterly Catalog, ấn hành mỗi năm bốn số, bắt đầu bằng Volume 1 (1975) cho đến Volume 11 (1985). Từ Volume 12 (1986) đến Volume 26 (2000), việc xuất bản tạp chí nầy do nhà xuất bản Research Publications ở Woodbridge, Connecticut đảm nhiệm, và tạp chí nầy đổi sang tên Declassified Documents Catalog (xin gọi tắt là DDC) và ấn hành mỗi năm bảy số. Từ Volume 27 (2001) đến nay thì do nhà xuất bản Primary Source Microfilm cũng ở Woodbridge, Connecticut đảm nhiệm và vẫn tiếp tục ra mỗi năm bảy số. Cách sắp xếp các số như sau: mỗi hai tháng ra một số (số 1 cho 2 tháng Jan./Feb.; số 2 cho hai tháng Mar./Apr.; và cứ thế cho đến số 6 cho hai tháng Nov./Dec.); các số từ 1 đến 6 gồm hai phần: phần thứ nhứt là liệt kê các toát yếu của các tài liệu, phần thứ nhì là Bảng dẫn theo đề tài (Subject Index); cuối năm ấn hành số 7 sẽ là Bảng dẫn theo đề tài tổng hợp cho cả năm (Cumulative Subject Index). Trong các số từ số 1 đến số 6 của từng năm, các toát yếu được xếp theo thứ tự mẫu tự của tên viết tắt của các cơ quan, thí dụ tài liệu của CIA sẽ được liệt kê trước các tài liệu của DOD, và các tài liệu của DOD sẽ được xếp trước các tài liệu của DOS, v.v. Các toát yếu đều được đánh số thứ tự cho từng năm, nhà nghiên cứu sẽ dùng con số thứ tự cho từng năm nầy để truy tìm nguyên văn (full text) của các tài liệu đã được chụp vào bộ vi-phiếu mang tên là Declassi-

fied Documents Reference System (xin gọi tắt là DDRS) cũng do nhà xuất bản Primary Source Microfilm ấn hành.

Các tài liệu nầy cũng được nhà xuất bản Primary Source Microfilm ấn hành dưới dạng điện tử trong một CD-ROM cập nhật hàng năm. Nhà xuất bản nầy cũng đã đưa DDRS lên INTERNET tại Website sau đây:

http://www.ddrs.psmedia.com/

Ngoài ra, gần đây Trung Tâm Việt Nam (Vietnam Center) của Đại học Texas Tech University (Lubbock, Texas) cũng đã đưa lên INTERNET Website của The Virtual Vietnam Archive:

http://www.vietnam.ttu.edu/virtualarchive/

trong đó có rất nhiều tài liệu thuộc loại nầy đã được số-hóa (digitized), giúp nhà nghiên cứu có thể đọc trực tiếp nguyên văn các tài liệu nầy.

Nói tóm lại, hiện nay các nhà nghiên cứu có thể truy dụng các tài liệu loại nầy theo ba cách: tài liệu in và vi phiếu, tài liệu điện tử từ một CD-ROM, và tài liệu điện tử số-hóa trên INTERNET.

Truy Dụng Nguồn Tài Liệu In Và Vi-Phiếu

Để minh họa việc truy dụng tài liệu từ bộ vi phiếu DDRS, xin lấy đề tài Việt Nam làm thí dụ. Người làm nghiên cứu bao giờ cũng khởi đầu việc truy tìm tài liệu từ các bảng dẫn. Thí dụ, ta khởi đầu từ tạp chí DDC, ta vào Volume 25 (1999), no. 7 tức là Cumulative Subject Index cho năm 1999, dưới đề mục Vietnamese Conflict, ở trang 154, ta sẽ tìm thấy bảng liệt kê các toát yếu về đề mục nầy như sau:

———, ———, ———, ———, ———,
1868, 1869, 1870, 1871, 1872, 1880, 1908
———, ———, ———, ———, ———,

Có được các thông tin nầy rồi, ta tìm vào Volume 25, no. 4 (July/Aug. 1999) của DDC, ở trang 16, ta sẽ tìm thấy toát yếu mang số 1869 với nội dung như sau:

1869

VIETNAMESE CONFLICT. Intelligence cable
regarding the strength of the Viet Cong
assembled for the Tet Offensive against Saigon.

CIA Cable (1), 2/10/1968. Secret. Dcls 7/10/1998.

Sanitized.

Toát yếu nầy cho ta biết đây là một công điện của CIA, gồm một trang, thực hiện ngày 10 Tháng 2 năm 1968, đã được bạch hóa ngày 10 Tháng 7 năm 1998, được xếp vào loại tài liệu Mật3, nội dung là tin tức tình báo về các lực lượng Việt Cộng tập trung cho vụ Tổng Tấn Công Tết Mậu Thân vào Sài Gòn; tài liệu nầy đã được "thanh lọc = sanitized" (có nghĩa là một số đoạn bị bôi xóa). Nếu đây đúng là tài liệu ta cần đọc thì bước kế tiếp sẽ là tìm vào bộ vi-phiếu DDRS của năm 1999, tìm vào vi-phiếu có chứa tài liệu mang số 1869, đưa vi phiếu nầy vào máy đọc vi-phiếu (microfiche reader) để đọc nguyên văn của tài liệu nầy.

Khó Khăn Trong Việc Truy Dụng

Khó khăn lớn nhứt trong việc truy dụng đối với DDC là bảng dẫn quá sơ sài. Các đề mục liệt kê trong bảng dẫn chỉ cho phép tìm theo tên các quốc gia mà tài liệu có liên hệ đến. Bảng dẫn có rất ít đề mục theo đề tài, hay vấn đề cụ thể. Riêng về đề tài Việt Nam, bảng dẫn chỉ có các đề mục rất tổng quát như sau:

Vietnam
- Armed Forces
- Foreign relations with —
- Politics and government
- Religion

Vietnam, North
- Commerce
- Foreign relations with —
- Military policy

Vietnam, South
- Armed forces
- Commerce
- Commerce with —
- Economic conditions
- Foreign relations with —
- Politics and government
- Religion
- Social conditions

Vietnamese Conflict, 1961-1975
- Campaigns
- Missing in action
- Peace negotiations
- Prisoners of war

Do đó, việc tìm tài liệu theo các đề tài cụ thể như tên các nhân vật, địa danh các trận đánh, các chương trình, kế hoạch, v.v... hoàn toàn không thể thực hiện được. Trước đây, bảng dẫn của bộ Declassified Documents Retrospective Collection đầy đủ và chi tiết hơn rất nhiều, thí dụ như: phần

đề mục Vietnam, Republic of đã chiếm đến sáu trang (từ trang 141 đến trang 146 của Cumulative Subject Index), đề mục Vietnam War chiếm đến gần chín trang (từ trang 146 đến trang 155 của Cumulative Subject Index). Rất tiếc, khi ấn hành tạp chí Declassified Documents Quarterly Catalog và kế tiếp là tạp chí DDC, nhà xuất bản đã không tiếp tục làm bảng dẫn chi tiết như bộ Retrospective Collection nữa.

Truy Dụng Nguồn Tài Liệu CD-ROM

Như đã trình bày ở trên, DDRS cũng được nhà xuất bản Primary Source Microfilm ấn hành dưới dạng CD-ROM.

Màn hình đầu tiên của CD-ROM sẽ hiện ra như sau:

Việc truy tìm tài liệu trên CD-ROM nầy tiện lợi hơn rất nhiều. Như ta thấy trên màn hình, người sử dụng có thể tìm tài liệu bằng nhiều lối:

* Issue date: ngày tháng năm tài liệu được tạo ra

* Date Declassified: ngày tháng năm tài liệu được bạch hóa

* Document Classification: mức độ mật của tài liệu

* Description: Loại tài liệu (công điện, văn thư, báo cáo, vv)

* Document Source: cơ quan tạo ra tài liệu

* Text: nội dung của tài liệu, ta có thể tìm bất cứ vấn đề hay đề tài cụ thể nào

Người sử dụng có thể chọn một lối hay kết hợp nhiều lối để tìm tài liệu. Nếu người sử dụng muốn tìm tài liệu theo đề tài thì chọn tìm theo lối Text. Thí dụ đề tài muốn tìm là cuộc Tấn công Tết Mậu Thân thì người sử dụng sẽ dùng bàn phím (keyboard) đánh chữ Tet offensive vào mục Text:

* Text: Tet offensive

Người sử dụng sẽ được cho biết là có bao nhiêu tài liệu về đề tài nầy. Sau đó, nếu bấm chuột (click) vào icon thứ 6 (từ trái qua) của tool bar thì trên màn hình (monitor) sẽ hiện ra bảng liệt kê tất cả các tài liệu đó như sau:

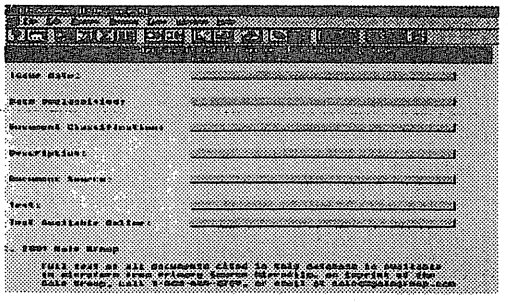

Bảng liệt kê nầy gồm 2 cột, cột bên trái ghi ngày tháng năm tài liệu được tạo ra, cột bên phải ghi hàng chữ đầu tiên trong toát yếu của tài liệu. Kế tiếp dùng chuột để di chuyển cursor (và do đó highlight) để chọn tài liệu. Khi hàng chữ của tài liệu đã được highlight thì nhấn vào phím Enter trên bàn phím, toàn bộ toát yếu của tài liệu sẽ hiện ra trên màn hình. Nếu lấy lại thí dụ đã nói ở trên (tài liệu mang số 1869), toát yếu của tài liệu 1869 sẽ hiện ra như sau trên màn hình:

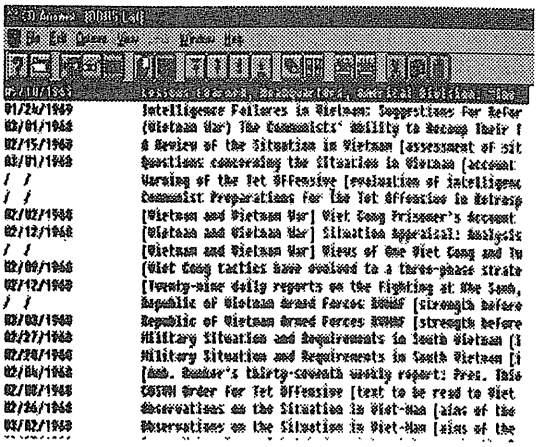

Không những việc tìm tài liệu trên CD-ROM được mở rộng ra theo nhiều lối, nhất là theo lối Text thì có thể tìm theo bất cứ đề tài hay vấn đề cụ thể nào, mà người sử dụng còn có thể "di hành = navigate" trên CD-ROM từ màn hình nầy sang màn hình khác, có thể đi tới hay đi ngược lại, từ tài liệu nầy sang tài liệu khác. Người sử dụng CD-ROM cũng có thể mở rộng ra (broaden up) hay thâu hẹp lại (narrow down) việc truy tìm của mình, bằng cách kết hợp nhiều lối khác nhau; thí dụ như cách kết hợp sau đây:

Issue Date: 02/10/1968
Document Classification: Secret
Document Source: Central Intelligence Agency
Text: Tet offensive

sẽ giúp người sử dụng tìm ra ngay lập tức tài liệu mang số 1869 của CIA nói trên, không phải đi qua bảng liệt kê hàng chục tài liệu về cuộc Tấn Công Tết Mậu Thân của nhiều cơ quan khác nhau. Và, dĩ nhiên, với CD-ROM, việc in ra văn bản cũng rất dễ dàng. Tuy nhiên, điều quan trọng cần ghi nhớ là với CD-ROM thì vẫn chỉ là truy dụng toát yếu của tài liệu mà thôi, ta vẫn phải tìm vào vi phiếu để đọc nguyên văn của tài liệu.

Truy Dụng Nguồn Tài Liệu Trực Tuyến Trên INTERNET

Trên Website Của Primary Source Microfilm:

Như phần trên vừa trình bày, bộ tài liệu DDRS cũng được nhà xuất bản Primary Source Microfilm đưa lên INTERNET tại Website sau đây:

http://www.ddrs.psmedia.com

Muốn sử dụng Website nầy để truy dụng và đọc nguyên văn các tài liệu, người sử dụng phải trả một lệ phí hằng năm (subscribe), sau đó sẽ được cung cấp một mật mã để truy dụng tài liệu. Tại Website nầy, để "câu khách," nhà xuất bản có cung cấp một truy dụng miễn phí (Free Search), nhưng với Free Search người sử dụng không thể đọc được nguyên văn của tài liệu. (Bản thân người viết bài nầy không phải là một subscriber của Website nầy nên rất tiếc không thể mô tả cách truy dụng và đọc nguyên văn tài liệu tại Website nầy).

Khi bấm chuột vào Free Search, người sử dụng sẽ thấy một màn hình như sau:

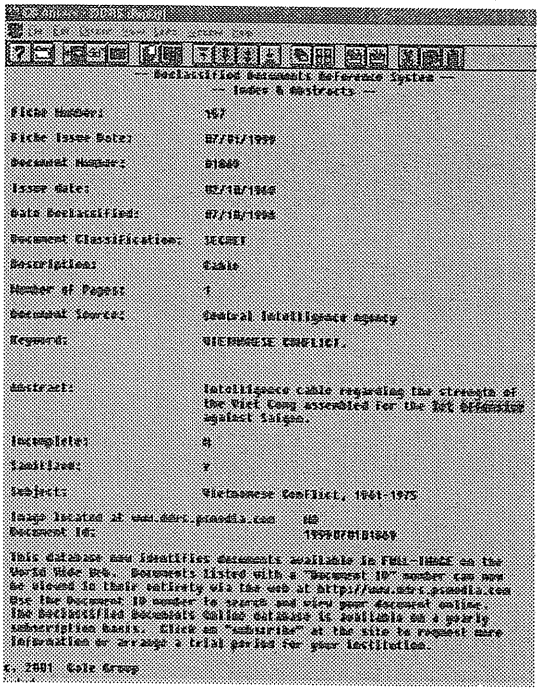

Qua thông tin của màn hình nầy, ta thấy là Website của DDRS cung cấp cho người sử dụng nhiều khả năng truy tìm hơn là với CD-ROM, thí dụ như:

* tìm các từ nằm gần nhau (proximity search)
* tìm từ thật chính xác (exact match search)
* tìm các từ có gốc chung (wild card search)

Các khả năng nầy có thể giúp người sử dụng đạt được mức độ chính xác rất cao trong việc truy dụng tài liệu. Và, dĩ nhiên, điểm quan trọng nhất là Website nầy không phải chỉ giúp người sử dụng đọc được toát yếu, mà, nếu chịu trả lệ phí, người sử dụng còn đọc được cả nguyên văn của tài liệu.

Trên Website của The Virtual Vietnam Archive

Trung Tâm Việt Nam (Vietnam Center) được thành lập vào năm 1989 tại Đại Học Texas Tech. Một trong những nhiệm vụ mà Trung Tâm được Đại Học giao phó là xây dựng và phát triển Văn Khố Việt Nam (Vietnam Archive). Văn Khố Việt Nam có nhiệm vụ thu thập, tàng trữ và phổ biến các tài liệu văn khố có liên quan đến các cuộc chiến tranh trong vùng Đông Nam Á. Ngày 17 tháng 12 năm 2000, Văn Khố Việt Nam nhận được tài trợ của Viện Dịch Vụ Bảo Tàng và Thư Viện của Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ để thực hiện một dự án xây dựng Văn Khố Ảo Việt Nam (Virtual Vietnam Archive—xin gọi tắt là VVA). Dự án nầy sẽ tiến hành số-hóa (digitize) tất cả các tài liệu thuộc loại phi-bản quyền (non-copyright material) lưu trữ tại Văn Khố Việt Nam. Văn Khố Ảo Việt Nam được đặt tại Website sau đây:

http://www.vietnam.ttu.edu/virtualarchive/

Khi vào Website nầy, màn hình đầu tiên sẽ hiện ra như sau:

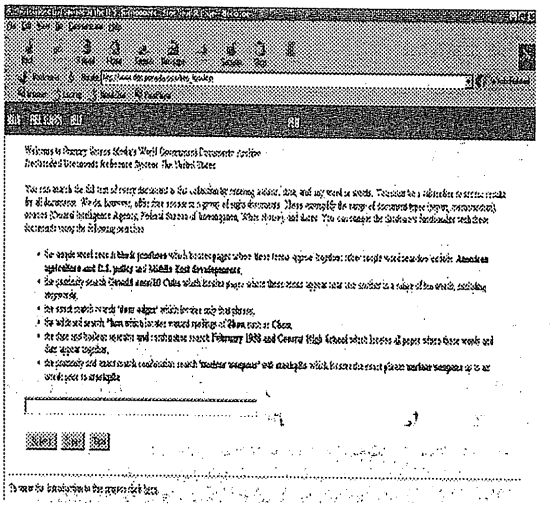

Khác với Website của DDRS, Website của VVA là miễn phí hoàn toàn. Tuy nhiên trước khi được phép vào truy dụng tài liệu, người sử dụng phải đồng ý tuân thủ tiêu chuẩn "Fair Use" trong Đoạn 107 (Section 107) của Luật Bản Quyền 1976 (Copyright Act of 1976) của Hoa Kỳ như ta

đọc thấy trên màn hình.

Sau khi bấm chuột vào ô chữ "I Agree", người sử dụng sẽ tiếp cận với màn hình truy tìm (search screen) như sau:

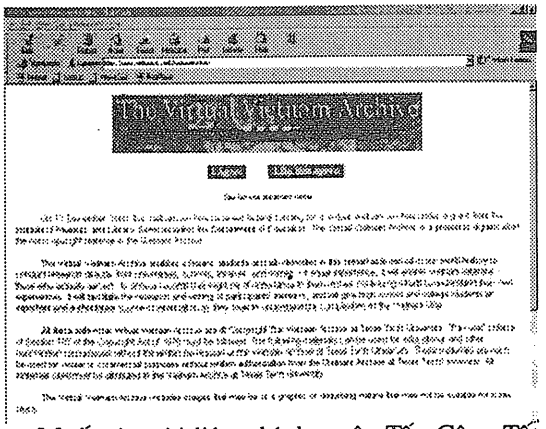

Muốn tìm tài liệu, thí dụ cuộc Tấn Công Tết Mậu Thân, ta sẽ dùng bàn phím đánh vào ô trắng bên cạnh Subject/Keyword cụm từ Tet offensive, xong rồi bấm chuột vào Search, ta sẽ có màn hình mới như sau:

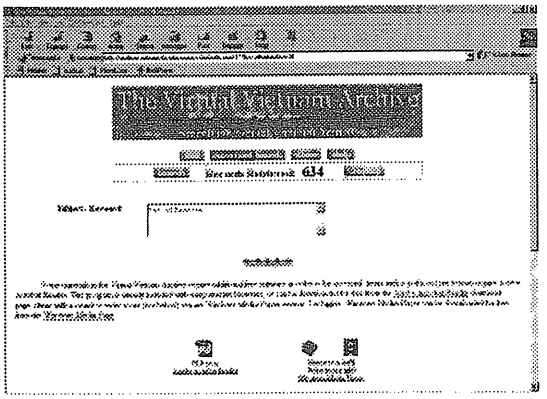

Màn hình mới nầy cho biết là VVA có tất cả là 634 (con số nầy thay đổI luôn luôn vì mỗi ngày VVA đều đưa thêm nhiều tài liệu mới vào Website) tài liệu về đề tài Tet offensive. Muốn truy dụng các tài liệu nầy, bước kế là bấm chuột vào Display, một màn hình mới sẽ hiện ra như sau:

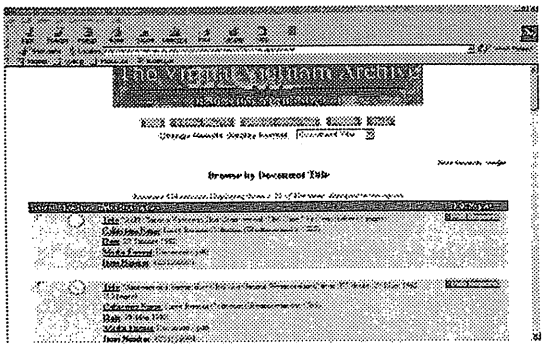

Màn hình mới nầy cho biết là chỉ liệt kê ra 25 tài liệu đầu tiên của tổng số 634 tài liệu về đề tài đang tìm. Muốn truy dụng 25 tài liệu kế tiếp thì ta bấm chuột vào mũi tên bên cạnh Next Records, và cứ như thế cho đến hết bảng liệt kê 634 tài liệu.

Màn hình nầy đem lại nhiều khả năng di hành cho người sử dụng. Ngay bên dưới bảng tên (banner) của VVA ta thấy có một hàng năm nút để bấm chuột, từ trái qua phải như sau:

*** Exit: bấm chuột vào đây để ra khỏi Website nầy**

*** Refine Search: nếu người sử dụng thấy không hài lòng với kết quả truy tìm nầy (vì con số tài liệu quá lớn chẳng hạn) thì bấm chuột vào đây để sửa đổi lại cách tìm tài liệu cho tốt hơn**

*** Display Selections: bấm chuột vào đây để màn hình chỉ liệt kê ra những tài liệu nào mình đã chọn; vì vậy trước khi bấm chuột vào đây thì ta phải bấm chuột vào ô vuông nhỏ trong cột Select để cho biết mình chọn những tài liệu nào**

*** Return: bấm chuột vào đây để trở lại màn hình đã xuất hiện ngay trước đó; kết quả cũng giống như ta bấm chuột vào nút Back của Web browser**

*** Help: bấm chuột vào đây để đọc chỉ dẫn chi tiết về màn hình nầy, đặc biệt là giải thích về ý nghĩa của các hình vẽ nhỏ (icon) trong cột View Item**

Ngay bên dưới hàng nút bấm chuột nầy là hàng chữ Change Results Display Format: kế tiếp là một ô dài hình chữ nhựt; trong ô nầy hiện giờ là cụm từ Document Title tiếp theo là một mũi tên chỉ xuống dưới. Bấm chuột vào mũi tên nầy ta sẽ thấy hiện ra một màn hình nhỏ với các cụm từ như sau:

* Document Title
* Collection Name
* Document Date
* Media Type
* Item Number

Ta có thể bấm chuột vào bất cứ cụm từ nào cũng được, màn hình sẽ thay đổi và sắp xếp các tài liệu lại theo cách ta chọn; hiện giờ trên màn hình các tài liệu được xếp theo nhan đề của tài liệu (Document Title); nếu ta bấm chuột vào Item Number thì màn hình sẽ thay đổi và các tài liệu sẽ được xếp lại theo số của tài liệu.

Trong phần bên dưới của màn hình các tài

liệu được trình bày theo 4 cột như sau:

*** Select: với một ô vuông nhỏ bên dưới người sử dụng sẽ bấm chuột vào đây để chọn các tài liệu muốn truy dụng**

*** View Item: với một icon bên dưới cho biết tài liệu thuộc loại gì (vi-phim, viđêô, bản đồ, hình chụp, tạp chí, bản tin, vv), đã được số-hóa hay chưa (hình vẽ một vòng tròn có một đường gạch chéo cho biết là tài liệu chưa được số-hóa) và có thể được truy dụng theo khuôn thức nào (format; PDF chẳng hạn); bấm chuột vào đây người sử dụng sẽ đọc được nguyên văn của tài liệu**

*** Item Description: đây là phần mô tả tài liệu theo 5 đề mục: Title (nhan đề), Collection Name (tên sưu tập), Date (ngày tháng năm tài liệu được tạo ra), Media Format (khuôn thức của tài liệu; PDF chẳng hạn), và Item Number (số của tài liệu)**

*** Full Report: bấm chuột vào đây để truy dụng một hình thức trình bày tài liệu với nhiều chi tiết hơn, chẳng hạn như các từ mô tả nội dung tài liệu, các trích dẫn, vv**

Như thế Website của VVA không những giúp người sử dụng tìm tài liệu theo đề tài họ chọn mà còn giúp họ nhiều khả năng khác như: sửa đổi cách truy tìm tài liệu để đạt hiệu quả cao hơn; chọn tài liệu họ muốn xem; chọn cách thức trình bày của tài liệu; chọn cách đọc tài liệu theo khuôn thức họ muốn (PDF chẳng hạn). Một điều quan trọng khác cần ghi nhận là VVA không phải chỉ đơn thuần cung cấp các tài liệu mật đã bạch hóa của Chính phủ Hoa Kỳ mà thôi. VVA còn cung cấp rất nhiều loại tài liệu khác như: của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (Công Báo VNCH chẳng hạn; tuy nhiên công báo nầy chưa được số-hóa), của các tư nhân (các nhà nghiên cứu về Việt Nam, chẳng hạn như sưu tập của Giáo sư Douglas Pike), vv. Ngoài ra tài liệu có thể truy dụng tại Website nầy gồm đủ loại hình: văn bản (text), bản đồ, vi-phim, hình chụp, băng viđêô, tạp chí, bản tin, vv.

Thay Lời Kết:

Việc truy dụng tài liệu mật đã bạch hóa của Chính phủ Hoa Kỳ hiện nay có thể tiến hành theo ba cách: các nguồn tài liệu in và vi-phiếu, nguồn tài liệu trong CD-ROM và nguồn tài liệu trực tuyến trên INTERNET. Các nguồn tài liệu CD-ROM và trên INTERNET rõ ràng là cung cấp cho người sử dụng nhiều khả năng truy tìm hơn nguồn tài liệu in và vi-phiếu. Riêng các nguồn tài liệu trên INTERNET còn có khả năng giúp người sử dụng đọc được nguyên văn của các tài liệu và riêng Website của VVA lại giúp người sử dụng truy dụng đủ mọi loại hình tài liệu một cách miễn phí. Trong một tương lai gần, Trung Tâm Việt Nam của Đại Học Texas Tech nói chung, và VVA nói riêng chắc chắn sẽ trở thành một trong những trung tài tài liệu nghiên cứu về Việt Nam, nhất là Chiến tranh Việt Nam, quan trọng nhất tại Bắc Mỹ.

GHI CHÚ:

1. Morehead, Joe và Mary Fetzer. *Introduction to United States Government Information Sources.* 4th ed. Englewood, Colo. : Libraries Unlimited, 1992. Tr. 376. Một phần của Lệnh Hành Pháp nầy có thể được truy dụng trực tuyến (accessible online) tại Website sau đây:

http://www.fas.org/sgp/eprint/legacy_appendix.html

2. Sears, Jean L. và Marilyn K. Moody. *Using Government Information Sources : Print and Electronic.* 2nd ed. Phoenix, Ariz. : Oryx Press, 1994. tr. 481.

3. Tài liệu của chính phủ Hoa Kỳ, về phương diện an ninh quốc gia, được xếp theo 3 bậc: Confidential, Secret, và Top Secret. Việc xếp hạng nầy được ghi rõ trong các Lệnh Hành Pháp do Tổng Thống Hoa Kỳ ký ban hành. Lệnh Hành Pháp mới nhất về vấn đề nầy là Lệnh Hành Pháp mang số 12958 do Tổng Thống Bill Clinton ký ban hành ngày 17/04/1995, có thể truy dụng trực tuyến tại Website sau đây:

http://www.fas.org/sgp/clinton/eo12958.html

Theo Lệnh Hành Pháp nầy, các bậc xếp hạng tài liệu mật được định nghĩa như sau:

(1) *"Top Secret" shall be applied to information, the*
unauthorized disclosure of which reasonably could be
expected to cause exceptionally grave damage to the
national security that the original classification authority
is able to identify or describe.

(2) "Secret" shall be applied to information, the unauthorized disclosure of which reasonably could be expected to cause **serious damage to the national security that the original** lassification authority is able to identify or describe.

(3) "Confidential" shall be applied to information, the unauthorized disclosure of which reasonably could be expected to cause damage to the national security that the original classification authority is able to identify or describe

GIÚP CON TRẺ TRÁNH BỊ XÂM PHẠM TÌNH DỤC

THANH THẢO

Sáng thứ Năm 02 tháng Năm 2002, cảnh sát Liên Bang đã bắt giữ Linh Mục về hưu Paul Shanley, 71 tuổi, tại San Diego. Ông là nghi can bị bắt về tội xâm phạm tình dục trẻ vị thành niên.

Linh Mục Shanley nguyên thuộc giáo phận Boston, tiểu bang Massachusette. Nơi đây đang là trung tâm tranh luận về sự bao che của giáo phận đối với những người có quá trình phạm pháp như linh mục Shanley. Công chúng Boston đang áp lực Hồng Y Bernard Law từ chức vì là người giải quyết những vụ tai tiếng tương tự.

Vụ bắt giữ linh mục Shanley khơi động một vấn đề từ lâu được coi là cấm kỵ trong nhiều gia đình, nhất là những gia đình Việt Nam. Nạn con trẻ bị xâm phạm tình dục do những người mắc bệnh Pedophilia, hay bệnh thích có quan hệ tình dục với trẻ vị thành niên gây ra.

Trong bản tin phát hình và đăng tải trên hệ thống truyền thông MSNBC, nạn nhân Gregory Ford, hiện nay 24 tuổi, cho biết anh và một số thiếu niên khác bị linh mục Shanley xâm phạm tình dục hầu như hàng tuần vào khoảng năm 1983 đến 1990.

Lý do chính khiến Gregory và hai nạn nhân khác đang kiện linh mục Shanley không nói với cha mẹ là câu khẳng định của nghi can Paul Shanley, " Không được thuật lại với ai những điều này vì nếu các em có nói ai, kể cả với cha mẹ, sẽ không ai tin đâu!"

Trong lúc nội vụ đang chờ tòa xét xử, thiết nghĩ chúng ta cũng nên bàn rộng về câu khẳng định của nghi can Shanley, và đa số những nghi can tội xâm phạm tình dục trẻ thơ.

Có phải vì đa số phụ huynh đặt niềm tin của mình quá cao vào những người trưởng thành, có địa vị hay nghề nghiệp khả tín, mà vô tình đẩy con cái mình vào tình trạng trở thành nạn nhân những vụ xâm phạm tình dục không?

Và đây có phải là vấn đề chung, vượt khỏi ranh giới chủng tộc, khả năng kinh tế và trình độ hiểu biết không?

Trong bài phóng sự trên tạp chí TIME, ký giả Amy Dickinson đã nêu lên điểm then chốt của vấn đề. Mặc dù có không ít những vụ trẻ thơ bị người lạ mặt xâm phạm tình dục, đa số nạn nhân những vụ xâm phạm tình dục trẻ thơ bị người thân được tin tưởng lợi dụng. Những "người thân" mắc bệnh Pedophilia này có thể ở bất cứ đâu và thuộc mọi chủng tộc, giai cấp trong xã hội.

Tạp chí TIME ghi nhận những nghi can hiện đang phải ra hầu tòa về tội hình sự này thuộc mọi ngành nghề. Từ huynh trưởng một đoàn Hướng Đạo như ông Jerrold Schwartz, 42 tuổi, tại Manhattan, đến một nhạc trưởng ca đoàn tại New Jersey như trường hợp ông Donald Hanson. Từ thầy giáo giảng môn toán và tôn giáo đạo Hồi như ông Mohsin Baghazal, 30 tuổi, tại St. Louis, Missouri đến một người điều hành nhà giữ trẻ như trường hợp bà Ladonna Tucker, tại tiểu bang Indiana. Bà Tucker là một người mắc bệnh Pedophilia đáng kinh hoàng. Bà bị buộc tội xâm phạm tình dục những em bé từ 4 tháng đến 2 tuổi, với bản án 40 năm tù.

Trên đây chỉ là những vụ điển hình. Hàng ngàn vụ khác xảy ra đều đặn hàng ngày, được xử trong âm thầm chẳng hạn nghi can là những người dạy kèm con trẻ sau giờ học, hay người anh em họ hàng bà con...

Là cha mẹ, ai cũng mong mỏi bảo vệ con mình tránh bị lợi dụng, nhưng có rất nhiều người vẫn coi đề tài liên quan đến thân thể, nhất là những cơ thể trẻ thơ, là điều không thể nhắc đến trong nhà. Không phải chỉ có người Việt Nam hay người Á châu mới có quan niệm này. Hầu như phụ huynh các chủng tộc khác cũng tránh đả động đến đề tài họ cho là "không thể tưởng tượng được" như Pedophilia.

Trong khi đó, theo bác sĩ tâm lý Leigh Baker tại Denver, yếu tố đầu tiên giúp con trẻ tránh trở thành nạn nhân bị xâm phạm tình dục là hiểu biết về thân thể mình, biết mình là ai, được cha mẹ tin tưởng đến mức nào.

Bác sĩ Baker đã từng điều trị hàng trăm nạn nhân và phỏng vấn hàng chục thủ phạm tội hình sự này. Bác sĩ Leigh Baker cũng là tác giả sách "Protecting Your Children from Sexual Predators", tạm dịch "Bảo vệ con trẻ tránh bị xâm phạm tình dục" do công ty St. Martin Press phát hành.

Những bác sĩ khác cũng đồng quan điểm về vai trò quan trọng của cha mẹ trong việc trả lời thành thật với con trẻ, và tạo cho con trẻ sự tự tin về con người mình, trong đó bao gồm cả tâm hồn, cảm xúc và các bộ phận trên cơ thể.

Các chuyên gia khuyên cha mẹ nên tạo ra sự tự tin từ thuở con còn thơ. Từ giai đoạn con mới biết đi, biết nói, khoảng lên ba tuổi.

Những chuyên gia tâm lý đề nghị phụ huynh nên nói chuyện với con về sự khác biệt của những sự đụng chạm thân thể bình thường và bất thường. Nên dặn dò con tất cả những bộ phận trên thân thể mình chỉ thuộc về mình, và phải nói với cha mẹ, người lớn trong nhà nếu có ai xâm phạm cơ thể mình hoặc làm điều gì khiến mình thấy khó chịu.

Điều quan trọng khác là cho các con biết trong gia đình không cho điều gì là cấm kỵ, hay cần giữ bí mật. Cho con trẻ có cơ hội nêu thắc mắc, thuật lại những gì xảy ra trong ngày là một cách tạo sự thoải mái để con trẻ cảm thấy tự tin hơn.

Nhưng có lẽ điều quan trọng nhất là cha mẹ phải tin những điều con trẻ nói. Dù có thể trẻ thơ chưa ý thức được những hành động của người xâm phạm thân thể các em là sai ở chỗ nào, các em có đủ nhạy cảm để thấy khó chịu trong người. Khi ghi nhận những điều con trẻ phàn nàn, phụ huynh cần hành động để tìm hiểu sự thật. Dù có phải tốn thời gian, công sức tìm hiểu sự thật, thiết nghĩ để đánh đổi lấy sự an toàn của con mình về thể chất lẫn tinh thần sau này là điều đáng làm bằng mọi giá.

Theo nhiều chuyên gia tâm lý, khi con trẻ cảm thấy an tâm thì có thể kể hết mọi điều với cha mẹ, từ điều tốt đến điều xấu, và các em sẽ trở thành những người tự tin hơn. Nhờ vậy, không những các em tránh trở thành nạn nhân bị xâm phạm tình dục, mà còn dễ thành công hơn trên trường đời khi lớn khôn hơn.

Dù là đề tài khó nói, chúng ta cũng nên bắt đầu việc tạo niềm tin nhằm giúp con trẻ tránh được những rủi ro tưởng như xa vời, nhưng có thể gần trong gang tấc.

CẦN DÀNH THÌ GIỜ ĐỂ KHÔNG LÀM GÌ CẢ

THANH THẢO

Gần đến ngày mãn niên học, đa số phụ huynh còn bận rộn hơn những ngày các con còn đi học. Lý do bận rộn hơn vì đa số cha mẹ phải tìm những lớp học hè và sinh hoạt hè cho con.

Nào là lớp học vũ, học âm nhạc, học đàn, học thể thao, học vẽ. Chưa hết, còn sinh hoạt trại hè tùy theo các con thuộc tổ chức nào. Những sinh hoạt liên tục như trên đòi hỏi cha mẹ phải dành thời giờ chuyên chở. Thế là chưa đến kỳ con nghỉ hè mà hầu hết cha mẹ đã mệt nhoài, không biết làm sao đương đầu với thời khóa biểu của những ngày sắp tới.

Không hiểu tại sao những bậc phụ huynh này lại bị lôi cuốn vào suy nghĩ phải cho con mình ghi danh sinh hoạt liên tục như vậy? Chỉ cần nghĩ đến lịch sinh hoạt thôi, nhiều người đã thấy mệt quá đâm ra bẳn gắt với gia đình. Những sinh hoạt liên tục đến nỗi không còn thời giờ nghỉ ngơi hoàn toàn thì có ích lợi không, hay đôi khi làm căng thẳng tâm thần con trẻ và cả người lớn trong nhà?

Năm nào cũng thế, cứ gần đến hè, Thanh Thảo thường "được" các con hỏi năm nay mình đi nghỉ hè (một tuần lễ) ở đâu? Dù không phải năm nào cũng đưa được các con đi chơi, nhưng suy nghĩ tổ chức một chuyến đi thường cũng đủ làm bận tâm người làm mẹ. Ngoài cuộc đi chơi xa, còn những chuyến đi gần, đi xem phim, đi mua sắm, đi ra biển tốn kém không ít. Nhiều khi phải suy nghĩ nhiều quá về những chuyến đi này, Thanh Thảo bỗng thấy nhớ vô cùng những ngày hè hồi mình còn nhỏ.

Ở Việt Nam mùa hè được đi chơi Vũng Tàu vài ngày đã là hạnh phúc lắm, làm gì có chuyện bày đủ thứ mục đi chơi như ở đây. Sinh hoạt còn lại thường chỉ là tụ họp ngồi nói chuyện, đàn hát, với các bạn cùng lứa. Những mẩu chuyện lẩm cẩm, không đặc biệt về đề tài nào.

Thời giờ còn lại là những ngày tưởng như bất tận dành để đọc sách, đọc truyện, làm thơ (những mẩu thơ vụng dại, ngây ngô). Vậy mà bây giờ hồi tưởng lại, đa số những người bạn có cùng quá trình tuổi thơ như Thanh Thảo đâu có cảm thấy thiếu thốn.

Trái lại, những ngày hè lười biếng nằm dài trên balcony ngắm những cánh chim tung trời, hay buổi chiều nhìn những áng mây bay biến thành đủ hình thái, hoặc những buổi tối nhìn sao trời lấp lánh cứ tưởng tượng mình đang nằm dưới đáy biển là những kỷ niệm hạnh phúc nhất đối với Thanh Thảo bây giờ. Những kỷ niệm này được đúc kết bằng nhiều giờ không làm gì cả, tiếng Anh gọi là inactive. Nhưng không phải việc không làm gì hết là phí thời giờ.

Biết bao nhiêu danh nhân thành công nhờ vào những khoảng thời gian không làm gì cả. Thật ra, nhiều chuyên gia tâm lý cho rằng khi chúng ta cho

phép mình không làm gì cả là khi chúng ta cho tâm thần được tự do suy nghĩ mông lung theo ý thích riêng. Khi không bị gò bó, những ý tưởng hay, đẹp mới có cơ hội nảy sinh. Xã hội ngày càng tân tiến con người sống trong xã hội đó càng thấy mình bị lôi cuốn vào một vòng bánh xe quay không ngừng nghỉ.

Có những người không thích đi cắm trại, nhưng thấy bạn bè cùng sở đưa con đi, cũng làm theo.

Có những người không muốn con mình ở trong nhà cả ngày vào mùa hè, nên cứ ghi danh cho con theo học đủ thứ lớp mà không cần biết con mình có thích thú hay không.

Có những người khác cứ nghe con than "It's so boring, nothing to do," "chán quá, không có gì để làm cả" là lại lo tìm sinh hoạt để đưa con đến dù không hề bỏ giờ tìm hiểu xem những sinh hoạt này có mang lại ích lợi gì cho con hay không hay chỉ tốn thời giờ đưa đón của cha mẹ. Chưa kể, có khi mình mất công đưa con đến những nơi sinh hoạt này để chúng lại ngồi một góc than thở "chán quá, không có gì vui ở đây cả."

Theo tạp chí *Newsweek*, người Mỹ bận rộn tìm sinh hoạt hè (và cả trong niên học nữa) cho con cái đến mức độ có nhiều gia đình phải ghi trong lịch sinh hoạt một mục rất lạ đời. Mục này mang tên "dành thời giờ không làm gì cả."

Không làm gì cả ở đây chỉ có nghĩa là không phải đưa đón con cái nào đi học hoặc về nhà từ một sinh hoạt ngoài giờ; không hẹn ai đến nhà; không bận gọi điện thoại cho thân chủ, khách hàng, hay bạn bè. Mục này thường chỉ kéo dài một giờ, và thường nằm ở cuối lịch sinh hoạt trong một ngày.

"Dành thời giờ cho gia đình không làm gì cả" thường chỉ xảy ra một lần trong sinh hoạt cả nhiều tháng trời nhưng đang trở thành đề tài bàn luận của các bậc phụ huynh toàn quốc. Không lẽ người Mỹ tham công tiếc việc và ham sinh hoạt đến độ tự trói mình trong những lịch sinh hoạt liên tục không có lối thoát? Có thể vì bị ảnh hưởng suy nghĩ lúc nào cũng bận rộn mới là người có năng suất cao, có ích cho gia đình, cho xã hội, người Mỹ nói chung không có thời giờ nhận ra lợi ích của việc không làm gì cả.

Được uốn nắn từ nhỏ bằng lối sống luôn luôn bận rộn, những trẻ em sống tại Mỹ cho rằng ngồi không là đáng chán. Phải làm cái gì đó, bận rộn với việc gì đó dù không hữu ích (như chơi trò chơi điện tử trong những máy gameboy hàng giờ, hay nằm lười xem ti-vi dù không cần biết chương trình chiếu gì chẳng hạn) mới đúng là đang sống.

Các em, hay đúng ra cha mẹ các em đã quên mất ngay cả máy điện toán mà còn phải có thời gian nghỉ (gọi là down time).

Nếu chỉ cho các em được "tắt máy," dưỡng sức khi các em đi ngủ, chúng ta đã lấy mất rất nhiều cơ hội cho con em được dùng đến những khả năng còn tiềm tàng trong tư tưởng. Những khả năng chỉ có cơ hội phát huy khi các em tập thói quen vận dụng trí óc nghĩ những chuyện các em yêu thích, những ước mơ, những điều xa vời người lớn nghe qua cho là vô lý. Thí dụ cụ thể nhất về ích lợi của những mơ ước xa vời này là nhiều chuyện khoa học giả tưởng của mấy thập niên trước nay đã thành sự thật. Ý tưởng của những câu chuyện đó thành hình lúc những "nhà văn" tưởng tượng trong những giờ không làm gì cả. Có thể vì vô ý, nhiều bậc phụ huynh đã làm mất cơ hội con mình có thể trở thành vĩ nhân.

Vậy từ mùa hè năm nay, khi lập lịch trình sinh hoạt và định ghi danh cho con em làm những gì, quí vị có thể tự ghi vào những mục "không làm gì cả."

Bằng cách nói với con cái về lợi ích của những giờ rảnh rỗi, và bằng cách tôn trọng những giờ nghỉ xả hơi này, chúng ta đang góp phần tạo một thế hệ tương lai biết cách sử dụng thời gian hữu ích hơn.

Thử hỏi học thêm cách chơi một nhạc cụ nào đó (khi không thích nhạc cụ này) mà mất đi thời gian tìm hiểu con người chính mình, tìm hiểu nội tâm mình hoặc suy nghĩ mông lung mình sẽ làm gì khi lớn khôn có phải là điều nên đánh đổi không? Con trẻ có thể không đủ trí khôn nhận thức điều này, nhưng nếu cần, có lẽ cha mẹ nào cũng sẵn sàng giúp các em chọn lựa.

MẤT BÒ MỚI LO LÀM CHUỒNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Khủng bố đến, tự do đi

Trong xã hội an bình và dân chủ Mỹ Quốc, người dân không muốn bị chính quyền kiểm soát, can thiệp vào đời sống của họ. Do đó trong nỗ lực không ngừng, dân chúng Mỹ qua thể thức dân chủ luôn luôn đòi hỏi quyền tự chủ và giảm thiểu quyền hành của chính phủ liên bang. Phải nói là trong mấy thập niên vừa qua, nhiều đạo luật đã nới rộng quyền tự quyết của tiểu bang, của cộng đồng địa phương và hạn chế sự xâm phạm của chính quyền vào tự do của dân chúng. Nếu không có lệnh của Tòa Án, cảnh sát và các cơ quan an ninh

không có quyền lục soát, kiểm tra trương mục ngân hàng, thư tín, điện đàm, nội dung máy điện toán cuả công dân. Người dân nếu sống đời lương thiện bình thường, sẽ không bị quấy rầy, bởi cảnh sát hay các viên chức nhà nước.

Một phần lớn các dịch vụ trong xã hội do các hãng tư cung cấp (kể cả hệ thống các trường công lập tại tiểu bang Pennsylvania gần đây cũng được dự trù giao cho tư nhân điều hành). Ngoại trừ ngành tư pháp (cảnh sát, tòa án), quân đội và các cơ sở nòng cốt của chính quyền, các ngành khác người dân tin tưởng hệ thống tư trong định chế tư bản cạnh tranh sẽ điều hành hữu hiệu và ít lãng phí hơn guồng máy chính quyền vốn cồng kềnh, chậm chạp.

Nhưng tất cả đã thay đổi sau ngày 11 tháng 9, 2001. Những thắng lợi dân sự của mấy thập niên qua hầu như đã bị quét sạch.

1-Hệ thống kiểm soát an ninh tại phi trường trước đây do tư nhân điều hành nay bị thay thế bằng cơ quan nhà nước. Chính quyền ở thế chẳng đặng đừng, khám kỹ quá thì bị dân than phiền và làm chậm trễ ngành hàng không thương mại, còn không, lỡ khủng bố xẩy ra, thì trách nhiệm bị đổ hết lên đầu. Lo sợ để quân gian lọt lưới, nên bất cứ hành khách nào cũng bị coi như tội phạm trước con mắt soi mói của nhân viên kiểm soát an ninh. Trước hết là bước qua máy dò kim khí, rồi phải làm "chim bay, cò bay," dang rộng hai tay để nhân viên rà thêm bằng máy dò cá nhân. Trước đây máy chỉ dò một lượt từ hai bên nách xuống là xong, nay phải lột mũ, cởi giầy, xổ tóc. Vô phúc máy ré lên e e là rắc rối to. Đã có nhiều cảnh dở mếu, dở khóc. Một vị cựu dân biểu về hưu, xương hông bị giải phẫu, bắt vít bạch kim, nên máy dò kêu hoài, phải tuột quần ra để chứng minh. Các bà các cô mặc nịt ngực hay quần lót có luồn sợi dây kim khí là tha hồ mà bị phiền phức. Một phi công của hãng United Airline bị khám, bực mình nói sẵng: "Nếu muốn phá hoại, tôi chỉ cần lái máy bay đâm xuống đất là xong, cần gì súng hay dao mà các anh khám kỹ quá vậy." Nhân viên an ninh báo cáo lên cấp trên. Lập tức viên phi công bị câu lưu, phi công phòng hờ được chỉ định thay thế. Vài ngày sau viên phi công bất mãn bị sa thải. Một nhân viên mật vụ có nhiệm vụ bảo vệ Tổng Thống Bush đã bị từ chối không được lên phi cơ, chỉ vì ông này gốc Ả Rập.

Còn đâu thời vàng son ngày trước, hành khách chỉ cần đến phi trường trước giờ bay 15 hay 20 phút, gửi hành lý ngay tại vỉa hè rồi hân hoan thơ thới lên máy bay.

2- Kỳ thị chủng tộc: Cách đây vài năm, tư lệnh cảnh sát tiểu bang New Jersey bị nữ thống đốc Whitman cách chức chỉ vì nhân viên cảnh sát công lộ dưới quyền ông thường xuyên chặn các người lái xe Mỹ đen hay Xi (racial profiling) để khám thuốc phiện lậu, vì như vậy là kỳ thị căn cứ trên mầu da và chủng tộc. Nhưng sau 11 tháng 9, cơ quan an ninh FBI đã tự ý câu lưu thẩm vấn hàng loạt (trên 1,000) công dân Mỹ gốc Ả Rập hay các sinh viên Trung Đông du học tại Mỹ hay khách du lịch, dù không có lý do rõ rệt. Ngoài ra FBI còn yêu cầu cảnh sát các tiểu bang thẩm vấn hàng chục ngàn thanh niên gốc Trung Đông cư ngụ tại Mỹ trong lứa tuổi từ 18 đến 40. Một số tiểu bang thẳng tay từ chối hợp tác.

Thời gian câu lưu tạm thời cũng được Tổng Trưởng Tư Pháp Ascroff tăng từ 24 giờ lên 72 giờ.

3- Đời tư dân chúng bị chính quyền kiểm soát, tự do di chuyển bị giới hạn. Ngày trước tòa án rất gắt gao trong việc cho phép cơ quan an ninh ghi âm liên lạc điện thoại hay dùng phương tiện điện tử để dò xét đời tư người dân. FBI hay cảnh sát phải trưng bằng cớ người bị theo dõi có hành động phạm pháp nghiêm trọng. Sau ngày 11 tháng 9, tiêu chuẩn nói trên được âm thầm nới lỏng.

Bây giờ ra vào các công sở hay tư sở là cả một vấn đề. Phải có thẻ điện tử để vào building, vào thang máy và vào cửa văn phòng. Tại các nút chặn, nhân viên an ninh đen thui to như hộ pháp, lầm lỳ đứng nhìn. Bằng lái xe ngày nay có in hình và được xét hỏi thường xuyên như xét thẻ căn cước tại Việt Nam trước năm 1975.

4- *Tù binh bị xâm phạm nhân quyền.* Chính phủ Mỹ đã bẻ cong luật lệ, coi tù binh Taliban bắt được từ A Phú Hãn như các tội phạm chứ không phải tù binh chiến tranh để không cho họ hưởng các quyền căn bản trong luật lệ quốc tế về tù binh.

Và còn nhiều nữa, không thể kể hết trong phạm vi bài này.

Chống khủng bố: Từ thua tới huề

Ngăn chận khủng bố ra tay không phải là việc dễ dàng, nhất là khi chúng là những kẻ cảm tử với niềm tin tôn giáo mãnh liệt sẵn sàng hy sinh mạng sống cho mục đích theo đuổi. Đó là trường hợp quốc gia Do Thái. Trong cuộc "nổi dậy" kéo dài trên 18 tháng qua của dân tộc Palestine, cứ vài ngày lại có một cảm tử quân người Palestine ôm bom nổ tan xác tại các nơi dân chúng Do Thái tụ họp đông đảo.

Nên nhớ Do Thái ở trong tình trạng chiến tranh nên việc kiểm soát, canh phòng rất gắt gao, kỹ càng hơn Mỹ Quốc. Nhưng các mạng lưới chằng chịt đó vẫn không hữu hiệu như mong muốn.

Xã hội tự do tại Hoa Kỳ với nhiều luật lệ bảo vệ nếp sống riêng tư của công dân là nơi an toàn cho khủng bố ẩn nấp chờ giờ hành động.

Điển hình là trường hợp của vụ khủng bố vĩ đại ngày 11 tháng 9, 2001, làm thay đổi nước Mỹ. Thoạt tiên người ta tưởng kẻ khủng bố vượt biên giới vào Mỹ để hành động.

Nhưng không, chúng đã sống lẫn lộn trong xã hội Hoa Kỳ, công khai ghi tên học lái máy bay, âm thầm chuẩn bị kế hoạch từ nhiều năm. Bây giờ nhìn lại dĩ vãng, người ta mới thấy các bằng chứng dẫy đầy và cơ quan FBI đã thu thập được phần nào các tin tức này, nhưng lại không có khả năng giải đoán các dữ kiện tản mát đó để khám phá kịp thời.

Trong trận chiến chống khủng bố, chính quyền luôn luôn ở thế thụ động. Sau ngày 11 tháng 9 nước Mỹ đã tiêu phí một số tiền cực kỳ lớn lao và huy động một lực lượng nhân sự đông đảo trong công tác phòng ngừa. Nhưng phải công nhận là không bao giờ đủ và hoàn toàn. Lợi thế của khủng bố là chúng có thể chọn thời điểm và nơi chốn phá hoại căn cứ trên những sơ hở khó thể tránh khỏi của chính quyền.

Trước ngày 11 tháng 9, tình báo FBI đã biết những gì?

Trung tuần tháng 5, 2002 dư luận bỗng nhiên sôi nổi vì nguồn tin cho rằng Tổng Thống Bush và tình báo FBI đã nắm được nhiều bằng cớ của vụ khủng bố nhưng không hành động. Người ta hồ nghi động lực của tiết lộ này hàm chứa ý đồ chính trị, nhằm triệt hạ uy thế đang lên của Tổng Thống Bush thuộc đảng Cộng Hòa. Tuy nhiên việc tố cáo không phải hoàn toàn vô căn cứ. Trước tháng 9, 2001 Tòa Bạch Ốc đã được FBI báo động về hiểm họa hành động không tặc do nhóm Al Queda của Bin Laden chủ trương. Đồng thời FBI cũng đã được các trường dạy lái máy bay thương mại dân sự cho hay có một số đông học viên người Trung Đông theo học. Hành động đáng ngờ của họ là chú tâm học điều khiển máy bay trên không mà bỏ qua các bài học về cất và hạ cánh, cũng như họ luôn dò hỏi về an ninh không phận và phi trường. Thậm chí FBI đã bắt giữ học viên tình nghi là Zacarias Moussaoui ngày 17 tháng 8, 2001, người mà sau này bị tình nghi là tên không tặc thứ 20.

Nhưng những dữ kiện, bằng chứng kể trên bị chìm ngập trong mớ tin tức an ninh hàng ngày như một đám rừng, và tai hại thay không ai giải đoán và liên kết được những tin đó thành một hình ảnh rõ rệt của một kế hoạch khủng bố qui mô.

Trước đó nhiều năm, đã có những dấu hiệu báo trước thảm họa 11 tháng 9, nhưng tiếc thay, những dấu hiệu này đã bị bỏ qua:

1-Tháng 6, 1994 bản tường trình an ninh của Ngũ Giác Đài đã kết luận nhóm khủng bố sẽ không tặc máy bay dân sự đâm vào Ngũ Giác Đài hay Tòa Bạch Ốc.

2-Tháng 12, 1994, nhóm khủng bố người Algery cướp máy bay dân sự toan tính đâm sập tháp Eiffel tại Pháp (1)

3-Tháng 1, 1995 chính quyền Philippine khám phá kế hoạch của nhóm khủng bố người Hồi Giáo sẽ cướp máy bay đâm vào cao ốc của cơ quan CIA Mỹ.

4-Tháng 9, 1999 thư viện quốc hội Mỹ đề cập trong một bản tường trình, khủng bố toan tính đâm máy bay vào Ngũ Giác Đài, CIA và Toà Bạch Ốc.

5- Tháng 6 và tháng 7, 2001 Giám Đốc CIA là George Tenet thuyết trình tại tòa Bạch Ốc cho hay có nguy cơ quân khủng bố Al Qaeda sẽ tấn công trong một tương lai gần.

6- Tháng 7, 2001, trường huấn luyện phi công dân sự thương mại báo cáo FBI là có một số lớn học viên người Trung Đông ghi tên học.

7- Ngày 6 tháng 8, 2001 tại trang trại ở Texas, Tổng Thống Bush được báo cáo nhóm Bin Laden có thể không tặc máy bay thương mại dân sự.

8- Ngày 17 tháng 8, 2001 FBI bắt giữ học viên người Trung Đông tên Zacarias Moussaoui tại trường huấn luyện phi công thuộc tiểu bang Minesota căn cứ trên lời báo cáo tên này dự định đâm máy bay vào hai tòa Cao Ốc Thương Mại WTC.

Người ta hy vọng với những kinh nghiệm vừa qua, cơ quan an ninh Mỹ Quốc trong tương lai có thể đi trước bọn khủng bố một bước để chặn đứng kịp thời những thảm họa to lớn đang được manh nha trong bí mật, tránh khỏi cảnh "mất bò mới lo làm chuồng."

(1) Quân khủng bố đã uy hiếp được phi công, nhưng phi công đánh lừa chúng, đáp khẩn cấp xuống phi trường thay vì đâm vào tháp Eiffel. Rút kinh nghiệm, Bin Laden lần này tài trợ cho quân khủng bố học lái phi cơ. Trong tổng số 19 không tặc ngày 11 tháng 9, đa số đều biết điều khiển máy bay.

NHỮNG VẤN ĐỀ KHÔNG CẦN BÀN CÃI NHIỀU

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Sự tranh chấp giữa hai nhà họ Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Gia Miêu hẳn không gây thành một vấn đề lịch sử gay gắt nếu nó xuất hiện vào thời xa xưa, không được nối kết với thời hiện đại đầy mâu thuẫn, nhiều chữ-nghĩa và trở thành toàn cầu như ngày nay.

Nhà Hồ chịu tiếng soán đoạt Trần trong suốt sáu thế kỷ - dù rằng Trần cũng cướp ngôi Lý như ai. Nhà Mạc cũng chịu chung số phận gần năm thế kỷ vì cướp ngôi Lê. Chỉ có Tây Sơn mới có hơn một thế kỷ đã được phục hồi thành một triều đại ngang ngửa trong lịch sử Việt Nam nhờ tình hình thế giới hóa qua một dấu vết đau thương là Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp khiến quan niệm chính thống về vương quyền phải suy tàn theo thế nước. Chính ông giáo Tây học Trần Trọng Kim là người đã đem Tây Sơn thoát vòng "ngụy" để làm đà cho những bước vinh quang tiếp theo. Chiến tranh tuy bị thù ghét bởi những người nằm trong biến cố nhưng vẫn có hấp lực để người ta vẽ ra những hình ảnh chiến thắng huy hoàng mà người cầm đầu, trong trường hợp này là nhân vật nổi bật của Tây Sơn, Quang Trung Nguyễn Huệ, được hưởng không biết bao nhiêu lời ca tụng từ mọi phe phía, dẫn đến sự thần thánh hóa cả phong trào nhằm mục đích tuyên dương công tích người cầm quyền hiện đại. Điều này thì lại đến với một chính quyền trong thời đại giải thực sau Thế chiến thứ hai của Việt Nam, đi theo một chủ nghĩa xã hội mang tính cách tranh đấu giai cấp tuy cũng bắt đầu ở trời Tây nhưng đã được Đông phương hóa, xuôi chiều Bắc Nam, lặp lại thế tương tranh vương hóa như ngày xưa theo thời đại mới.

Thế là tình hình đảo ngược hẳn dưới mắt người viết sử mới. Theo họ, "phong trào nông dân thế kỷ XVIII rất mạnh, rất oanh liệt, rất sáng tạo: vị lãnh tụ nông dân 'áo vải cờ đào' Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc vĩ đại." "Nhưng, cuộc nổi dậy vô cùng oanh liệt của nhân dân cuối cùng đã thất bại. Một chế độ phong kiến cực kỳ phản động - triều Nguyễn, phục hồi với sự giúp đỡ của tư bản Pháp. Tập đoàn phong kiến nhà Nguyễn là thủ phạm dẫn đường cho chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm lược đất nước." Có thể tìm thấy không biết bao nhiêu ý kiến ca tụng Tây Sơn, mạt sát nhà Nguyễn (khởi đầu với Gia Long Nguyễn Ánh) như thế trong quyển sử chính thức của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, quyển Lịch Sử Việt Nam tập I, năm 1971.

Lịch sử được hướng dẫn như thế đã được giảng dạy trong nhà trường, tuyên truyền trong quần chúng, và lan khắp cả nước sau chiến thắng 1975. Sự kiện lịch sử trở thành phương tiện đưa đẩy chủ thuyết không những chỉ phủ dụ được quần chúng cả tin, làm căn cứ lý luận cho sử gia sử thần mới mà còn ảnh hưởng đến một vài học giả ngoại quốc nữa. Tất nhiên là với thời gian sẽ có sự điều chỉnh, nhưng với thói quen sợ mất mặt quyền bính, các ý tưởng quá khích sẽ được lờ đi, không được nhắc tới mà để cho trôi vào quên lãng, trong lúc các phản biện thập thò xuất hiện, không đủ sức khuynh đảo thành kiến đã được định hình.

Một trong những luận cứ ngang ngược nhất - bởi vì vô lý nhất mà được sử dụng cả quyền bính để bênh vực trong một thời gian dài, là chính Tây Sơn Nguyễn Huệ chứ không phải Gia Long Nguyễn Ánh thống nhất đất nước. Áp lực trên phe phản bác không được quyết liệt vì không với tới thân xác kẻ đối nghịch như sau 1975, nhưng cũng đã gay gắt với sự tham gia của Tổng bí thư Trường Chinh vào lúc khởi đầu trong vụ tranh cãi đấm-gió hồi thập niên 60 giữa ông Cách Mạng Tây Sơn (tên quyển sách) Văn Tân và ông giáo sư Đại học Huế, ông bảo hoàng Nguyễn Phương, người, trong riêng tư, ghét Tây Sơn không để đâu cho hết. Ngay sự tham gia của quyền lực đã chứng tỏ được sự yếu thế của luận cứ. Phe cho rằng Tây Sơn, cụ thể riêng biệt là Nguyễn Huệ, đã thống nhất đất nước thì căn cứ vào các trận chiến thắng

từ Nam ra Bắc, đậm nét ưa thích của thời đại là các trận chống quân ngoại quốc (Rạch Gầm, Đống Đa). Căn cứ của luận điểm này phát xuất từ trong tinh thần kháng chiến chống Pháp của dân chúng, và được chính quyền VNDCCH khai thác làm đà cho cuộc chiến "chống Mỹ" tiếp theo mà các sử gia mới phụ họa một cách nồng nhiệt trong các biên khảo chồng chất. Sự việc rõ rệt khiến học giả ngoại quốc vẫn nhận ra. (Xem Patricia Pelley, "The History of Resistance and the Resistance to History in Post-Colonial Construction of the Past" trong Essays into Vietnamese Past, K. W. Taylor and J.K. Whitmore, eds, Cornell University, 1995, 222-245.) Tuy nhiên việc "thống nhất" của Tây Sơn đó không xảy ra cùng một thời điểm để có thể gọi là "gồm một trong tay."

Thắng trận Rạch Gầm Xoài Mút, đuổi Nguyễn Ánh chạy sang Bangkok thì vẫn còn chính quyên Lê Trịnh ngoài Bắc. Ra Bắc dẹp Trịnh chỉ với nghĩa tôn phù nhà Lê, thì còn Lê: Ý nghĩa thống nhất lúc này chỉ có giá trị với Lê thần, được biểu hiện trong đề mục Hoàng Lê nhất thống chí của dòng họ Ngô Thì. Dẹp Trịnh trở về thì Nguyễn Huệ đánh nhau với Nguyễn Nhạc, và sau đó Nguyễn Ánh lần về Gia Định, đuổi Nguyễn Lữ chạy dài, không cần đến tiếp viện của Bá Đa Lộc. Chỉ có thống nhất đất nước thực thụ là ngày 20-7-1802, khi quân Nguyễn chiếm thành Thăng Long, sau một tháng Nguyễn Ánh trở thành Gia Long ở kinh đô thời phân tranh cũ. Điều đó là sự thật giản dị tưởng như không cần tranh cãi nếu không có ý thích riêng tư của quyền lực về sau chen vào. Còn nói rằng chính Tây Sơn đã phá vỡ phân tranh để mở đường thống nhất thì chỉ là nói gượng, vì về mặt sự kiện đơn lẻ khởi đầu, chính quân Trịnh đã tràn qua sông Gianh phá vỡ thế phân tranh trước. Và phá vỡ phân tranh không hẳn phải đi đến thống nhất. Chứng cớ nơi Trịnh co cụm ở Phú Xuân và có sự phân tranh tiếp theo của anh em Tây Sơn vào hồi còn chính quyền Lê ngoài Bắc. Một vấn đề giả định như thế đương nhiên không phải là vấn đề sử học.

Sự phủ nhận vai trò thống nhất của Nguyễn Ánh thật ra cũng nằm trong ác cảm đối với ông về việc người Pháp xâm lăng Việt Nam, làm hạ giá trị của ông trước lịch sử. Câu trích dẫn trên trong quyển Lịch sử Việt Nam I chứng tỏ điều đó. Và điều này thì cũng là lỗi đầu tiên của người Pháp. Chiếm được Việt Nam bằng quân sự tuy đã thành công nhưng họ cũng tìm cách biện minh rằng có sự liên hệ mật thiết từ lâu của nước họ và nước Việt thông qua những giao kết trên tầng cấp cao, những giúp đỡ của các cá nhân, phe nhóm xây dựng nên sự thành công của triều đại Việt. Hiệp ước Versailles 1787 được lôi ra, ông Hoàng tử Cảnh bé nhỏ ở kinh đô Pháp như một dấu hiệu tội nghiệp dễ thương, ông Bá Đa Lộc cương quyết được nhắc nhở, đặt tên đường, tên trường... Rồi tiếp theo sau hồi gãy đổ, để vùi lấp sự chiếm đóng là "quan ba tàu bay Đỗ Hữu Vị" của Thế chiến I, là sự so sánh bà Thánh Jeanne d'Arc với Hai Bà Trưng... Sự viện dẫn lịch sử có dụng ý làm họ không nhắc những điều bất lợi: bản hiệp ước Versailles không thi hành được vì vua Pháp mắc nạn Cách Mạng, ông Giám mục cầu viện cay đắng lục hặc với đại diện chính quyền Pháp ở Ấn Độ, trở về Vũng Tàu, bước lên bờ chỉ được một mớ thuốc súng của ông chủ tàu tặng Hoàng tử Cảnh để cho cậu bé "không có dáng trở về tay không và để làm vui lòng Giám mục đã tỏ vẻ ước muốn chúng lắm." Vậy thì hiệp ước không thi hành được. Chỉ còn kết tội về ý tưởng cầu viện ngoại quốc.

Nhưng hãy xét về phía đối nghịch mà người ta muốn phong thần. Tây Sơn cũng có cầu viện ngoại quốc mà không thành công. Nguyễn Nhạc cầu cạnh phái viên Chapman của người Anh, hứa đổi một thương điếm để họ đến buôn bán, một linh mục Tây Ban Nha được Nguyễn Nhạc cấp giấy phép truyền đạo vì hứa cuội sẽ mang súng đạn viện trợ. Và điều đó không phải chỉ xảy ra lúc khởi đầu, hay ở trong vùng của ông "vua già cầu yên tạm bợ" Nguyễn Nhạc. Trong vùng thuộc quyền Nguyễn Huệ, người ta cũng nài nỉ phái đoàn Macartney (1792) giúp thuốc đạn súng ống. Ngày trước, trong thời phân tranh, Trịnh Nguyễn từng cầu viện Hòa Lan, Bồ Đào Nha để có khả năng hay lực lượng chống đánh phe địch mà "thống nhất" đất nước. Vấn đề không nằm ở "tội" của phe nào mà chỉ là sự lượng giá từ người đương quyền về tình hình thực tiễn của thời đại mà thôi. Giá người đời nay chê trách người xưa mà không dùng đến kế sách ấy mới là phải lẽ vậy. Sự tiếp thu được nhân lực, kỹ thuật của Tây phương dẫn đến sự thành công của Nguyễn Ánh là do nhiều yếu tố, trong đó không phải là không có nhược điểm của phía Tây Sơn. Và bàn về điều này thì e phải viết một quyển sách nữa, quyển sách tuy vẫn chưa hoàn hảo nhưng cũng loại bỏ được tính cách sử thần nơi các sử gia thời mới.

Và lại còn chuyện trả thù. Thắng trận, Nguyễn Ánh cho xử hình vua tướng Tây Sơn theo một cung cách kinh khiếp đối với người thời nay mà chúng ta còn biết được nhờ giáo sĩ de La Bissachère hỏi dò và ghi lại. Dù là cố giữ tinh thần không phe phía, người ta vẫn thấy xúc động với cảnh cô bé hoảng hốt kêu khi thấy con voi cuốn vòi xông tới: "Mẹ ơi cứu con!" để viên nữ tướng ngậm ngùi: "Đến thân mẹ còn không giữ nổi, làm sao cứu con?" Chi tiết để cho lịch sử sợ cọp," khiến vùng biên giới về phía Trung quốc vắng bóng người sau trận Đống Đa!

Nhà Nguyễn không giấu chuyện tàn sát kẻ "nguỵ," coi đó là lẽ đương nhiên tự quyền uy mà có, do tính cách chính thống mang tự bản thân dòng họ, được củng cố bằng chiến thắng sau bao nhiêu năm gian khổ phục hồi. Nhưng với thời mới, khi thay chữ "chính thống" bằng "chính nghĩa" theo sự sắp xếp bậc thang giá trị mới thì người ta lại coi hành vi trả thù kia là thấy kém, hèn hạ.

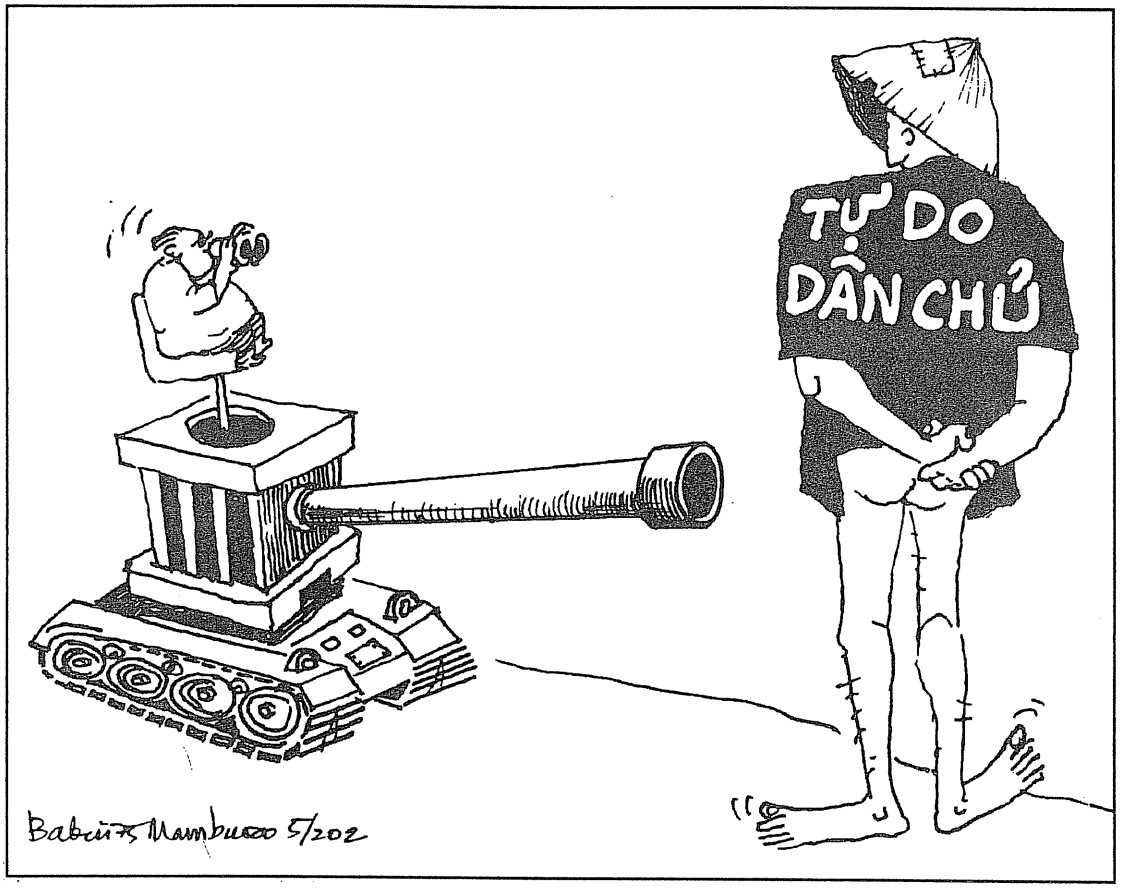

không chỉ là những dòng chữ ghi chép khô khan, lạnh lùng như thế, có được là nhờ ông giáo sĩ tò mò chuyện đời-thường, nhưng chúng ta cũng biết được thêm rằng đến 20 năm sau (1831), con cháu Nguyễn Nhạc trốn trên vùng người Thượng mới bị bắt đem về xử hình, tuyệt dòng Tây Sơn. Còn chuyện đào mả ba anh em Tây Sơn, lấy sọ xiềng trong ngục thì lưu lại ở Kinh đô Huế với cái Ngục Ông Sọ chỉ mất tên trong biến loạn Thất thủ kinh thành trong tay người Pháp. Cứ nghĩ một trong ba cái sọ nằm lăn lóc trên nền đất tối tăm lạnh lẽo đó, một thời đính theo thân một người từng tung hoành giữa ba quân khiến Xiêm "sợ Tây Sơn như Thêm một vấn đề đáng lý không phải tranh cãi. Xét theo sự tranh chấp riêng tư thì dòng chính chúa Nguyễn đã từng bị tuyệt diệt, chỉ còn sót một cậu bé trốn chui nhủi, chịu tủi nhục để may ra được trả thù sau này. Về việc đào mả thì Nguyễn Huệ cũng từng làm đối với dòng họ Nguyễn. Trần Văn Kỉ còn đó để sau này theo về Nguyễn Ánh thuật lại tâng công. Vấn đề gợi nên ở đây đòi hỏi một tinh thần sử học tinh tế hơn tuy nhiên vẫn không có gì phải cực nhọc trí óc lắm.

Lý lẽ rất là giản dị mà người ta cứ hay quên, hay cố tình quên. Khoa địa lý phong thủy nay lan qua tận xứ Mỹ, đã dạy rằng khi sống nên tìm lấy

một miếng đất sao cho sau khi chết chôn đi thì con cháu sẽ phát vương phát tướng, hay ít ra là phát tài phát lộc, đừng phải đi ăn mày ăn xin khắp bàn dân thiên hạ. Ông Tả Ao nổi tiếng về khoa để mả cho người, chắc cũng nhắm sẵn cho mình một chỗ nhưng không dám nói với ai vì sợ tranh mất, đến khi sắp chết, bảo con cháu khiêng đi chôn, thấy không kịp liền chỉ một miếng đất bên đường có cơ hưởng được cúng tế của làng, có còn hơn không! Vậy thì anh em Tây Sơn chắc không phải để cho ai muốn chôn mình ở đâu thì chôn. Đám cận thần tha hồ trổ tài nhắm vào các huyệt đạo phát tích đế vương. Thế thì Nguyễn Ánh có chịu để mấy cái xác nằm đó chờ đợi ngày kết phát không? Ngược lại, Nguyễn Huệ truy bức dòng chúa cũ, có không nghe lời cận thần xin đào mả các chúa trước để triệt đường thành công mà dấu hiệu là một tên đang nổi lên ở phương Nam đe dọa cơ nghiệp mình hay không? Vấn đề giản dị như thế, người bình thường hay quên không nói làm gì, đến các nhà nghiên cứu sử học mà vẫn mù mờ thì thật là khó hiểu.

Các vấn đề tranh cãi đặt ra nguyên nhân chỉ vì lấy tâm tình hiện đại xét người xưa rồi muốn quá khứ phải theo ý riêng của mình. Người xưa sống trong hiện tại của họ, có cách khu xử của tâm tình đương thời, của tình thế họ phải ứng phó mong đạt đến mức tối ưu nếu đó là trường hợp của các tay lãnh đạo. Quá khứ là điều không thể cải sửa, lại không thể dựng lại y nguyên nhưng có thể trình bày như cũ trong mức khả năng tối đa của người sau. Ở Gia Định, Nguyễn Ánh không bắt tội Võ Văn Lượng ngang tàng kiểu Nam Kỳ: "Ai lại làm tướng mà đi lạy đàn bà (vợ Nguyễn Ánh)." Hay giấu tên người tâu xin giết Bá Đa Lộc: "Bây giờ đang lúc cần người." Có một viên tướng địch về hàng, sau khi thử thách liền phong ngay chức Bình tây Tướng quân trong một chiến dịch quan trọng. Triều Gia Long nhốn nháo người trung thành kiểu "tòng vong Vọng Các" thời ba đào gian truân, với các quan Lê Trịnh đầu hàng lâu hay mới theo khi quân đến, với tướng Tây Sơn trong chiến tranh chạy qua chạy lại... Và im lìm phục vụ, như Hồ Công Diệu của Nguyễn Huệ, Trần Văn Trạc của Nguyễn Nhạc, hay nổi bật như Phan Huy Ích viết Chiếu tuyên cáo quốc hiệu cho Gia Long. Tuy vậy không phải là đã được yên thân.

Danh sĩ Bắc Hà Nguyễn Viên dâng sớ từ chức vì không chịu ngồi chung với bọn người chạy qua chạy lại mất phẩm chất. Đặng Trần Thường chê bai lệnh nguyên súy: "(Lê) Chất mà 'bình Tây' thì ai bình Chất?" Nhưng rốt lại vì tình hình thực tế mà chính ông danh sĩ Bắc hà theo quân từ hồi chúa còn lận đận đã phải tội chết, ít nhiều gì cũng bởi quyền uy của tên ngụy mới về hàng. Đọc sách với một tinh thần bình thản chút xíu thì thấy ngay việc đời, lịch sử không thể lược giản trong một vài câu khẩu hiệu ngắn ngủn được.

Những vấn đề không đáng nêu ra để tranh luận kia thật ra không phải là vấn đề sử học. Sự tranh luận có gốc gác nằm trong thói quen luận cổ suy kim vướng víu của quá khứ, chưa kể đến tính chất phe phía bình thường. Thế mà những vấn đề nêu trên lại trở thành vấn đề sử học chỉ vì như chúng ta đã nói, thời đại mới vừa đưa đến một lớp sử gia nặng tính chất phe phía, vừa bởi có sự khích động của thời đại, vừa được hướng dẫn bởi chủ thuyết có sự hiện diện của một quyền bính lôi sử gia về thời sử thần ngày xưa. Áp lực đối với sử gia hiện đại còn nặng nề hơn với sử thần xưa nữa. Vì thật ra tuy sử quan Nguyễn tuân theo khuôn khổ trung quân, đã đặt Tây Sơn vào vai trò "ngụy" trong một "quyển" 30 riêng biệt của Chính biên liệt truyện, và cũng từng nặng nề với các tên "đầu sỏ" nhưng họ không bỏ qua những ưu điểm của kẻ địch, không dìm những lời tán tụng của người cùng phe trong các trường hợp nhận xét về phe ngụy. Họ nhận xét Nguyễn Huệ "tiếng nói như chuông lớn, mắt sáng như chớp... ai cũng sợ cả"! Và họ cũng không ngần ngại ghi lời thuộc hạ can gián Nguyễn Ánh ngay trong lúc đang tranh chiến, nghĩa là lúc thù hằn lên tột đỉnh, lúc dễ ngăn chặn những lời "làm lợi cho địch" như người đời bây giờ có thể viện dẫn ra: "Kẻ kia Nhạc Huệ, anh em từ dân áo vải, không đất cắm dùi, vươn tay hô một tiếng người theo có cả vạn, không đầy năm, sáu năm có được đất nước..."

Ít ra thì trong trường hợp này ta cũng có bằng cớ để nói về ưu điểm của sử quan xưa, so với người thời bây giờ, hoặc bởi dua nịnh thời thế, hoặc do sự bất lực của chính mình, đã gán cho các nhân vật lịch sử những tội trạng, những thói hư tật xấu họ không hề có, hay vốn chỉ là chuyện bình thường của đương thời, của quá khứ mà người nay không hiểu ra trong lúc cứ muốn đóng vai trò phẩm bình Xuân Thu với những kẻ không trả lời được./.

New Year 2002

Ở XỨ CHUÔNG RÈ

Một thời thanh niên gian nan tại Nam Kỳ thuộc địa của NGÔ VĂN

Nguyên văn AU PAYS DE LA CLOCHE FÊLÉE
Tribulation d'un Cochinchinois à l'époque coloniale

Người dịch: PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

(Tiếp theo)

Giữa hai làn đạn

Nhựt đầu hàng ngày 15 tháng 8 năm 1945, nhưng trong khi chờ quân giải giới tới, Đồng Minh giao cho quân đội Nhựt nhiệm vụ giữ trật tự ở Đông Dương. Nhưng tại miền Bắc, ngày 18 tháng 8, bộ đội Việt Minh tiến vào Hà Nội.

Và, nghe nói Sài Gòn cũng sôi động lắm. Cho nên quá sốt ruột, tôi bỏ việc làm ở Cần Thơ, cùng Nguyễn Văn Lịnh lên đường, theo tiếng gọi thu hút của các biến cố. Vừa tới Tân An, ở một trạm kiểm soát, tôi gặp thủ lãnh đám Đệ Tam Nguyễn Văn Tạo, quen biết vì cùng ở tù chung ngày trước. Anh ta cũng về Sài Gòn. Dĩ nhiên rồi! Anh ta vỗ vai tôi nói :

- Coi chừng đừng làm bậy nghen! Nhớ suy nghĩ kỹ trước khi hành động!

Giọng khuyên kẻ cả cho một tên đàn em nổi loạn và "lạc hướng." Anh ta biết rõ tôi trong nhóm Trốt kít bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Tôi về nhà má tôi ở làng Tân Lộ, cách Sài Gòn 15 cây số về phía Bắc. Nhà má tôi mau chóng trở thành nơi liên lạc của Liên minh Đệ Tứ. Từ Lư Sanh Hạnh, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Lịnh cho đến những người mới như Lưu Khánh Thịnh làm công cho người Tàu ở Chợ Lớn và Lê Ngọc, trong Uỷ ban đấu tranh của 400 công nhân xe điện Gò Vấp. Uỷ ban này đã thành công trong việc đòi lên lương và hợp thức hoá các đại diện do công nhân bầu lên. Các đảng viên Liên Minh Cộng sản Quốc tế chúng tôi đã tạo được một số người nồng cốt hoạt động mạnh trong giới công nhân ở đó.

*

Một hôm, thi sĩ kiêm thợ in Trần Đình Minh từ Hà Nội vào ghé nhà tôi, đem theo nhiều tin tức phấn khởi và đáng lo. Khoảng 1944-1945, Minh ra tờ báo bí mật Cờ Đỏ. Nhà văn Nguyễn Tế Mỹ cũng ra tờ Tuyên Ngôn chỉ trích Việt Minh đã liên kết với đồng minh đế quốc và tố cáo Việt Minh đã gieo ảo tưởng là có thể giải phóng quốc gia dựa vào thoả hiệp kí với Đế quốc Pháp và Đồng Minh. Tại Đan Phượng, thuộc Hà Đông, Lương Đức Thiệp và các bạn bè cũng ra bản tin Chiến Đấu kêu gọi công nhân và nông dân nổi dậy chống tất cả mọi thứ đế quốc bất kể Nhựt hay Đồng Minh. Các sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn, Phan Thanh Hòa và Tuân cũng ra đến tận các vùng mỏ để nói chuyện tranh đấu với công nhân mỏ. Họ muốn ngăn cản việc tuyên truyền yêu nước cực đoan và họ chỉ trích cuộc chiến đấu chỉ nhằm vào giải phóng quốc gia. Bởi vì hợp tác với đế quốc và tư bản thì làm sao giải phóng các thợ mỏ công nhân nô lệ tại các đồn điền, hãng xưởng và nông nô nghèo không ruộng đất?

Tin 30 000 thợ mỏ của hãng Than Mỏ Hòn Gai- Cẩm Phả đã bầu các Hội đồng tự quản lí việc sản xuất than mỏ khiến chúng tôi vui mừng hi vọng. Các công nhân mỏ đã nắm trong tay các cơ quan hành chính trong vùng, hoả xa, bưu điện và áp dụng cùng mức lương cho tất cả các bậc thầy thợ. Họ cũng tổ chức dạy học xóa nạn mù chữ. Tại đây, công nhân mỏ đã tổ chức một cuộc sống không có chủ canh, không có lính gác.

Và thật tình chúng tôi cũng lo rằng cuộc sống lí tưởng ấy không thể kéo dài. Bởi vì các chuyện kể của Trần Đình Minh cho chúng tôi thấy Việt Minh đang nắm quyền hành ở miền Bắc, họ áp dụng mô hình Staline, không những không ngó ngàng gì đến cách mạng xã hội mà họ còn tìm cách trấn áp nó bằng bất cứ giá nào để nắm giữ được toàn bộ quyền uy chính trị. Mặt khác, Việt Minh cũng không cần đợi đến lúc nắm trọn quyền hành để thủ tiêu tất cả những người họ gọi là "bọn trốt kít phản bội tổ quốc." Trần Đình Minh kể lại chuyện Nguyễn Hữu Dũng, một chiến sĩ

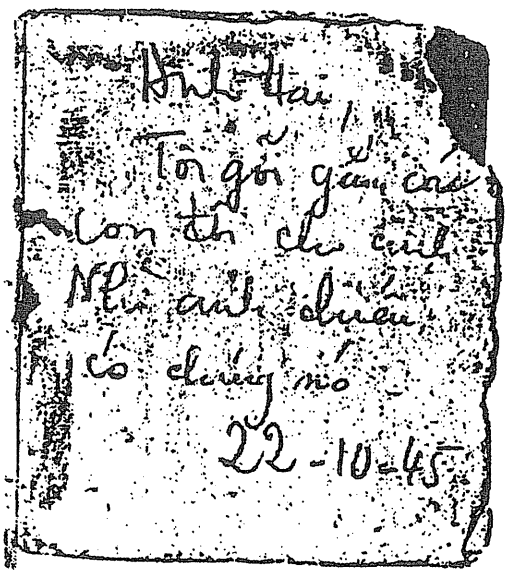

Lời nhắn của Trần Văn Thạch gởi cho người anh của mình, trước khi bị tay chân của Trần Văn Giàu giết chết ở Thủ Dầu Một.

trẻ tuổi nhiệt thành Đệ Tứ, đã bị một người Việt Minh trẻ nhiệt thành khác dùng thuyền tam bản rượt đuổi và giết chết trong một vùng ruộng lúa ngập nước. Và chuyện nhà giáo đối lập Trần Tiến Chinh, bạn của Minh, bị giết trong nhà giam của Việt Minh ở Bắc Kạn. Số phận những công nhân Than mỏ Hòn Gai- Cẩm Phả rồi sẽ ra sao? Trong khá lâu, sống giữa hi vọng và lo sợ, chúng tôi không được tin tức gì cả, nhưng chính cũng nhờ hi vọng và lo sợ, chúng tôi biết rằng vì sao chúng tôi phải đấu tranh.

*

Tại miền Nam, trước nguy cơ cận kề là thực dân Pháp có thể trở lại, các đảng phái và những tổ chức chính trị lớn lên dưới thời Nhựt chiếm đóng, tìm cách liên kết với nhau. Đảng Quốc gia Độc lập và các tổ chức Cao Đài Hoà Hảo, Thanh niên Tiền Phong, Liên đoàn Công chức, Nhóm Trí thức và Nhóm Phật tử Tịnh độ cư sĩ liên kết thành Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất và kêu gọi dân chúng biểu tình vào ngày 21 tháng 8, với các khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc Pháp" "Hoan hô Việt Nam độc lập."

Chúng tôi cũng đến với các biểu ngữ của chính chúng tôi "Phải vũ trang nhân dân! Phải thành lập các Uỷ ban Nhân dân! Ruộng đất về tay dân cày! Hãng xưởng về tay công nhân!" Bên cạnh các bạn hữu, đồng chí, công nhân, chúng tôi sát cánh nhau trong khí thế vui mừng sôi sục. Tự nhiên tim tôi se lại, đau đớn nhận ra sự thiếu vắng càng lúc càng rõ rệt của bạn bè thân thiết đã chết trong những năm sôi động vừa qua như Trịnh Văn Lầu, Võ Văn Dơn, Văn Văn Ký...

Ngay chiều hôm đó, nhiều xe mang ống loa oang oang khắp đường phố Sài Gòn "Tất cả đoàn kết ủng hộ Việt Minh." Và người ta đọc trong truyền đơn Việt Minh [nguyên văn]: «*Vì Việt Minh đã từng sát cánh bên cạnh bạn đồng minh đánh Tây chống Nhựt, ...bề ăn nói của chúng ta rất dễ dàng*" [1] Đó là những lời khoác lác của môn đồ Staline Trần Văn Giàu trên đường cướp chính quyền tại miền Nam.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, thấy Việt Minh đang như diều gặp gió, bèn bỏ Mặt Trận Thống Nhất, gia nhập Việt Minh đồng thời đem theo một công cụ tuyệt vời cho Việt Minh kiểm soát và thực thi quyền hành: Thanh niên Tiền phong. Chỉ hôm sau, các biểu ngữ của TNTP là "Tất cả quyền hành cho Việt Minh."

Liên đoàn Công chức cũng ngả theo phe Thanh niên Tiền Phong. Rồi Cao Đài, Hòa Hảo cũng vậy. Thế là đã sẵn sàng một nền móng cho các môn đồ theo chủ nghĩa Staline!

Chiều hôm sau buổi biểu tình, tôi gặp Kỉnh Ấn Độ, bạn đồng nghiệp ở Vĩnh Long, anh ta khoe với tôi: "Chúng tôi đã sẵn sàng nắm chính quyền, tờ tuyên ngôn đã in rồi." Thì ra anh ta cũng ở trong nhóm Trần Văn Giàu.

Trong vườn [Tao Đàn] tôi thấy từng nhóm TNTP tập trận với tầm vông chuốt nhọn.

Tối 24, ngay trước toà Thị sảnh Sài Gòn[2] có dựng một cột gỗ hình khối chữ nhựt khổng lồ phủ vải đỏ với hàng chữ lớn «*Uỷ ban Hành chánh Lâm thời Nam bộ* : Chủ tịch kiêm Quân sự: Trần Văn Giàu; Ngoại giao: Phạm Ngọc Thạch; Nội vụ: Nguyễn Văn Tạo; Quốc gia Tự Vệ cuộc: Dương Bạch Mai.»

Đó là chính quyền do các chủ nhân mới của chúng tôi, tự tuyên xưng tại miền Nam. Một chính quyền kiểu Staline, tuy cũng có vài kẻ hiện diện gọi là, nhưng bản chất nó là độc tài, nhất định không chia xẻ quyền hành với bất cứ ai. Chính quyền này sẽ tổ chức vào bữa hôm sau, ngày 26 tháng 8, một cuộc biểu tình thay cho cuộc đầu phiếu của toàn dân. Riêng chúng tôi, chúng tôi quyết định sẽ tới đó nói lên ý kiến li khai và bất đồng của mình.

Từ sáng sớm hôm 25 tháng 8, tất cả dân Sài Gòn cũng như dân các vùng ven đô Gia Định,

Gò Vấp, Thị Nghè, Khánh Hội đổ xô về trung tâm Sài Gòn, mà từ khuya hôm trước đã có nông dân đến từ miệt Bà Điểm, Hốc Môn, Đức Hòa và Chợ Đệm. Tất cả tràn ra đại lộ Norodom [lúc bấy giờ đổi tên là đại lộ Cộng Hoà] và ngay phía sau Nhà thờ Nhà nước, một khán đài -lại một sân khấu mới- được dựng lên. Một đám đông vĩ đại chưa từng thấy. Một khối tràn trề hi vọng. Và mang một tâm cảm chung: tất cả chúng tôi đang sống những phút giây cuối cùng của chế độ thực dân và sẵn sàng lao mình vào cuộc đấu tranh nhiều bất trắc trong tương lai.

Liên minh Đệ Tứ chúng tôi với các khẩu hiệu triệt để đã gây sôi nổi nhiệt thành trong đám người bị bóc lột đang quyết tâm dứt điểm với bọn chủ nhân ông, bất kể da trắng hay da vàng. Khi đám Đệ Tam hô :"Tất cả quyền hành cho Việt Minh," chúng tôi trả lời: "Quyền hành về tay các Uỷ ban nhân dân" và khi họ hát bài "Lên đàng" của TNTP, bài hát ca ngợi chủ nghĩa "anh hùng dân tộc" vạn cổ thì chúng tôi hát "Quốc tế ca" trả lời. Họ đã chẳng thẳng thừng tuyên bố "là cộng sản, chiến sĩ tiên phong của loài người, nhưng họ lại sẵn sàng đặt quyền lợi tổ quốc lên trên quyền lợi giai cấp"?

Trong cuộc họp báo tại toà Thị chánh, khi Trần Văn Thạch trong nhóm Tranh Đấu La Lutte hỏi Trần Văn Giàu :

- Ai cử Uỷ ban Hành chánh Lâm thời ?

Trần Văn Giàu nổi giận :

- Chúng tôi tạm nắm chính quyền trong giai đoạn này, sau đó chúng tôi sẽ giao lại cho các ông. Còn về mặt chính trị ...

Giàu đưa tay đặt lên cây súng lục đeo bên hông mình, nói tiếp :

- ...tôi sẽ trả lời anh ở chỗ khác [3]!

Quả thật vậy, sau đó Trần Văn Thạch đã nằm xuống dưới họng súng của tay sai Trần Văn Giàu vào tháng 10 năm 1945 [tại rừng Bến Súc thuộc Thủ Dầu Một].

Để sửa soạn đón tiếp quân Đồng Minh đến giải giới và di tản quân Nhựt, Trần Văn Giàu đã kêu gọi dân chúng "long trọng tiếp đón và treo cờ bốn nước đồng minh quanh cờ Việt Nam."[4]

Ngày 2 tháng 9, Trần Văn Giàu lại tổ chức một buổi diễn binh, không nhằm diễn thuyết ca ngợi độc lập mà Trần Văn Giàu lại đi tố cáo [nguyên văn] "***một số người phản quốc đương kiên cố hàng ngũ, làm hậu thuẫn cho kẻ nghịch. Chúng nó sẽ bị toà án Nhân dân trừng trị thẳng tay. Phải trừng trị những bọn mãi quốc cầu vinh, những bọn gây rối cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà ; gây rối hầu tìm cho phe nghịch một cơ hội xâm lăng.***"

Những lời đe doạ này nhằm vào chúng tôi và những người nào khác không phục tùng Việt Minh. Chúng tôi hiểu rằng chuyên thủ tiêu các người cách mạng đối lập về chính trị vốn đã lan rộng ở miền Bắc thì giờ đây có nguy cơ bắt đầu ở miền Nam..

Thật vậy, chúng tôi chú ý thấy trong đám tuần hành vũ trang, một nhóm người ở trần để lộ trên da những hình xăm, và mang một biểu ngữ với hàng chữ lạ lùng: *Ban xung phong ám sát.* Đó là quân cướp Bình Xuyên, được Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai thu nạp làm đoàn binh cảnh vệ.

Bình Xuyên, ở phía nam Chợ Lớn, là một căn cứ quân cướp nổi tiếng, hình như đám cướp này kiểm soát hầu hết Chợ Lớn, vùng rạch Bến Nghé và nam Sài Gòn.

Quân đội "nhân dân" [đệ Nhất sư đoàn] của Trần Văn Giàu gồm các đội quân lưu động là chính, ngoài ra còn dân quân và đoàn binh bổ sung nay đã đổi chủ của tổ chức cảnh sát chuyên đi bố ráp dưới thời Pháp.

Thanh Niên Tiền Phong diễn hành với biểu ngữ viết bằng bốn thứ tiếng Anh, Pháp, Nga, Mĩ *Chào mừng Đồng Minh* ("Welcome to our Allies") vô cùng thiết thân của nhà cầm quyền Trần Văn Giàu.

Kế đến là đạo quân quốc gia Cao Đài [Đệ nhị sư đoàn] với bộ chỉ huy riêng, và quân Hoà Hảo [Đệ tứ sư đoàn] của ông Đạo khùng Huỳnh Phú Sổ. [Còn Đệ tam sư đoàn do Nguyễn Hoà Hiệp chỉ huy].[5]

Khắp nơi là những biểu ngữ "Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp" Thà chết chớ không làm nô lệ" "Việt Nam phải hoàn toàn độc lập."

Khoảng 4 giờ chiều, đoàn biểu tình vừa tới ngang Nhà thờ Nhà nước thì có tiếng súng nổ. Dân chúng kêu la "Tây bắn! Tây bắn!" và hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Đám dân quân ùa về phía cơ sở Hội truyền giáo. Trước thềm nhà đó, giáo sĩ tuyên úy tên Tricoire mà tôi biết hồi ở tù, bị giết bằng dao và đạn. Sau đó thì súng nổ lung tung từ đường Bonard [Lê Lợi] cho tới chợ [Bến Thành]. Đến chiều tối, khi mưa rào trút xuống như thác đổ thì tình hình mới êm. Nghe đồn có năm người Pháp bị giết chết.

Ngay hôm sau, Trần Văn Giàu ra lệnh cấm mọi người mang vũ khí ra đường, dĩ nhiên trừ đám quân của ông ta. May mà không ai thèm

nghe lệnh.

Chúng tôi phát truyền đơn Liên minh Đệ Tứ ngay giữa chợ Bến Thành, kêu gọi dân chúng sắm sửa khí giới, tổ chức các Uỷ ban nhân dân và các đoàn dân quân. Xin lưu ý nơi đây, trong quyển sách phát hành năm 1994 tại Sài Gòn tựa đề : *Lịch sử kháng chiến Sài Gòn- Gia Định- Chợ Lớn 1945-1975*, đám văn nô nhà nước hiện tại đã dám bôi lọ Đệ Tứ bằng cách gán cho Đệ Tứ chủ nhân khẩu hiệu kì thị này "Hãy giết sạch bọn da trắng."

Kẻ viết *thuê* luôn luôn viết lại lịch sử sao cho phù hợp với diễn văn của người thắng trận!

Mọi người đều tìm đủ cách cho có được vũ khí. Các Uỷ ban nhân dân (hậu thân các Uỷ Ban Hành Động năm 1936) tự động thành hình, cũng như các tổ nhóm lo điều hành quản lí tại địa phương. Ngay hồi tháng 8 năm 1945, công nhân tại Phú Nhuận đã bầu xong Uỷ ban nhân dân và tuyên bố uỷ ban là chính quyền hợp lệ duy nhất của khu phố. Bữa sau khu Bàn Cờ cũng làm như vậy. Các Uỷ ban bắt đầu thành hình khắp nơi, khí thế bừng bừng tưởng chừng như không gì ngăn cản nổi. Nhóm Liên Minh chúng tôi cố gắng điều hợp phong trào này. Chúng tôi mở một cơ sở cho anh em đại biểu hội họp tại số 9 đường Duclos ở Tân Định, có dân quân mang vũ khí canh gác. Các đại biểu phân phát một tài liệu thông báo rằng họ độc lập đối với các đảng phái và cương quyết lên án mọi xâm phạm đến quyền tự quyết của giới công nông.

Tôi vẫn tiếp tục bí mật hoạt động, đi đi về về Tân Lộ cất giấu các khí giới phần lớn mua chợ đen hoặc lấy được đây đó.

Một bữa tình cờ gặp Kỉnh Ấn Độ ở ngoài phố, anh ta cho hay tại Mỹ Tho, Trà Vinh, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc nông dân tự động nổi dậy chiếm đất của chủ điền. Ấy bởi chính đảng Cộng Sản Đông Dương đã tuyên bố hồi năm 1930 : "Đất ruộng là của dân cày." Thành ra lúc bấy giờ đám đồ đệ Staline vì muốn ngăn cản nông dân lấy đất điền mà suýt bị dân chúng ẩu đả. Trên báo chí, anh "bạn" tôi Nguyễn Văn Tạo, phụ trách về Nội vụ trong Lâm Uỷ hành chánh ra thông cáo: "Những kẻ xúi giục nông dân cướp đất sẽ bị trừng trị thẳng tay. Cuộc cách mạng cộng sản nhằm giải quyết vấn đề ruộng đất chưa thể xảy ra. Hiện nay chính phủ nước ta là một chính phủ dân chủ và tư sản tuy do những người cộng sản lãnh đạo.[6]"

Ngày ấy, cầm đầu bộ máy đàn áp của một chính quyền mới, Nguyễn Văn Tạo, bạn đồng lao ngày cũ của chúng tôi cũng đồng thời nắm trong tay quyền sinh sát chúng tôi. Lời anh ta khuyên nhủ với vẻ thân ái dạo trước giờ đây văng vẳng bên tai tôi như một tiếng cảnh cáo thật sự.

Ngày 6 tháng 9, 1945, phái bộ Đồng Minh do tướng Anh Gracey dẫn đầu đến Sài Gòn, dù được Việt Minh đón tiếp long trọng, Gracey không ngần ngại đuổi Lâm Uỷ hành chánh ra khỏi dinh thống đốc để chiếm chỗ, Giàu và Uỷ ban phải dọn về toà Thị sảnh. Gracey ra lệnh cho chỉ huy Nhựt Terauchi buộc Giàu phải giải giới toàn thể dân quân và cấm tất cả không được mang vũ khí.

Giàu nhanh chóng tìm ra "thủ phạm" là Nhóm Liên Minh chúng tôi để làm vật tế thần : "*Một nhóm vô trách nhiệm đã hô hào dân chúng biểu tình ở chợ Sài Gòn đòi võ trang cho nhân dân, lợi dụng quyền tự do dân chủ do Uỷ ban Hành chánh ban hành đem cơ hội cho bọn ngoại quốc xâm phạm đất nước.*" *(10)*

Thế là dấy lên một phong trào thù hằn chúng tôi. Trong báo Dân Chúng, đám đồ đệ Staline vu khống người trốt kít Đệ Tứ chúng tôi là Việt gian.

Ngày 7 tháng 9 nhóm La Lutte Tranh Đấu dán giấy ngay trước trụ sở thông báo tin Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi. Bị nhóm Tranh Đấu chất vấn, Trần Văn Giàu trả lời bằng một bản tin cho báo chí : "... Uỷ ban Hành chánh Nam Bộ có quyền xét xử Tạ Thu Thâu."

Thì ra Trần Văn Giàu vẫn nắm trong tay nhóm bộ hạ vũ trang do Dương Bạch Mai chỉ huy, nhóm này tựa như tổ chức GPU - công an mật của Staline - tại các bót cảnh sát và nhà tù. Ngày 14 tháng 9, Dương Bạch Mai cho bộ hạ bao vây trụ sở họp của đại biểu Uỷ ban nhân dân ở Tân Định trong đó có người của Liên Minh Đệ Tứ. Khoảng ba mươi đại biểu bị bắt trong đó có hai người bạn tôi là Lư Sanh Hạnh và Nguyễn Văn Chuyến, các vũ khí đều bị tịch thu. Dương Bạch Mai nhốt tất cả vào... Khám lớn, nhà tù quen thuộc của chúng tôi từ thời Pháp!

Tình hình càng khẩn cấp khi một tiểu đoàn lính Gurkhas (gốc Ấn Độ) do sĩ quan Anh chỉ huy tới Sài Gòn với nhiệm vụ giải giới quân Nhựt và giữ an ninh miền Nam. Ngày 19, Uỷ ban Hành chánh Lâm thời kêu gọi tổng đình công. Ngày 20, tướng Gracey ra lệnh đình bản các báo chí Việt ngữ và cho người đi xé các thông cáo của Uỷ Ban Hành chánh Lâm thời. Việt Minh kêu gọi quần chúng bỏ thành phố tản cư về miền quê và "giữ bình tĩnh vì Uỷ ban HC hi vọng sẽ thương thuyết được." Ngày 21, Gracey ban hành thiết

quân luật. Ngày 22, quân Anh chiếm Khám lớn và giao cho Mật thám Pháp các bạn Liên Minh Đệ Tứ chúng tôi bị đám Đệ Tam theo Staline bắt giữ hôm trước.

Gracey lại thả đám lính Pháp bị Nhựt bắt lúc trước, thế là khi được phân phát khí giới trở lại đám lính Pháp này đi khắp nơi gây khủng bố, lùng bắt dân chúng. Pháp chiếm đóng lại sở Mật vụ và các đồn bót. Lúc 4 giờ sáng, họ tấn công toà Thị sảnh, giết lính gác người Việt nhưng nhóm Trần Văn Giàu đã kịp rút đi. Lính Pháp bắt khoảng năm mươi thường dân Việt Nam làm tù binh và trói dính chùm họ lại.

Dân chúng vừa giận vừa sợ nhưng đã nhanh chóng tổ chức phòng ngự và cản đường lính Pháp với các chiến lũy thô sơ làm bằng các thân cây, xe cộ lật ngửa, bàn ghế v..v... Nhưng sự đề kháng này vô hiệu quả. Súng liên thanh nổ không ngừng cho đến 6 giờ sáng. Và trung tâm Sài Gòn rơi vào tay Pháp với sự giúp sức của đám quân Anh Ấn. Lính và thủy quân (lục chiến) Pháp phá cửa từng nhà [tìm quân "khủng bố "] ở trung tâm phố và gần bến cảng, vào bắt thường dân đem đi, họ nhốt tất cả vào các đồn bót, công thự. Ở sở bưu điện chánh Sài Gòn, khoảng một trăm người đàn ông, phụ nữ, thiếu niên bị bắt ngồi dưới đất, hai tay giơ cao khỏi đầu.

Nhưng ngoại ô và xóm nghèo vùng ven đô nằm trong tay quân kháng chiến. Sài Gòn coi như bị quân kháng chiến bao vây. Phía nam, quân Bình Xuyên chiếm cứ từ Bến Nghé đến Chợ Lớn, phía tây bắc, lực lượng Cao Đài trấn giữ đường lên Tây Ninh và phi trường Tân Sơn Nhứt. Và phía bắc, ngay vùng cận đô, Việt Minh nắm giữ từ bến Avalanche (11) [rạch Bến Nghé] đến đường đi Gia Định.

Kẹt giữa hai làn đạn Anh Pháp và đám Đệ Tam theo Staline, tôi và anh Linh trốn ở nhà anh Nam bên mé Cầu Kho, một vùng ven đô. Sáng sớm chúng tôi bị đánh thức bởi đám thanh niên Tiền Phong đang tụ tập trước nhà, nhờ Nam quen biết vài kháng chiến quân tại chỗ nên chúng tôi trốn thoát dễ dàng. Và chúng tôi hay tin đám đồ đệ Staline đã ám sát anh Lê Văn Vững tại Đa Kao ngay chiều ngày 23 tháng 9, anh Lê Văn Vững trong nhóm Tranh Đấu là thư kí Uỷ ban vùng Sài Gòn – Chợ Lớn; tại Cần Giuộc, họ cũng giết giáo viên Nguyễn Thi Lợi, anh Lợi là đại diện công đoàn, cũng trong nhóm Tranh Đấu. Tất cả lực lượng chiến đấu của chúng tôi trong nội thành đều bị mật vụ Trần Văn Giàu phá tan, chúng tôi quyết định rời Sài Gòn và tập họp lại. Anh Nam tìm ra người đưa chúng tôi đi ghe theo con rạch Bến Nghé. Chúng tôi ra được tới ngoài ghe trong tiếng súng ào ào đuổi theo.

LƯU HY LẠC

Xuân Âu Ơ

gửi bùi hoạch.

Về trễ tràng em bưng mùa xuân sang sông
sóng đầu sông cuồng cuộn cuốn tấc lòng
rồi mai mốt rồi ngày sau nữa
phía cuối sông nước tràn lan ngộp úng đồng

Bao lượt để hẹn thề có nghĩa gì đâu
buổi mai ơi hãy như nước dưới cầu
nước chảy trôi rồi con sông mông muội
cảnh đời qua mỗi sợi tóc quạnh trên đầu

Bến bờ em sang phải thứ chùm gửi...
ôi đã nữa đời tôi giả lả chưa xong
con sông- cuối đời còn ám ảnh quá đỗi
tôi sống bội thề lời chẳng gạn đục khơi trong

Ý nghĩ tức thì em bưng mùa xuân đi đâu...
mà đuôi mắt trời mưa bão thảm sầu
rồi mai mốt vạn ngày sau nữa
ở cuối sông ai hóng ai tận giang đầu

Tôi sẽ canh mùa xuân với sông
gọi gió mơn man lọn sóng ngược dòng
dẫu mai mốt em- mùa xuân mất tích
ý nghĩ sau cùng mấp mé bờ tôi ngó mông.

Trong khi đó, một toán lính Bình Xuyên từ bờ kinh Tàu Hủ đi lên đại lộ la Somme [Hàm Nghi] hợp với một toán quân khác theo đường Verdun [Cách mạng tháng Tám]vô chợ Sài Gòn. Từ chỗ đó và đại lộ Bonnard [Lê Lợi] bắn ra nên họ kiểm soát được trung tâm Sài Gòn, đường Catinat [Tự Do/ Đồng Khởi]và khách sạn Continental. Chúng tôi nằm ép sát dưới lòng ghe. Người đưa đường neo ghe gần bờ ở khoảng giữa rạch. Chúng tôi chờ nước lớn. Trên sông, vài xác chết trôi vật vờ theo giòng nước. Tôi chứng kiến một cảnh săn người kinh hoàng trên bờ rạch. Quanh ghe đạn rơi rào rào từng cơn như mưa bão. Đêm xuống, một chùm lửa sáng rực cả một vùng trời, thì ra Nhà đèn Chợ Quán bị cháy, cả thành phố mất điện chìm vào bóng tối. Quân kháng chiến giật nổ cả nhà máy nước. Sáng hôm sau chúng tôi rẽ vào Kinh Tề để qua sông Sài Gòn, chỗ này chưa bị quân Pháp kiểm soát. Trên con kinh, vài người lính Bình Xuyên chận chúng tôi lại, nhờ anh Lịnh còn giữ một giấy đi đường cũ nên chúng tôi qua được bình an vô sự. Chúng tôi rời con kinh ngay vừa lúc một đoàn sà lan dưới sự kiểm soát của Nhựt đi về hướng sông Sài Gòn, thấy chúng tôi tiến đến cầu cứu, họ liệng dây qua và kéo ghe chúng tôi giữa giòng sông, cứ thế mà chúng tôi vượt qua cảng Sài Gòn không bị kiểm soát. Chúng tôi tách khỏi đoàn sà lan, ghé vào cầu Bình Lợi. Xa xa là Sài Gòn hồng lên vì những đám cháy. Người dẫn đường rộng lượng thả chúng tôi lên bờ gần Thủ Đức, trước khi từ giã, anh tặng chúng tôi một hũ tương đậu nành lấy trong mớ hàng phải giao cho khách Tàu. Tôi và anh Lịnh về tới nhà má tôi giữa đêm.

Trong làng chúng tôi họp thanh niên tổ chức thành dân quân tự vệ. Anh Lịnh dạy họ sử dụng súng lục. Họ thân thiện tụ họp quanh tụi tôi mặc dù họ thuộc về đám Thanh Niên Tiền Phong. Nhưng tôi thì khiến cho người chỉ huy họ không được thoải mái, anh ta vốn là cựu giáo viên, anh ta sợ bị rắc rối với đám Đệ Tam đang cầm quyền ở Thủ Đức.

Gần làng, ngay ngõ vào vườn cao su, trong ngôi nhà chủ Pháp đã bỏ đi, chúng tôi khám phá ra một thư viện thật lớn bị phá tan hoang; sách vở nằm ngổn ngang dưới đất. Tôi sung sướng lượm được cuốn *Sociétés secrètes en terre d'Annam* (Các Hội kín trên đất Việt Nam) của Georges Coulet, một bộ sưu tập các tự điển những ngôn ngữ địa phương, những tấm ảnh đen trắng hình lính nổi loạn bị xử bắn ở đồn Chí Hoà khi cuộc tấn công Khám Lớn bị thất bại hồi tháng 2 năm 1916. Các người bạn trẻ của chúng tôi treo các hình này trong chòi họp của họ.

Anh Nam cũng trốn khỏi vòng vây Sài Gòn đến với chúng tôi ở Thủ Đức, anh kể chuyện Sài Gòn bị mất điện và chìm ngập trong chém giết, đói khát. Quân kháng chiến tấn công đồn kiểm soát của cảng Sài Gòn, đốt Hãng Cao su, các kho chứa, đốt luôn chợ Sài Gòn và các vựa lúa của Pháp.

Một hôm, Lê Ngọc về tới đem theo nhiều tin tức chấn động. Anh và các bạn anh là công nhân xe điện Gò Vấp đã quyết định nổi dậy. Trong tinh thần Liên Minh Quốc tế Đệ Tứ, theo đúng lời kêu gọi vũ trang quần chúng, họ cắt đứt với "Công nhân cứu quốc" của Tổng công đoàn Việt Minh để tập hợp thành " Dân quân công nhân" (dựa theo Dân quân của cuộc chiến Tây Ban Nha *guerre d'Espagne*). Khoảng 60 chiến sĩ chia thành nhóm 11 người mỗi nhóm có một người chỉ huy do cả nhóm chỉ định. Tất cả đồng cử Trần Đình Minh làm chỉ huy trưởng và đóng quân tại Cầu Mới (Bà Chiểu Gia Định) là trung tâm của tiền phương mặt trận phía Đông, bên phải trải dài từ đường Hàng Xanh đến cầu Thị Nghè và bên trái đến cầu Bình Lợi.

Ngày 3 tháng 10, 1945, Việt Minh ra lệnh cho mặt trận này chỉ chống quân Pháp thôi và tạm ngưng chiến với quân Anh Ấn theo một một cuộc thương nghị với Gracey và cho phép quân của Gracey vượt qua vòng vây. Thật là một trận lường gạt đẫm máu: đoàn quân Gurkhas của Gracey, vốn được coi như một lực lượng bổ sung, vượt qua vòng vây, chiếm hết các địa điểm chiến thuật. Và nhờ vậy quân Pháp xông lên bẻ gãy kháng chiến tại Bà Chiểu, Bình Hoà, tại cầu Bình Lợi, và trên đoạn đường từ Hàng Xanh tới Thị Nghè. Ngay tại cầu Thị Nghè, hai trăm chiến sĩ trốt kít Đệ Tứ trong nhóm Tranh Đấu bị thảm sát.

Sau nhiều ngày chạm trán dữ dội với xe thiết giáp Pháp, Dân quân rút về Bàu Tràm. Đám máy bay đâm đầu xuống bắn liên thanh xối xả vào làng. 12 người chết, trong đó có chị Quý y tá, và Thiện, Đông, Trần Quốc Kiểu, Lê Văn Hương, Hồ Văn Đức. Những người sống sót rút về hướng tây chỗ "đệ tam sư đoàn"đóng binh, để tránh bị rơi vào tay Việt Minh, đoàn Dân quân gia nhập vào "sư đoàn" kháng chiến quân này. Sau đó, trong cuộc chiến tranh du kích đánh Pháp mở rộng đến bên kia biên giới Miên-Việt, một đồng chí chúng tôi là anh Trần Văn Tranh tử trận trong

trận Pháp phản công tại Lộc Giang.

Lê Ngọc từ giã chúng tôi đi theo đám Dân quân và mang theo một bản tóm tắt các mục tiêu chính trị của Liên Minh chúng tôi.

Còn anh Lịnh và tôi thì đi tìm một đồng chí khác là anh Nguyễn Văn Vàng, nghe nói đám G.P.U Việt Minh bắt giam anh ở Biên Hoà vì tại đây anh Vàng đã thành lập một Uỷ ban nhân dân.

Tới nơi, tôi núp chờ dưới bờ sông còn anh Lịnh tới thương lượng với Việt Minh. Chờ đợi hàng giờ đến tuyệt vọng mà rồi tôi thấy anh Lịnh về tay không. Bọn chủ ngục ấy trả lời không biết anh Vàng là ai ! Về sau, chúng tôi được biết họ đã xử tử anh Vàng.

Trở về làng, bà chị họ tôi cho hay công an Việt Minh địa phương đến nhà dọ hỏi tin tức về chúng tôi. Vậy là phải đi gấp. Sáng sớm hôm sau, chúng tôi giao súng lại cho hai anh tôi là anh Mười và anh Mười Hai và hai đứa cháu Bô, Xứng để lập nhóm dân quân tự vệ trong làng. Chúng tôi bí mật từ giã má tôi. Nam trở lại Sài Gòn. Anh Lịnh và tôi sẽ theo đoàn Dân quân Công nhân. Dọc đường, anh Lịnh, tình cờ được nghiêm chào mấy cái nhờ đội mũ xanh của Việt Minh không biết anh lượm được ở đâu. Tới Lộc Giang, chúng tôi vững lòng gặp lại đám Dân quân Công nhân trong bầu không khí bừng bừng chiến đấu và đoàn kết.

Trong khoảng thời gian sống cuộc đời Dân quân này, chúng tôi gặp gỡ làm quen với các nông dân ở gần đó, giải thích cho họ nghe về mục tiêu cuộc đấu tranh, là không chỉ đánh đuổi bọn Pháp mà còn nhằm chấm dứt nạn chủ điền chủ đất, giải phóng nông nô.

Một hôm, máy bay vần vụ trên trời Lộc Giang báo tin một cuộc đổ bộ gần kề. Đệ tam Sư đoàn quyết định rút đi, đám Dân quân cũng vậy. Thế là xe bò và dân chúng trong vùng bị xung công để giúp chúng tôi rút lui. Trên đường đi, chúng tôi gặp một anh cầm súng đứng bên cạnh một đống xe đạp, thì ra hễ ai có xe đạp đi ngang qua đều phải giao xe lại cho anh ta. Nơi nào anh có súng thì anh làm chủ tể nơi đó ! Lính sư đoàn bèn tước súng anh ta, anh ta lĩnh mất sau đó.

Sau khi đi bộ hoặc dùng xe bò vượt qua vùng sình lầy đìu hiu và rộng lớn này, chúng tôi phải dùng xuồng băng qua các đầm nước phèn trong vắt. Hồi đầu thế kỷ 19, lúc Pháp mới đến, vùng này đã là tổng hành dinh căn cứ kháng chiến. Ngày nay xe thiết giáp Pháp cũng không thể vượt qua, nhưng than ôi, Pháp còn có máy bay... Chúng tôi hàng mấy trăm người với vợ con nheo nhóc trên những chiếc ghe nhỏ, xuồng tam bản nối đuôi nhau tiến vào vùng Bãi Sậy theo các đường nước và tìm cách dừng lại cắm sào neo ghe gần nhà những nông dân và người chài lưới xung quanh vùng đó. Họ rất bất mãn, dĩ nhiên, bởi vì đời sống họ vốn đã nhiều khó khăn rồi. Chúng tôi đào hầm núp. Vừa dọn chỗ gần xong thì thấy máy bay trinh sát trờ tới, và chỉ vài giờ sau tới lượt máy bay đến trút bom và chúi mũi xuống bắn liên thanh. Và nhiều lần như vậy. Dân chúng xung quanh khóc than vì nhà cháy, vườn tược, ruộng rẫy tan hoang. Thế là chúng tôi lại phải dời đi nơi khác. Chỗ đóng quân sau thuộc vùng Vàm Cỏ tây.

Một hôm, tôi và một anh bạn đi ghe tìm cách mua một máy liên lạc bắt tin cho Dân quân. Một số Việt Minh gác gần bờ sông chận chúng tôi lại, họ xét mình tôi và tịch thâu khẩu súng lục và quyển sách Các Hội kín trên đất Việt Nam của G. Coulet. Chúng tôi bị trói nằm chung trên ván qua đêm. Sáng bữa sau họ giải chúng tôi vào sâu bên trong trình diện chỉ huy của họ. Tôi nói chúng tôi thuộc Đệ tam sư đoàn chứ không đả động gì đến Dân quân.

- Chính anh hăm bắn bể óc người ta trên sông phải không? Sách này ở đâu anh có? Anh theo đạo gì?

- Đạo Phật – Tôi nói láo.

Đám Việt Minh đem chúng tôi xuống ghe chèo về mé tả ngạn và nhốt chúng tôi trong một cái đình, đình Mỹ Phước cải biên thành ngục thất. Trong đó đã có hơn ba chục tù nhân. Trong số này có một bà bán cá, một bà "điên" –theo lời chủ ngục- và bốn lính Nhựt. Tất cả đều không biết vì sao mình bị giam ở đây.

Tôi tê điếng người, bất lực nhìn "bà điên " tay chân bị trói vào cây cột trồng giữa sân bùn lầy trong khi trời mưa xối xả và bà ta la hét ầm ỹ :

- Nó muốn giết tôi, thằng Trọng nó muốn giết tôi. Đồ thầy giáo mà đi bán cao đơn hoàn tán... Tôi làm gì nên tội mà nó muốn giết tôi? Tôi làm gì nên tội?

Sau đó tôi mới biết Nguyễn Văn Trọng dường như nhờ Trần Văn Giàu đỡ đầu, được phong làm chúa trùm vùng này. Vì biết rằng đoàn thiết giáp của Leclerc sẽ phải băng qua Tân An tới Mỹ Tho, Trọng lo rút sâu vào bên trong, và đóng quân tại đây. Để kiểm soát vùng sông này, Trọng thu nạp một đám người Việt trước kia đã từng làm lính kín cho Mật thám Pháp. Đám lính kín này suýt bị giết khi Sài Gòn nổi dậy nhân dịp Nhựt đảo chánh Pháp nhưng họ thoát được và trốn về các tỉnh;

một số đem tài năng phục vụ các sếp Việt Minh. Còn dân chúng bỏ Tân An tản cư về vườn, các gia đình nheo nhóc chồng chất trên ghe xuồng chạy trốn về thượng nguồn dòng sông. Bộ hạ Trọng chận bắt tất cả những người theo đạo Thiên Chuá hoặc nghi là theo đạo Thiên Chuá bởi vì theo đạo có nghĩa là "theo Tây"! Hơn nữa phải có tù nhân cho Trọng nhà ta biểu dương uy quyền sinh sát !

Nghe súng nổ, chúng tôi tưởng Tây tấn công, không ngờ người ta xử tử ba người Công giáo. Tôi nghĩ: thôi rồi, cứ điệu này thì chuyện gì cũng có thể xảy ra. Với một mẩu viết chì may mắn giấu được, tôi nguệch ngoạc trên trên một mảnh giấy nhỏ vài sự kiện kể lại đời mình, với quá khứ đấu tranh chống thực dân và tiếp tục chiến đấu trong hàng ngũ dân quân công nhân xe điện Gò vấp. Tôi giữ mảnh giấy trong mình coi như dấu vết để lại nếu chẳng may đời tôi chấm đứt tại nơi này.

Rồi đến một đêm hãi hùng... Qua vách tre, chúng tôi nghe :

- Khai đi, khai rằng mày làm gián điệp cho Tây, khai đi !

Và chen lẫn trong tiếng hét kia là tiếng chân tay lên gối, đấm đá vào lưng, vào mặt nạn nhân. Tiếng đàn ông rên rỉ hoà lẫn tiếng phụ nữ khóc thảm thiết và tiếng kêu la kinh hoàng của một đứa trẻ. Cứ thế cả đêm. Thỉnh thoảng những lời "khai" bật ra :

- Trời đất ơi! Sao trời quá bất công như vầy!

Qua sáng hôm sau, thì ra kẻ tra tấn chính là người gác chúng tôi, mà tôi gọi là Đầu Trâu và thằng bạn hắn Mỏ Ó (là đám ngạ quỷ giữ ngục A tỳ theo đạo Phật, theo thành ngữ ngày xưa-trong Ngồi tù khám lớn của Phan Văn Hùm : Đầu Trâu, Mặt Ngựa, Mỏ Ó, Chân Gà (12); để lấy điểm với chủ mới Việt Minh, hai tên cựu nhân viên Mật thám Pháp tố cáo với Việt Minh rằng gia đình đó là một ổ gián điệp; Đầu Trâu tiến hành cuộc điều tra tìm bằng chứng. Lúc khám xét chiếc xuồng nhỏ chất chứa cả gia tài là vụ mùa vừa thu hoạch của gia đình khốn khổ nói trên gồm hai vợ chồng và đứa con nhỏ, bộ hạ tên Trọng "khám phá" ra mấy sợi chỉ xanh, trắng đỏ - màu cờ tam tài Pháp - "giấu" dưới mớ khoai. Lại một màn tra tấn.

Nhưng hai ngày sau, chúng tôi được chứng kiến màn xử tử một trong hai tên cựu lính kín của Pháp đó!

Việt Minh tập họp tất cả tù nhân và một số dân làng trên sân. Buổi chiều đó, tử tội bị bịt mắt, hai tay bị trói ngoặc sau lưng quỳ giữa sân. Cử tọa xung quanh lặng câm, đao phủ to con, ngực trần, tay cầm súng lục, tay giữ tù tử tội. Tử tội lắng nghe Mỏ Ó tuyên án tử hình. Một phần đám đông vỗ tay hoan nghinh. Mỏ Ó cầm tờ giấy bạc 100 đồng trịnh trọng day qua đưa cho hai vợ chồng nông dân, coi như tiền đền bù cho vụ bị khảo oan đêm hôm trước.

Tôi xoay mặt đi, một tiếng nổ khô khan...Tử tội ngã gục xuống đất, người quằn quại như động kinh, máu từ chiếc đầu bể nát chảy loang sân cỏ.

Ba ngày sau nữa đến lượt tên đồng lõa, cũng tại chỗ đó, với đám đông ngoan ngoãn đó. Tên tử tội bị bịt mắt, quỳ gối và cách khoảng ba thước, Đầu Trâu đối diện cũng quỳ gối, giơ khẩu súng trường nhắm vào ngực tử tội bóp cò. Nhưng súng kêu khan vì đạn kẹt không nổ, kẻ tử tội giật nẩy mình. Người ta lột áo ngoài của anh ta, trên người anh ta chỉ còn chiếc áo thun lót trắng bẩn. Phải đến phát thứ ba, anh ta mới ngã xuống và Mỏ Ó bước tới nã vào đầu tử tội phát súng lục ân huệ. Anh ta vẫn còn hơi động đậy, thế là Mỏ Ó bắn thêm một phát nữa. Thân nhân tử tội lấy chiếu quấn xác anh ta lại, đặt bên cạnh xác tử tội thứ nhất, ven bờ sông.

Ít lâu sau, pháp trường này lại gắng gượng mang bộ mặt lễ hội. Một bàn thờ Tổ quốc vĩ đại được dựng lên, buổi lễ long trọng chào mừng chỉ huy VM Nguyễn Văn Trọng. Anh ta và đoàn tuỳ tùng tới, điệu bộ còn nghênh ngang lẫm liệt hơn đám thực dân và tay sai đi kinh lí làng tổng hồi trước. Chúng tôi phải nghe bài diễn văn của hắn, giọng hắn kịch cỡm the thé lưỡi tre, nói lên tiếng khóc đau thương của lũ con trước mẹ tổ quốc đang cơn trọng bịnh.

Sau buổi lễ, khi Nguyễn Văn Trọng đi ngang, anh bạn tôi bạo gan lên tiếng đòi hắn tha chúng tôi. Trọng hét vào mặt chúng tôi :

- Mấy anh còn sống tới bây giờ là may phước lắm rồi!

Rồi một bữa, đám chủ ngục đến giải chúng tôi đi. Chúng tôi cố ra vẻ bình tĩnh nhưng trong lòng rất lo lắng. Chúng tôi đi ghe hết hai ngày một đêm, trên sông Vàm Cỏ, và sau đó bị nhốt trong một ngôi nhà thờ mái lá bên bờ Rạch Xoài.

Nơi đây tôi vô cùng xúc động gặp lại một người bạn cũ, Thu làm trắc đạc viên ở Mỹ Tho. Thu kể anh bị Việt Minh bỏ tù vì anh đã giúp nông dân lấy đất ruộng điền chủ. Anh có tội đã vi phạm lệnh cấm động tới đất đai điền chủ, lệnh cấm của đảng cộng sản ban hành hồi tháng Tám lúc họ

lên cầm quyền. Trong đám tù nhân cũng có nhiều cảm tình viên của nhóm Tranh Đấu, và có vài công chức làm việc cho thực dân ngày trước. Một ông già đến bên tôi kêu lên :

- Sao lạ vậy ? Thời Tây, anh bị tù, và bây giờ thời Việt Minh, anh cũng bị tù?

Tôi nhận ra ông già làm thư ký cho Tây chủ tỉnh Trà Vinh đã ghi sổ tên tôi hồi tôi tới trình diện lệnh bị quản thúc cách đây bốn năm.

Chúng tôi không làm sao liên lạc được với nữ tù nhân duy nhất trong đám, bị giam riêng một mình. Tội của cô là có liên hệ với người Pháp. Nhiều đêm, chủ ngục chúng tôi, vốn là một cựu tù Côn đảo, bắt cô đến chỗ hắn ngủ, ngay phía sau nhà thờ, để "thẩm vấn."

Không có đồng hồ trong chỗ biệt mù này, muốn biết giờ giấc phải coi (sao) trời.

Vừa hừng đông, chủ ngục kéo cờ Việt Minh lên giữa sân. Đám thanh niên đồng ca bài "Lên đàng," còn nhóm Đệ Tứ chúng tôi thì hát "Quốc tế ca." Chúng tôi được ở ngoài sân cho tới giờ ăn trưa. Xong lại ra sân và khi chiều xuống tất cả lại bị nhốt vào tù. Nằm san sát như cá mòi, chúng tôi ngủ trên chiếu trải thẳng dưới đất. Ban ngày, hễ có báo động máy bay thì tất cả chạy vào nhà thờ.

Thu và vài người bạn tập luyện nội công với ý định lựa thời cơ hạ thủ bọn chủ ngục giải thoát cả đám. Tôi quá ốm yếu vì bệnh lao nên không tập được, nhưng tôi cũng luôn luôn tìm cơ hội thoát thân.

Đám chủ ngục thỉnh thoảng cho phép chúng tôi xuống sông Xoài tắm. Cho nên, một hôm trời nắng đẹp, nhảy tòm xuống giòng nước trong, tôi đang quơ quào lội chó thì có tiếng kêu từ trong đám ghe chở quân lướt ngang : Trời ơi ! Anh Đức ơi!

Đức là tên tôi hồi đi Dân quân. Ai đó giơ tay vẫy vẫy, một chiếc ghe tách khỏi đoàn, ghé lại bên tôi. Thì ra là đám bạn tôi trong đoàn Dân quân công binh. Họ đang di chuyển theo Đệ Tam sư đoàn về hướng tây. Tôi vội vàng kể chuyện mình và cho biết sự có mặt của các bạn Đệ Tứ khác trong đám tù nhân. " Tụi tui sẽ trở lại kiếm anh." Họ nói khi từ giã tôi.

Quả nhiên, hôm sau tôi và anh bạn được thả nhờ các người chỉ huy Đệ tam sư đoàn đã can thiệp mạnh mẽ với Nguyễn Văn Trọng. Sự thật là nhờ vào chênh lệch tương quan lực lượng, chỉ có vậy thôi.

Các bạn tôi báo tin Lê Ngọc, Lê Ký và anh thanh niên Nguyễn Văn Hương đã chết. Ba người này chia tay các bạn về Sài Gòn lập cơ sở. Dọc đường họ bị Pháp đi ruồng bố bắt giam nhưng rồi khi được Pháp thả ra, họ lại bị Việt Minh xử tử với tội là Việt gian.

Sau đó chúng tôi hay tin bọn chủ ngục đã dời đám tù nhân Đệ tứ từ nhà thờ lợp lá miệt Hóc Môn xuống một nhà tù nổi dưới nước. Nhờ Đệ tam sư đoàn giải thoát, tất cả tù nhân, kể cả tù Đệ tứ đều gia nhập sư đoàn này, chúng tôi đóng trong vùng Đồng Tháp Mười ngay mặt trận giữa Mỹ Tho và Sa Đéc, chỗ đoàn thiết giáp Leclerc đang lao tới.

Tôi bị bệnh lao hành đến kiệt sức, một người bạn, anh Nghì thấy vậy mới đề nghị đưa tôi về Sài Gòn. Chúng tôi đi xuyên qua Đồng Tháp Mười, đi bộ và đi ghe, phải vượt qua những vùng sình lầy bao la, tránh Việt Minh, tránh quân Pháp. Dọc hai bên đường đi là các làng xã bị tàn phá đìu hiu, nhà cửa chỉ còn là những mớ vụn than, cây cối gãy gục. Đây đó là những nấm mồ còn tươi đất, đôi khi có vài tấm bảng đề tên người quá cố. Qua một làng, dấu vết còn lại của một chiến lũy thô thiển là vài bao cát, giày bốt nhựa... Dân làng sống sót ân cần tiếp đón chúng tôi và kể chuyện Tây càn, bằng xe cam nhông; như vậy đó, đoàn quân viễn chinh trên đường khôi phục chủ nghĩa thực dân đã qua nơi này.

Chúng tôi đi suốt đêm, gặm mía cho qua cơn đói. Vừa qua sông thì chúng tôi bị một nhóm người võ trang chận bắt lại. Sáng sớm, một anh cao lớn, hỏi: "Anh từ đâu về tới đây?" Thì ra một người quen, đó là Minh, biệt hiệu Minh lội. Anh trước ở trong nhóm Tạ Thu Thâu, bây giờ toán quân kháng chiến của anh, biệt lập với Việt Minh, đang giữ khúc sông này. Anh cho tôi hay vào tháng 10 năm 1945, sau trận phản công của quân Pháp tại Thủ Dầu Một, ở bưng biền Bến Súc, Việt Minh đã xử tử một nhóm khoảng ba mươi tù nhân trong đó có vài thành viên nhóm Tranh Đấu. Trần Văn Thạch, trước khi bị giết, đã giao một chiếc đồng hồ, đôi kính và một quyển sổ nhỏ cho người thanh niên giữ tù, thanh niên này trước kia là học trò của Thạch, Thạch nhờ anh ta trao lại các di vật này cho người anh của mình (13). Ngoài ra, trong các người bị xử tử còn có Nguyễn Văn Số, Phan Văn Chánh những người trong nhóm Tranh Đấu đã hợp tác với đám môn đồ Staline từ 1934 đến 1937 cùng chống Pháp, có Nguyễn Văn Tiền, vừa ở Côn Đảo về, có Ngôn, công nhân sở Ba Son và bà bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Sương, nghe nói bà yêu cầu đao phủ thủ hãy nhắm bắn cho trúng tim

bà. Chúng tôi lại lên đường, cõi lòng rã rời vì những tin tức này.

Dịch xong tháng 3- 2002

Chú thích (xem từ số trước)

1. Bản chữ Việt có vài lỗi về chính tả (dấu hỏi, ngã, chữ dùng quá cũ v..v..trong phần Thay lời tựa) cũng như cách viết tên ngoại quốc. Xin bắt chước giáo sư Cao Xuân Hạo, đề nghị với tác giả và dịch giả khi tái bản: giữ nguyên văn các tên ngoại quốc (nhất là Pháp, Anh, hoặc TQ – pinyin-) . Thí dụ giữ nguyên văn nguyên gốc các tên riêng Marius Moutet, Merlin, Albert Sarraut, Leclerc, Lefèvre, Karl Marx, Paul Doumer, Maurice Thorez, Salangro thay vì Mari-uýs Mutê, Mécle, Albe Sarô, Lơfevơrơ , Kac Mac, Pôl Đume, Môrixơ Thôrê, stalinien, những chữ này là phiên âm cách đọc (chỉ cần ghi một lần lúc tên xuất hiện và sau cùng ở index) không phải chữ Pháp cũng không phải chữ Việt (f, uýs, al, ol «chưa» có trong vần Việt, phiên âm: Ma ri uyết x, An be Xa rô, Tô rê, Xa lăng gờ rô, xi ta li nhiêng). Như khi đọc sách Pháp, chắc chắn độc giả Việt sẽ nghe khó chịu khi thấy những tên Việt bị viết không dấu và chỉ được viết theo phiên âm (thí dụ Daho Unglong, HoHouuTuong, Fanboichau, Yenbay, Haiphong, Haiduong ?)

2. trong ngoặc đơn đứng [ ] là chú thích của người dịch.

3. Nguyên văn bản tin Việt ngữ do Thông tấn xã Nhật Domei truyền đi : «...Thế là nước Nhựt buộc lòng đứng ra tự đảm nhận lấy trọng trách phòng thủ Đông Dương, trước sự hăm doạ nhãn tiền đủ thứ....» trích trong *Nguyễn Kỳ Nam, « Hồi kí 1925-1954»* , tập II :1945-1954, tr.149, Nhựt báo Dân Chủ Mới xuất bản 1964 giấp phép Sở kiểm duyệt bộ Thông Tin để ngày 8 tháng 6 năm 1964, Sài Gòn.

Tủ sách Sử liệu Việt Nam, nxb Nam Sơn in lại (Trịnh Viết Đức 11883 Bois de Boulogne, Montreal QC H3M 2X5 Canada; Nguyễn Văn Trung 1956 Emile Legrand Montréal, Québec H1N 3H5 Canada)

4. Nguyễn Kỳ Nam, sđd, tr.211.

5. [Bổn Kèn : ngã tư Charner và Bonard chỗ cột cờ thủ ngữ]

6. [*Nguyễn Kỳ Nam*, sđd tr 216].

7. [Nguyên văn như sau: « Phái bộ Đồng Minh Anh Mĩ Nga Tàu sẽ đến xứ mình nay mai, để sắp đặt việc Nhựt Bổn lui binh. Nhân dân phải hiệp với chánh phủ, đặng tiếp rước phái bộ Đồng Minh một cách hết sức long trọng và nhứt là mỗi nhà bất luận công hay tư, đều phải treo cờ bốn nước Đồng Minh kể trên đây, chung quanh lá quốc kì Việt Nam...» (tr.217)]

8. Theo Nguyễn Kỳ Nam không sư đoàn nào súng ống đầy đủ («*thua cả một trung đội!* «) trừ Đệ Nhất sư đoàn khá hơn các sư đoàn kia. Vũ khí đa số là tầm vông vạt nhọn, mã tấu, gươm, đao (dao dài).

9., 10. [Nguyễn Kì Nam « Hồi kí 1925-1954» tr. 225, ghi nguyên văn thông cáo do chủ tịch Lâm Ủy Hành chánh Nam Bộ Trần Văn Giàu kí tên: « Sau cuộc chiến đấu can đảm của anh chị em chiều chúa nhựt rồi (2 tháng 9, ngoài một số đông người bị thương, có một số ít thiệt mạng. Tổn thương, tử trận... ta không buồn, không hối tiếc; chỉ tiếc rằng: trong số người chết có người Đồng Minh. Lỗi ở bọn khiêu khích. Lỗi ở những chủ nhà dụ dỗ tù binh lên nhà, đãi ăn uống, rồi từ cửa sổ bắn xả xuống nhân dân. Câu chuyện rối rắm về ngoại giao vừa mới gỡ xong, nhờ sự tận tâm của Uỷ Ban Hành chánh. Nhưng liền đó lại có một nhóm người, không trách nhiệm kêu gọi nhân dân biểu tình trước chợ Sài Gòn đòi «võ trang quần chúng» Nhựt và Đồng Minh hay đặng, sợ sanh ra một vụ đổ máu trăm lần lớn hơn vụ đổ máu vừa qua. Cần biết: theo Hiệp Ước Quốc Tế Nhựt phải giữ trật tự khi Đồng Minh đưa quân tới. Ai lại quên rằng: sức Nhựt có muôn, ta chưa có một, mặc dầu Nhựt đã quy hàng. Nay, vì bọn gây rối cố ý hay vô tình gây rối để cho ngoại quốc có cơ hội xâm phạm đến chủ quyền của chúng ta. Tổng hành dinh Nhựt quyết định: Giải tán Dân quân – Tịch thâu liên thinh và một số khí giới khác – Cấm sự hoạt động phá rối trị an – Cấm biểu tình không xin phép trước với quân đội Nhựt – Cấm thường dân giữ và mang võ khí gồm luôn dao gậy.

Ai khiêu khích làm ra tình cảnh này? Ra tình cảnh này, họ có võ lực để đối phó không?

Tự do dân chủ mà chúng tôi Uỷ ban Hành chánh ban hành cho quốc dân, một bọn quấy rối không trách nhiệm lợi dụng nó mà làm hại quốc dân, làm hại Tổ quốc.

Vậy vì quyền lợi của quốc dân, vì sanh tồn của Tổ quốc, Ủ ban Hành chánh kêu gọi đồng bào tỉnh táo siết chặt hàng ngũ chung quanh chúng tôi, mới gỡ nổi rối rắm trên trường ngoại giao, dắt đồng bào ra khỏi cạm bẫy kẻ địch.

Ủy ban Hành chánh

Trần Văn Giàu.»

Nguyễn Kỳ Nam đã mỉa mai: Trần Văn Giàu ra thông cáo (kêu gọi nhân dân tản cư) khoe «phần thắng về chúng ta» mà lại buộc nhân dân giải giới theo lệnh Đồng Minh và trút trách nhiệm [gây khiêu khích] lên đầu Đệ Tứ trong khi

a) chính ông Giàu đã đồng ý quyết định theo phe chủ trương (trong ban tổ chức biểu tình) biểu dương lực lượng vũ trang trong cuộc biểu tình ngày 26 tháng 8. Và

b) trước đó vì cần các nhân tài trí thức và có tiếng tăm, uy tín tại miền Nam để tiếp đón, thảo luận với phái bộ Anh, ông Giàu và ông Phạm Ngọc Thạch đã cử một Ủy ban ngoại giao gồm các giáo sư Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, luật sư Huỳnh Văn Phương, bà bác sĩ Hồ Vĩnh Ký nhũ danh Nguyễn Thị Ngọc Sương, cũng là bác sĩ, đều thuộc nhóm La Lutte. Khi đó ông Giàu đã «không ngại» họ là người Đệ Tử. Nhưng chúng ta đều biết rằng ít lâu sau, tất cả những trí thức này đều bị Việt Minh giết với tội trạng là «Việt gian».

11. [Vùng rạch Bến Nghé chỗ tàu Pháp Avalanche thả neo ngày trước].

12. Chú thích của tác giả.

13. [xin xem thủ bút đính kèm]: tài liệu của ông Trần Văn Tự, con trai Trần Văn Thạch, hiện ngụ tại California.

BA CHÀNG NGỰ LÂM PHÁO THỦ CỦA TI VI

Tôi xin cám ơn giáo sư ĐQT đã gợi cho tôi viết truyện này.

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

Tất cả những nhân vật trong truyện ngắn này đều là nhân vật tưởng tượng. Mọi sự trùng hợp với ngoài đời đều ngoài ý muốn của tác giả.

Ông bà giáo không có tài sản gì ngoài hai cô con gái. Bạn bè gọi hai nàng là Mĩ Đen và Ti Vi. Mĩ Đen có chồng đã năm năm nay, Ti Vi vẫn còn nhởn nhơ làm... con gái. Ti Vi là niềm lo lắng mất ăn mất ngủ cho bà giáo.

Mĩ Đen và Ti Vi là hai sự tương phản rõ rệt. Mĩ Đen tên thực là Mĩ Hà. Bà giáo có mang Mĩ Hà trong khi ông giáo sắp sửa qua Mỹ du học. Vì thế, bà giáo mới lấy chữ Mĩ đặt tên lót cho con gái đầu lòng. Ông giáo rời người vợ bụng mang dạ chửa, theo tiếng gọi của khoa bảng đi... tuốt một lèo đến năm Mĩ Đen lên ba ông mới về nước và biết mặt con. Một năm sau, bà giáo sinh Ti Vi đúng lúc nửa đêm. Sinh Ti Vi xong thì ông giáo được bổ làm một chức vụ quan trọng ở Bộ Giáo Dục. Bà giáo lấy chữ "Việt" làm tên lót cho đứa con gái thứ hai, Việt Quỳnh - bông hoa nở lúc nửa đêm trên đất Việt.

Như một sự trùng hợp ngẫu nhiên, Mĩ Hà học trường Tây, còn Việt Quỳnh học trường Việt, trường nữ trung học Trưng Vương. Việt Quỳnh lớn lên trong khi ông giáo còn tại chức ở Bộ. Ông không muốn bạn bè chê cười con mình học trường Tây nên nhất định "đăng ký" Việt Quỳnh vào trường Việt, còn Mĩ Hà đã lỡ học trường Tây, ông cho... theo Tây luôn! Càng lớn, Việt Quỳnh càng nhẹ nhàng, lãng mạn bao nhiêu thì Mĩ Hà đanh đá, đú đởn bấy nhiêu. Ngày sinh nhật thứ mười hai, Mĩ Hà còn tranh ăn với em gái. Việt Quỳnh năm ấy mới lên mười, không đánh lại chị, đứng mếu máo:

- Chị là đồ... Mĩ Đen!

Từ đó Mĩ Hà trở thành Mĩ Đen.

Mĩ Đen học trường Tây không đủ chữ Việt để... gán cho em gái một cái tên tếu. Mãi đến mấy năm sau, nhân một hôm cả họ xôn xao vì Việt Quỳnh được trường Trưng Vương chọn làm bà... Trưng Nhị lên Ti Vi trình diễn. Mĩ Đen vỗ tay thích chí:

- Mày là đồ Ti Vi. Tao sẽ gọi mầy là con bé Ti Vi.

Từ đó, Việt Quỳnh trở thành Ti Vi.

Danh hiệu Mĩ Đen không hợp với Mĩ Đen tí nào hết. Hình dáng Mĩ Đen không Mĩ mà cũng không đen! Trái lại, cái nhan sắc của Mĩ Đen rất Đông Phương, nước da trắng mịn, tóc đen nhánh, môi đỏ au, đôi mắt như hạt nhãn, thứ nhan sắc tương phản rõ rệt với tính tình và biệt hiệu của nàng. Mĩ Đen vừa giống cha, vừa giống mẹ. Mĩ Đen giống bà giáo ở nước da trắng như trứng gà bóc. Nét mặt của nàng giống ông giáo, thông minh, phương phi, đầy đặn, phúc hậu. Mấy câu đại thi hào Nguyễn Du tả người đẹp Vương Thúy Vân rất hợp với Mĩ Đen, "Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da..." "Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang..."

Ngược lại, danh hiệu Ti Vi lại rất hợp với Ti Vi. Hợp vì nhiều lẽ. Lí do thứ nhất, những người quen không biết xuất xứ của danh hiệu cứ tưởng là Ti Vi có nghĩa là... Trưng Vương, ngôi trường nàng học. Lí do thứ hai, Ti Vi không nổi bật như bà chị, nhưng nét mặt và đôi mắt mơ màng. Nước da bánh mật và mái tóc hung hung không đen lắm. Trái ngược với Mĩ Đen, Ti Vi không giống cha, mà cũng không giống mẹ. Ngày Ti Vi còn nhỏ, bà giáo thường than phiền là hồi có mang Ti Vi, bà quên uống nước dừa nên Ti Vi mới không có làn da trắng nuột nà như mẹ, như chị. Mới nhìn Ti Vi không rực rỡ lắm, nhưng toàn thể con người nàng là một sự quyến rũ huyền bí, người nào đã nhìn vào Ti Vi thì khó mà rời mắt đi chỗ khác. Cái nhan sắc của Ti Vi là thứ nhan sắc... kỳ lạ, lơ lửng, không phân loại được, không phân tích được. Chỉ biết rằng Ti Vi đúng nghĩa là... cái

Ti Vi. Lên màn ảnh, Ti Vi sang đẹp hao hao giống Natalie Wood. Bà Trưng Nhị mười bốn tuổi nổi bật trên màn ảnh truyền hình hơn hẳn bà Trưng Trắc mười bảy tuổi. Sau buổi thu hình, cả trường Trưng Vương trầm trồ vì cô bé vô danh tiểu tốt đóng vai Trưng Nhị. Mới mười bốn tuổi, Ti Vi đã trở thành một thứ huyền thoại cho mấy trường con trai. Huyền thoại vì ở ngoài đời, nàng không rực rỡ như trên sân khấu. Nước da sậm, tóc lúc nào cũng rối, thân thể chưa phát triển đầy đủ. Đứng bên cạnh cô chị học trường Tây ăn diện, Ti Vi như cái bóng mờ. Nhưng lên Ti Vi thì nàng đẹp như... tài tử!

Mãi đến năm mười chín tuổi, gia đình đã định cư ở Mỹ, thì Ti Vi mới thực sự trở thành một người đẹp. Ti Vi có người bạn gái thân, Tống Diễm. Một hôm cả hai ngồi xem "Three's Comapny" trên truyền hình. Ti Vi ngả dài trên ghế, một chân co, một chân duỗi, tay khoanh trước ngực, tóc phủ một bên vai, đẹp như Ava Gardner trong những đáng điệu trữ tình nhất... Tống Diễm vô tình quay qua nhìn bạn, nhưng càng nhìn càng... há hốc đến nỗi quên xem cả truyền hình! Tống Diễm kêu ầm lên:

- Bây giờ tao mới hiểu tại sao người ta gọi mày là con... Ti Vi! Ở bên Mĩ có hiện tượng "couch potato." Nàng nào mê xem Ti Vi là ngồi dính luôn, không rời mắt ra chỗ khác, biến thành những củ... khoai tây mọc rễ trước màn ảnh truyền hình. Mày là cái Ti Vi đấy nhỏ ạ. Đến như tao là bạn gái mà ngắm mày một hồi cũng phải... mê mày, không rời mắt ra chỗ khác được. Tao tiên đoán là từ nay đàn ông con trai tứ xứ sẽ biến thành những... củ khoai tây để ngắm nhìn và thờ phượng cái duyên dáng của mày, con nhãi ranh ạ!

Cái danh hiệu Ti Vi từ đây trở thành... hoàn mỹ nhất cho người đẹp Việt Quỳnh. Khuôn mặt mơ màng, đôi mắt quyến rũ. Đôi lông mày đậm không tỉa xẻ. Người nàng lẳn như con cá đối, lưng ngắn, chân dài. Nhưng tuyệt hảo nhất là cái eo. Cái eo nhỏ xíu gần như... cắt người nàng làm hai. Đáng đi tự nhiên mà ngúng nguẩy. Có một thi sĩ Việt Nam nửa mùa đã táo tợn làm thơ đăng báo cộng đồng, đề rõ rệt là tặng Ti Vi, trong ngoặc kép ghi chú thêm là "Việt Quỳnh".

Sóng lượn trên lưng em, biển đông trên thân em thành hình chữ S...

Cho tôi chết trên hình chữ S,

Sau khi cắn vào cái eo mềm cho thân thể tách làm hai...

Bài thơ làm gia đình ông giáo náo động. Thi sĩ giấu tên, lấy bút hiệu là "Si Quỳnh." Bà giáo hoảng sợ lo thằng thi sĩ điên bị "dồn nén" sẽ bắt mất đứa con gái xinh đẹp của ông bà đem vào rừng làm "Jane" của Tarzan! Mĩ Đen cũng hơi bực mình chút chút vì tuy cô nàng đã từng mang danh hoa khôi, chưa ai vì Mĩ Đen mà làm những câu thơ... bốc lửa như thế. Mĩ Đen tuyên bố:

- Ti Vi ơi, ta để cho mi làm trời làm đất với các đấng anh hùng Việt Nam... si dại. Còn đời ta kể như đã... bế mạc. Ta sống gửi thân làm công dân Mĩ, chồng ta Mĩ, con ta Mĩ. Ta xin làm vợ hiền hầu chồng, hầu con...

Ti Vi không nói gì. Dạo gần đây nàng rất ít nói. Vẻ lừng khừng bạt mạng của nàng làm hai ông bà giáo lo nghĩ. Hình như càng ngày Ti Vi càng đi xa bố mẹ. Năm ngoái, sau khi đã trình xong luận án tiến sĩ, Ti Vi đột ngột bỏ thành phố đại học, về ở chung với bố mẹ. Dĩ nhiên là hai ông bà giáo rất vui mừng có đứa con gái bên cạnh. Nhưng cái đầu óc lạ lùng và tấm nhan sắc kỳ lạ của Ti Vi làm ông bà lo sợ. Nói tóm lại, bà giáo chỉ yên tâm nếu Ti Vi lấy chồng. Bà giáo muốn Ti Vi lấy chồng bác sĩ. Có học vấn và xinh đẹp như Ti Vi, chỉ lấy bác sĩ là xứng đáng, bà giáo vẫn nghĩ vậy. Bà muốn thấy con gái giàu sang sung sướng. Ngày lấy ông giáo, bà giáo lãng mạn đi theo câu "một túp lều tranh, hai trái tim vàng." Tuy bà không hối hận, nhưng hình như nếu hai trái tim vàng ở trong một cái... nhà vàng thì vẫn hơn!

Hơn thế nữa, bà giáo muốn thấy Ti Vi lấy chồng Việt Nam. Cả hai ông bà đều là người Tây học và cấp tiến, nên không đặt vấn đề văn hóa dị chủng. Bằng cớ là Mĩ Đen lấy chồng Mĩ. Chồng của Mĩ Đen là một luật sư trẻ, đẹp trai, con nhà giàu, từ nhỏ đến lớn chỉ đi học, hiền lành và chỉ... mê gái Á Đông. Carl gặp Mĩ Đen có một lần ở đại học Georgetown, đã mê như điếu đổ. Thuở ấy, Mĩ Đen được học bổng học cao học ở Georgetown, là cái đinh làm sinh viên Việt Nam thổn thức. Sinh viên hay kháo nhau rủ đi xem mặt cô... Mĩ Đen. Có nhiều người hiếu kỳ không biết cô Việt Nam nào học giỏi mà lại... lai Mĩ Đen. Đến khi gặp cô nàng trắng bóc, mắt đen lay láy, bá quan văn võ đều chưng hửng! Carl cướp lấy Mĩ Đen một cách dễ dàng, nhanh chóng, xuôi chảy, vì có anh sinh viên Việt Nam nào địch lại được vẻ bảnh trai và sự nghiệp "đình đám" của chàng luật sư gốc Đức... Kết quả của cuộc tình là một đám cưới linh đình, rồi một năm sau là một đứa con lai xinh như mộng. Carl cũng yêu quý

mẹ vợ lắm, chàng mê món chả giò và phở gà của bà. Mùa Giáng Sinh chàng hay biếu mẹ vợ những chiếc khăn quàng bằng lụa rất đẹp... Bà mẹ vợ bắt chàng phải nhận một... đồng kẽm, như thể bà đã trả tiền mua khăn, vì bà giáo mê tín cho rằng người thân yêu không nên tặng nhau khăn, xúi quẩy!

Được con rể yêu quý nhưng bà giáo vẫn thấy trống trải. Bà thèm thuồng có đứa cháu ngoại tóc đen, mắt xếch như hai sợi chỉ, đôi má phính hồng mịn, cái miệng loe nhỏ xíu giống mấy em bé để tóc trái đào trong tranh lụa Việt Nam. Hơn nữa, bà giáo tin rằng con rể Việt Nam, bao giờ cũng thân mật và làm vừa lòng bố mẹ vợ hơn con rể Mĩ. Thân cách mấy, bà giáo vẫn sờ sợ Carl thế nào ấy, nhất là những lúc Carl mặc đồ lớn, áo trắng tinh, dây nịt quần đỏ sẫm, mang giày đen bóng, đứng cao lêu nghêu như tài tử phim James Bond. Nom Carl xa lạ và trịch thượng. Đứng bên Carl, ông bố vợ nom nhỏ bé như đứa con nít với bộ mặt của một ông già khắc khổ. Và vì muốn Ti Vi lấy chồng Việt Nam, bà giáo rất lo âu về thi sĩ "Si Quỳnh." Bà không muốn tai tiếng. Bà lại thắc mắc không hiểu tác giả là ai. Bà chỉ cầu mong nếu tác giả là... bác sĩ thì tốt biết mấy. Thời nay có rất nhiều bác sĩ muốn làm văn nghệ sĩ... bán thời gian. Biết đâu có một bác sĩ độc thân kiêm thi sĩ nào đó đã mê mệt Ti Vi, chinh phục được cảm tình của nàng bằng văn chương, thì bà giáo rất mát dạ. Bà giáo đem niềm lo lắng san sẻ với chồng. ông giáo trấn an:

- Tôi đoán chắc là lại một trong "Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" đấy.

Bà giáo sáng mắt, hăm hở:

- Ừ nhỉ, thế mà sao tôi không nghĩ ra.

"Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" là biệt hiệu Mĩ Đen đặt cho ba chàng Việt Nam kì khôi chuyên môn đi theo Ti Vi trong một thứ tình bạn không ra bạn, bồ không ra bồ.

Câu đoán của ông giáo làm bà giáo vui vẻ hẳn lên, vì một trong Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" của Ti Vi là một vị bác sĩ trẻ, độc thân, chưa vợ. Bà giáo không hài lòng lắm về vị bác sĩ này vì chàng hơi mập, không xứng với khổ người thon dài của Ti Vi. Ti Vi không cao lắm, nhưng chàng bác sĩ vẫn không cao hơn nàng! Cái lưng thon, cặp đùi thon, và thân hình... trác tuyệt của Ti Vi làm nàng có vẻ dong dỏng như một người kiểu mẫu, tương phản với thân hình mập bự của chàng bác sĩ! Đi cặp với chàng bác sĩ mập, Ti Vi phải mang dép thấp cả đời! Tên chàng là Trác, nhưng Ti Vi tinh nghịch đặt cho chàng cái biệt hiệu "Đốc Mập."

Bà giáo suy nghĩ miên man rồi kết luận rằng Đốc Mập không thể là thi sĩ "Si Quỳnh." Đốc Mập hay lui tới gia đình bà, nịnh nọt bà giáo, nói chuyện với bà luôn, nên bà giáo đã biết tính chàng. Đốc Mập chỉ biết cắt ruột dư, mổ cổ họng, dứt tóc bứt tai cũng không sản xuất được thơ, huống gì là những câu thơ ướt át, lâm li như lời lẽ của thi sĩ "Si Quỳnh." Bà giáo ngẫm nghĩ đến hai

LÝ THỪA NGHIỆP

SINH TRỤ

Từ ta một giọt máu hồng
Hóa sinh lớn dậy giữa dòng đời trôi
Cỏ vàng lạnh hạt sương rơi
Khoảnh thân mộng đó bên trời lao xao
Chén cay đắng, chén ngọt ngào
Chén điêu đứng cạn, chén đau mệt nhừ.

HOẠI DIỆT

Rồi như một nhánh sông khô
Dăng tay ta níu mấy bờ quạnh hiu
Lạc loài dăm tiếng chim kêu
Ngó quanh thì thấy bóng chiều giăng giăng
Ô hay! có một màu trăng
Long lanh như hạt sương tan bên trời.

VÀ HỒI SINH

Trong màu lụa trắng tinh khôi
Hồi sinh muôn hạt trên đồi xuân xanh
Từ trong vô lượng đất lành
Dậy lên sắc tướng âm thanh chập chùng
Cuộc sinh từ đó khôn cùng
Mênh mang nhân ảnh bụi hồng mù bay.

chàng ngự lâm pháo thủ kia, mỗi chàng đều có biệt hiệu riêng. Một chàng được gia đình bà giáo đặt là Kim Mao Sư Vương. Còn một chàng nữa tự xưng mình là "Phạm Thái." Bà kết luận rằng thi sĩ "Si Quỳnh" chính là Kim Mao Sư Vương. Trong ba chàng thì Kim Mao Sư Vương lớn tuổi nhất. Hắn chỉ nhỏ hơn ông giáo khoảng mười tuổi. Hắn vừa dở dở ương ương, vừa kỳ khôi, vừa lập dị, lại biết làm thơ. Thơ hay lắm, nhưng bà giáo vẫn cho là đồ... lếu láo. Trong ba chàng, Kim Mao Sư Vương là kẻ có vẻ bị dồn nén (refoulement) nhất. Sau khi đi đến kết luận này, bà giáo càng ghét Kim Mao Sư Vương hơn. Dù sao đi nữa, bà giáo vẫn yên tâm hơn nếu thi sĩ "Si Quỳnh" chính là Đốc Mập. Cái bằng bác sĩ vẫn quyến rũ vô cùng trong đầu óc bà mẹ Việt Nam tiểu tư sản hết lòng thương con gái.

Nghĩ riết bà giáo lại đâm giận Ti Vi. Ai đời con gái xinh đẹp học thức như vậy, lại đi giao du với những tên đàn ông kém cỏi hơn mình. Bà cho rằng Ti Vi dại dột. Nếu Ti Vi khôn ngoan, nàng đã chọn Đốc Mập. Chồng giàu thì được ấm thân, mà chồng xấu thì dễ xài xể. Nếu không Đốc Mập này thì Đốc... gầy khác! Bà không hiểu tại sao Ti Vi hay nheo mũi cho rằng quý vị bác sĩ trong cộng đồng kém... văn hóa. Thế nào là kém văn hóa? Không thông minh sao học được bác sĩ! Bà giáo không hiểu nghĩa chữ kém văn hóa của cô con gái. Ti Vi không giống bà. Da Ti Vi không trắng, tính tình quái gở giống bệnh gàn của ông giáo. Bà gửi Ti Vi đi học xa từ ngày nàng mười tám tuổi, học bổng không đủ chi tiêu, ông giáo phải đi làm hai "jobs" để nuôi con, nuôi vợ. Ti Vi chọn nhân chủng và khảo cổ học, một ngành học lập dị, không kiếm ra tiền. Ông bà giáo cũng chiều con không một tiếng kêu la. Bà giáo cứ tưởng học xong, với nhan sắc ấy, Ti Vi sẽ yên chí lấy chồng sang trọng. Nhưng không, rủi may thế nào Ti Vi lại được học bổng ở đại học Harvard về ngành nhân chủng (cả Mĩ Đen lẫn Ti Vi đều thừa hưởng óc thông minh tuyệt vời của ông giáo). Bà giáo bóp bụng gửi con lên Boston... Mỗi năm Ti Vi về thăm nhà bốn lần, mỗi lần với một kiểu tóc mới, và một người bạn trai Mĩ khác nhau bà giáo lo mất ăn mất ngủ. Có lần Ti Vi báo tin nàng muốn... đính hôn. Hôn phu là một nhạc sĩ vĩ cầm con nhà giàu, gốc Do Thái ở New York, bà giáo thở dài cho rằng hai ông bà có số phải nhận Mĩ làm con rể. Nhưng rồi bẵng đi không nghe Ti Vi nói gì về vị hôn phu nhạc sĩ. Ông bà giáo sợ không dám hỏi, họ mù tịt không hiểu gì về đời sống của nàng ở Boston, ông giáo chỉ nai lưng đi làm, bà giáo ở nhà nấu ăn và làm việc... cộng đồng!

Ngày tháng qua, và rồi thì Ti Vi ra trường năm hai mươi tám tuổi, người phụ nữ tỵ nạn Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp hậu đại học ở Harvard ngành nhân chủng, chuyên về văn hóa truyền khẩu Việt Nam (Vietnamese folklore). Nàng dọn về ở với bố mẹ, không chịu đi làm, và nàng... lơ tơ mơ như một đứa trẻ. Đứa trẻ ấy là một phụ nữ hai mươi tám tuổi, gần như một cá nhân xa lạ mà hai ông bà già không hiểu nổi, ngay cả một người uyên bác như ông giáo cũng mường tượng thấy sự cách biệt giữa ông và cô con gái. Hình như những năm tháng ở Boston đã biến đổi đứa con gái hiền lành mơ mộng của ông. Nỗi lo lắng của bà giáo càng ngày càng trầm trọng. Với bằng cấp ấy, ở tuổi ấy, tính tình lại khác biệt như thế, làm sao con gái bà lấy được chồng cho xứng đáng! Nỗi lo lắng càng sâu đậm hơn khi Ti Vi bắt đầu cặp kè với "Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ": Kim Mao Sư Vương, Đốc Mập và Phạm Thái!

*

Kim Mao Sư Vương được Mĩ Đen gán cho biệt hiệu này vì chàng có mái tóc nhuộm vàng. Ở tuổi bốn mươi, chàng bắt đầu... rụng tóc và bạc tóc. Chàng nhuộm tóc để nom trẻ hơn, nhưng tóc nhuộm không khéo nên đâm ra ngả vàng! Kim Mao Sư Vương làm kỹ thuật viên cho một hãng điện tử, nhưng chàng không thích nói đến việc làm của mình. Một việc làm không mấy lừng lẫy. Ở Việt Nam chàng làm gì cũng không ai biết. Điều chắc chắn là chàng vốn dòng danh gia thế tộc. Chàng vẫn nửa kín nửa hở nói bóng gió cho bạn bè biết là trong dòng họ chàng nhiều người dạy học, viết sách nổi tiếng, đều là chỗ quen biết của ông giáo. Kim Mao Sư Vương cho rằng nghề chính của mình là làm thơ. Chàng nghèo và không có bằng cấp, lúc nào cũng mặc cảm. Chàng xuất bản sách, và đồng thời là một... ngâm sĩ có tiếng của cộng đồng!

Ti Vi gặp Kim Mao Sư Vương ở một dạ tiệc do ông chủ tịch cộng đồng tổ chức. Ông chủ tịch cộng đồng làm chủ ba bốn tiệm ăn, ba bốn tiệm thực phẩm, bà vợ bán nhà. Hai ông bà của chìm của nổi, có tiếng là vạn phú! Tiệc tổ chức đến cả trăm người. Ông chủ tịch thuê bồi da trắng mặc áo đuôi tôm đứng "xec-via" sau quầy rượu như trưởng giả chính cống trong phim truyền hình "Dynasty." Bà chủ tịch đeo kim cương đầy người chạy lăng xăng tiếp tân. Bà nghĩ bây giờ mình

sang như bà cố vấn Ngô Đình Nhu, bà thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ ngày xưa. Sau khi ăn uống xong, mọi người sẽ hội họp văn nghệ. Thời buổi này, tổ chức nhảy đầm không còn hợp mốt nữa. Mốt mới là tổ chức văn nghệ tại gia, một chương trình văn hóa mà khách toàn là người học thức, là văn nghệ sĩ thì mới hay! Ông bà chủ tịch cộng đồng muốn mời toàn người sang, người có học. Vì thế Kim Mao Sư Vương tuy khố rách áo ôm, nhưng vì sự nghiệp viết lách lai rai, cũng được mời tới. Một cựu giáo sư đại học như ông giáo thì dĩ nhiên là một khách quý, cộng thêm cô con gái mới tốt nghiệp Harvard cũng được mời đi theo cùng. Ông giáo chê ông bà chủ tịch là phường trọc phú, không muốn đi. Nhưng Ti Vi thì nằng nặc đòi đi. Các nhà nhân chủng học đều theo thuyết "nhập gia để học." Tiếng Mỹ gọi là quan niệm "participant-observer." Nàng chuyên viên nhân chủng học Việt Nam mà không biết trà trộn vào cộng đồng Việt Nam để làm quan sát viên là một điều phản lương tâm nghề nghiệp.

Tối hôm ấy, nhà nhân chủng học Ti Vi ngơ ngác lạc loài giữa các vị đồng hương của xã hội Sài Gòn sang trọng trước một chín bảy lăm. Ti Vi rành tiếng Việt và văn chương Việt, nhưng không rành tiếng lóng của quý vị cựu quân nhân, cựu thương gia của xã hội cũ. Thân thể uyển chuyển trong chiếc váy rộng thùng thình, nước da nâu giòn, mái tóc rối tung, cặp môi son đỏ làm Ti Vi giống như cô thiếu nữ Nam Mỹ, tương phản hẳn với các cô gái Việt Nam mặt phấn trắng bóc, quần áo lượt là như những con búp bê Nhật Bản hay các cô tài tử Hồng Kông. Ti Vi không biết phải nói chuyện với ai, hành động thế nào, nàng ngồi bó gối trong khi quý vị đồng hương làm... văn nghệ. Nhưng đến khi Kim Mao Sư Vương lên ngâm thơ thì Ti Vi bắt đầu chú ý.

Âm thanh não nuột của những câu thơ lục bát làm Ti Vi muốn rớt nước mắt. Ở Harvard, Ti Vi học về văn chương, văn hóa Việt Nam, trong đó Ti Vi thích Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, và Cao Bá Quát. Nguyễn Trãi và Cao Bá Quát chết đau thương vì sự ngu ngốc của cả một thế hệ, một quốc gia, đúng theo thuyết bạc mệnh của đại thi hào Nguyễn Du. Ti Vi mường tượng thấy thơ của Kim Mao Sư Vương chịu ảnh hưởng cách dùng chữ của Nguyễn Du, và ý tứ của Cao Bá Quát. Nhưng khi Kim Mao Sư Vương đọc một bài thơ tự do đợt sóng mới thì Ti Vi hoàn toàn xúc động:

Tôi chỉ biết yêu và biết làm bạn với những người đã chết,
Từ Beethoven cho đến Nguyễn Du
Từ cô học trò bé bỏng Elise, cho đến nàng Tiểu Thanh vắn số.
Tôi chỉ biết yêu người trong tranh
Chỉ biết sống đời tôi trong giấc ngủ
Giấc ngủ tôi cô độc như rừng già
Trong đó chân em không hề bước tới
Để ánh trăng thôi soi
Và lá vỡ trong tôi...

Ti Vi cảm động lắm. nàng cũng là "típ" người chỉ muốn... yêu và làm bạn với những danh nhân đã... chết. Từ Nguyễn Du cho đến Beethoven. Không có chuyện gì làm trong dạ tiệc, nàng muốn mon men tìm hiểu người thi sĩ. Nhưng đêm đó, Kim Mao Sư Vương lại cố tình đóng vai... xa vắng. Chàng vẫn tự phụ thầm là đàn bà con gái ai cũng phải chú ý đến chàng, vì chàng đặc biệt! Chàng chủ quan cho rằng Ti Vi đang... rung động vì chàng! Chàng có giọng nói Bắc Kì trầm hùng như... tráng sĩ! Lại thêm giọng thơ thần sầu! Hồi còn trẻ hơn đã có người khen chàng giống Richard Burton! Chàng chỉ hơi mặc cảm vì mái tóc và vì túi rỗng. Bấy lâu chàng đã nghe tiếng cô con gái thứ hai của ông giáo mới tốt nghiệp Harvard, nổi tiếng là người đẹp, tính tình kỳ lạ, cuộc đời tình ái nhiều bí hiểm, và vẫn... kén chồng! Chàng gặp Ti Vi một lần thoáng qua trong một tiệm tạp hóa, khi nàng từ trường về thăm nhà dịp nghỉ hè. Chàng đứng ở xa, trông Ti Vi xoàng xĩnh, lọ lem, và nhỏ nhắn như con học trò trung học, quần áo thùng thình, làn da tối, không son phấn. Chàng thất vọng cho rằng người đẹp này không xứng đáng với danh xưng người đẹp. Nhưng tối ấy khi Kim Mao Sư Vương đối diện Ti Vi trong không khí dạ vũ, đôi môi tô son đỏ, đôi mắt não nuột, và nét mặt... nửa Eva Gardner hay Natalie Wood, nửa Miêu Khả Tú, làm Kim Mao Sư Vương... đứng tim. Càng rung động, Sư Vương càng làm bộ khinh khỉnh. Khi ông chủ tịch cộng đồng giới thiệu Ti Vi, Sư Vương chỉ nhếch mép gật đầu một cách lơ đãng, rồi đưa mắt nhìn chỗ khác. Quen với thế giới hồn nhiên của Harvard Square, Ti Vi không đọc thấy những tín hiệu ngầm của một anh gàn dòng giống Việt. Nàng hoang mang không hiểu cái ông đứng tuổi nửa già, nửa con nít này phiền giận mình điều gì. Sau khi Kim Mao Sư Vương ngâm xong bài thơ, Ti Vi gạ gẫm hỏi chuyện rất lễ phép:

- Thưa... thi sĩ, ngài tên thật là gì?

Kim Mao Sư Vương đang nín thở chú ý đến từ mùi nước hoa thoang thoảng, cho đến cái đụng chạm vô tình nhẹ nhàng từ khuỷu tay người con

gái tràn đầy sức sống, mà có lẽ chính nàng không để ý tới. Chàng phật lòng cho là Ti Vi có í ngạo báng chàng. Sư Vương gằn giọng:

- Cái tên thật tình không quan hệ.

Ti Vi chưng hửng. Và không khí căng thẳng hẳn đi. Sư Vương trở nên gay gắt hơn:

- Nghe nói cô học giỏi, chuyên về nhân chủng và văn chương. Vậy trong tất cả các tác giả văn chương Việt Nam, cô thích tác giả nào?

Ti Vi nhỏ nhẹ:

- Quỳnh chỉ thích khảo cổ, không đọc nhiều, không biết nhiều.

Kim Mao Sư Vương lại cho rằng Ti Vi kênh kiệu. Từ đó cuộc nói chuyện thành nhát gừng. Chàng muốn xua đuổi mùi nước hoa, cái đụng chạm nhẹ nhàng với cánh tay người con gái trên thành chiếc ghế dài mà hai người ngồi chung. Chàng muốn xua đuổi luôn đôi mắt long lanh như có nước, cặp môi dày như nét vẽ hiện thực, giọng nói gợi cảm của Ti Vi, để... ghét cho được người con gái này. Mũi nó cao quá, chắc nó sửa. Cằm nhọn quá. Gò má... phính quá. Môi không đều, hơi... méo. Người nó hình như cũng hơi... lệch sang một bên. Chính ra tướng nó chẳng sang tí nào hết, chẳng có vẻ Grace Kelly tí nào cả. Kiến thức chắc là vay mượn, đọc lỏm đâu đó đem chắp lại làm của mình. Nó là một con... hồ ly đợt sóng mới, nhờ ăn diện theo thời chứ có đẹp đẽ gì đâu. Mình đã thấy nó lúc đi chợ, đầu bù tóc rối cơ mà. Bồ ta ở Việt Nam xưa đẹp gấp mười lần nó. Cuộc gặp gỡ giữa Kim Mao Sư Vương với Ti Vi kết thúc bằng lời độc thoại của chàng Việt Nam tứ tuần, lập dị, và nhiều mặc cảm. Trong đầu óc thờ thẫn, nặng chịch của Kim Mao Sư Vương, ở đâu đó là một tia nắng lẻ loi, chắc là Ti Vi đã... cảm chàng!

Nhưng tâm lý phản kháng của chàng thi sĩ nghèo không cưỡng lại được lòng hiếu kỳ, và sức thu hút của những người thiếu nữ như Ti Vi, trời sinh ra làm cái Ti Vi cho đàn ông trở thành những... củ khoai tây vô dụng. Sau buổi dạ tiệc, Ti Vi về nhà mách bố về chàng thi sĩ dở hơi. Ông giáo cười xòa:

- Chú Vương đấy chứ ai. Anh chàng vô hại, không sao đâu. Tội nghiệp anh chàng ham đọc sách, sùng đạo Phật, đạo Lão, nhưng con người chưa "tới"! Thêm cái "tôi" bất mãn. Để cuối tuần bố mời chú ấy đến nhà chơi nói chuyện với Quỳnh cho vui.

Khi "chú Vương" lò dò đến nhà ăn cơm tối với vợ chồng và gia đình ông giáo, thì mái tóc nhuộm lơ thơ của chàng khiến chàng nghiễm nhiên và chính thức biến thành "Kim Mao Sư Vương" dưới con mắt tinh nghịch chế riễu của Mĩ Đen. Nhìn sơ qua, ông giáo biết ngay người bạn vong niên của mình đã bị cô con gái út... hớp hồn. Ông biết cá tính của con, và của bạn, nên không lo ngại. Cùng lắm chỉ thành một thứ "cháu Diễm, chú Đạt" của thời đại tị nạn! Và rồi tất cả mọi sự đều qua.

Tình bạn của Kim Mao Sư Vương và Ti Vi nảy nở mau chóng, một tình bạn mà cả hai người đều không định nghĩa. Những mẩu đối thoại của họ vô nghĩa, dài dòng, đầy tính cách... nghệ thuật ma quái và... chất sáng tạo dở hơi. Tối tối, Ti Vi hay lân la vào khuôn viên đại học, rồi bỏ từng đồng quarter gọi điện thoại cho Kim Mao Sư Vương để nói chuyện... văn chương Việt Nam! Kim Mao Sư Vương không bao giờ mời Ti Vi đi đâu. Bị cộng đồng bắt gặp đi đâu với Ti Vi là một... nhục nhã cho Kim Mao Sư Vương, vì như thế là thi sĩ đã hạ mình xuống với những anh chàng trọc phú, dở hơi đã si mê Ti Vi trong quá khứ. Sư Vương cho là mình cao thượng, không ghen tuông với những "bạn trai" vô hình của Ti Vi mà chàng không hề biết mặt, chàng muốn đưa tình yêu nửa tỏ, nửa mờ của mình đối với Ti Vi... lên ngôi báu! Sư Vương cho mình là một ngọn giả sơn im lặng trong vườn thượng uyển, là cái gối im lặng trong cung điện vàng, để vương phi gục đầu tâm sự, mà không là gánh nặng cho nàng. Ti Vi thích tâm sự lăng nhăng với Sư Vương. Trong đầu óc nàng, Sư Vương không hẳn là một người đàn ông. Chàng giống như cuốn sách về văn hóa Việt Nam trong thư viện Harvard. Chàng giống như cái tủ sách ở Việt Nam của bố. Chàng giống như những bài thơ lục bát mà nàng phải tìm hiểu khi viết luận án tiến sĩ. Nhưng cuốn sách và bài thơ ấy không ăn nhập gì đến đời sống thật sự bên ngoài, cũng như Sư Vương chẳng hiểu gì ráo về đời sống thật sự ở Bắc Mỹ. Sư Vương không biết đọc Wall Street Journal, tiếng Anh thì bập bẹ... Thỉnh thoảng chàng cũng đi coi nhạc kịch cho có vẻ... có văn hóa, để chàng có thể chuyện trò với Ti Vi, nhưng chàng không hiểu hết những lời bay bướm bằng Anh ngữ của diễn viên nói. Còn về phần Ti Vi, nàng vẫn muốn làm nhà nhân chủng học thật sự. Và hơn nữa, những năm tháng ở Boston vẫn là những ám ảnh buồn thảm cho nàng. Nàng cần một hòn giả sơn, một cái gối im lặng để tựa đầu trong khi tâm hồn còn chông gai...

(Còn tiếp)

CẦN ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN TUẤN

Nhân điểm qua cuốn sách "*Eden in the East: the Drowned Continent of Southeast Asia,*" của Stephen Oppenheimer, tôi có đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam [1]. Bài viết đã nhận được sự góp ý của một số bạn đọc qua thư riêng, và đặc biệt từ tác giả Nguyễn Quang Trọng trên *Hợp Lưu* [2]. Tôi thành thật cám ơn bạn đọc đã bỏ công viết thư khuyến khích và viết bài góp ý. Những góp ý và khai triển của tác giả Nguyễn Quang Trọng rất nghiêm túc, mang tính xây dựng cao, và tôi sẽ khai thác thêm trong một dịp khác. Tuy nhiên bên cạnh đó, có một bài viết gần đây trên *Thế Kỷ 21* [3] hàm chứa một vài vấn đề có thể gây ngộ nhận trong người đọc, vì ngôn ngữ được sử dụng trong bài, và nhất là một vài hiểu lầm quan trọng về bài viết của tôi cũng như hiểu lầm nội dung cuốn sách của Stephen Oppenheimer [4].

Có người cho rằng đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt là không cần thiết vì trong quá khứ đã có tác giả, chẳng hạn như Bình Nguyên Lộc, đã "chứng minh" nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt. Tuy nhiên nhận xét như vậy rất nguy hiểm cho tiến bộ khoa học, vì nó hàm ý cho rằng câu chuyện đã chấm dứt, câu trả lời đã dứt khoát, không còn vấn đề gì để bàn thảo nữa, cũng như không có gì để phải nghiên cứu thêm. Nhưng trong thực tế thì vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng (chưa ai chứng minh một cách khoa học rằng dân tộc Việt có nguồn gốc Mã Lai), và thậm chí chưa được đặt ra một cách có hệ thống. Thực ra, nhóm *Tư Tưởng* (Sydney, Úc) đã nhiều lần đưa ra nhiều dữ kiện cần thiết để đặt lại vấn đề. Ngoài những dữ kiện trong sách "Eden in the East" của Oppenheimer, tôi thấy có vài lý do để chúng ta đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt.

Thứ nhất, giả thuyết về nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt chỉ là một giả thuyết trong nhiều giả thuyết khác nhau. Giả thuyết này, phần lớn, dựa vào các dữ kiện khảo cổ và ngôn ngữ. Những dữ kiện về đặc tính cơ thể và các chỉ số nhân trắc (như màu da, xương, sọ, khuôn mặt, v.v..) từng được dùng làm các đơn vị thông tin để nghiên cứu nguồn gốc dân tộc và sự tiến hóa của loài người. Nhưng các đặc tính này thay đổi theo thời gian, và chịu ảnh hưởng vào môi trường sinh sống. Chẳng hạn như chiều cao của con người trong vòng 200 năm qua đã tăng một cách đáng kể do những cải thiện về dinh dưỡng và môi trường sinh sống. Ngay cả cấu trúc xương cũng thay đổi theo thời gian và môi trường. Do đó các đặc tính nêu trên không phải là những thông tin lý tưởng cho việc nghiên cứu lịch sử di truyền của con người.

Những dữ kiện về ngôn ngữ cũng có nhiều khiếm khuyết, vì mức độ tương đương về từ ngữ không thể nói lên một cách đầy đủ khuynh hướng di cư của các sắc dân. Ngay cả việc xác định mức độ tương đồng từ ngữ giữa các ngôn ngữ cũng là một vấn đề mang tính kỹ thuật mà các nhà nghiên cứu vẫn chưa đồng ý về phương pháp làm. Vả lại, sự tương đồng giữa các ngôn ngữ có thể là một hằng số mang tính văn hóa, chứ không hẳn do các cơ chế sinh học và di truyền. Nói tóm lại, những bằng chứng khảo cổ và ngôn ngữ không phải là những loại thông số đáng tin cậy để xác định nguồn gốc dân tộc.

Thứ hai, có thể nói ngay rằng các giả thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt Nam của một số tác giả người Việt trước đây thiếu tính khoa học [5]. Những dữ kiện dùng để đặt giả thuyết trước đây chưa bao giờ được xử lý bằng cách phương pháp khoa học, không đánh giá được mức độ biến thiên của dữ kiện, nghĩa là định lượng xem mức độ biến chuyển của những dữ kiện đó có tỷ lệ bao nhiêu là do các yếu tố ngẫu nhiên gây nên, và bao nhiêu là do các yếu tố không ngẫu nhiên tạo thành.

Người thông minh có thể có nhiều cách giải

thích rất hay cho những quan điểm sai lầm. Ai cũng có thể phát biểu một giả thuyết, nhưng một giả thuyết khoa học khác với một giả thuyết phi khoa học ở chỗ một giả thuyết khoa học có thể thử nghiệm được. Điều quan trọng là một giả thuyết khoa học cần phải được thử nghiệm một cách khách quan, và cần phải được "phản nghiệm" (falsify) một cách độc lập.

Vì thế, cần phải nói rõ rằng việc phát triển một giả thuyết khoa học không chỉ đơn thuần gói gọn trong việc in vài ý kiến thành sách và cho đó là "khoa học", là những giả thuyết mà ai cũng cần phải đọc, cần phải ghi nhận. Stephen Jay Gould (nhà tiến hóa học danh tiếng vừa mới qua đời), trước khi phát biểu một giả thuyết về sinh học tiến hóa đã từng làm nhiều nghiên cứu và từng công bố kết quả nghiên cứu trong hàng trăm bài báo khoa học trên các tập san chuyên môn. Stephen Oppenheimer cũng thế: trước khi cho in những giả thuyết của mình thành sách, ông ta đã phải bỏ ra hàng chục năm đi thu thập dữ kiện, thử nghiệm, phân tích, và công bố nhiều bài báo khoa học trên các tập san chuyên môn trên thế giới. Nhìn lại trường hợp Việt Nam, chúng ta có thể nói không một giả thuyết nào về nguồn gốc dân tộc Việt Nam được kiểm tra bởi các đồng nghiệp chuyên môn trên thế giới (peer review), hay được công bố trên các tập san hàn lâm trên thế giới, hay dựa vào những bằng chứng chặt chẽ về sinh học. Thành ra, chưa một giả thuyết nào của các tác giả Việt Nam được trình bày một cách có hệ thống và được đồng nghiệp trên thế giới công nhận.

Thứ ba, như đã nói trên nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam mà Bình Nguyên Lộc đề xướng là một giả thuyết. Không có ai có thể chứng minh một giả thuyết. Cái mà người ta có thể "chứng minh" là các dữ kiện có nhất quán hay phù hợp với giả thuyết hay không. Khi có dữ kiện mới giả thuyết sẽ được phát biểu lại. Do đó, cần phải nhấn mạnh rằng không có một giả thuyết nào được xem là bất biến. Ngay cả giả thuyết về nguồn gốc con người hiện đại cũng đã trải qua nhiều nghiên cứu, thảo luận hàng nửa thế kỷ nay, với hàng ngàn bài báo khoa học và hàng trăm cuốn sách đã viết về đề tài này. Điều này cũng không nên lấy làm ngạc nhiên, bởi vì quá trình phát triển khoa học nằm trong một chu trình đặt vấn đề hay giả thuyết, thu thập dữ kiện, thử nghiệm giả thuyết, và đặt lại vấn đề. Sự tích lũy dữ kiện theo thời gian sẽ soi sáng và góp phần kiểm tra lại giả thuyết ban đầu.

Thành ra, cần phải đặt lại vấn đề, cần phải nêu những câu hỏi tốt để đi tìm những câu trả lời thích hợp và hữu dụng. Trong quá khứ, thế giới khảo cổ học và nhân chủng học dựa vào các bằng chứng về khảo cổ, xương, hóa thạch, v.v... để phát triển lý thuyết, nhưng những đối tượng này hàm chứa nhiều hạn chế thông tin về tiến hóa, vì mối quan hệ phức tạp giữa môi trường và tiến hóa. Hậu quả của sự tập trung vào các đối tượng như thế trong một thời gian dài đã làm cho chúng ta xao lãng các dữ kiện cho chúng ta nhiều thông tin hơn: đó là gien. Không giống như xương sọ, những thay đổi trong gien thường xảy ra theo những qui luật mà chúng ta hiểu khá rõ, và vì thế gien và các đặc điểm của gien, như tần số gien, cấu trúc DNA, phân phối gien, v.v... cho chúng ta những thông tin cực kỳ quí giá về sự tiến hóa của con người. Ngày nay, những tiến bộ phi thường trong ngành di truyền học và sinh học phân tử (molecular biology) trong mấy năm gần đây đã cung cấp cho ngành nhân chủng học một phương tiện cực kỳ quan trọng trong việc xác định lịch sử tiến hóa của con người và mối liên hệ giữa các dân tộc. Nhưng trong khi khả năng và kỹ thuật càng ngày càng hiện đại thì những thay đổi trong xã hội trong các nước đang phát triển có nguy cơ làm nhòa đi tính "tinh khiết" của những người dân chính gốc ở Việt Nam. Vì thế, đặt vấn đề nguồn gốc dân tộc cũng có nghĩa là tìm một sự phối hợp có tổ chức để thu thập và duy trì những thông tin sinh học về quá khứ của chúng ta, những người Việt Nam.

Giá trị của di truyền học trong việc truy tầm nguồn gốc dân tộc đã được đánh giá cao về mức độ tin cậy. Di truyền học là một cửa sổ để chúng ta nhìn lại quá khứ của chúng ta. Tuy nhiên, những nghiên cứu về di truyền học trong người Việt còn cực kỳ khiêm tốn, nếu không muốn nói là không đáng kể. Trong thời gian khoảng 10 năm trở lại đây, đã có một số bằng chứng, tuy gián tiếp, nhưng cũng đủ để chúng ta có lý do để xem xét lại lịch sử tiến hóa của dân tộc Việt. Những bằng chứng này là:

(a) Năm 1998, Giáo sư Chu và đồng nghiệp (thuộc Trường Đại học Texas) phân tích 15 đến 30 mẫu "vi vệ tinh" DNA (microsatellites) để thử nghiệm sự khác biệt di truyền trong 24 nhóm dân từ nhiều tỉnh khác nhau ở Trung Quốc, 4 nhóm dân vùng Đông Nam Á (hai thuộc thổ dân Mỹ, một thuộc thổ dân Úc châu, và một thuộc Tân

Guinea), 4 nhóm dân da trắng (Caucasian), và 3 nhóm dân Phi châu. Bằng một phương pháp phân tích thống kê có tên là "phân tích sự phát sinh chủng loại" (Phylogenetic analysis)", một số kết quả đáng ghi nhận như sau:

(i) hai nhóm dân có sự khác biệt rõ ràng nhất là Phi châu và các dân không thuộc Phi châu;

(ii) tất cả các nhóm dân Đông Nam Á "tập hợp" thành một nhóm, và nhóm dân có đặc tính di truyền gần họ nhất là người thổ dân Mỹ châu, kế đến là thổ dân Úc châu, và Tân Guinea (Những kết quả này cũng phù hợp với thời gian định cư ở Úc châu (khoảng 60,000 đến 50,000 năm trước đây, và thời gian định cư ở Mỹ châu (từ 30,000 đến 15,000 năm trước đây);

(iii) các nhóm dân miền nam Trung Quốc phân phối thành ba nhóm, gọi là S1, S2, và S3 (ngoại trừ nhóm S2 là người Hán từ tỉnh Henan, phần còn lại (S1 và S3) gồm các sắc dân trong vùng Yunnan); và

(iv) các sắc dân miền bắc Trung Quốc phân phối thành hai nhóm, gọi là N1 và N2. Nhóm N1 gồm 6 sắc dân nói tiếng Altaic, một nhóm Hán tộc miền bắc từ tỉnh Yunnan. Nhóm N2 gồm 4 sắc tộc thiểu số có lịch sử sinh sống lâu đời ở miền bắc, trong đó có một sắc tộc từ tỉnh Ninxia [6].

Từ những phát hiện trên, chúng ta có thể đặt ra một số mô hình để giải thích [7], nhưng mô hình thích hợp với dữ kiện của Giáo sư Chu và đồng nghiệp là các dân tộc miền Bắc Á được tiến hóa từ các dân tộc Đông Nam Á châu. Các dữ kiện liên quan đến răng, sọ [8,9] cũng nhất quán với mô hình này. Do đó, Giáo sư Chu và đồng nghiệp kết luận rằng: "Tổ tiên của các nhóm dân Đông Á ngày nay có nguồn gốc từ Đông Nam Á." Nói một cách khác, các dữ kiện di truyền học của Giáo sư Chu và đồng nghiệp cho thấy tổ tiên của những người nói tiếng Altaic từ Đông Á đã di cư vào Á châu từ ngã Đông Nam chứ không phải từ ngả Trung Á.

(b) Nhưng nghiên cứu của Giáo sư Chu và đồng nghiệp có một điểm yếu, đó là họ dựa vào vi vệ tinh DNA, một chất liệu di truyền rất "nhạy" (sensitive) và dễ bị đột biến (mutation [10]). Để khắc phục nhược điểm này, một nhóm nghiên cứu khác đã tiến hành một nghiên cứu độc lập và qui mô hơn để xác định nguồn gốc Đông Nam Á của dân tộc Trung Hoa. Nhóm nghiên cứu Mỹ – Trung Quốc phân tích DNA trong nhiễm sắc thể Y.[11] trong các nhóm dân Hán (thuộc 22 tỉnh của Trung Quốc), 3 nhóm dân Đông Bắc Á (Buryat, Đại Hàn, và Nhật Bản), 5 nhóm dân Đông Nam Á (Cambốt, Thái Lan, Mã Lai, Batak, và Java), và 12 nhóm dân ngoài Á châu (3 nhóm từ Phi châu, 3 từ Mỹ châu, 2 từ Âu châu, và 4 từ châu Đại dương). Các nhà nghiên cứu ghi nhận rằng mức độ biến thiên đa hình thái (polymorphic variation) trong các nhóm dân Đông Nam Á cao hơn trong các nhóm dân thuộc vùng Bắc Á. Điều này có nghĩa là các sắc dân ở Đông Nam Á có một quá trình định cư lâu dài hơn là các nhóm dân Bắc Á. Dùng các phương pháp phân tích di truyền quần thể (population genetics), các nhà nghiên cứu kết luận rằng con người thời đó đã di cư từ Phi châu sang đến Đông Nam Á [12] vào khoảng 60 ngàn năm về trước, và sau đó đã di chuyển lên phía Bắc Á (kể cả Trung Quốc ngày nay) và Siberia [13]. Ngoài ra, còn có bằng chứng di truyền cho thấy các nhóm dân Polynesians cũng có nguồn gốc từ Đông Nam Á [14].

(c) Trong một nghiên cứu trên 103 người ở Hà Nội [15], các nhà nghiên cứu Việt – Pháp phân tích DNA trong hai gien (HLA-DR và DQB1), và so sánh kết quả này với các sắc dân thuộc châu Đại Dương (Oceania) và Đông Á. Sau khi ước tính khoảng cách di truyền [16] giữa các sắc dân, các nhà nghiên cứu kết luận rằng cấu trúc di truyền của hai gien này trong người Việt gần với người Thái và người Hoa. Các nhà nghiên cứu này kết luận rằng dữ kiện của họ phù hợp với giả thuyết người Việt có nguồn gốc từ người Trung Hoa và Thái-Nam Dương.

Tuy nhiên, sau khi xem xét kỹ phần phương pháp nghiên cứu, tôi có lý do để cho rằng kết luận này rất có thể không đúng. Những lý do này là: Thứ nhất, nghiên cứu này chỉ dựa vào hai gien mà thôi (con người có khoảng 35 đến 39 ngàn gien), và với những yếu điểm của mtDNA, các ước đoán về khoảng cách di truyền không ổn định. Thứ hai, ngay cả trong bài báo các nhà nghiên cứu không xây dựng được một cây di truyền nào, và cũng chẳng phân tích sự phát sinh chủng loại thì không thể phán đoán về chiều hướng di cư hay nguồn gốc dân tộc được.

(d) Khoảng 2 năm sau, các nhà nghiên cứu này lại tiến hành một nghiên cứu khác trên 50 người cũng ở Hà Nội [17], và cũng qua dùng kỹ thuật PCR (polymerase chain reaction) họ phân tích 6 "restriction enzymes", và ghi nhận khoảng cách di truyền giữa người Việt và người Hoa rất thấp (chỉ 0.0022), nhưng giữa người Việt và Ấn

Độ thì tương đối cao hơn (0.0468), có nghĩa là quan hệ giữa giống người Việt và Hoa gần nhau hơn so với quan hệ Việt và Ấn.

Nghiên cứu này cũng có những yếu điểm như nghiên cứu trình bày phần (c), tức là số lượng gien quá ít (trong trường hợp này chỉ có một gien), và tác giả cũng không tính toán mức độ biến thiên của chỉ số khoảng cách di truyền, nên không thể nào phát biểu khoảng cách giữa Việt – Hoa gần hơn khoảng cách giữa Việt – Ấn. Thực ra, sau khi tính toán lại, tôi thấy hai khoảng cách di truyền (Việt – Hoa và Việt – Ấn) không có sự khác biệt đáng kể (non-significant)!

(e) Tuy nhiên, một nghiên cứu khác trên 5 gien trong nhiễm sắc thể Y trong hai nhóm dân: Bắc Á (Bắc Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc, và Mông Cổ), và Nam Á (Nam Dương, Phi Luật Tân, Thái, và Việt Nam) cho thấy người Việt gần với các nhóm dân Bắc Á (nhất là Hàn Quốc) hơn là các nhóm dân Nam Á [18]! Chúng ta biết rằng, qua nghiên cứu của Giáo sư Chu, người Hoa phía Bắc Trung Quốc có cấu trúc di truyền khác với người Hoa phía Nam Trung Quốc. Do đó, phát hiện này quả rất khó giải thích. Càng khó giải thích hơn nữa khi phần lớn những người Việt trong nghiên cứu này là cư dân ở Hà Nội, tức gần miền Nam Trung Quốc.

(f) Trong một nghiên cứu dùng mtDNA, Ballinger và đồng nghiệp [19] ghi nhận rằng chỉ số biến thiên (trong di truyền học gọi là F-value) trong người Việt cao nhất trong các sắc dân vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, các tác giả kết luận một cách mơ hồ rằng các dữ kiện này cho thấy "người Á châu có nguồn gốc từ nhóm dân Nam Mông" (nguyên văn: "*The greatest mtDNA diversity and the highest frequency of mtDNA with HpaI/HincII morph 1 were observed in the Vietnamese suggesting a Southern Mongoloid origin of Asians*").

Thực ra, các dữ kiện mà tác giả trình bày không cho phép họ kết luận như thế, bởi vì họ chỉ 7 nhóm dân Á châu mà thôi, và cũng chỉ nghiên cứu trên vài mẫu gien rất nhỏ. Nhưng qua số liệu của các nhà nghiên cứu này, chúng ta có thể phát biểu rằng trong hai gien mà họ nghiên cứu, người Việt có lẽ là một sắc dân cổ nhất trong vùng Đông Nam Á.

Qua các nghiên cứu di truyền dựa vào nhiễm sắc thể Y và mtDNA mà tôi vừa tóm lược và nhận xét, chúng ta có thể rút ra một vài điểm chung như sau:

Thứ nhất, các nhóm dân Đông Á có cùng một nguồn gốc chung, đó là tất cả đều xuất phát từ Phi châu. Cũng dựa theo các dữ kiện mới này, các nhà nghiên cứu ước đoán rằng đợt người đầu tiên di cư đến Đông Nam Á xảy ra vào khoảng 18.000 đến 60.000 năm trước đây, và sau đó từ đây một đợt di cư về phía Bắc. Một đợt khác cũng từ Đông Nam Á di cư sang các quần đảo Thái Bình Dương qua ngả Mã Lai Á ngày nay. Tất nhiên, đây chỉ là "câu chuyện" mới được phát họa, nhiều chi tiết vẫn còn trong vòng nghiên cứu thêm.

Thứ hai, vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt vẫn còn là một bí mật chưa được khai thác. Tất cả các nghiên cứu qui mô của đều không có dữ kiện gien của người Việt. Ngược lại những nghiên cứu có dữ kiện của người Việt thì lại chưa được tiến hành có hệ thống và qui mô, nếu không muốn nói là còn rất hạn chế. Vì thế, các nghiên cứu gần đây hoàn toàn không cho phép chúng ta phát biểu gì về nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt như có người đặt giả thuyết.

Thứ ba, những kết quả của các nghiên cứu này đã cung cấp thông tin cho chúng ta để phát biểu một giả thuyết mới, rằng người Hoa ngày nay có thể xuất phát từ phía Nam, mà cụ thể hơn là Đông Nam Á; và có bằng chứng [tuy chưa đầy đủ] cho thấy người Việt có thể là một dân tộc cổ nhất trong vùng Đông Nam Á; cho nên có thể người Việt cũng có thể chính là tổ tiên của người Hoa ngày nay, nhất là các sắc dân ở miền Nam Trung Quốc. Cố nhiên, đó chỉ là một giả thuyết cần được thử nghiệm.

Do đó, vấn đề quan trọng trước mắt là cần xác định mối liên hệ di truyền (genetic relationships) giữa các nhóm dân trong vùng Đông Nam Á (và Việt Nam), các nhóm dân miền Nam và Bắc Trung Quốc, cũng như các nhóm dân thuộc Nam Đảo, Polynesians, v.v... Với những kết quả này cộng với các dữ kiện trình bày trong kho tàng khảo cổ và nhân chủng học cũng như trong cuốn "*Eden in the East*" chúng ta sẽ có một phối cảnh rõ ràng hơn về quá khứ. Hiện nay, chúng tôi đang xúc tiến một nghiên cứu di truyền học và cộng tác với các nhà nghiên cứu khác trên thế giới để nhằm tìm một câu trả lời cho vấn đề này. Hy vọng trong tương lai, chúng tôi sẽ có các dữ kiện di truyền học để đi đến một so sánh có ý nghĩa và có thể phát biểu một cách có cơ sở khoa học hơn.

Nguồn gốc con người hiện đại, mà đặc biệt là

nguồn gốc dân tộc Việt, là một câu hỏi đơn giản, nhưng câu trả lời thì không đơn giản chút nào. Tổ tiên chúng ta xuất phát từ đâu, họ đến Việt Nam bằng cách nào, vẫn còn là những vấn đề khoa học "nóng", đòi hỏi nhiều nghiên cứu về di truyền học, khảo cổ học, và ngôn ngữ học. Tuy nhiên, với sự tiến bộ phi thường về khoa học di truyền và công nghệ sinh học trong khoảng mười năm qua, chúng tôi tin rằng việc nghiên cứu quá trình lịch sử di truyền của người Việt chúng ta sẽ đem lại nhiều kết quả thích thú và làm sáng tỏ hơn về nguồn gốc tổ tiên của chúng ta./.

Tài liệu tham khảo và chú thích:

[1] Xem "Nhân dọc Eden in the East, đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam," *Thế Kỷ 21*, số 152, tháng 12, 2001.

[2] "Về nguồn gốc dân tộc Việt Nam và 'Địa đàng ở phương Đông'", Nguyễn Quang Trọng, *Hợp Lưu*, số tháng Tư năm 2002.

[3] "Giải đáp thắc mắc của ông Nguyễn Văn Tuấn ...," Lê Quấc Tuấn, *Thế Kỷ 21*, số 157, tháng 5, 2002.

[4] Trong bài viết "*Giải đáp thắc mắc ...*" (ngay cả cái tựa đề cũng không hợp lý, vì tôi chẳng "thắc mắc" gì cả), tác giả dùng một văn phong rất trịch thượng và mang tính "lên lớp" một cách quá đáng so với trình độ và kiến thức của tác giả biểu hiện qua bài viết. Thực ra, tôi không có một "gút mắt" nào để phải cần đến một người khác giải thích. (Mà dù có gút mắt đi nữa thì tôi cũng thừa khả năng để tự mình đi tìm câu trả lời, chứ chả nhẽ tôi lại cần đến ông Lê Quấc Tuấn hay sao!?) Những tính từ mà tác giả Lê Quấc Tuấn gán ghép cho tôi không những không có cơ sở, mà còn hoàn toàn thiếu tính nghiêm túc và không phù hợp trong thảo luận. Ngoài những hiểu lầm mang tính cổ điển xuất phát từ vấn đề "đọc và hiểu", tác giả còn có ý cho rằng tôi chưa đọc qua những gì Bình Nguyên Lộc hay các tác giả khác về nguồn gốc dân tộc Việt Nam (và ngụ ý cho rằng tôi đã đặt vấn đề một cách không cần thiết). Tôi thật ái ngại cho tác giả với một suy đoán quá tự phụ và chủ quan như thế.

Nhầm lẫn lớn nhất của tác giả Lê Quấc Tuấn là ở chỗ chưa nắm vững nội dung cuốn sách của Stephen Oppenheimer. Trong *Eden in the East*, Stephen Oppenheimer không đưa ra một giả thuyết Nam tiến hay Bắc tiến nào cả, ông cũng chẳng đưa ra một giả thuyết nào về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Những luận án chính của Oppenheimer là: (a) Đông Nam Á là cái nôi của văn minh nhân loại ngày nay; (b) Những dân tộc thuộc quần đảo Polynesian không phải xuất phát từ Trung Quốc, mà có nguồn gốc từ Đông Nam Á; và (c) Người Đông Nam Á, chứ không phải Trung Hoa, là những người đã phát triển kỹ thuật trồng lúa đầu tiên trên thế giới, và là những nhà canh nông chuyên nghiệp đầu tiên của nhân loại. Dựa vào một số kết quả nghiên cứu gần đây và luận điểm của Stephen Oppenheimer, tôi muốn đặt lại vấn đề nguồn gốc Trung Hoa của dân tộc Việt Nam. (Ở điểm này, tác giả Nguyễn Quang Trọng hiểu chính xác bài viết của tôi.) Ngoài ra, không có một đoạn văn nào trong bài viết của tôi so sánh dữ kiện của Trần Trọng Kim hay Đào Duy Anh với dữ kiện của Stephen Oppenheimer (tác giả cuốn sách "*Eden in the East*").

Cần phải nói thêm rằng đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc không phải vì những chuyện nhảm nhí như "lo xa", hay trẻ con như "bực bội", hay để, một cách cải lương, khôi phục "tự hào dân tộc", mà để đi tìm sự thật, và quan trọng hơn là để đi tìm phương pháp cho một câu trả lời. Câu trả lời chỉ có ý nghĩa nếu câu hỏi được suy nghĩ cẩn thận.

[5] Thế nào là "khoa học"? Nói một cách ngắn gọn và theo quan điểm của người viết bài này, khoa học là tập hợp những phương pháp trí tuệ và phương pháp thực tiễn dùng để diễn tả và giải thích những hiện tượng quan sát được hay suy đoán được, trong quá khứ hay hiện tại, nhằm xây dựng một hệ thống tri thức mà chúng ta có thể bác bỏ hay xác nhận được. Những *phương pháp trí tuệ* bao gồm linh cảm, ước đoán, tư tưởng, giả thuyết, lý thuyết, và mô hình. Những *phương pháp thực tiễn* bao gồm bối cảnh của nghiên cứu, quá trình thu thập dữ kiện, hệ thống hóa dữ kiện, cộng tác cùng đồng nghiệp, thí nghiệm, tìm tòi và khám phá, phân tích thống kê, viết báo cáo khoa học, trình bày trong các hội nghị khoa học, và công bố kết quả nghiên cứu.

Khoa học dựa vào sự thật (facts). Những sự thật phải được quan sát hay thu thập bằng những phương pháp khách quan. Điều quan trọng và cần thiết trong khoa học là không chỉ sự thật, mà là sự thật có liên quan đến vấn đề đang được điều tra. Những sự thật này phải được thu thập (i) có tổ chức, trực tiếp, và khách quan; (ii) độc lập với lí thuyết; và (iii) một cách tin cậy để làm nền tảng cho suy luận. Một đặc tính quan trọng trong phát biểu trên về khoa học là những lý thuyết của khoa học có thể bác bỏ được. Cụm từ "có thể bác bỏ" ở đây cần phải hiểu một cách rộng rãi hơn, rằng tất cả các lý thuyết, nếu mang danh nghĩa khoa học, là những thuyết có thể thử nghiệm được, có thể tái xác nhận được bằng dữ kiện mới và độc lập. Và chính đặc tính này phân biệt rành mạch sự khác biệt giữa khoa học và ngụy khoa học (pseudoscience). Trong ngụy khoa học, các lý thuyết, chẳng hạn như thuyết tạo hóa (creationism) trong tôn giáo, đều không thể kiểm chứng hay thử nghiệm được. Nói một cách khác, một trong những tiêu chuẩn cho một lý thuyết khoa học là "khả năng phản nghiệm" (falsibility) của nó. (Có thể xem thêm vấn đề "phản nghiệm" này trong sách "The logic of scientific discovery," Karl Popper, London: Hitchinson, 1972).

[6] Xem bài "Genetic relationship of populations in China," tác giả J. Y. Chu và đồng nghiệp, Tập san *Proceedings of the National Academy of Science (USA)* 1998; số 95, trang 11763-11768.

[7] Chẳng hạn như mô hình thứ nhất: các nhóm dân miền Đông Bắc di cư xuống miền Nam, và hòa hợp với các nhóm dân Nam Á (Australoids, tức là người thổ dân Úc và Tân Guinea), những người đã từng định cư tại vùng Đông Nam Á châu trước đây. Theo mô hình này, có một nhóm người "gây giống" hiện diện ở Đông Nam Á khoảng

30 ngàn đến 50 ngàn năm trước đây. Mô hình này cũng phù hợp với bản đồ phân phối các ngôn ngữ ở Trung Quốc. Từ bản đồ này, chúng ta có thể phỏng đoán rằng miền bắc Trung Quốc từng được các dân tộc nói tiếng Trung Hoa và các ngôn ngữ Trung Hoa – Tây Tạng (Sino-Tibetan languages) định cư, còn miền nam Trung Quốc thì được các dân tộc nói tiếng Nam Á (Austro-Asiatic languages), Austronesian, Miao-Yao, và Daic định cư. Sau đó (khoảng 3000 năm trước đây, tức dưới triều đại Zhao) ngôn ngữ Trung Hoa – Tây Tạng dần dần thay thế các ngôn ngữ khác ở phía nam Trung Quốc, cũng giống như một quá trình truyền bá của các ngôn ngữ Ấn-Âu ở Âu châu.

Hay mô hình thứ hai: các nhóm dân miền bắc và nam Trung Quốc tiến hóa cùng một lượt kể từ thời đại Pleistocene (tức khoảng 10,000 năm trước đây). Mô hình này phù hợp với các dữ kiện khảo cổ học, và theo đó, có ít nhất là ba trung tâm nông nghiệp và các nền văn hóa Đồ đá mới cùng hình thành ở Trung Quốc. Đây là các văn hóa: (i) Yangshao (miền bắc, và miền trung sông Hoàng) khoảng 8000 năm trước đây, nơi mà cây kê là một cây trồng phổ biến nhất, lợn, chó được thuần hóa; (ii) Văn hóa Ta-Pen-Keng, cũng hình thành vào khoảng 8000 năm trước đây dọc theo bờ biển phía nam, kể cả Đài Loan, nơi mà sản phẩm chính là lúa gạo; (iii) Văn hóa Qing-Lien-Kang, hình thành vào khoảng 1000 năm trước đây, trong vùng hạ lưu sông Dương Tử, nơi mà cây lúa được trồng và thú vật như chó, lợn được thuần hóa.

[8] Xem bài "Major features of Sundadonty and Sinodonty, including suggestions about East Asian microevolution, population history, and late Pleistocene relationships with Australian aboriginals", C. G. Turner, Tập san *American Journal of Physical Anthropology,* năm1990; bộ 82, trang 295-317.

[9] Xem bài "Population prehistory of east Asia and the Pacific as viewed from craniofacial morphology: the basic populations in east Asia, VII" T. Hanihara, *American Journal of Physical Anthropology,* năm1990, năm 1993, bộ 91, trang 173-87.

[10] Đột biến (mutation) là một sự kiện sinh học xảy ra ở trong tế bào. Gien được cấu trúc bằng một chuỗi DNA gồm 4 mẫu tự A, G, C, T. Khi một chuỗi DNA bị thay đổi, tức đột biến (chẳng hạn như từ GCAATGGCCC thành GCAACGGCCC) thì các đặc tính sinh học liên quan đến gien, chẳng hạn như mật độ xương, có thể bị thay đổi.

[11] Con người được cấu tạo bằng nhiều tỷ tế bào. Tất cả các tế bào đều có cấu trúc giống nhau: trong mỗi tế bào đều có một cái nhân (nucleus) nằm chính giữa. Cái nhân này có chứa những chất liệu di truyền mà ta thường gọi là DNA (viết tắc từ chữ deoxyribonucleic acid). Mỗi nhân thường có hàng triệu DNA. DNA gồm có bốn mẫu tự (yếu tố hóa học): A (adeline), C (cytosine), G (guanine), và T (thymine). Một mảng DNA tạo thành một gien. Và nhiều gien tạo thành một bộ di truyền hay nhiễm sắc thể, còn gọi là chromosome. Con người có 23 nhiễm sắc thể.

Không như DNA nằm trong nhân của tế bào, Mitochondrial DNA (mtDNA) nằm ngoài nhân của tế bào. MtDNA chỉ lưu truyền trong giống cái (ví dụ như từ mẹ sang con gái) do đó chúng rất có ích trong việc trùy tìm những mối quan hệ di truyền giữa các nhóm dân. Nhưng mtDNA có hai nhược điểm: (i) mtDNA có nhiễm sắc rất nhỏ, chỉ khoảng 16500 mẫu tự (tức chỉ khoảng 16 kilobases); và (ii) sự phân phối của các mẫu tự cũng không đồng đều.

Nhiễm sắc thể Y (hay "Y chromosome") là một đối tượng lý tưởng để truy tầm nguồn gốc dân tộc, bởi vì nó không có những nhược điểm như mtDNA. Ngược lại với mtDNA, nhiễm sắc thể Y chỉ lưu truyền trong giống đực. Nhiễm sắc thể Y chứa nhiều mẫu tự hơn mtDNA (khoảng 60 megebases, tức 4000 lần cao hơn mtDNA), và do đó cho chúng ta nhiều thông tin về di truyền hơn là mtDNA. Ngoài ra, khi nhiễm sắc thể Y được phân tích bằng tập hợp nhiều kiểu di truyền (tức "genotypes") thành "haplotype", các nhà nghiên cứu có thể biết được "dấu vết di cư" của một nhóm dân, và qua đó có thể ước đoán được tuổi của tổ tiên. Tuy nhiên, nhiễm sắc thể Y cũng có một vài nhược điểm, nhất là phân phối của haplotypes có thể bị ảnh hưởng bởi khả năng tái sản sinh của giống đực.

[12] Xem bài "African origin of modern humans in East Asia: a tale of 12000 Y chromosomes," tác giả Yuehai Ke và đồng nghiệp, [Tập san] *Science*, năm 2001, bộ 292, trang 1151-1153.

[13] Xem bài "Y-chromosome evidence for a northward migration of modern humans into eastern Asia during the last Ice Age," tác giả Bing Su và đồng nghiệp, [Tập san] *American Journal of Human Genetics*, năm 1999, bộ 65, trang 1718-1724.

[14] Xem bài báo khoa học "Polynesian origins: insights from the Y chromosome," tác giả Bing Su và đồng nghiệp, Tập san *Proceedings of the National Academy of Science* (USA), năm 2000, bộ 97, trang 8225-8228.

[15] Xem bài "HLA-DR and DQB1 DNA polymorphisms in a Vietnamese Kinh population in Ha Noi", tác giả A. Vu-Trieu và đồng nghiệp, Tập san European Journal of Immunogenetics, năm 1997, bộ 24, trang 345-356.

[16] Khoảng cách di truyền (hay còn gọi là genetic distance) là một thông số di truyền học đo lường mức độ khác nhau giữa các nhóm dân. Chỉ số này có giá trị tối thiểu là 0 (tức hai nhóm dân giống nhau về mặt di truyền), và giá trị tối đa là 1 (tức hai nhóm dân hoàn toàn khác nhau).

[17] Xem bài "Mitochondrial DNA polymorphism in the Vietnamese population", tác giả R. Ivanova và đồng nghiệp, Tập san European Journal of Immunogenetics, năm 1999, bộ 26, trang 417-422.

[18] Xem bài "Y chromosomal DNA variation in East Asian populations and its potential for inferring the peopling of Korea", tác giả W. Kim và đồng nghiệp, Tập san Journal of Human Genetics, năm 2000; bộ 45, trang 76-83.

[19] Xem bài "Southeast Asian mitochondrialDNA analysis reveals genetic continuity of ancient Mongoloid migration," tác giả S. W. Ballinger và đồng nghiệp, Tập san Genetics, năm 1992, bộ 130, trang 139-45.

NGUY CƠ ĐỘNG ĐẤT TỪ NHỮNG CON ĐẬP VÂN NAM

Gửi Nhóm bạn Cửu Long

The upper Mekong Basin is an earthquake zone...
It is feared, earthquakes may occur if dams are built in the upper Mekong Basin _ Hiroshi Hori [1]

NGÔ THẾ VINH

An toàn của các con đập thủy điện phải là mối quan tâm hàng đầu, nhất là đối với những con đập cao và hồ chứa nước lớn như chuỗi những con đập bậc thềm Vân Nam. Mối e ngại lại càng gia tăng khi con đập được xây trên vùng địa chất được coi là không ổn định hay thường xảy ra động đất.

Theo giáo sư Shunzo Okamoto thuộc đại học Tokyo thì sức nước hãm ép của hồ chứa có thể gây động đất nhất là nơi mà "tiềm năng lượng động đất" *(potential earthquake energy)* đã tích lũy ở mức cao. [1]

Điển hình là Nhật Bản vốn nằm trên vùng địa chất không ổn định thường xảy ra các trận động đất, nên mỗi dự án xây đập đều được khảo sát thật chu đáo trên mọi khía cạnh nhất là địa chất với những hồ sơ theo dõi các trận động đất lớn nhỏ và hoạt động của núi lửa và cả xác định xem có rãnh nứt dưới lớp địa tầng hay không. Do đó đã có một số công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh ở Nhật liên quan tới "xây đập gây hậu quả động đất".

Giáo sư Seiji Otake nguyên giám đốc nghiên cứu về động đất của Trung Tâm Quốc Gia Phòng Tránh Thiên Tai Nhật Bản đã đưa ra nhận định: có tới 90 phần trăm xác suất là các hoạt động địa chấn gia tăng ở vùng có những con đập cao hơn 100 mét. [1]

Đã có rất nhiều tường trình về các trận động đất do xây đập gây ra: cả ở vùng ôn đới các quốc gia kỹ nghệ và ở vùng nhiệt đới các nước đang phát triển.

Các nhà khoa học địa chất khảo sát những con đập lớn nhận thấy sức nặng thường trực của khối nước khổng lồ trong hồ chứa đã gây ra tình trạng mất cân bằng địa chấn, gây đứt đoạn lớp địa từng dưới đáy có thể làm vỡ cấu trúc toàn con đập_ mà người gọi là các trận "ĐỘNG ĐẤT DO HỒ CHỨA_*reservoir triggerred seismicity*".

Đã có những trận động đất gây ra do hồ chứa làm chấn động dư luận thế giới. Như hồ chứa Đập Aswan High_ Ai Cập khi lấy đầy nước; thì sau đó các trận động đất M4.7_ [3/82], M4.3_ [2/83] đã xảy ra trên một vùng đất mà trước 1980 chưa hề có ghi nhận một cơn địa chấn nào. Tại Trung Quốc, gần tỉnh Quảng Đông, có con đập Tân Phong Giang / *Xinfengjian* cấu trúc giống đập Aswan đã bị một cơn địa chấn M6.1 vào năm 1961. Các trận động đất khác do hồ chứa cũng đã xảy ra với con đập Koina_ Ấn Độ M5.5_ [9/67], M6.3_[12/67] làm nứt thành đập và khiến hơn 180 người chết}.

LƯU VỰC DƯỚI SÔNG MEKONG THÌ YÊN TĨNH

Con đập lớn Pa Mong tuy chỉ mới hình thành trên dự án nơi Lưu Vực Dưới sông Mekong *[Lower Mekong Basin]*, nhưng các chuyên gia Ủy Ban Sông Mekong đã hết sức thận trọng nghiên cứu về hậu quả có thể gây động đất do dung lượng lớn của hồ chứa. Các cuộc khảo sát địa chất cũng đã phát hiện ra các đường nứt_*faults*, trong số đó có đường nứt Ban Ang *(Ban Ang fault)* chạy ngang dưới vùng xây đập Pa Mong, nhưng đó chỉ là những đường nứt cũ và không còn hoạt động / inactive. Và cho tới nay chưa có một cơn địa chấn nào ghi nhận được nơi dự trù xây đập Pa Mong.

[Tưởng cũng nên nói qua về Dự Án Đập Pa Mong, đó là con đập lớn giữa biên giới Thái Lào

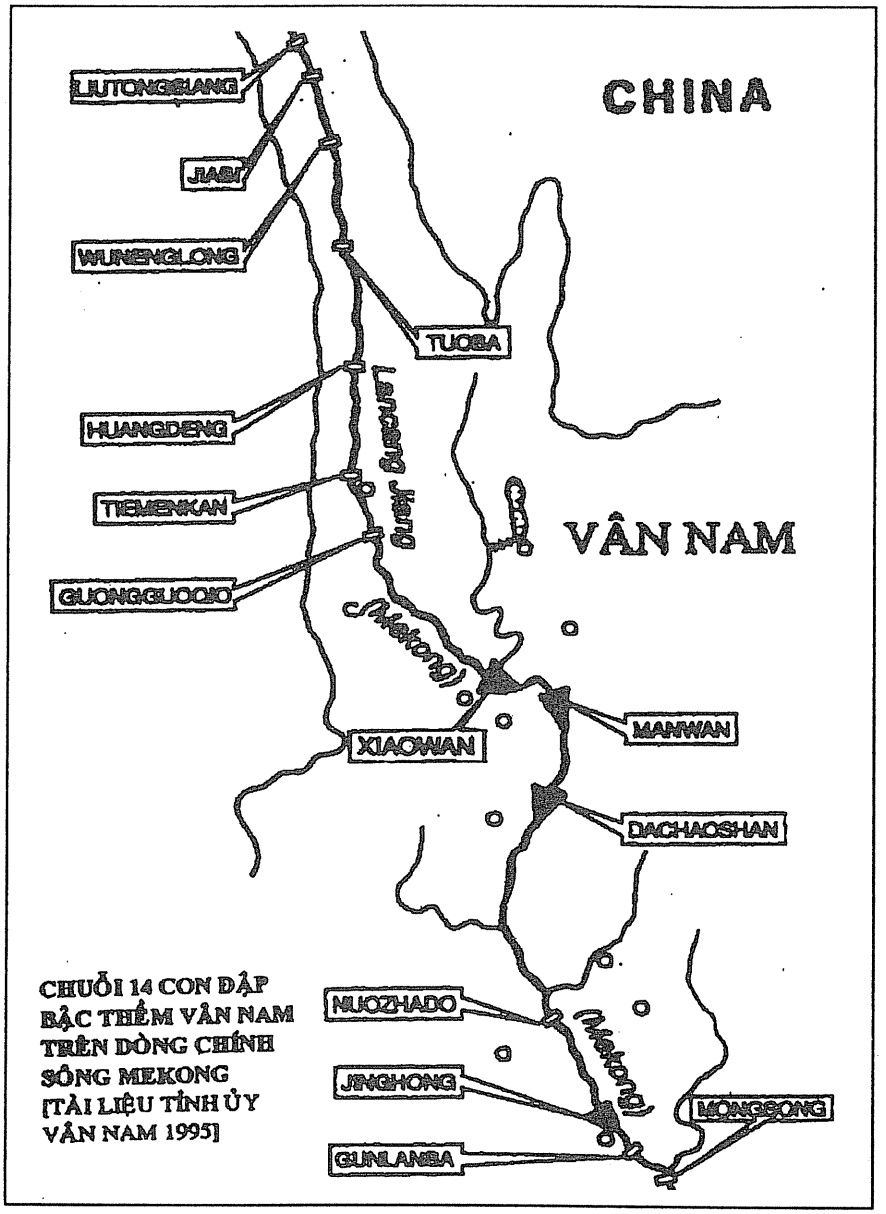

CHUỖI 14 CON ĐẬP BẬC THỀM VÂN NAM TRÊN DÒNG CHÍNH SÔNG MEKONG [TÀI LIỆU TỈNH ỦY VÂN NAM 1995]

trên dòng chính sông Mekong trong hệ thống đập nơi Lưu Vực Dưới sông Mekong với hồ chứa dài hơn 300 km sẽ dìm sâu trong đáy nước một vùng đất đai nhà cửa của khoảng 60 ngàn cư dân nhưng sẽ cung cấp nguồn điện trên 2,000 MW đồng thời cải thiện thủy lộ giao thông, tạo sức bật phát triển kinh tế cho toàn vùng đông bắc Thái Lan và Lào].

Cho dù có một số suối nước nóng nơi Lưu Vực Dưới sông Mekong nhưng hầu như đã không có hoạt động địa chấn nào trên vùng đất này. [1]

LƯU VỰC TRÊN SÔNG MEKONG THÌ XÁO ĐỘNG

Lưu Vực Trên sông Mekong *[Upper Mekong Basin]* là vùng nhiều núi lửa và rất thường xảy ra những cơn động đất, như gần rặng Arakan Bắc Miến Điện nơi có các ngọn núi lửa Pu Fai Yai và Pu Fai Noi cao hơn cao nguyên Muang Hongsawadi từ 60 - tới 90 mét. Vào năm 1990, một trận động đất M6 đã xảy ra gần nơi xây đập Xiaowan trên dòng chính Lan Thương Giang_ tên Trung Quốc của con sông Mekong.

[Con đập Mẹ Vĩ Đại Xiaowan vừa được khởi công 04/ 2001 chỉ đứng thứ hai sau con đập Tam Giáp [Three Gorges Dam] lớn nhất thế giới trên sông Dương Tử. Đập Xiaowan với công suất 4,200 MW là con đập cao nhất thế giới 292 mét tương đương với tòa nhà chọc trời cao 100 từng với dung lượng hồ chứa lên tới 15 tỉ mét khối nước lấy từ con sông Mekong, dự trù bắt đầu hoạt động từ năm 2010 và đạt toàn công suất năm 2013, sẽ cung cấp điện cho tỉnh Quảng Đông và các tỉnh cận duyên Trung Quốc].

Hiroshi Hori là một chuyên gia uy tín về sông Mekong, từng làm việc cho Liên Hiệp Quốc trong Ủy Ban Sông Mekong trụ sở ở Bangkok trong thập niên 60s (1964-1969) đặc trách Kế Hoạch Lưu Vực Sông Mekong *[Indicative Mekong River Basin Plan]*. Sau đó ông giữ chức vụ tham vấn cho Ngân hàng Phát Triển Á Châu *[ADB / Asian Development Bank]*, đại diện cho Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc *[UNDP / United ations Development Plan]* ở New York. Đồng thời ông cũng là chủ tịch Ủy Ban Nghiên Cứu Sông

Mekong của Cơ Quan Hợp Tác Quốc Tế Nhật bản *[JICA / Japan International Cooperation Agency]*. Ông cũng là tác giả của nhiều bài nghiên cứu kinh điển và các cuốn sách như "Technology Society_ Pergamon Press 1990", "Conflicts and Opportunities Concerning Development and the Environment in the Mekong Basin_ IWRA 1998".

Trong cuốn sách The Mekong: Environment and Development [United Nations University Press, Tokyo 2000]. Hiroshi Hiro đã đưa ra nhận xét:

Lưu Vực Trên Sông Mekong là vùng động đất, với những chuyển động địa chấn đáng kể nên người ta có lý do để sợ rằng động đất sẽ xảy ra khi xây những con đập nơi Lưu Vực Trên Sông Mekong. [1]

ĐẶC TÍNH ĐỘNG ĐẤT DO ĐẬP GÂY RA

Có thể phân loại các trận động đất do xây đập gây ra như sau:

- Sức nước hãm nén trong hồ chứa trên vùng động đất làm gia tăng những cơn địa chấn do thay đổi mực nước và dung lượng hồ chứa.
- Động đất vẫn xảy ra khi hồ chứa được xây trên vùng chưa có động đất trước đó.
- Động đất xảy ra sau khi hồ chứa lấy đầy nước, với nhịp độ / frequency và biên độ / magnitude gia tăng với thời gian.
- Vị trí các Tâm Địa Chấn *(seismic centres)* có thể nằm ngay trong khu hồ chứa, gần chu vi hay bên ngoài hồ chứa.

THEO DÕI PHÁT HIỆN PHÒNG TRÁNH

Khi mà động đất do hồ chứa xảy ra tại các quốc gia kém mở mang thì mức thiệt hại sẽ tăng gấp bội so với các quốc gia kỹ nghệ vì các cơ sở xây cất nhà cửa không đạt tiêu chuẩn chống động đất.

Do đó việc theo dõi phát hiện và phòng tránh động đất do hồ chứa phải là mối ưu tiên hàng đầu của các kỹ sư xây đập. Trong ngân sách xây đập phải bao gồm cả ngân khoản để trang bị mạng lưới các trạm theo dõi động đất *[network of seismological stations]*. Việc theo dõi phải liên tục trong suốt quá trình xây đập hay ít ra cũng phải được thiết kế đưa vào hoạt động trước khi bắt đầu lấy nước vào trong hồ chứa. [1]

NHỮNG KHẢO SÁT MỚI NHẤT VỀ ĐỘNG ĐẤT DO XÂY ĐẬP

Theo tiến sĩ T. Vladut thuộc nhóm Nghiên Cứu Môi Sinh Thủy Học Canada_ Hydro Environmental Research Group [1993] thì đã có hơn 2,000 bài viết về Động Đất gây ra do các con đập và hồ chứa. Khảo duyệt tất cả các công trình nghiên cứu ấy, Vladut đã đi tới kết luận:

1._ Từ thập niên 1930 [1932] người ta bắt đầu biết tới về mối liên hệ Động Đất với con đập Qued Fodda ở Algeria. Sang thập niên 1940 [1945] người ta đã lại quan tâm hơn tới mối liên hệ giữa độ sâu của hồ chứa con đập Hoover ở Mỹ với các trận động đất xảy ra sau đó.

2._ Từ năm 1932, trong số hơn 120 con đập trên thế giới người ta ghi nhận được những trận Động Đất xảy ra hoặc do nước hãm nén trong hồ chứa *(water impoundment)*, hoặc khi hồ chứa hoạt động *(reservoir operation)*.

3._ Có nhiều khả năng Động Đất xảy ra nơi con đập cao hơn 100 mét hoặc khi dung lượng hồ chứa lớn hơn 1 x 10^9 m3.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CHUỖI ĐẬP VÂN NAM

Các dự án khai thác sông Mekong của Trung Quốc đã có từ thập niên 70 trong thời kỳ còn bức màn sắt cô lập đất nước này với thế giới bên ngoài. Kể từ khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa mãi tới năm 1989 người ta chỉ mới được biết sơ qua các dự án thủy điện Vân Nam qua một cuốn sách duy nhất của *Vân Nam Nhân Dân Thư Xã* ấn bản tiếng Trung Hoa dày 608 trang nhan đề *"Lan Thương Giang: Tiểu Thái Dương"* gồm 45 bài viết về các đề tài khác nhau nhưng tựu chung là *chỉ đề cập tới những lợi lộc về thủy điện và nguồn nước của chuỗi 8 con đập bậc thềm trên sông Mekong tỉnh Vân Nam* với tổng số công suất lên tới 15,400 Megawatt tổn phí dự trù là 7.7 tỉ $US. [4]

Tuy đã có kế hoạch rất hấp dẫn khai thác sông Mekong rất sớm từ những năm 70 nhưng vì *"thiếu ngân sách"* nên mãi tới năm 1980 con đập Manwan đầu tiên cao 99 mét với bức tường thành cao 35 tầng mới được khởi công và 13 năm sau thì xây xong (1993) và ngay sau đó cảnh thiếu điện tối tăm của Vân Nam và thủ phủ Côn Minh đã trở thành quá khứ. Khi hoàn tất chuỗi đập Vân Nam này, Trung Quốc sẽ dư khả năng điện khí hóa toàn các tỉnh phía nam và phía đông cận duyên của Trung Hoa. Cuốn sách cũng đề cập tới tiềm năng sông Mekong như một thủy lộ để đi về phương nam.

Nhưng điều đáng nói là cả cuốn sách không có bài viết nào nghiên cứu về hậu quả *"có thể*

chấp nhận được hay không" của chuỗi các con đập ấy đối với 5 nước vùng hạ lưu là Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam. Như từ bao giờ Trung Quốc thì luôn luôn giấu kín nhẹm các kế hoạch chiến lược khai thác sông Mekong của họ – như một thứ bí mật quân sự. Lê Quang Minh, Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ Đồng Bằng Sông Cửu Long đã phải than thở: *"Thật khó để có được thông tin từ phía Trung Quốc. Điều ấy khiến chúng tôi thật sự lo ngại". [3]*

Bây giờ là năm 2002, tưởng cũng nên cập nhật hóa. Theo tài liệu chính thức của Tỉnh Ủy Vân Nam, thì không phải chỉ có TÁM mà con số đã lên tới MƯỜI BỐN con đập trên dòng chính khúc thượng nguồn sông Mekong chưa kể vố số những con đập phụ lưu. [1]

Tên 14 con đập theo thứ tự từ bắc xuống nam đó là 1/ Liutongsiang, 2/ Jiabi, 3/ Wunenglong, 4/ Tuoba, 5/ Huangdeng, 6/ Tiemenkan, 7/ GUONGGUOQIO, 8/ XIAOWAN_ khởi công 2001, 9/ MANWAN_ hoàn tất 1993, 10/ DAICHAOSHAN / Đại Chiếu Sơn_ khởi công 1996, 11/ NUOZHADO, 12/ JINGHONG / Cảnh Hồng_ khởi công 1998, 13/ Gunlanba, 14/ MONGSONG. [Sơ Đồ]

ĐÂU LÀ TIÊU CHUẨN CỦA CHUỖI ĐẬP VÂN NAM

_ 14 con đập và dự án đập Vân Nam nằm trong Lưu Vực Trên sông Mekong được coi là vùng địa chất không ổn định và thường có động đất. Điển hình là vào năm 1990, một trận động đất M6 đã xảy ra nơi khu vực xây con đập Mẹ Vĩ Đại Xiaowan.

_ Theo tiêu chuẩn của tiến sĩ T. Vladut có nhiều khả năng Động Đất xảy ra nơi con đập cao hơn 100 mét hoặc khi dung lượng hồ chứa lớn hơn 1 x 10^9 m3: ít nhất SÁU trong MƯỜI BỐN con đập Vân Nam hoặc có chiều cao hoặc dung lượng hồ chứa lớn hơn giới hạn an toàn của Vladut.

TÊN ĐẬP:	CHIỀU CAO / MÉT	DUNG LƯỢNG HỒ / MCM	CÔNG SUẤT / MW
Gongguoqiao	*130*	*510*	*750*
Xiaowan	*292*	*15,130*	*4,200*
Manwan	*132*	*920*	*1,500*
Dachaosan	*118*	*890*	*1,350*
Nuozhadu	*260*	*22,740*	*5,500*
Jinghong	*107*	[illegible]	*1,500*

[Tài Liệu của Wang Shui, Giám Đốc Kế Hoạch Lan Thương Giang Vân Nam] [5]

_ Liệu đã có những công trình nghiên cứu nào nghiêm chỉnh của Trung Quốc về tình trạng địa chất dọc theo con sông Lan Thương_ tên khúc sông Mekong chảy qua Trung Quốc là nơi sẽ mọc lên 14 con đập khổng lồ Vân Nam?

Có rất nhiều lý do để tin là không, bởi vì *"mỗi con đập có những đặc tính địa chất duy nhất của nó, mà để hiểu biết cho tới nơi những đặc tính ấy thì tốn rất nhiều thời gian và tổn phí lên tới nhiều triệu đôla cho những cuộc khảo sát ấy _McCulley, P."* [2] trong khi Trung Quốc không chỉ thiếu tiền mà còn vội vã đạt chỉ tiêu kế hoạch khai thác thủy điện chiến lược của họ.

Hoặc giả nếu có cái gọi là công trình nghiên cứu địa chất trên giấy tờ thì chúng ta cũng có thể biết trước rằng có *"những dữ kiện địa chất dù biết trước là bất lợi cũng sẽ bị làm ngơ hay bỏ qua"*.

Theo một nghiên cứu năm 1990 của Ngân Hàng Thế Giới *(World Bank)* thì trong số 49 dự án xây đập thủy điện, có hơn 3/4 số đập gặp phải những "vấn đề về địa chất không tiên liệu được_ *unexpected geological problems"*. Và cuộc khảo sát ấy đã đưa tới kết luận khá bi quan rằng đối với các con đập thủy điện *"nếu không gặp các vấn đề trở ngại về địa chất thì phải được coi đó như một ngoại lệ chứ không phải là sự kiện bình thường"*. [2]

_ Trước những khiếm khuyết và bất trắc ấy, liệu trên đồ án mỗi con đập Vân Nam Trung Quốc có bao gồm thiết kế mạng lưới các trạm theo dõi động đất *[network of seismological stations]* để liên tục ghi nhận các dao động địa chấn trong suốt quá trình xây đập hay ít ra cũng phải được thiết kế đưa vào hoạt động trước khi bắt đầu lấy nước vào trong mỗi hồ chứa hay không?

_ An toàn của các con đập, liệu có bao giờ là mối ưu tư của các *"Công Trình Sư Đại Hán"* khi hình thành dự án Chuỗi 14 Con Đập Bậc Thềm Vân Nam? Đã đến lúc nước lớn Trung Quốc có lương tri phải tỏ ra có trách nhiệm với chính cư dân của họ và hàng trăm triệu cư dân của các quốc gia hạ nguồn bằng cách công khai hóa những kế hoạch xây đập của họ. Đành rằng chẳng có cách nào để ngăn Trung Quốc không tiến hành giấc mơ điện khí hóa vĩ đại của họ nhưng ở một chừng mực nào đó thì những khiếm khuyết và thiếu an toàn trong mỗi dự án phải được biết tới,

theo dõi và bổ sung. Mà điều đó chỉ có được khi Trung Quốc chịu công khai hóa kế hoạch khai thác sông Mekong của họ.

Không phải là hư cấu để không nhìn thấy những hồ chứa nước khổng lồ của chuỗi đập Vân Nam có thể là thứ vũ khí môi sinh chiến lược kinh hãi mà Bắc Kinh có thể một ngày nào đó nghĩ tới sử dụng hoặc "gây đại hạn" hoặc gây ra "trận hồng thủy" có sức hủy hoại ghê gớm_ khi cần sẽ cho một nước hạ nguồn bướng bỉnh như Việt Nam *"một bài học_ lần này thì là một bài học để đời"*.

Và cũng lại không hoàn toàn là hư cấu khi nghĩ tới tình huống Trận Động Đất_ *induced earthquake* do các hồ chứa khổng lồ Vân Nam trong Lưu Vực Trên Sông Mekong. Lần này thì do sự kiêu căng, tham lam và thiển cận của Con Người đã không còn làm chủ được khoa học kỹ thuật của mình. Sức tàn phá khủng khiếp của Cơn Hồng Thủy Vỡ Đập sẽ cuốn đi bao nhiêu thành phố và bao nhiêu vạn sinh linh của Vân Nam và nơi các quốc gia hạ lưu?

Bước sang thập niên đầu của Thế Kỷ 21, chuỗi 14 Con Đập Bậc Thềm Khổng Lồ Vân Nam sẽ là *lưỡi gươm Damoclès* buộc trên sợi chỉ mành thường trực treo trên đầu trên cổ cư dân của năm quốc gia hạ nguồn là Miến Điện Thái Lan Lào Cam Bốt và Việt Nam.

Dù con đường còn lắm chông gai, nhưng việc phấn đấu để tiến tới một *"Ủy Hội Sông Mekong Mở Rộng"* bao gồm cả Trung Quốc và Miến Điện là bước tiên quyết để có một cơ quan điều hợp hữu hiệu cho toàn vùng trong kế hoạch vĩ mô *"Phát Triển Bền Vững"* nguồn tài nguyên phong phú của con sông Mekong.

04 - 02

Tham Khảo:

1/ Hiroshi Hori. The Mekong: Environment and Development. United Nations University Press, Tokyo 2000.

2/ Patrick McCully. Silenced Rivers: The Ecology and Politics of Large Dams. Zed Books, Ltd. London 1996.

3/ Shawn W. Crispin, Margot Cohen, Bertil Lintner. The mekong Choke Point. Far Eastern Economic Review, Oct 12, 2000.

4/ E.C Chapman, He Daming. Downstream Implications of China's Dams on the Lancang Jiang and their Potential Significance for Greater Regional Cooperation, Basin-Wide. Workshop Proceedings, Melbourne Oct 12, 1996.

5/ Wang Shui. The Lancang Jiang basin: Steps Towards the Realisation of Sustainable Development. Worshop Proceedings, Melbourne Oct 12, 1996.

Sách giá trị vừa xuất bản:

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT
khảo luận của *HOÀNG NGỌC TUẤN*
630 trang, giá 25 Mỹ kim

SÓNG TỪ TRƯỜNG II
tiểu luận của *THỤY KHUÊ*
267 trang, giá 12 Mỹ kim

HUYỆT TUYẾT
truyện và chuyện của *VÕ ĐÌNH*
243 trang, giá 12 Mỹ kim; ngoài nước Mỹ 14 Mk

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ 2002
P.O. Box 2301 WESTMINSTER, CA 92683 USA
Tel: (714) 934-8574 - Fax: (714) 934-8514
E-mail:vannghe@pacbell.net

Có bán tại nhà sách VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Avenue,
Westminster CA 92683 USA.

GIEO CẦU

SONG THAO

Hạnh có một nhan sắc kín đáo. Không bắt mắt, không hiển hiện, không lôi kéo. Vợ chồng tôi bước chân vào cửa tiệm không vì có Hạnh đứng cười chào mời ngay trước mắt. Thư vì một thân áo tơ tằm màu hồng tía có những hoa văn đẹp và dịu nằm ngang khúc vải được treo lơi lả trong tủ kính. Tôi vì một thân áo khác, trắng tươi có những dòng thư họa đen sẫm đổ dài từ trên xuống. Nét chữ đẹp, vững nhưng hai câu thơ mới kéo được bước chân tôi hối hả bước ngang bậc cửa đá được chùi bóng loáng. *Ta cúi xuống mênh mông là biển động / Nhặt vỏ sò xem trăng mọc trên tay*. Chữ nghĩa sao mà quyền thế! Đầu tôi như bị gõ mạnh bàng hoàng ngơ ngẩn. Tôi xăm xăm đi vào. Hạnh theo vào trong, đứng bên chiếc tủ kính thấp, mỉm cười chào khách. Nụ cười chẳng thể cản nỗi háo hức của tôi. Mắt tôi nhìn thẳng vào Hạnh, không e dè.

"Hai câu thơ này của ai vậy cô?"

Tay tôi chỉ lên vạt vải trong tủ kính.

"Cháu nghe nói là của một vị Thượng Tọa ghé chơi cửa hàng viết để lại."

"Cô có biết tên vị Thượng Tọa đó không?"

Tôi hy vọng nghe được một cái tên quen thuộc.

"Dạ không! Cháu chỉ nghe nói lại. Cũng đã có nhiều người hỏi tác giả hai câu thơ đó rồi, chú ạ!"

"Ừ! Chữ nghĩa có thần dễ làm rung động lòng người. Cô có thấy rung động khi đọc hai câu thơ đó không?"

Hạnh cười. Bây giờ tôi mới để ý đến nụ cười của Hạnh. Nó làm chun lại những nếp gấp trên sống mũi thanh thanh.

"Cháu khó rung lắm!"

Tôi phá ra cười. Bộ mặt đăm chiêu của tôi nát vụn ra. Thư giật giật cánh tay tôi nhưng miệng cũng không ngăn được nụ cười. Hạnh vẫn giữ nét cười trên khuôn mặt bầu bầu đầm thắm. Tôi chẳng hiểu Hạnh có muốn pha trò không nhưng nhìn vào đôi mắt, tôi thấy rõ vẻ nghịch ngợm. Thân hình Hạnh hơi phốp pháp. Vững vàng như vậy kể cũng hơi khó rung!

Thư muốn coi khúc vải tơ tằm. Hạnh từ tốn lấy cái sào trong góc tường móc tấm vải xuống, trải ra trên tủ kính. Xấp hàng thật đẹp. Thư đưa mắt hỏi tôi. Tôi gật đầu. Hạnh khá tinh ranh theo dõi câu chuyện ngầm của vợ chồng tôi, bắt ngay thời cơ.

"Để cháu ướm thử lên người cô nghe. Mời cô ra trước chiếc gương đứng kia."

Hạnh khéo léo vòng khúc vải trên tay, nhanh nhẹn theo tới trước gương. Chiếc áo trên người Thư đậm đà hẳn lên. Da Thư vốn trắng.

"Chú coi có đẹp không?"

Tôi nhanh nhẹn gật đầu không do dự. Hạnh nhoẻn miệng chào mời.

"Cô để cháu may lên áo cho cô nghe. Hàng vải này mà cô mặc thì đẹp cực kỳ. Xinh phải biết!"

Mặt mũi Thư nở ra. Chắc là ưng quá sức.

"Tôi chỉ còn ở đây có ba ngày nữa. Cô may có kịp không?"

"Dư sức qua cầu cô ơi! Cháu đo ni tấc bây giờ, mai cô thử, mốt lấy."

Thư băn khoăn lo ngại.

"May gấp như vậy có đẹp không đây?"

"Cháu cam đoan là đẹp hết xẩy — mặt Hạnh nghếch lên — Cô thấy áo cháu đang mặc đây không?"

Hạnh xoay người. Chiếc áo dài tím nhạt ôm gọn ghẽ thân hình đầy đặn.

"Chiếc áo này cháu may nhấp nháy trong có một buổi đấy cô!"

Tôi nhìn mái tóc đen nháy lơi lả buông xuống quá vai, cười dễ dãi.

"Thôi, may cho cô ấy đi em. Mất công cô ấy quảng cáo quá!"

Thư nói theo.

"Cô bán hàng khéo quá, tôi làm sao mà dứt ra được!"

Hạnh kéo cuốn sổ ghi số đo ra, choàng chiếc thước dây ngang cổ, còn cố chiêu hàng thêm.

"Đây là cửa hàng mỹ thuật chứ không phải tiệm may thường. Cam đoan cô sẽ vừa ý. Bây giờ cháu đo cho cô nghe. Mời cô vào trong phòng. Còn chú, mời chú lên lầu, trên đó có các cô thợ đang thêu tranh bằng tay. Cam đoan chú sẽ thích. Thích thơ thì chắc hẳn phải thích tranh!"

Những chiếc đầu đang chúi xuống khung tranh căng cứng, mải miết thêu. Nghe tiếng chân, các cô chỉ liếc mắt lên, nhếch miệng cười chào, rồi lại cúi xuống chăm chú vào đường kim. Đàn ngựa xoải vó chỗ đã đầy ắp màu nâu, chỗ còn trắng nét phác thảo. Tôi lặng lẽ cúi nhìn những đôi tay thoăn thoắt, không dám làm kinh động những mũi kim đang nhịp nhàng chọc xuống kéo lên. Bức tranh rộng bằng một mặt bàn lớn đang được lấp đầy bằng những mũi kim li ti kiên nhẫn. Chỉ đứng nhìn không mà tôi đã thấy sốt ruột. Chừng nào mới xong được một bức tranh? Tính tôi vốn ngại sự tỉ mỉ nên không chịu nổi khi nhìn những thiếu nữ thanh xuân chôn mình vào sự nhẫn nhục đến lạnh người. Tôi rảo quanh nhìn ngắm những bức tranh treo trên tường. Bức nào cũng ôm cái bảng giá bằng tiền đô Mỹ có ba bốn con số. Kể cũng xứng đáng với công lao của những người đang lặng lẽ cúi mặt trên bàn. Công lao thì tôi thấy trước mắt nhưng nghệ thuật thì tôi quả không thấy. Đó là một bức tranh thủ công đẹp. Và chỉ có thế.

Bởi vậy nên khi Hạnh mời mua tranh, tôi ấp úng lần lữa. Ra tới ngoài đường, Thư hỏi.

"Sao anh không mua cho cô ấy một bức?"

Tôi hỏi lại.

"Em thấy tranh có đẹp không?"

Tới lượt Thư ấp úng.

"Kể ra tranh thêu thì chỗ này là nhất. Nhưng chúng chỉ là tranh thêu. Có lẽ treo ở nhà mình không hợp."

Tôi nhìn xéo qua Thư.

"Rao nam rao bắc mãi rồi cũng tới kết luận là tranh không treo được."

Thư chun mũi hỏi lại tôi.

"Còn người mời mua tranh thì sao?"

Tôi ngay miệng.

"Coi bộ khá hơn à!"

Thư lên giọng.

"Em biết mà. Típ người như vậy anh luôn luôn có cảm tình. Em đi guốc trong bụng anh rồi!".

"Mấy chục năm sống với nhau rồi, em biết anh hết, từ trong ra ngoài."

Thư nhéo vào cạnh sườn tôi làm tôi nhảy xa ra tránh.

"Lại sắp nói bậy!"

"Nói bậy với vợ mà cũng cấm!"

"Không cấm nhưng không phải lúc."

Tôi ôm ngang hông vợ, xiết chặt. Thư đẩy tôi ra.

"Anh đang ở Đà Lạt đấy anh ạ. Coi chừng người ta nhìn đến rách mắt ra bây giờ. Kỳ lắm!"

Những ngày tháng cuối năm, Đà Lạt thường mát lạnh. Cái lạnh đủ làm sặc sỡ những chiếc áo len duyên dáng trên đường phố. Hơn ba chục năm tôi mới trở lại Đà Lạt, phong phanh một chiếc áo tay ngắn mỏng manh mà vẫn cảm thấy nóng. Thời tiết đã thay đổi hay tôi đã đổi thay? Hai giờ sáng, chợt thức giấc, nghe thấy những tiếng động dưới đường, ra đứng bên cửa sổ nhìn xuống phố chợ, lòng thấy bâng khuâng lạ thường. Khách sạn nhìn thẳng ra những bực cấp dẫn xuống nhà lồng chợ Hòa Bình. Bạn hàng đã lục tục ra sửa soạn bày hàng, người đi lên đi xuống tầng cấp lặng lẽ như những chiếc bóng. Tất cả nhuộm một màu ủ rũ thui thủi dưới bóng đêm vẫn chưa vội đi. Những ngọn đèn vàng cạch lờ mờ hắt thứ ánh sáng buồn nản lên những chiếc nón lá, những vòng khăn quấn đầu đang loay hoay với gánh gồng trên vỉa hè. Những tấm bạt, những chiếc ghế vứt lỏng chỏng dành chỗ trước nằm lạnh căm. Một vài người Thượng đang uể oải bày ra những khóm lan, những chiếc gùi tre, những mảnh vải dệt màu sắc núi rừng, líu ríu chỉ chỏ trò chuyện với nhau. Khí lạnh ban đêm thấm qua cửa kính xua tôi trở lại giường.

Năm giờ sáng, tiếng loa mắc trên mái nhà hát Hòa Bình hoang phế oang oang đánh thức tôi dậy với buổi phát thanh sáng của Đài Phát Thanh

Thành Phố. Giọng đọc tin tức rành rọt vô cảm vào lúc trời chưa sáng nghe thấy anh ách trong đầu. Tôi trùm mền cố dỗ giấc ngủ lại sau khi chiếc loa đã im tiếng. Giấc ngủ rời rạc khó khăn làm tôi mơ mơ tỉnh tỉnh. Tôi ậm ừ khi Thư thức giấc hỏi tôi câu gì đó. Chỉ khi Thư đi thử áo xong, trở về, lay tôi dậy, tôi mới tạm tỉnh táo. Ổ bánh mì thịt Thư dứ dứ trước mặt kéo tôi tung mền đứng dậy vào phòng rửa mặt.

Cà phê, bánh mì thịt và khuôn mặt tươi rói của Thư làm tôi thấy buổi sáng thật đẹp.

"Cô bé Hạnh có hỏi thăm chú đấy!"

Thư tinh nghịch nheo mắt chọc tôi.

"Chắc lại mời mua tranh phải không?"

"Không! Cô ấy ngạc nhiên khi em bảo anh chưa ngủ dậy."

"Sao em lại thật thà như vậy? Mất điểm của anh hết rồi!"

"Nếu nói anh dậy rồi mà không đưa em đi thì điểm còn xuống thảm hại hơn nữa."

Tôi chống chế.

"Tại vì em đi sớm quá đấy chứ."

"Chín giờ còn sớm gì nữa. Ở bên này, sáu giờ đường phố đã tấp nập người đi rồi. Ai mà đại lãn như anh. Này, tối nay em rủ Hạnh đi ăn với mình đấy."

"Áo có đẹp không mà đã lo hối lộ vậy?"

"Đẹp thì dĩ nhiên là đẹp rồi, cần gì hối lộ. Ăn thua là tại người mặc đấy chứ! — Thư vênh mặt lên — Có điều con nhỏ hiền lành dễ thương quá, thấy tội tội thế nào ấy!"

Lòng thương người của Thư được diễn tả bằng hai chữ 'tội tội' nhưng tôi hiểu đó là vẻ thật thà của Hạnh, cái dễ gây cảm tình với người khác. Buổi chiều, khi chúng tôi tới đón Hạnh, cô bé hỏi ngay.

"Chú cô đi xe gì tới vậy?"

Mắt Hạnh sáng lên với tràng cười bong bong thích thú. Khách sạn nơi chúng tôi trú ngụ với cửa hàng may nằm sát cạnh nhau.

"Chú cô nghe thấy tiếng cười phát ra ở đâu là lần mò tới đó."

Thư giỡn lại. Hạnh bưng miệng.

"Chắc cháu vô duyên lắm phải không cô?"

Thư đập vai Hạnh.

"Ừ, vô duyên lắm! Thử làm hướng dẫn viên đưa cô chú đi kiếm cái gì ăn cho có duyên coi! Mình đi đâu bây giờ? Chú cô chẳng biết nơi nào cả. Có mấy cái nhà hàng cũ ngày xưa chú cô hay tới ăn thì nay đã dẹp mất tiêu hết rồi. Bây giờ cháu dẫn đi đâu thì chú cô theo đó."

Hạnh kêu lớn.

"Chết cháu rồi! Cả đời cháu có đi ăn tiệm bao giờ đâu! Quê quá chú cô nhỉ? Để cháu hỏi cố vấn của cháu mới được."

Hạnh chạy lên lầu. Tiếng bước chân nặng nề vừa dứt, tôi nghe văng vẳng tiếng cười giỡn của cả bày con gái vọng xuống. Một lúc sau, bóng Hạnh đổ xuống cầu thang. Mặt Hạnh đỏ nhừ.

"Mấy chị ấy chọc cháu. Quỷ! Mình đi, chú cô. Cũng gần đây thôi, chắc đi bộ cũng được. Chú cô ngồi xe quen, có đi bộ được không? Hay là để cháu thuê người cõng!"

Hạnh le lưỡi, rùng mình.

"Tính cháu ưa giỡn, chú cô đừng để bụng nghe."

Tôi giả bộ lên giọng đe dọa.

"Không để bụng nhưng ghim vào trong lòng, chờ khi nào cần tính sổ thì tính!"

Nhà hàng có đám cưới, chỉ còn lại một khoảng nhỏ tiếp khách. May mà họ cũng xếp được chỗ trong một góc kẹt cho chúng tôi. Tiếng nói chuyện, tiếng hát trên loa phóng thanh ồn ào. Tôi hơi khó chịu nhưng Thư và Hạnh có vẻ thích thú. Hai cặp mắt nhìn quanh quất rồi chúi đầu vào nhau to to nhỏ nhỏ. Thỉnh thoảng lại ôm bụng cười rinh rích. Cô dâu chú rể đang đi từng bàn chào mời. Họ tới nơi bàn đàn ông, mọi người giơ ly la de lên, đồng hô vang một lượt. Dzô! Tiếng hô rập ràng dứt khoát như trong hàng quân. Sau tiếng hô, mọi người vừa liếc nhìn nhau vừa mải miết uống cạn ly của mình. Bàn đàn bà cũng giơ những ly nước ngọt lên, chụm vào nhau, hô đều. Vào! Tiếng hô thanh thanh nhưng cũng không kém khí thế.

Tôi hỏi Hạnh.

"Tại sao đàn ông thì 'dzô' mà đàn bà thì 'vào' vậy?"

Hạnh ngơ ngác.

"Cháu cũng chẳng hiểu tại sao. Nhưng bao giờ người ta cũng hô như vậy."

Thư xí xóa.

"Anh chúa rắc rối. Dzô hay vào thì cũng vậy thôi. Thắc mắc làm chi cho mệt vậy!"

Ai chẳng biết dzô hay vào thì cũng vậy, nhưng tôi vẫn quay mòng trong đầu tại sao lại có sự đàn ông đàn bà chia nhau dùng hai từ khác nhau nhưng cùng một nghĩa như vậy. Cái máu ngữ học từ hồi còn cắp sách tới trường làm mặt mũi tôi bí rị. Hạnh nhìn tôi cười.

"Coi bộ chú chưa hết thắc mắc. Đàn ông đàn bà bao giờ cũng là những chuyện rắc rối. Bỏ đi chú! Chú thời thử món mực chiên dòn này coi.

Đặc sản của nhà hàng đấy!"

Tôi gật gù nhai miếng mực ngọt lịm đậm đà. Mắt Hạnh chăm chú nhìn sang phía tôi ngồi. Tôi tưởng cô chờ nơi tôi câu suýt soa khen ngợi, nhưng không phải. Câu hỏi của Hạnh làm tôi biết mình lầm.

"Bên chú ở, tuyết đẹp lắm phải không chú?"

Sau lưng tôi là một cây Giáng Sinh đèn xanh đèn đỏ nhốn nháo chớp tắt. Những vẩy bông gòn rải rác trên cây giả làm tuyết có lẽ đã gợi thắc mắc cho Hạnh.

"Thì cũng như tuyết cháu thấy đây chứ có gì đâu!"

Hạnh xì miệng.

"Đồ giả mà chú nói giống đồ thật! Hỏi chú chán chết. Cháu hỏi cô vậy."

Hạnh quay sang Thư ngước mắt chờ đợi. Thư nhẹ giọng.

"Nhìn tuyết thì thấy đẹp nhưng sống với tuyết cực lắm. Hồi còn ở bên đây, cô cũng như cháu, nhìn những tấm hình chụp hay xem phim ảnh, thấy tuyết là mê mẩn, thả bao nhiêu là mộng đẹp, hồn bay tận đâu đâu."

Hạnh vội xen vào.

"Đúng đấy cô! Cháu thấy tuyết là như thấy sự thanh thản, nhẹ nhàng, lòng lâng lâng thích thú. Đẹp gì mà đẹp lạ đẹp lùng, cháu chỉ ước ao trong đời có được một lần tận mắt nhìn thấy tuyết."

Mặt Hạnh mơ màng như đang nhìn thấy những cánh tuyết bay lả tả trước mặt. Tôi tự nhiên muốn chọc giận cô bé nhiều tưởng tượng này.

"Muốn thấy tuyết thì bữa nào chú gửi về cho một chai!"

Hạnh hứ.

"Chú này! Làm quê cháu! Tuyết mà gửi về bằng chai!"

Thấy khuôn mặt hứ có cái hay hay, tôi chọc tiếp.

"Không chịu thì thôi. Bữa nào chú cô đi, chịu khó nằm trong va ly chú xách theo vậy."

Hạnh hứ tiếp, ưỡn người lên.

"Chú coi xem. Cháu cỡ này chú xách có nổi không? Phải không cô?"

Hạnh kéo Thư về phe. Thư chẳng bỏ lỡ dịp kê tôi.

"Ừ, chỉ sợ chú nhào, cô đỡ không nổi. Như bữa nào chú bị tuyết cho đo ván đó."

Thư cười châm biếm. Tôi đỏ mặt. Mỗi mùa đông trong cuộc đời lưu lạc của tôi hình như được đánh dấu bằng những cái té nhào. Năm vừa rồi là nặng nhất. Cú ngã quật tôi nằm ngửa choáng váng mặt mày, Thư đỡ dậy không nổi, phải nhờ tới một ông tây hộ pháp đi ngang mới nhấc cái thân xác tả tơi của tôi lên được. Hạnh to mắt hỏi.

"Tuyết đè được chú xuống đường hả cô?"

NGUYỄN VĂN THỰC

Chia Đều

Từng ngọn cây cao chia đều phép lạ,
Ngọn lá xanh mềm chia sớt Hồng Ân.
Mỗi giọt sương mai chia đều dấu lạ,
Giọt nắng ngoan hiền gồm cả uy nghi:
Một vầng dương.

Từng đàn con thơ chia đều cha mẹ,
Vài đứa anh hùng vài đứa tiểu nhân.
Một dòng thi ca chia đều xe cộ,
Vài chiếc lên trời, vài chiếc vực sâu.
A ha ha!

Và ngàn câu ca bên trời thất vọng;
Rộn ràng dóng trống bên bờ vực sâu,
Cúi chào vực sâu.
Và ngàn than van bên đời hy vọng;
Tình trần rên siết khi mùa xuân sang.
Gió ơi, cội nguồn!

Từ ngàn năm xưa chia đều số mệnh,
Người chết góc rừng, người sống hào hoa.
Rồi ngàn năm sau vuông tròn cách mệnh:
Lầu tía dăm người, ngàn nấm mộ hoang.
Thời thái bình chó sủa đêm trăng.

Địa ngục hai bên chia đều lo sợ:
Người sống trên trời, người đáy mộ sâu
Một vùng thênh thang Niết-bàn chưa rạng,
Một cõi Thiên-đàng Thần chết hào quang.
Đời khốn khó vầng trăng chờ người.

Tôi chống chế.

"Còn lâu tuyết mới đè được chú!"

"Thế tại sao chú té?"

Thư phì cười.

"Chú trượt chân té chứ sao! Cái mạng chú, tuyết nào mà đè cho nổi!"

Mắt Thư nhìn tôi giễu cợt. Hạnh ngớ mặt hỏi.

"Vậy thì có tuyết là té lạch bạch cả thành phố hay sao cô?"

Thư lắc đầu.

"Đâu có! Người ta trải sạn và muối cho đường khỏi trơn chứ. Chỉ có những người vô ý như chú mới ra nông nỗi vậy!"

Hạnh ngẩn người hỏi tiếp.

"Cô bảo trải muối lên tuyết ấy à? Sao mà họ uổng phí vậy? Muối cũng mắc chứ bộ! Tốn bao nhiêu tiền cho đủ?"

Tôi ngửi ngay được dịp may.

"Dân miền núi có khác, quí muối dữ!"

Hạnh đỏ mặt cãi.

"Cháu đâu có phải dân sanh đẻ ở Đà Lạt này đâu!"

Thư tò mò xen vào.

"Thế quê quán cháu ở đâu?"

"Ở Ban Mê Thuột cô ạ."

Thư và tôi phá ra cười. Hạnh thấy hố, cũng bẽn lẽn cười theo. Thư tội nghiệp cho Hạnh, kéo câu chuyện ra hướng khác.

"Tiền muối mà ăn thua chi! Tiền xúc tuyết đi đổ mới dễ sợ. Mỗi mùa tuyết tốn cả chục triệu đô như không!"

Hạnh rùng mình.

"Trông đẹp đẽ vậy mà tốn bộn hả cô? Lại có cái vụ xúc tuyết đi đổ, ngộ thiệt!"

"Cháu thử tính coi, tuyết ngập đầy đường phố, phủ kín mít tất cả xe cộ, không xúc thì làm sao mà sinh hoạt được."

"Rồi muốn đi xe thì sao?"

Tôi sốt ruột với những thắc mắc tưởng như không bao giờ dứt của Hạnh.

"Thì đào tuyết, lôi xe ra chứ sao!"

"Lấy gì mà đào?"

"Lấy xẻng chứ lấy gì nữa. Mùa đông, xe nào cũng phải thủ cái xẻng cho chắc ăn."

Hạnh bơ bơ.

"Vậy thì ở bên đó đi xe cũng giống như ở bên này đi làm rẫy ấy chú nhỉ?"

Thư lăn ra cười. Tai tôi rần rần máu chạy. Nhìn khuôn mặt chân chất của Hạnh, tôi chẳng biết cô bé có định trêu chọc gì tôi không. Thẫn thờ nhìn tôi và Thư, Hạnh tha thiết.

"Mặc! Cháu vẫn cứ mơ ước được thấy tuyết!"

Giấc mơ một đời của Hạnh theo Thư về tới khách sạn. Buổi tối, khi hai vợ chồng nằm dỗ giấc ngủ, Thư chia sẻ với tôi nỗi canh cánh trong lòng.

"Anh này, sao em thấy con bé Hạnh tội tội thế nào ấy. Mình giúp gì được nó không anh?"

Giấc ngủ đã mon men tới bỗng bốc đi, tôi nói cho qua.

"Em định giúp gì thì giúp, tùy theo cái hầu bao của em đó."

Thư đập vào lưng tôi.

"Anh sao giống cục đá quá! Muốn lăn tới đâu thì lăn. Đâu có phải em muốn nói chuyện tiền bạc với anh đâu. Giúp là giúp con bé đạt được giấc mơ thấy tuyết của nó ấy chứ!"

Tôi bỗng tỉnh ngủ. Thư đã đi xa hơn tôi tưởng. Ừ, sao không thể nghĩ cách đưa Hạnh đi? Chẳng phải chỉ vì tuyết! Đầu óc tôi mới đang dò dẫm tới đó thì Thư đã lại bước xa tới đâu không biết. Nàng càu nhàu một mình.

"Tức thật! Điểm qua lũ con cháu mình, mấy đứa con cháu bạn bè thân sơ, té ra chẳng còn đứa nào đang ở không cả."

Tôi nhổm người dậy.

"Em tính chuyện gì vậy?"

"Thì coi xem có đứa nào làm mai được cho con nhỏ này không. Anh thấy cô bé Hạnh này có được không?"

Tôi nhìn Thư cười thầm.

"Được quá đi chứ! Mà em định làm bà mai thật đấy à?"

"Mai gì được mà mai. Tính sơ một vòng, thằng thì đã vợ con, thằng thì bồ bịch cả đống. Tức muốn chết được!"

Tôi không ngờ Thư lại kết cô bé này đến như vậy. Ngẫm nghĩ một hồi, tôi thấy Thư cũng có lý. Chỉ quen biết mới có một ngày rưỡi mà cô bé hiền thục và duyên dáng này đã cho tôi có cảm tưởng như đã thân thiết từ lâu. Tôi ừm ờ.

"Gì chứ chuyện kiếm được một người muốn ra tay dắt cô bé Hạnh này đi thì dễ ợt."

Thư tròn mắt.

"Anh làm như ngon lắm!"

Tôi nằm im không nói. Mất thiêng đi. Nhưng trong đầu tôi đã có cách.

Các bạn trẻ đang coi truyện này, nếu đọc tới đây mà thấy lòng rung động với cô cháu hờ của tôi, xin liên lạc gấp với tôi. Ưu tiên cho những bạn đang định cư tại những vùng có tuyết!

4 / 2002

NGƯỜI ĐIÊN TRƯỚC CỔNG TRỜI

HOÀNG NGỌC LỄ

(Viết theo một chuyện kể có thật)

Mụ Quế mang trong người cái tật bệnh lẩm bẩm một mình từ lúc nào không biết. Mụ cứ lẩm bẩm: "Mẹ cha nó, chẳng còn cái gì để thương, để tiếc! Chúng phá hết rồi! Toàn là quân khốn nạn! Cổng trời, nó cũng khiêng đâu mất!"

- Trả chồng tao đây! Trả bày chim tao đây! Cổng trời đâu mất rồi!

Những người bạn hàng ở cổng biên giới bàn tán với nhau:

- Mụ đi tìm ai tại cái nơi hẻo lánh này thế nhỉ!

Có người quen biết mụ trả lời:

- Mụ đi tìm chồng đấy!

Người khác thì bảo:

- Không đâu, mụ đi tìm chim. Bầy chim trời của mụ bay mất rồi!

- Phải mà! Chồng mụ bị mất tích từ khi quân Trung Quốc sang tấn công.

Người khác lại thêm vào:

- Mụ tìm cả cái cổng trời đấy! Cái cổng trời của mụ là cái cổng biên giới đấy! Mất mẹ nó rồi còn đâu mà đòi! Chúng đem dâng cho quan thày hết rồi! Muốn đòi thì sang mãi bên Trung Quốc mà đòi! Đứng đây gào thì cho cóc nó nghe à! Lằng nhằng nó lại nã sang mấy trái, có mà chết oan cả lũ!

Mụ cứ đi như thế! Có lúc tỉnh, có lúc mơ. Tỉnh táo thì trầm ngâm tư lự, mê sảng thì nói cười, lẩm bẩm. Cái lúc mà mấy người lính Trung Quốc chưa biết gì về mụ, còn dễ dãi, thông cảm cho mụ đến tận thành cầu mà chửi nhưng sau họ biết, họ cấm mụ sang thế là mụ cứ đứng ở cái đồn bót biên giới mới mà chỏ mõm sang phía bên TQ mà chửi, mà đòi. Chửi chán một hồi rồi lại về nhà. Chẳng ai quan tâm vì đã quá quen.

Nhà mụ chỉ cách biên giới chừng vài cây số. Lúc tỉnh táo thì mụ đạp xe đạp, không tỉnh thì mụ đi bộ. Đôi khi gặp người quen thì mụ xin đi nhờ. Chẳng có mấy ngày người ta không thấy mụ ở cái vùng biên giới này. Ấy vậy mà ngày nào vắng mụ thì những người lính biên phòng và những bạn hàng lại thấy vắng, thấy nhớ.

Khi tỉnh, mụ rất hiền lành dễ thương, nói chuyện lưu loát và có duyên lắm! Mụ thích nói về cây cỏ, chim rừng. Nhìn mụ lúc ấy không ai dám bảo là mụ hấp. Ấy vậy khi cơn hấp của mụ nổi lên thì ghê gớm lắm! Chẳng kiêng nể ai hết. Mà cái hấp của mụ nó kỳ lắm! Cứ khi nào gặp cán bộ, đảng viên thì cơn hấp mới nổi lên. Đối diện với cán bộ càng lớn, càng cao chức phận thì cơn hấp của mụ càng dữ, như là có duyên tiền kiếp với nhau vậy.

Chồng mụ chẳng bộ đội, lính tráng gì hết mà mất tích mới tức chứ! Vợ chồng đang ở coi hợp tác xã nông nghiệp thì bị quân lính Trung Quốc tràn qua tấn công. Vì anh chồng là thủ trưởng nông trường, lại thương cây, tiếc cỏ, yêu mến đàn chim rừng mới ấp nên nấn ná không kịp chạy, để rồi bị bắt. Sống chết từ ngày ấy đến nay không ai biết. Vì thế mà mụ ngày nào cũng qua đồn biên giới tìm chồng, tìm chim. Nhiều người quen biết mụ, vẫn thường kháo với nhau: "Vợ chồng mụ dỏm thật! Trong lúc người ta bắt chim, phá rừng lấy gỗ thì vợ chồng mụ lại ươm cây trồng rừng, nuôi chim gây giống. Đúng là cái loại hấp lìm! Người ta phá thì mình cũng phá. Thế có đề huề không! Cả nước người ta phá, mình ngăn cấm được đâu! Dãy Trường sơn còn bị ủi nhẵn, lấy cây, lấy cột về xây nhà, xây dinh rồi thừa đem bán. Hãy cứ tới cái làng mộc Đồng Kỵ ở Bắc Ninh mà coi. Gỗ, ván ối ra đó, chất đầy cả sân vận động. Hết xe quân đội, đến xe cơ quan này, cơ quan nọ ùn ùn chở tới. Không phải quan cách thì thằng chó nào vào đây được! Có mà tù mọt gông! Vợ chồng mụ chỉ là công cốc, công dã tràng!"

*

Từ ngày chồng mất tích, mụ vẫn bám đất, bám nông trường cho tới khi nông trường bị giải thể. Mụ xoay sang nuôi chim, lúc đầu thì chim chóc còn nhiều nên mụ bám lấy nghề nuôi chim mướn cũng sống qua ngày. Lâu dần cây rừng bị đốn phá khắp nơi, nguồn chim rừng kiệt cạn nên chẳng còn ai bắt chim về cho mụ nuôi.

Mụ mát tay lắm! Con buôn mua chim từ thợ săn phải qua tay mụ nuôi dưỡng một thời gian để

chim quen và lại sức sau đó con buôn mới tới lấy đem đi bán qua biên giới. Chim dù có mệt mỏi ủ rũ tới đâu, qua tay mụ vài ngày lại cất tiếng hót líu lo vang trời.

Những ngày nuôi chim rừng, có nguồn vui lại có đồng ra đồng vào nên mụ cũng đỡ thương nhớ chồng nhưng từ ngày nguồn chim rừng cạn kiệt, mụ chẳng còn việc làm. Đất đai thì bị hợp tác xã lấy hết rồi, đất vườn thì bị hàng xóm lấn chiếm, nay một tí, mai một ít rồi cũng bị thu nhỏ lại. Chẳng có thể trồng trọt gì hết. "Mẹ kiếp! Sống trong cái thiên đường xã hội chủ nghĩa này, người ta đối với nhau như thú. Chẳng còn tình người. Hở ra là đớp, hở ra là lấn chiếm." Mụ vẫn cứ thường than như thế! Chẳng có việc gì làm, ai nhờ gì làm nấy. Cuộc sống khó khăn quá, phần nhớ chim, thương chồng nên mụ đâm ra lẩn thẩn. Rồi mụ cứ chửi đổng:

- Mẹ cha chúng nó! Toàn quân độc ác, gian tà. Lấy của người làm của mình. Lớn ăn cắp lớn, nhỏ ăn cắp nhỏ, cỏ cây chim rừng đâu hết rồi! Chúng lấy của tao hết rồi! Trả lại cho tao mau đi!

Những lúc lẩn thẩn như vậy, mụ cứ ra trước cổng các cơ quan mà đòi chồng đòi chim. Nhiều người còn nói: "Lẩn thẩn cái cứt ấy! Lẩn thẩn mà biết lý sự!"

Mà mụ lý sự thật! Những tay cán bộ gặp mụ là tránh xa không thì thế nào cũng bị mụ chửi. Một hôm đi ngang qua bãi đất trống nhà lão chủ tịch, chất đầy gỗ quý, mụ nổi tam bành:

- Mày trả lại chim cho tao! Rừng mày phá thế này thì chim tao đi hết chứ gì? Gỗ ván mày đem về xây mồ cha mả mẹ mày sao mà lắm thế! Gỗ ván này là của tao. Chúng mày ăn cắp của tao.

Mụ cứ đứng đấy chửi một hồi, mệt rồi mụ đi. Lão chủ tịch biết mụ không phải là tay vừa nhưng hâm hấp nên cũng phải nén nhịn làm ngơ.

Người ta đã bắt mụ đi làm kiểm điểm, kiểm thảo gì đó mấy lần trên công an nhưng ai lại nỡ bắt một người điên. Nhưng nhiều người lại cứ bảo: "Điên gì cái mụ ấy!" Nhiều tay cán bộ cay cú quá nhưng mụ đâu có chỉ trích đả phá gì đảng và nhà nước đâu. Mụ chỉ chửi những kẻ phá rừng và đòi chồng, đòi chim thôi!

*

Mà mụ thích chim thật! Có một hôm phố chợ Đồng Đăng có phiên diễn. Lợi dụng lúc chuyển màn, mụ nhảy đại lên sân khấu hát:

Có ai gỡ được mái nhà
Cho đàn chim sẻ bớt tha buồn về.

Hát xong mụ cười nức nẻ:

- Bà con ơi! Có ai biết bầy chim sẻ của tôi đâu không? Nó bay hết về phương nam rồi! Ha ! Ha ! Ha! Ta tìm phương bắc, chim lại về phương nam.

Mụ chỉ xuống khán đài, nơi có những tay cán bộ đảng viên đang thao láo nhìn mụ ngạc nhiên chưa kịp phản ứng, mụ lại chửi tiếp:

- Đấy mấy thằng mặt dầy này đấy! Chúng phá rừng, phá rẫy ăn cắp gỗ làm nhà làm cửa, đóng bàn, đóng ghế. Chúng chất ối ra sân bóng đấy! Kìa ra sân bóng Đồng Đăng mà coi kìa!

- Kéo nó xuống! Con mẹ điên nói xằng!

Có tiếng quát nhưng chẳng thấy ai lên khán đài kéo mụ xuống. Một chuỗi cười dòn tan đến rợn người rồi mụ chợt biến trong đám đông.

- Mẹ kiếp điên gì mà biết diễn cả thơ của Hoàng Cầm!

Có người trong đám đông :

- Nếu mà vợ chồng mụ cũng biết ăn gian nói dối, làm ít báo cáo nhiều, biết ăn cắp cây rừng như những cán bộ, đảng viên khác thì họ đâu có bị thanh trừng rồi bị hạ tầng công tác về cái hợp tác xã khỉ ho cò gáy biên phòng này mà than với vãn. «Đúng là đồ nỡm!».

Mỗi lần bị bắt mụ lại xé quần xé áo nên các quan cứ giả điếc làm ngơ tha cho mụ về. Được thể mỗi ngày, mụ lại tỏ ra liều lĩnh hơn.

*

Bây giờ thì mặt trận của mụ không chỉ quanh quẩn ở cái thị xã Đồng Đăng này để đòi chồng đòi chim nữa mà leo thang lên tới cổng trời biên giới. Bây giờ mụ mới để ý, cái cổng hữu nghị nó đã biến đâu mất rồi. Mụ bù lu bù loa, than khóc, chửi rủa. Thế là cuộc tranh đấu của mụ leo thang sang mặt trận mới. Mụ cất cao giọng thánh thót những lời nguyền rủa:

Hữu nghị năm xưa đã đâu rồi
Cầu đầu biên giới,cắt phân đôi
Thông thương đi lại giữa hai nước
Nay mất đâu rồi, khóc thương ôi!

Sao mày ngu quá dâng cho nó
Đại Hán gian tham xâm lấn hoài
Mày ngu, ngu quá đem dâng nó
Tội ấy tày trời, tao xé thây!
Hà ! Hà ! Hà ! Trảm !

Rồi một chuỗi cười khanh khách man dại nổi lên. Lại có tiếng người chen vào hòa lẫn với tiếng vỗ tay.

- Điên gì mà điên! Điên mà biết ngâm thơ,

biết làm thơ?

- Mà mụ ấy hát đúng đấy chứ! Đối với dân thì chúng hoạch hoẹ, lấn chiếm từng tấc đất, từng căn mồ, căn mả của người ta. Còn đối với giặc thì khi không cắt đất mất cả chục cây số chiều sâu như vậy dâng cho nó. Hỏi ai mà không đau lòng, không thương tiếc chứ ! Là người yêu nước ai chẳng bực tức mà hóa điên. Kẻ điên còn đau huống chi kẻ tỉnh. Chỉ có kẻ phản quốc mới cam tâm làm thế được thôi !

Còn mấy người lính biên phòng thấy mụ hát thế cũng chỉ biết nhe răng cười thông cảm.

*

Nếu hôm ấy không có phái đoàn trung ương ra quan sát đồn biên giới thì mụ đã không bị bắt. «Mụ dại dột thật! Nhè trung ương mà... mó thì tù rục xương.» Nhiều người bảo thế.

- Ai đời nhè ngay mấy cái thằng bán đất, bán nước mà chửi thì nó cho đi hấp là đúng rồi!

Có người khác lại bảo:

- Hấp gì mụ ấy! Hấp mà còn biết phân biệt thằng lớn, thằng bé. Tại sao lại không làm thơ, làm vè chửi mấy thằng lính gác ở cái đồn bốt này mà lại toàn chửi những thằng mặt to, tai lớn?

Mà đúng là mụ hấp thật! Phải là cái hấp nặng lắm, mụ mới dám cả gan hát như thế trước mặt các quan trung ương. Đã vậy, mụ vừa hát, vừa vỗ mông đùm đụp mới ác chứ !

Thằng nào cắt đất cha ông
Dâng quân Đại Hán liếm mông tao này!
(Đùm đụp ! Đùm đụp !)
Chúng mày lũ quân ăn mày
Vô tài bất tướng, quan thày tâng công!
Mẹ cha cái lũ lông bông
Độc tài, độc đoán làm không ra gì
Nhẫn dân thì chúng mày đì
Quan thày dâng đất được gì mà cam
Mẹ cha cái lũ gian tham
Của dân ăn hết còn toan làm liều
Thằng hèn, đứa mập, thằng kiêu
Toàn lũ ăn hại nói điêu làm liều!
Ha! Ha! Ha! Chém!

- Bầy chim của tao đâu rồi! Chồng tao đâu rồi! Cổng trời chúng mày để ở đâu! Trả lại cho tao đi !

Một tràng cười khanh khách nổi lên, pha trộn những tiếng vỗ tay inh trời rồi những tiếng quát tháo, tiếng súng lên đạn lách cách, pha trộn tiếng kêu la. Trong đoàn người nhốn nháo, một người đàn bà bị còng tay ngoặc đằng sau, mặt bị bịt kín, cố ra sức dãy dụa nhưng vẫn bị mấy người lính đẩy lên xe.

- Chúng mày đưa tao đi tìm chim hả! Ô chồng tao đâu rồi! Cổng trời đã sắp đến rồi! Ha! Ha! Ha!

Những người bạn hàng nghe tiếng mụ gào thét, nghẹn ngào nhìn theo chiếc xe đang chạy, bụi khói ngợp trời. Những người lính biên phòng, đưa mắt nhìn qua biên giới, hình như họ đang suy nghĩ điều gì đó lung lắm!

*

Cái thị trấn Đồng Đăng bấy nay không còn bóng dáng mụ điên ca hát. Người thì bảo mụ ta bị bắn chết rồi! Kẻ thì bảo mụ ta đang bị lưu đầy đâu đó! Rồi nhiều người lại bảo: «Giả điên thì có! Bán cái điên của mụ ấy mà ăn! »

- Đúng là rồ dại! Ai lại đi đòi cái cổng trời!

Vắng mụ điên, người ta cũng thấy nhớ và thương thay cho mụ vẫn chưa đòi lại được cái cổng trời và tìm lại được chồng chị cùng đàn chim đã xuôi về nam.

Cửa biên giới vẫn mở, bạn hàng vẫn qua lại buôn bán nhưng cái cổng trời của mụ điên nó vẫn nằm sâu, nằm sâu tút sâu trong lãnh thổ Trung Quốc.

PHẠM VŨ

Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm

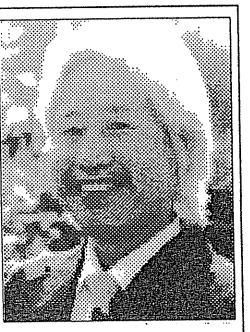

Tel: (714) 839-5227

CD và CASSETTE đã phát hành:

1. **Tình Yêu Đã Chết**
2. **Mộng Du**
3. **Tin Nhạn**
4. **Sầu Mộng I**
5. **Sầu Mộng II**

Nhân hòa âm cho ca và dàn nhạc

Nhạc và lời hòa âm: **PHẠM VŨ**

Với các giọng ca: **Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Marcel và Hà Thanh**

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227

MỘT ĐÁM CƯỚI NGÀY ẤY

TRẦN TRI CHI

Tôi gặp lại Viễn ngay những ngày đầu trong trại tù cải tạo. Từ đó hầu như ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau. Hoặc chí ít thì trong tuần cũng vài lần trò chuyện. Cũng chẳng hiểu tại sao chúng tôi trở nên thân thiết với nhau như vậy. Vì so với nhiều bạn bè cũ hiện cũng ở trong này thì Viễn là người tôi biết ít nhất. Anh không phải là bạn của tôi ngày trước. Một, là chúng tôi không cùng trang lứa với nhau. Hai, là thời gian quen biết nhau quá ngắn. Tất cả chỉ gồm chín tuần ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và vào khoảng ba tuần nữa ở Trường Bộ Binh Thủ Đức. Sau đó Viễn được bốc về Không quân, chờ học khoá sĩ quan phi công trực thăng. Rồi mỗi người một ngả, cho đến nay cùng nhau gặp lại trong tù.

Vậy là tình bạn cũng như sự tin cẩn giữa anh với tôi mới được gắn bó từ trong này. Rồi từng ngày, dần dần tôi biết thêm về đời anh.

Cuối tháng tư năm 75, trước sự tiến công cương quyết của quân đội miền Bắc, không khí chính trị tại Sài Gòn sôi lên sùng sục, quay như con thò lò. Tất cả rối tinh lên. Nhiều lúc lại ì ạch, lẫn lộn, nhiêu khê hình thức nào là hợp hiến với hợp pháp. Trong lúc giới chóp bu miền Nam đang ra sức diễn tuồng trên sân khấu; thì các mũi tiến công của Bắc quân vẫn ráo riết siết chặt Thủ đô lại từng giờ. Rồi nhiều chuyến di tản người Việt được chính giới chức Mỹ thực hiện, đẩy bùng lên làn sóng dao động. Người ta hoảng hốt tìm đường ra đi. Người người ngược xuôi nghe ngóng tin tức, tìm bắt mối lái. Giữa cơn lốc xoáy, Viễn chẳng lưỡng lự gì và trở thành người bình thản trước đám bạn đồng ngũ tất bật, lo âu.

Trưa 30 tháng tư, Viễn từ đơn vị trở về nhà cha mẹ. Không còn ai. Nhìn đồ vật khắp nhà. Anh hiểu. Anh đôn đáo tìm kiếm khắp nơi. Không tăm hơi. Anh chạy tới những nơi quen biết. Không tin tức. Chẳng ai dư thì giờ để bận tâm tới nỗi hụt hẫng của anh. Nhà nào cũng có quá đủ những âu lo riêng tư của họ. Lẻ loi, anh lang thang khắp nơi trong thành phố.

Trên đường Trương Minh Ký, từ hướng Lăng Cha Cả, một đoàn xe vận tải chở đầy lính miền Bắc có kéo theo nhiều khẩu trọng pháo đổ về trung tâm thành phố. Dân chúng hai bên đường lộ vẻ e ngại, ngơ ngác nhìn. Một vài tên cò mồi thúc dục :

- Hoan hô đi! Hoan hô. . . Hoan hô chiến sĩ Giải Phóng Miền Nam!

Đáp lại chúng, lác đác vài người sợ hãi, ngại

ngùng vỗ tay theo.

Có đường vắng ngắt, xác một người lính miền Nam co quắp sát chân tường. Nhiều đường lại đầy người. Lẫn vào với thường dân, những binh sĩ miền Nam đã trút bỏ khí giới và quân phục, chỉ độc có bộ đồ lót trên người. Lề đường ngổn ngang mũ sắt, đạn dược, quần áo rằn ri và giầy lính. Từ cửa sổ dăm căn nhà, không biết ai đã sửa soạn từ bao giờ, thò ra lá cờ Mặt Trận Giải Phóng mầu xanh đỏ với ngôi sao vàng.

Bọn theo đóm ăn tàn "30 tháng 4" lẹ tay chớp thời cơ. Chúng quấn vội miếng vải đỏ, lổn nhổn trên nhiều chiếc xe hơi đủ mọi loại. Tên lái xe xả tốc lực chạy vòng quanh khắp phố. Bọn có súng ngồi đằng sau thỉnh thoảng lại quạt một băng đạn lên trời.

Nhiều cửa tiệm vắng chủ bị đập phá. Từng đoàn nhào vào, ì ì khiêng đồ mang ra. Một cô gái thất sắc, nhìn vọng sang bên kia đường. Một tiệm bán đồ ngoại quốc lớn, cửa kéo bằng sắt bị phá cong. Bọn hôi của ngang nhiên bồng bế, khiêng vác nào là tủ lạnh, ti vi, máy hát... chất lên xe. Cô gái vẫn đứng rịt bên này đường, mếu máo.

Có lẽ nhận ra được nét quen quen nơi cô gái, Viễn e dè lên tiếng gọi

- Hoàng Cung!

Tiếng gọi không thoát ra khỏi miệng. Viễn nhíu mày, cố nhớ lại bóng dáng cô bạn học năm xưa. Hơi lộ vẻ ngờ ngợ lẫn một chút bàng hoàng, Viễn thì thầm trong miệng đủ cho mình nghe :

- Đúng rồi...

Hình như Viễn có hơi rùng mình. Hình như thể xác có chao đi. Có một luồng điện chạy suốt khắp cơ thể. Máu dồn lên ứ lại trong tim. Miệng há hốc. Mắt lạc thần. Đầu tê tê. Đây rồi... Đây rồi! Viễn thì thầm cái gì trong miệng. Mà không phải. Miệng Viễn vẫn há hốc, cứng đơ. Anh lịm dần trước người con gái đang chập chờn, chao đảo.

Hoàng Cung không nghe thấy tiếng gọi. Làm sao cô nghe thấy được. Nó nhỏ quá. Nó hình như không có. Nhưng cô cảm thấy có cái gì gai gai ngay bên gáy. Cô quay lại. Sững sờ giây lát. Cô gọi to, giọng có hơi uất ức vì cảnh ngộ lẻ loi trước sự ngang nhiên của bọn cướp:

- Anh Viễn phải không? . . .

Nghe tiếng gọi. Viễn chợt tỉnh lại, vừa kịp để đứng vững, đón ôm toàn thân người con gái nhào tới, gục trên ngực mình. Cô khóc. Không phải vì xúc động được gặp lại người bạn xưa. Cô khóc cho chính cô. Khóc giữa cơn hoảng loạn lúc bấy giờ. Hai người cứ đứng trơ ra như vậy mãi. Giữa phố. Như xung quanh chẳng có ai...

*

Viễn và Hoàng Cung, ngày xưa, cùng học một trường. Trung học tư thục Ngô Đình Khôi ở Phan Thiết, một trường tư thục bề thế, ngang ngửa với Trung học công lập của thị xã. Học sinh nhà trường cũng phải mặc đồng phục như trường công. Hai đứa lại còn học chung lớp đệ nhị trong năm chót

oàng Cung, Bích Khuê và Phương Lan cùng học một lớp và ngồi riêng hẳn một bàn. Các cô họp thành một bộ ba luôn luôn dính chùm, trong trường cũng như ở ngoài phố. Ông trời, nếu có, thì cũng không phải là một đấng công tâm như người ta vẫn cố tin. Ông cho các cô được hưởng nhiều về phần sắc. Ông lại còn thiên vị, đặt để cuộc đời của cả ba vào những gia đình giầu sang ở Phan Thiết thời bấy giờ. Đã đẹp lại dư tiền để vỗ đắp, nhan sắc ba cô nữ sinh trường Ngô Đình Khôi trong những năm đó chẳng ai còn sánh kịp. Tiếng tăm lan tới cả các trường khác trong tỉnh lỵ.

Dĩ nhiên quý bạn đọc cũng như tôi, khi được nghe Viễn kể đến đây, chúng ta đều đã thoảng thấy phảng phất một chút hương vị ngọt ngào của tuổi mới lớn. Thì hẳn cậu học trò Nồng Chí Viễn đã si tình cô bạn cùng lớp đệ nhị là Lê Hoàng Cung. Viễn không phủ nhận điều đó. Nhưng để xác định dấu vết khởi đầu của mối tình thì anh không rõ tự hồi nào.

Có nhẽ bắt đầu từ đôi mắt. Có một lần đôi mắt tình cờ gặp nhau, rồi cả hai cùng luống cuống cố tránh ánh mắt của nhau. Từ đó lòng anh rạo rực cho dù bóng dáng Hoàng Cung còn mãi tít từ đằng xa. Ở trường anh không còn đùa giỡn ồn ào và mạnh bạo với chúng bạn như trước nữa. Anh ăn mặc gọn ghẽ hơn, có một chút chải chuốt hơn. Và anh chú ý tới một điều chưa bao giờ anh bận tâm: hoàn cảnh túng thiếu của gia đình anh bấy giờ.

Rồi lại một lần cũng bắt đầu từ đôi mắt. Anh đứng một mình dưới bóng mát của một tàng cây lớn trong sân trường, dõi mắt tìm kiếm bóng dáng quen thuộc. Hoàng Cung và hai cô bạn từ cuối sân đi tới. Hoàng Cung tươi tắn, nói cười. Hoàng Cung tung tăng trong nắng vàng. Họ đi lẫn cùng với nhiều nữ sinh khác. . . Tà áo trắng của các nữ sinh trở thành một nền trắng xóa. Hai cô bạn của Hoàng Cung chìm trong cái mảng trắng đó. Rồi

cái nền trắng xóa nhòa hẳn đi. Chỉ còn một Hoàng Cung tung tăng. Tà áo nàng bay lượn trong nắng. Áo nàng là nắng. Hoàng Cung tan trong nắng. Anh lóa mắt chăng?. . . Nhưng rồi sao từ nắng vàng lại có một tà áo trắng đang bay? Tà áo quấn quít cùng đôi chân. Hoàng Cung lại từ trong nắng vàng đi tới. Nàng vẫn tung tăng, tươi tắn, nói cười.

Giây phút lãng đãng, xuất thần ấy chỉ đến với anh một lần trong đời. Nhưng ánh mắt gặp nhau của lần đầu vô tình trước đó, vẫn mãi mãi theo anh suốt đời. Đêm đêm sao sáng trên trời như ngàn vạn con mắt đong đưa, đong đưa, xen kẽ trong những giấc mơ của anh.

Phải đến năm đệ nhị, hai đứa chung lớp, Hoàng Cung mới cảm nhận được mối tình của anh. Trong lớp tâm trí Viễn chia làm ba. Một phần nghe lời thầy giảng. Hai phần kia để cả vào Hoàng Cung. Bù lại, về nhà anh chăm chỉ hơn trước. Vì thế anh vẫn là người trả lời được hầu hết những câu hỏi khó của các giáo sư. Anh cố học không phải cho anh. Cũng chẳng phải vì thương xót bố mẹ nghèo túng. Anh chăm vì anh sợ. Anh sợ Hoàng Cung nghĩ anh là một học sinh tầm thường, không sáng trí.

Sung sướng nhất là những lần được gọi lên bảng, để giải một bài toán mà Hoàng Cung vẫn còn đang loay hoay mãi ở trên ấy. Những lúc ấy anh cố phớt tỉnh, tạo cho bằng được cái dáng dấp của những nhà thông thái bẩm sinh, chẳng màng chi tới nhan sắc cô em đứng bên cạnh. Một nhan sắc mọi người đều ngưỡng mộ là hoa khôi trong trường từ nhiều năm nay.

Là một học sinh giỏi, Viễn có nhiều vinh dự. Anh được bạn bè nể vì và quí mến. Đó cũng là một chút vỗ về, an ủi cho cậu học trò con nhà nghèo. Và đốm sáng hy vọng nơi anh vẫn long lanh như mắt ai trên nền trời sao sáng.

Trong số những người mến anh, có Hoàng Cung. Nhưng tình cảm của Hoàng Cung với Viễn khác những người khác. Hoàng Cung đẹp và biết là mình đẹp nhất trường. Chính từ địa vị hoa khôi trong trường, nàng có được rất nhiều bài học nho nhỏ. Dĩ nhiên các bài học này đều nằm ngoài khung cửa của lớp học. Và những bài học dễ thương đó đã giúp nàng hiểu đời hơn. Nàng phán đoán chính xác hơn. Nàng biết tỏng là đã có nhiều tay chết mê chết mệt vì nàng. Không phải chỉ có trong lớp này, mà còn từ những lớp khác. Lại còn nhiều cậu be bé lớp dưới nữa, cũng cố làm con kiến mà leo cành soan. Mà không phải chỉ có bạn học mà thôi đâu. . . Hoàng Cung vẫn giấu kỹ những ý nghĩ thầm kín này cho riêng mình, với nụ cười mãn nguyện.

Cái anh chàng Viễn chỉ là một con nai tơ. Hoàng Cung một lần mỉm cười nghĩ thế. Nhận định đó có được bằng cả trực giác lẫn kinh nghiệm của nàng. Thì cái lần nàng đưa cục phấn cho anh chàng đó. Nguyên cái mặt nạ phớt tỉnh to tổ bố rớt huych xuống. Bộ mặt với vài mụn trứng cá đỏ ké lên. Còn luống cuống đụng vào tay nàng nữa chứ. Đã luống cuống lại càng luống cuống thêm. Không nhịn được, nàng đã cười mủm mỉm. Trông hắn thật tội nghiệp!

- Lúc đó tớ chỉ muốn độn thổ thôi - Khi kể đến chỗ này, Viễn ngượng ngùng nói với tôi - Lại còn cười nữa! Thật là giết người ta.

Hồi đó Viễn cũng biết Hoàng Cung có cảm tình với anh. Nhưng bằng những tín hiệu khác. Cái ý nghĩ của Hoàng Cung về anh hồi đó, anh mới biết đây thôi.

- Chết thật! - Viễn tiếp tục - Không biết hồi đó nàng có cười mình cho mấy cô bạn Bich Khuê với Phương Lan biết không. Để khi nào về, tớ phải hỏi lại mới được.

Rồi như vẫn còn ngượng, Viễn đổi hướng :

- Hồi xưa tớ học giỏi lắm!

Để làm giảm bớt ý nghĩa câu vừa nói, anh nhũn nhặn hơn :

- Giỏi là nói vậy thôi. Nếu giỏi thật, tớ đã đỗ vào đệ thất trường công! Mà thủa nhỏ tớ có nhiều ý tưởng lạ lắm. Đến bây giờ nghĩ lại vẫn thấy không sai. Hồi đệ nhất cấp tớ bị ông thầy Quốc văn quật cho một trận mê tơi. Tội hỗn; vì đã muốn sửa một chút trong câu chuyện Trương Chi-Mỵ Nương.

Hồi ấy anh muốn sửa như thế này. Cái câu :

Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thật xấu hát thì thật hay

Viễn muốn sửa lại là :

Ngày xưa có anh Trương Chi.
Nhà thì thật khó, hát thì thật hay.

Viễn đã muốn sửa và bây giờ vẫn muốn sửa như vậy. Văn chương, dù là văn chương truyền khẩu, vẫn bị quyền lực eo ép. Chính cái xã hội đẳng cấp nặng nề đó đã đẩy lệch câu thơ. Chữ xấu được dùng chỉ cốt để đánh lận lòng người.

Như vẫn còn cay cú về trận đòn năm xưa, Viễn giáng tiếp:

- Thường các trường tư thục không coi đệ nhất cấp là quan trọng. Các môn sử địa, công dân, Quốc văn lại còn nhẹ hơn nữa. Thầy giáo các môn đó toàn là những tay quen biết hay người

nhà của chủ trường. Ông thầy Quốc văn đệ tứ mới đỗ Tú tài một đó đã nện tớ một trận mê tơi. Vì thế nhiều ông to bây giờ, cũng có tí học hành đấy, mà mỗi khi sài sể, lên lớp thuộc cấp vẫn cứ như mán rừng nói tiếng Việt, ngây nga ngây ngô.

Tôi đã đi quá xa. Nguyên do lạc đề có sự góp phần của anh Viễn. Xin trở lại với quý bạn đọc.

Nhiều người vẫn thường nói :

- Mối tình thời học trò sẽ kết thành những kỷ niệm êm đềm vẫn vỗ về lòng người mỗi khi hồi tưởng.

Và cũng có nhiều người đồng ý như thế.

Viễn thì không cho là thế. Anh có một lối nhìn chua chát, xuyên suốt hơn trong phân tích. Mối tình đẹp nhất của anh với Hoàng Cung đã bị ước lệ của xã hội ngăn lại. Một lằn ranh vô hình chia rẽ đôi trẻ. Lằn ranh này chẳng ai vẽ ra. Nhưng mọi người đều mờ mờ thấy. Và Hoàng Cung cũng hiểu, nên vẫn chờ. Rồi ra sẽ có một mối tình khác đến với nàng. Cũng rất chân thật, mà lại hợp với khuôn đúc của xã hội hơn. Người ấy có nhẽ sẽ hơn nàng năm, ba tuổi. Thời gian vừa đủ để anh ấy tạo được một địa vị vững vàng.

Chính những trói buộc của xã hội đã cột My Nương trong phòng loan. Chính những ước lệ của đời sống đã xô ngã chàng Trương xuống đáy nước. Và chuyện tình Trương Chi - My nương đã làm tốn biết bao nước mắt của dân gian, trải qua nhiều thế hệ. Không phải chỉ có một cổ tích Trương Chi-My nương đâu. Đã có nhiều cổ tích như vậy vẫn được tiếp tục viết ra.

May cho Viễn. Anh không phải là một nghệ sĩ si tình như chàng Trương, để đến nỗi phải dìm thân, hóa thành khối ngọc, dưới đáy nước. Anh chỉ là một cậu học trò ngây ngất men tình, đêm đêm đạp xe lên nhà nàng. Cậu học trò với mối tình si đầu đời ấy, từ bên kia đường, dõi mắt lên khung cửa sổ, mong chụp được bóng dáng yêu kiều. Cũng có đôi lần Viễn được hưởng cái giây phút mơ ước ấy. Nhưng niềm lo lắng, chột dạ thì đêm nào cũng canh cánh. Mỗi khi ánh đèn được bật lên. Bên khung cửa, chắc hẳn Hoàng Cung vừa ngồi vào bàn học. Tưởng tượng ấy của Viễn đẩy chính anh về với thực tại. Anh vội vàng phóng xe

NGUYÊN DŨNG

THƯ VIỆN Ở FLORENCE

Người thiếu phụ có đôi môi mềm
Mỗi sáng đến thư viện đúng tám giờ rưỡi
Thong thả ngồi xuống chiếc ghế
Và đều đặn như thế mỗi ngày...

Y hằng ngày đến thư viện học bài
Học hành gì đâu vì mãi ngắm người thiếu phụ!
Có cặp mông tròn và đôi môi quyến rũ
Cùng tia nhìn làm chới với hồn y
(Tên sinh viên hăm mốt xuân thì
còn quờ quạng trên đường tình ái!)

Lẽ ra chẳng có điều gì để nói ở đây
Vì giữa y và người thiếu phụ không có chuyện gì hết
Nhưng cho đến một ngày
Bỗng có những điều quái đản xảy ra
Tưởng như...
Trong cõi chết
...

Người thiếu phụ và đôi môi mềm ngày nào
Bây giờ đã vắng bóng
Chiếc ghế nàng ngồi cách đây ba mươi năm
Vẫn còn là một chỗ trống trong góc phòng
Và thư viện từ đấy vẫn đóng!

về nhà, lao vào bài vở. Không thể nào để cái chuyện em thì đậu, còn anh lại rớt đài xẩy ra được.

Rớt Tú Tài anh đi Trung sĩ.

Em ở nhà...

Khúc rẽ này là nỗi ám ảnh của tất cả các cậu học trò lớp đệ nhị trung học đương thời. Nếu tình cảnh đó xẩy ra, và nếu nàng lại đậu? Còn mặt mũi nào mà gặp lại nhau!

Ấy đấy. Thì cũng chính cái quy luật xã hội vô hình đó đã đẩy Viễn lên cao.

Cũng như các nữ sinh đôn hậu khác, Hoàng Cung rất chăm chỉ. Đó là sợi xích đã khóa cậu si tình vào với đèn sách. Niên học chót của anh tại Phan Thiết quả là vất vả. Anh xanh sao vì bài vở. Anh mất ăn mất ngủ vì cuộc tình. Nhưng hè năm đó là mùa hè sung sướng nhất trong đời Viễn. Công lao đèn sách được đền bù. Anh khỏi phải đi trung sĩ. Thêm vào đó, Hoàng Cung thi rớt, tạo một khoảng cách cần thiết để mối tình có hơi thở. Trong quan hệ trai gái, một mô hình thứ bậc vẫn mờ mờ có trong đầu anh và trong đầu mọi người. Người ta vẫn thường để lộ niềm vui thích khi mình thành công. Và người ta cũng có âm thầm mỉm cười khi thấy người khác thất bại. Nhất là khi người ấy lại là bạn bè thân thiết của họ. Không phải chỉ có Hoàng Cung rớt không thôi. Lớp anh có nhiều người rớt lắm. Trong số đó có cả Bích Khuê và Phương Lan. Điều này càng làm anh hãnh diện và yên tâm. Hãnh diện vì thỏa mãn tính hẹp hòi vị kỷ của anh. Yên tâm vì anh có lòng bao dung khi anh nghĩ tới Hoàng Cung. Như vậy nàng đỡ cô đơn.

Ở tỉnh lẻ, một cậu học sinh đỗ Tú tài một đã là to lắm. Cậu được nhìn lớn hẳn lên, đáng tin cậy hơn, vì đàng hoàng lắm. Viễn tự tin hơn, dựng nên một giấc mộng con con. Để rồi hôm nào mình sẽ tới nhà Hoàng Cung, an ủi nàng. Cũng là cho thỏa nỗi lòng. Chuyện bốc đồng đó không bao giờ xẩy ra. Chưa bao giờ anh dám bước chân vào tiệm bán ti vi, máy hát, tủ lạnh và đồ điện của gia đình Hoàng Cung.

Thế nhưng một sự tình cờ đã cho anh cơ hội ngàn năm. Ông trời hình như cũng có ý muốn giúp người thành tâm.

Mùa hè của một học sinh thi đậu thật là dài và nhàn nhã. Viễn rộng cẳng nên chiều chiều thường vẫn vơ ra biển. Bãi biển Phan Thiết thủa đó vừa để học trò ra tắm, vừa để bạn chài lụi thuyền lên bãi. Đó cũng là nơi các bà buôn cá và các đứa trẻ đi hâu cá kiếm sống. Sinh hoạt này ở đây vẫn có từ bao giờ nhưng chưa một lần Viễn chú ý. Anh đã từng nhiều lần cùng bạn bè ra đây tắm biển, vui đùa. Thế mà đến bây giờ anh mới nhìn sâu vào cuộc sống. Đầu tiên là giá mùa của các bà buôn cá. Rẻ đến độ cứ như cho không. Mà không phải ai cũng có thể ra đây buôn cá hay mua cá được. Họ đã thành băng với nhau rồi. Tiền trao lúc nào không biết. Nhưng khi thuyền vừa cập bến, cá không còn thuộc về bạn chài nữa. Tất cả đều là của các bà đi buôn. Đó là luật buôn. Rồi lại tới luật sống cho các cậu đi hâu cá nữa. Khi sọt cá được đổ xuống bãi - mà tại sao phải đổ xuống bãi thì Viễn không hiểu - con nào văng ra khỏi đống cá lớn ở giữa, con đó sẽ thuộc về kẻ nào nhanh tay. Cũng không phải ai cũng có thể mò ra đây để nhào vào cùng nhanh tay với đám trẻ. Chúng cũng thành băng cả rồi. Thành thử mỗi khi một sọt cá đổ xuống bãi là một cuộc tranh sống trổi dậy. Một phe, các bạn hàng làm thành vòng rào bảo vệ đống cá ở giữa, nhanh chân đá trở lại những con văng ra. Phe kia, bọn trẻ cũng làm thành vòng tròn, nhanh tay vồ để chút nữa sẽ chia nhau. Nhưng cuộc tranh sống không đơn giản thế. Sẽ có vài đứa trẻ nhanh nhẹn chớp thời cơ, lọt qua được vòng đai phòng thủ, nhẩy vào đống cá, đá văng vài con ra ngoài cho các đứa khác vồ. Những lúc đó thật là náo loạn, ồn ào, và vô cùng hào hứng. Trận chiến chỉ xẩy ra vài phút cho một sọt cá. Nhưng có nhiều sọt trong một buổi chiều. Thành ra mùa hè năm ấy, chiều nào Viễn cũng mò ra biển. Để sống với hoạt cảnh đó. Để được phóng tầm nhìn ra khơi với những cánh buồm xa xa. Để ngắm hải âu bay lượn. Thỉnh thoảng lại có con nhào xuống mặt nước, quặp được con cá. Để được nghĩ tới nhiều chuyện. Để được mơ mộng. Tất nhiên trong những câu chuyện, những mộng mơ của Viễn bao giờ cũng có Hoàng Cung.

Một chiều Viễn cũng đứng gần đống cá mới đổ xuống. Nhưng anh phóng tầm mắt hơi xa một chút, quan sát đám bạn chài. Họ chạc tuổi bố anh và cũng đang là khán giả của cuộc tranh sống. Họ vấn thuốc hút, nghỉ ngơi, và lơ đãng nhìn cái đám đang chí chóe trước mặt. Gương mặt phẳng lì, giáng mệt mỏi, đám bạn chài ngồi yên, không lộ một ý kiến hỗ trợ cho phe nào. Những con cá đó giờ đây bị giành dựt, mua bán, nấu nướng, ăn uống ra sao không còn là chuyện họ phải lo lắng nữa.

Bỗng trời như muốn mưa. Gió đổi hướng và mạnh hơn. Sóng lớn, biển đục ngầu. Mây đen

kéo xuống thấp rất nhanh. Viễn đã dạm đi lấy xe đạp để ra về thì chợt thấy một cô gái đang đi xuống bãi, hướng về phía anh.

Ủa! Hoàng Cung. Viễn thót người khi nhận ra Hoàng Cung. Nhưng anh bình tĩnh lại được ngay. Vì lúc đó Ông Trời đã giúp anh. Ngay lúc đó, mưa ào xuống. Một cơn mưa rào, to hạt. Thế là cả hai cùng chạy lúp xúp tới trú dưới một gốc cây lớn. Bãi biển ít phút trước náo nhiệt như thế, bây giờ vắng hoe. Họ chạy đâu hết cả? Viễn đảo mắt tìm kiếm. Cả dấu tích cũng chẳng còn. Mưa đã xô đi và xóa sạch dấu vết của nhóm người chí chóe, tranh dành lúc nẫy. Bãi biển giờ đây chỉ còn dăm chiếc thuyền nghiêng mình trên bãi cát. Và chỉ có mình anh với Hoàng Cung bên gốc cây. Viễn có một chút thích thú, một chút ấm áp trong lòng. Nhưng những chút ít đó đang quay lộn, đảo điên bởi lòng anh đang bối rối. Một lớp sóng ngượng ngùng dấy lên khiến Viễn đâm ra đờ đẫn câm lặng. Hoàng Cung cũng chẳng hơn gì. Nàng như chim non mắc bẫy, lặng lẽ run run.

Giây lát Viễn mới lên tiếng, giọng không được trôi chẩy :

- Học tài thi phận...

Những ngày vừa đây, trong một lúc bốc đồng, Viễn đã nhủ lòng, để rồi hôm nào sẽ tới nhà Hoàng Cung, an ủi nàng. Cái ý định đó giờ đây buột miệng thành lời. Chưa hết câu, anh đã tự thấy mình ngớ ngẩn, rồi đâm ra ngập ngọng và tịt luôn. Hoàng Cung không trả lời, vẻ như không nghe thấy gì. Thái độ giữ yên lặng của Hoàng Cung càng làm Viễn đuỗn người ra. . .

May thay! Lúc này trời lại giúp Viễn thêm lần nữa. Trong bãi trời vẫn mưa nặng hạt. Nhưng ngoài khơi trời lại tạnh. Bầu trời rất trong, ánh sáng ửng hồng chiếu xuống mặt biển phẳng lặng. Cảnh sắc thật thanh bình!

- Coi kìa, Hoàng Cung. Viễn vừa nói vừa chỉ tay ra sau lưng nàng.

Hoàng Cung xoay người lại, nhìn ra khơi. Quá đẹp! Trời vẫn mưa trên bãi cát. Mây đen vẫn còn che một lớp trên lùm cây chỗ hai người trú. Từ khoảng tối đó nhìn ra khơi, sắc trời mầu hồng rực rỡ phủ xuống sóng nước dội trở lên. Đại dương bừng lên sức sống mãnh liệt.

Hứng khởi trước cảnh sắc, Viễn lẩm bẩm :

- Đẹp quá! Đẹp quá!

Rồi như miên man bởi chính lời nói của mình, Viễn lạc hồn vào cõi xa xăm :

- Đẹp quá! Đẹp quá! Em...

Giật mình, Hoàng Cung quay trở lại. Viễn không nhìn ra khơi. Ánh mắt Viễn mê man và rớt trên mặt nàng. Bẽn lẽn. Thích thú. Mãn nguyện. Tự ái được mơn trớn bởi cái cảm giác trộn lẫn kể trên, vẫn không làm nàng mất cảnh giác. Đúng là ăn gian. Thông minh. Mập mờ mà khôn tệ.

Hãnh diện với nhan sắc của mình, Hoàng Cung nhẹ nhàng đưa tay vuốt lại mái tóc ướt. Có lẽ bị phấn kích bởi động tác của Hoàng Cung, bất giác Viễn nắm lấy bàn tay người yêu.

Như thỏ con bị bắt, Hoàng Cung muốn rút tay về nhưng chỉ thở hổn hển, rồi ấp úng :

- Tuần tới gia đình em dọn về Sài Gòn.

Đã nói được, nàng định lại được thần. Hoàng Cung thu vội tay về, rồi xoay người chạy vội lên đường.

Lúc ấy trời đã tạnh mưa.

Viễn vẫn đứng yên như trời trồng. Anh không hiểu mình đã làm gì? Anh mơ màng cố nhớ lại xem anh đã làm gì Hoàng Cung? Rồi anh lo. Anh sợ Hoàng Cung giận...

Đó là lần chót Viễn gặp Hoàng Cung. Đúng như lời nàng nói, ít ngày sau nàng cùng mẹ và các em dọn đi Sài Gòn trước, bằng máy bay. Ông bố nàng ở lại thu vén cửa hàng, rồi đi sau.

Viễn nhớ thương, đau khổ nhưng vẫn nuôi hy vọng. Anh da diết luyến thương chiều mưa hôm ấy. Tại sao Hoàng Cung lại báo cho anh biết là sẽ đi Sài Gòn? Có lẽ nàng ra biển tìm ta? Rõ ràng nàng xưng em với mình. Nàng không rút tay về ngay. Hình như nàng có khóc.

Viễn nhớ nhung.

Viễn đau khổ.

Nhưng Viễn vẫn mơ. . .

Rồi Viễn tình nguyện đi sĩ quan Thủ Đức. Chỉ có cách đó anh mới vào được Sài Gòn.

Sau đó là chuyện của những năm tháng đáy biển mò kim.

Thực ra chuyện hai người gặp nhau ở biển hôm ấy chỉ là tình cờ. Được biết sẽ dọn vào Sài Gòn, Hoàng Cung muốn đi khắp nơi trong thành phố một lần chót. Ra biển, tình cờ nàng gặp Viễn. Rồi hoảng hốt, nàng đã buột miệng nói ra cái chuyện đi Sài Gòn, lúc đó luôn luôn nằm trong đầu nàng. Nàng còn cho Viễn biết thêm, gia đình bạn của bố mẹ nàng đã giúp đỡ để cả nhà nàng chuyển vào trong đó. Họ có người con lớn đang học y khoa và muốn cậu ta có cơ hội được gặp Hoàng Cung. Những chuyện đó sau này Viễn mới biết.

- Để khi nào ra tù - Viễn nói với tôi - tớ phải hỏi xem anh ta tên là gì mới được.

*

Chiều nay Viễn gặp lại người xưa. Khác với Viễn, gia đình Hoàng Cung có kế hoạch ra đi rõ ràng. Mọi việc được âm thầm chuẩn bị và diễn tiến gọn gàng. Nhưng giờ chót, số mệnh đã tách Hoàng Cung ra và đẩy nàng ở lại, một mình. Trong cơn hoảng loạn, lẻ loi, Viễn trở thành điểm tựa của Hoàng Cung. Sự tín cẩn được bắt rễ tự lâu lắm. Từ cái hồi xa xưa, khi hai người đã cùng chung một lớp. Mối tình si đầu đời, từ bao năm, giờ sống trở lại. Viễn vẫn còn cái rạo rực ngây ngất thời xa xưa. Viễn có thêm cái ngất ngây nóng bỏng ngay hiện thời.

Hai cuộc đời bị quẳng lại, tưởng là đơn côi, mà lại không. Bởi vì những trói buộc, ước lệ của xã hội lúc này không còn nữa. Ngày 30 tháng 4 năm 75 đã tạo nên một khoảng trống. Quyền lực cũ đổ nhào; luật pháp cũ bị gỡ bỏ; quy luật xã hội cũ tan vỡ. Trong khi đó quyền lực mới chưa kịp ngồi vào ghế; luật pháp mới chưa được ban bố; và xã hội mới chưa bắt rễ. Trong cái khoảng trống ngắn ngủi này, tội ác loài người được tháo cũi phơi bầy, và cái tâm tính tốt lành của người ta cũng được tự do bồi đắp.

Khoảng trống ấy cũng là miếng đất mầu mỡ cho cây tình tự do quấn quít, đơm hoa. Cái chuẩn định lệch lạc xưa không thể mượn đôi mắt của cha mẹ hai bên, để phán xét mối tình Viễn và Hoàng Cung nữa. Hai mảnh đời lẻ loi kết hợp. Đôi lứa bù đắp và sưởi ấm cho nhau. Viễn biến căn phòng của Hoàng Cung thành cảnh lầu ngọc bên sông nước với Trương Chi và Mỵ nương. Và lứa đôi hôm nay viết lại chuyện tình ngày xưa. Chuyện tình của hai đứa thời xa lắc, hồi cùng chung một mái trường. Và Chuyện Tình Của Dân Gian với bao thổn thức từ ngàn năm vẫn vọng về. Không. Không còn cảnh ướt át và đẫm nước mắt của nàng Mỵ nữa. Mà là ướt át vì ngây ngất, nóng bỏng ân tình bây giờ. Không còn chuyện chén ngọc vỡ tan vì giọt lệ năm xưa. Mà giờ đây chính là một khối tình nóng bỏng, sưởi ấm cho đôi thân. Đôi lứa đã xây dựng lại những đổ vỡ cũ, bù đắp thêm những dở dang xưa. Thiên Đàng Hạ Giới là có thật. Hoàng Cung lặng yên tận hưởng mật ngọt hạnh phúc. Viễn hớn hở với nỗi niềm lứa đôi.

Như đứa trẻ được cưng chiều vẫn vòi vĩnh đòi thêm quà, anh thủ thỉ bên tai Hoàng Cung những khắc khoải của đời anh. Đã có lúc anh như cánh diều đứt dây, lao mình xuống đất, lăn lóc nơi cống rãnh. Mệt mỏi. Chán chường. Buông xuôi.

Là một phi công thời chiến, anh đi khắp mọi chốn. Đâu thì cũng thế thôi. Đâu rồi cũng buông xuôi. Cũng chán chường. Và cũng mệt mỏi. Anh vẫn chỉ là cánh diều không dây, nằm bên cống rãnh. Bởi anh chỉ có nơi đi mà không có chốn về. Anh không có người để nhớ tới. Và cũng chẳng có ai mong đợi anh.

Rồi một chiều anh lạc qua thành phố cũ của thời thơ dại. Ngôi trường xưa dọc bờ sông ngày nào trở nên xa lạ. Mà anh cũng chẳng còn là cậu học trò nhỏ dại nữa. Anh đang chếnh choáng hơi men của nhiều ly rượu hồi chiều. Phan thiết không có bãi biển chào đón du khách. Nhưng tiếng sóng vỗ rì rầm bao giờ cũng vẫn vậy. Sự quen thuộc đã vỗ về anh vào giấc ngủ cùng với men say. Quá khuya anh thức giấc. Vẫn nằm dài trên cát biển. Anh khóc. Anh vẫn thường hay khóc sau khi tỉnh cơn say vào những lúc đơn côi như thế.

- Đời ta rồi vẫn mãi như thế này sao?

Anh thèm một đời sống khác. Anh thèm có được người yêu. Được nằm với người yêu, bên nhau, dưới bầu trời đầy sao như đêm nay. . .

Trong một khoảnh khắc thật ngắn. Không đầu óc nào có thể tưởng tượng là ngắn đến như vậy. Tiếng nhà Phật có lẽ gọi là một sát-na. Anh bừng tỉnh. Hình như là một đổi thay toàn diện. Một hoàn hồn. Có. Có đến từ cái không có. Anh chợt có người yêu. Anh đã có người yêu. Rõ ràng là như thế. Anh dứt khoát một niềm tin. Người yêu của anh có thể là một cô gái nào đó, quanh đây, tại đất nước này. Nàng cũng có thể từ nơi nào rất xa, tận một quốc gia nào đó bên kia bờ biển. Nàng cũng có thể đã sống từ xa xưa, hàng nghìn năm về trước. Nàng cũng có thể sẽ sinh ra sau này, mãi tận về sau. Anh có nàng. Bầu trời đầy sao sáng trên kia là một gạch nối. Rồi một đêm nào đó. Dưới bầu trời sáng sao, nàng sẽ tự vấn. Và ánh sáng của những ngôi sao tầng trên sẽ đưa nàng về với anh. Ôi! Bầu trời đầy sao. Ngàn vạn con mắt lung linh, đong đưa trên nền trời thăm thẳm.

Nước mắt vẫn trào ra, nhưng Viễn khóc bởi hạnh phúc. Anh đã có người yêu. Anh sẽ có một chốn để về. Anh đổi thay. Lột xác. Một cuộc đời mới sẽ đến với anh. Và anh thoát khỏi cống rãnh từ đấy. . .

Những ngón tay gầy của Hoàng Cung vẫn lùa sâu trong tóc anh. Nàng ve vuốt Viễn. Như vỗ về đứa con trai. Của riêng nàng.

Vẫn nằm yên đón nhận mọi vỗ về, vuốt ve của Hoàng Cung, Viễn không che dấu, dơm dớm nước mắt thì thầm :

- Anh có em. Hoàng Cung! Anh có em. . .

Rồi một buổi sáng, chẳng rõ ai là người đã lên tiếng trước đề nghị :

- Mình làm đám cưới chứ?

- Ừ. Thì làm đám cưới.

Khi yêu nhau, người ta trẻ lại. Giờ đây đôi trẻ bắt chước người lớn. Cho vui. Bắt chước nhưng theo cách riêng của chúng. Và chúng làm đám cưới với nhau.

Đám cưới ấy quả là có một không hai. Chả có ai tưởng tượng ra nổi trên đời lại có một đám cưới như vậy. Thế mà đám cưới ấy có thật. Chính miệng chú rể, anh Nồng Chí Viễn, kể lại cho tôi nghe. Tôi còn gặp lại cả cô dâu, Lê thị Hoàng Cung, tức chị Viễn và cháu bé trai của hai người.

Hôm ấy, những ngày đầu tháng 5 năm 75. Chính xác ngày nào Viễn cũng chẳng quan tâm. Viễn và Hoàng Cung đã vùng dậy, tổ chức đám cưới cho chính mình. Cũng phải có đôi nhẫn cưới chứ. Tìm được tiệm kim hoàn lúc này không phải là dễ. Họ đã ra đi từ lâu. Nếu có ai còn ở lại, họ cũng đóng cửa im ỉm vì e ngại. Nhưng với số tiền quá lớn, do Bố mẹ của Hoàng Cung để lại, đôi trẻ cũng có được đôi nhẫn cưới, mua từ một tiệm kim hoàn trong ngõ hẻm. Đám cưới được tổ chức ngay khi tấm cửa sắt của tiệm kim hoàn vừa khép lại. Đôi trẻ trao nhẫn cưới cho nhau. Rất tự nhiên và trịnh trọng, đứa này nâng tay đứa kia lên. Rồi cũng rất trịnh trọng và tự nhiên chúng lồng nhẫn cưới cho nhau. Không phải dòm chừng ông thợ ảnh. Cũng không phải đóng trò để cho có được những tấm hình đẹp. Sau khi trao nhẫn cưới cho nhau xong, chúng ôm nhau, cười khúc khích. Thế là thành vợ, thành chồng. Thật là giản dị. Đám cưới đã không diễn ra tại nhà thờ, hay trong chùa hoặc trước bàn thờ gia tiên. Đám cưới diễn ra ngay khi chúng có được đôi nhẫn cưới, trong con hẻm trước cửa tiệm kim hoàn. Chẳng có sự chứng kiến của cha mẹ đôi bên. Cũng không ai là bà con hai họ. Không phù dâu, chẳng phù rể. Cần chi tới xe hoa với y phục rườm rà. Chỉ có cô dâu và chú rể. Hai đứa cùng chung một lòng. Thế mà hóa ra vui. Lại còn tiệc mừng đám cưới nữa chứ. Cũng chẳng biết ai lên tiếng trước đề ra cái mục này. Nhưng cô dâu là người lên tiếng chọn nhà hàng :

- Đi ăn hủ tiếu bò viên há?

Thế là cũng chỉ có cô dâu và chú rể. Không một thực khách nào được mời. Nhà hàng là xe bò viên ngay lề đường Cao Thắng gần rạp ciné Đại Đồng. Và thực đơn chỉ có hai tô hủ tiếu bò viên. Viễn còn nhớ thêm. Cô dâu có một chai nước ngọt và chú rể, một chai bia lớn.

Cô dâu đã chọn bò viên cho ngày cưới. Món ăn này, không có trong thực đơn của gia đình nàng, một gia đình giầu có và khép kín. Hoàng Cung chỉ được thưởng thức món bò viên trong những lần đi chơi với chúng bạn.

Viễn cho rằng đám cưới diễn ra rất đầy đủ. Lễ nghi chân thành. Nhất là lại vui và tự nhiên nữa. Cô dâu, chú rể không phải lo lắng sửa soạn chi cho nhọc nhằn. Cũng không có cảm giác mình đang làm hề vì phải đóng tuồng.

- Vai hề - Viễn nói - Hề không bao giờ có trong cảnh chân thành. Hề chỉ lên sân khấu chọc cười thiên hạ. Bản thân hề có bao giờ vui? .

Câu chuyện này nếu chấm dứt được ở đây thì còn gì bằng.

Được vậy thì ngày 30 tháng 4 năm 75 cũng được con dân miền Nam Việt Nam chào đón. Và vong linh những người nằm xuống từ cả hai miền chắc cũng siêu thoát. Chí ít thì sự hy sinh của họ cũng tạo nên được miếng đất mầu mỡ cho câu chuyện tình này đơm hoa kết trái. Chuyện tình Viễn - Hoàng Cung. Và ngày 30 tháng 4 năm 75 chính là ngày đã lật được mặt trái câu chuyện tình Trương Chi - Mỵ Nương mà người xưa muốn gởi gấm. Nghèo khổ. Chàng nghệ sĩ họ Trương ơi. Tất cả chỉ vì chàng nghèo mà thôi. Đồng thời bằng hạnh phúc của đời mình, Viễn-Hoàng Cung đã lấp bằng hố sâu ngăn cách giữa giầu và nghèo. Và ngày 30 tháng 4 năm 75 phải là ngày nêu cao lá cờ Bình Đẳng. Con người nên được đối xử bình đẳng như nhau.

Nhưng câu chuyện không được phép chấm dứt. Vẫn phải đi tiếp.

Tất cả cũng bắt đầu từ sự giả trá của chữ nghĩa. Cái thuật dùng chữ để đánh lừa lòng người đã được xử dụng như một vỗ về ngày xưa. Nay cái thuật đó cũng được dùng lại; nhưng là cái bẫy. Mười ngày thực phẩm mờ mờ ảo ảo mười ngày tập trung. Tất cả đã bị đánh lừa và toàn thể chui vào rọ. Xã hội mới vẫn mang bộ mặt ma quỷ. Lần này nghiệt ngã hơn. Tuyệt đại đa số con dân miền Nam không có quyền sống. Họ bị đẩy ra biển. Họ bị quẳng vào tù. Hoặc đời sống của họ bị hạ xuống tận cùng; nhiều khi phải đổi nhân phẩm lấy miếng ăn.

Và ngày 30 tháng 4 năm 75 chỉ là một ngày đổi đời mà thôi.

Ăn phải đũa của anh Viễn, tôi lại đã đi lan man. Hãy trở về với cuộc đời của Viễn. Bây giờ

là cuộc đời Viễn-Hoàng Cung qua lời anh tâm sự. Tôi nhắc lại. Qua lời anh tâm sự. Bởi anh đã kể hết rồi. Và cuộc đời Viễn lúc này, cũng là cuộc đời tôi lúc này, cũng là cuộc đời biết bao người khác nữa. Cái cuộc đời đó đang lăn. Uể oải lăn. Trong vòng rào. Chỉ khác ở chỗ mỗi người một tâm sự riêng mà thôi.

Viễn - Hoàng Cung đón nhận lệnh tập trung cải tạo các sĩ quan cấp úy rất thản nhiên.

- Thì cũng phải vậy thôi - Viễn an ủi vợ - Cũng phải mười ngày để biết đời sống mới thay đổi ra sao chứ. Chúng mình còn cả đời để sống cơ mà. Với dây tơ hồng em cầm, con diều này sẽ bay cao. Cứ tin anh đi. Rồi anh em mình sẽ có một đời sống tuyệt vời em ạ.

Viễn chẳng cần an ủi. Hoàng Cung cũng vẫn yên tâm. Viễn chẳng cần hứa hẹn, động viên. Hoàng Cung cũng rất tin tưởng. Chị còn khuyến khích ngược lại chồng :

- Trình diện ngay ngày đầu anh ạ. Thêm một ngày ở nhà cũng chẳng là bao. Mình chấp hành ngiêm chỉnh bao giờ cũng tốt hơn. Để em sửa soạn đồ ăn cho anh mang đi.

- Cũng chẳng cần lắm đâu. Muối đậu phọng thôi. Người ta kham khổ bao lâu nay. Mình ăn uống ngon. Dị lắm!

Hoàng Cung đã chở Viễn đi trình diện cải tạo ngay hôm đầu tiên, theo lệnh gọi. Lúc chia tay vợ chồng cũng có bịn rịn đôi chút. Nhưng họ vẫn tin tưởng và cố làm vui lòng nhau. Trước khi đi vào cổng Viễn còn khều vợ một cái rồi ghé tai thì thầm :

- Nợ anh một ngày đấy nhé!

Mười ngày trôi qua. Chẳng thấy học tập gì. Nhiều ngày trôi qua. Vẫn chẳng thấy động tĩnh gì. Viễn bắt đầu thấy tiêng tiếc. Anh tiếc vì đã lỗ mất một ngày thần tiên. Anh đã đem một ngày sống bên vợ để đánh cuộc lấy một điều vớ vỉn : chấp-hành-nghiêm-chỉnh-bao-giờ-cũng-tốt-hơn. Đúng là đánh bạc với một tên đãi bợm.

Rồi nhiều tháng trôi qua kéo theo nhiều anh em tù nằm liệt giường. Số thực phẩm chúng tôi đem theo đã sạch boong. Số thực phẩm tích lũy trong cơ thể chúng tôi cũng đã teo tóp. Thời gian càng kéo dài, số người liệt càng lên cao.

Nhiều người thường bảo Cộng sản rất giỏi trong chiến tranh. Khi hòa bình, loay hoay chẳng biết làm ra sao.

Thực ra, nếu không sai thì cũng thiếu.

Bởi vì còn cái món cầm tù nữa. Bọn "chủ nhân ông mới" đáng là thầy thiên hạ trong cách bỏ tù đồng loại, nhất là bỏ tù người cùng một nước. Chúng chả mất quái gì, mà vẫn tận dụng được xương cốt của tù nhân. Này nhá. Hàng rào nhốt chúng tôi - Chúng tôi làm. Nhà giam chúng tôi - Chúng tôi xây. Thực phẩm nuôi chúng tôi - Chúng tôi sản xuất. Và khi thiếu thốn, kiệt lực - Chúng tôi viết thư ăn xin vợ con, thân nhân của chúng tôi.

Thế là ân huệ được ban ra : mọi cải tạo viên được viết thư về nhà. Kết quả các thùng quà được tới tấp gửi vào. Những người liệt đã ngồi dậy được. Những người còn khoẻ thì thêm da, thêm thịt. Và chúng tôi lại đi lao động.

Nhớ ngày nào mới vào tù. Sau mười ngày vẫn chưa thấy đả động gì tới việc học tập. Có người lên tiếng hỏi. Lão quản giáo cười cười, vênh vênh cái mặt lên, ra giáng chúng tôi ngô nghê chẳng hiểu gì hết về cái lệnh rất rõ ràng của Ủy ban quân quản. Nay lão phải làm phúc giảng giải cho rõ :

- Chúng tôi có bảo các anh đi tập trung cải tạo mười ngày đâu? Bảo các anh mang theo mười ngày ăn. Bởi vì gấp quá. Sau mười ngày Cách mạng mới đủ thì giờ lo thực phẩm cho các anh được.

Khi ấy một anh bạn tù đã nói :

- Bài học thứ nhất trong trường cải tạo đấy nhé : Đãi bợm.

Nay nhận được các thùng thực phẩm của gia đình gởi vào. Chúng tôi học được bài học thứ hai : Trấn lột.

Thư từ liên lạc được viết đúng theo tiêu chuẩn quy định. Toàn là những lời lẽ động viên nhau. Cớ sao chúng tôi lại lo lắng? Nay thì ngoài lo cho trong và trong lại lo cho ngoài. Cả trong lẫn ngoài, con dân miền Nam đều khốn đốn.

Một hôm anh Viễn cho tôi biết :

- Vợ tớ có bầu.

- Chúc mừng anh có con đầu lòng. Tôi chân thành mong cho anh.

Anh cám ơn lời chúc của tôi bằng nụ cười mếu máo. Rồi nhẩm tính, anh bảo :

- Vậy là ăn Tết xong. Ra giêng sẽ đẻ.

Từ đó anh bâng khuâng, ít nói. Anh hỏi nhiều hơn. Anh lắng tai nghe mọi người, nhất là những người đã có con. Anh hỏi tôi đủ thứ. Con tôi như thế nào? Sinh đẻ ra làm sao? Ăn uống cái gì tốt nhất? Rồi anh lẩm bẩm :

- Không biết mua những thứ đó ở đâu bây giờ?

Tôi cũng kể cho Viễn nghe cái ngày tôi đi trình diện học tập. Thì cũng y chang như anh và rất nhiều người khác. Nghĩa là ngay từ ngày đầu tiên của lệnh gọi. Nhưng may cho tôi. Hôm đó tôi còn

làm được một việc nhỏ cho vợ con. Tôi nấu được một nồi nước đủ mọi loại rau, dùng để pha sữa cho con gái tôi.

Viễn yên lặng ngồi nghe, chẳng nói hay hỏi thêm gì.

Dĩ nhiên chúng tôi đều hiểu vì sao dạo này Viễn u sầu và lặng câm. Nhưng chẳng ai giúp được gì cho anh. Trong đây mọi người ai cũng đành vậy. Chẳng còn làm sao khác hơn được.

Chúng tôi ăn xong cái Tết đầu tiên trong tù. Ra giêng chúng tôi có cái tang đầu tiên. Anh Nồng Chí Viễn bị bắn chết. Anh Viễn cùng hai người bạn tù cùng muốn vượt trại đêm qua. Viễn bị bắn chết trong vòng rào trại. Hai người bạn kia đang bị nhốt trong hai thùng sắt phơi nắng giữa sân.

Xác Viễn nằm cong queo trên con đường vòng quanh khu nhà ngủ của anh em tù. Con đường này còn quá xa mới tới hàng rào kẽm gai. Giữa con đường với hàng rào còn mấy luống rau của tù nhân canh tác. Những người tù trong dãy nhà gần chỗ Viễn nằm có nghe tiếng anh la:

- Tôi trúng đạn rồi. Đừng bắn nữa!

Súng vẫn nổ tiếp.

Xác Viễn nằm đấy suốt ngày hôm ấy. Cái ba lô căng phồng vẫn vắt sau lưng. Thỉnh thoảng một tên quản giáo tới. Hắn dùng chân đá vào xác Viễn, mắt liếc về phía chúng tôi. Hắn xỉa xói chửi cái xác bằng những lời lẽ tục tĩu. Hắn muốn dằn mặt chúng tôi.

Có hai bài học liên tiếp.

Bài thứ ba : Dã man

Bài thứ tư : Mất dậy.

Ít lâu sau, hai người cùng vượt trại với Viễn hôm đó được ra khỏi thùng sắt. Hai anh cho chúng tôi biết. Viễn mang theo quá nhiều đồ. Toàn vật dụng do Viễn chế ra để làm kỷ niệm sau này : ca uống nước, lược, vòng đeo tay. Khi di chuyển, những thứ đó va vào nhau trong ba lô, gây tiếng động, tên vệ binh mới biết. Hai anh phải nằm bẹp dưới luống rau, cho khuất, mới thoát chết.

Sau khi Viễn bị bắn chết. Nhiều thùng quà của Hoàng Cung vẫn được gửi vào. Không có ai nhận. Tất cả đều rơi vào tay quản giáo.

Bài học thứ năm : Lờ tịt.

Ba năm sau, tôi được thả về.

Tôi đã chán ngấy từ lâu cái việc ghi lại những bài học trong tù. Đó là việc làm vô ích. Bài học thì đầy rẫy ra đấy. Tất cả đều được phô bầy ngay trước mặt. Lụa là ngày xưa dùng để trang điểm cho con người. Miếng vải bây giờ còn khó kiếm, nói chi đến làm đẹp. Thôi thì cứ việc phơi bầy thân xác, phơi bầy mọi xấu xa. Có gì lạ đâu mà phải đắp điếm. Thế là xã hội mới mang bộ mặt nhăn nhó của những người lặng câm.

Chị Hoàng Cung yên lặng ngồi nghe tôi kể chuyện anh Viễn bị bắn chết ra sao. Tôi có được địa chỉ của chị từ một thùng quà chị gửi cho anh.

Tôi cũng nhắc lại cái câu Viễn vẫn thường tâm sự với tôi hồi anh còn sống :

- Nghe hoài mình không để ý, nên cứ tưởng là thường. Ái ân. Hay thật! Ngẫm nghĩ kỹ mới thấy hay. Ái ân. Mình phải biết ơn người trao thân cùng mình. Một quan điểm về tình yêu rất cao thượng mà vẫn giữ được tính người.

Chị Viễn vẫn ngồi lặng câm.

Lòng chị đã lạnh băng, khô cứng thành viên đá cuội. Trái tim chàng Trương kết tinh thành khối ngọc. Giọt nước mắt nàng Mỵ thấm mát lòng chàng, đồng thời cũng làm trôi đi những xót thương của người đời. Xác anh Viễn phơi khô trên con đường bao quanh trại tù. Giọt máu nào cho viên đá cuội kia?

Đứa con trai của hai người vẫn níu lấy áo mẹ. Bé trai thừa hưởng được từ bố nó, anh Viễn, cái dáng hình cao lớn. Nhưng người nó khảnh nên trông hơi lòng khòng. Tôi chợt nhớ và kể lại cho chị nghe về những bâng khuâng và lo lắng của anh Viễn từ khi được tin chị có bầu thằng nhỏ.

Nghe chuyện này, chị khóc. Nước mắt người mẹ hiền, chẩy xuôi thành hai hàng trên khuôn mặt hơi trắng xanh. Nhiều nét xa xưa, như lời anh Viễn từng hãnh diện về vợ, vẫn còn đâu đó trong dáng dấp và khuôn mặt này. Bằng lời nói nhẹ vừa đủ cho tôi nghe, giọng chị có hơi da diết luyến thương :

- Thì ra chính cái tin vui ấy đã giết bố nó chết!

Ngừng một chút, chị ngao ngán tiếp :

- Vợ chồng chúng tôi không có giấy hôn thú anh ạ. Cháu nó phải lấy họ mẹ, tên là Lê Chí Viễn. Không biết có xóa được cái lý lịch con của sĩ quan ngụy hay không?

Chúng tôi giữ im lặng. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Tôi nghĩ tới con gái tôi. Nó trông đẹp gái và cũng sắp tới tuổi đến trường. Vợ chồng tôi sẽ phải cố thêm ít tiền để sắm cho nó bộ quần áo lành lặn.

Không biết chị Viễn đang nghĩ gì?

Cháu Lê Chí Viễn vẫn níu áo mẹ, nhèo nhẹo khóc. Có vẻ nó muốn đòi cái gì.

Tôi chợt nhớ đã tới giờ phải về. Bấy giờ đã quá trưa.

2 giờ 19 phút sáng ngày 14 - 04 - 02

TRẦN HỒNG CHÂU

THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG

Thành phố trong hồi tưởng bóng chiều xưa
Em nhớ chăng áo đỏ ngàn sao rụng?
Lòng buồn đại lộ ngợp vàng thu
Hoa sấu rưng rưng ly biệt trắng
Tây Hồ cau mặt nước phân vân
Bạch mai hồng hạnh loạn phong trần!

Thành phố trong hồi tưởng một dòng sông
Xanh như mắt yểu điệu mái trường hồng
Áo ai trắng quá Huyền tôn nữ
Tay ngọc đàn tranh lả lướt rơi
Tay ngọc vàng son thơ chấp cánh
Hiu hắt lòng ai nhớ Nội thành

Thành phố trong hồi tưởng đêm dạ hội
Ánh sáng kinh thành ngập phấn son
Nửa đêm về sáng tình nhật nguyệt
Hương say mắt biếc mất hay còn
Gió sông Seine ảo mộng tuổi sinh viên
Về đây em! trời rộng hết ưu phiền

Thành phố trong hồi tưởng một công nương
Nghiêng ý mắt, kỷ niệm trải mưa hoa
Dăm chiếc thuyền tình đưa đẩy sóng
Mấy mùa lá rụng trắng đầy sông
Bến Bạch Đằng mê đắm hồn thương cảng
Nhan sắc ơi ngời sáng ánh sao trăng!

Thành phố trong hồi tưởng ngôi sao lạ
Một đô thị lơ lửng phố phường trôi
Trùng điệp kim sơn nhà sắt thép
Bâng khuâng Thần nữ ngất Tự do
Ai về phố cũ dọc đường 5
Em nhỏ thơ ngây? Mộng hải hồ?

Thành phố trong hồi tưởng
Là những người đàn bà đã đi vào
từ trường thi nhân
Là nước mắt ngọt lịm chín từng mây
Là nụ cười lung linh hồng rạn vỡ
Là những đắn đo cởi mở
Những hồ nghi ý nhị vẫn khép hờ
Carmen nổi sóng
Ỷ Lan trầm lặng
Những bông hồng bé nhỏ đường muôn lối
Những cuối thu nguyệt lạc mây vàng trôi!

Thành phố là thân tôi thịt xương
Hồn tôi là gạch ngói phố phường
Là men chiều đô thị tỉnh say
Tôi đã in dấu ấn trên mình thành phố
Như vết hoàng hôn tím trên mình em trinh bạch
Kỷ vật yêu trao lại, một chiều hành hương
Một chiều thiên đường
Buồn vui chua ngọt
Trăn trở mộng mơ
Những vần thơ say hoa bướm cuộc đời
Vẫn rớt rơi trên bờ đại lộ
Trên ghế công viên
Trong hồn em sóng gợn triền miên

Chiều hợp hôn
Anh đi vào lòng thành phố
Chênh vênh bất định
Sóng nước sông hồ
Anh tan loãng
Trong gió cây trút lá
Ngoài quảng trường phơ phất bóng tà huy
Thành phố bừng nở trên môi em rực rỡ
Trong mắt em rưng rưng trời viễn mơ
Trong mây chiều tóc em bập bềnh những
tuyệt vời biển sâu
Anh là tình bẩy mối nhưng vẫn một màu
quang phổ
Một trái tim nhưng vẫn trái tim muôn vàn!

Đi, Em! thời gian mang hài bẩy dậm
Mau, cùng anh trên cánh trắng hoài niệm!

Thành phố trong hồi tưởng
Cố nhân ngoài vạn dặm
Tôi nhớ một thành phố đã đánh mất
Tôi mơ một thành phố tìm thấy lại
Chập chờn sương khói
Phấn hương tơi bời
Thành phố trong hồi tưởng
Hoài cố nhân ơi!

TÔI ĐÃ VỀ PHÁT DIỆM

Tạp ghi của
Sơn Diệm VŨ NGỌC ÁNH

Tôi rời bỏ Phát Diệm từ 1950. Vào năm đó, Đức Giáo Hoàng Piô thứ XII vẫn còn tại vị, tổng thống Hoa Kỳ là Harry Truman, Đại Thế Chiến thứ II chấm dứt chưa được năm năm, nữ-hoàng Elizabeth Đệ Nhị vẫn còn là một cô công chúa trẻ vừa mới lấy chồng, cuộc chiến tranh Việt Pháp kéo dài đã gần bốn năm, cộng sản Bắc Hàn áp dụng chiến-thuật biển người tràn xuống xâm lăng Nam Hàn: chiến-tranh Cao Ly bắt đầu. Tại vùng Việt Nam tự do, ông Nguyễn Văn Tâm làm thủ tướng chính phủ trong khi quốc trưởng Bảo Đại vẫn ở bên Tây, ông Nguyễn Hữu Trí làm thủ-hiến Bắc Việt. Cũng trong năm này, trường Đại Học Văn khoa được thành lập tại Hà Nội. Tôi là một trong số những sinh-viên đầu tiên ghi danh vào phân khoa mới này như Lê Ngọc Huỳnh, Lê Hữu Mục, Pham Việt Tuyền, Trần Ngọc Huyến, Nguyễn Văn Loan, Lý Quốc Sỉnh, Doãn Quốc Sĩ, Lê Xuân Khoa v.v.

Mọi chuyện thấp-thoáng mới ngày nào mà nay đã trên nửa thế-kỷ rồi. Vì nhớ nhung nhiều, đêm đêm tôi thường mơ trở về quê cũ. Rốt cuộc, cầm lòng chẳng được, nên tháng Năm vừa qua, tức là sau 51 năm xa cách, vợ chồng tôi đã đưa cháu trai đầu lòng về nhận mồ mả ông bà tại Phát Diệm. Vì chẳng còn bà con thân thuộc nào, nên việc đầu tiên khi về tới Phát Diệm là vào thẳng nhà Thờ Lớn thăm Đức Giám Mục, tức Đức Cha Nguyễn Văn Yến, người Phát Diệm độc nhất mà tôi may mắn được quen biết gần đây qua thư từ và điện thoại với tư cách là chủ-tịch hội Truyền Thống Phát Diệm. Vì trở về trong một hoàn cảnh khá đặc-biệt, và nhất là không quen biết một ai nơi mà xưa kia quá nửa là thân thuộc của mình, nên khi gặp Đức Cha chúng tôi mừng mừng, tủi tủi như được gặp lại một người bạn thân cũ hoặc bà con thân thiết đã xa cách lâu ngày. Riêng Đức Cha, mặc dầu vồn vã, nhưng chắc Ngài cũng chỉ coi chúng tôi như những người hành hương thông thường, hay cùng lắm là như mấy người khách quý từ phương xa tới thăm mà thôi.

Sau khi hàn huyên với Đức Cha và thăm khuôn viên Nhà Thờ Lớn nay đã được trùng tu, chúng tôi xúc động tới tận đáy lòng. Cảnh trí nhà thờ và nhà chung đã thay đổi rất nhiều, trông rất phong quang, nhưng có nhiều nơi tôi nhận không ra. Hai dãy nhà hai bên con đường lát gạch dẫn vào cổng nhà chung, nhà chè và ngôi nhà hai tầng lợp bổi cụ Sáu xây cất trong vòng một tuần để đón toàn-quyền Lanessan không còn để lại chút vết tích gì. Tôi cũng chẳng còn tìm đâu ra những cây "lái cấm" trái mọc chi chít và những luống cỏ chua me xanh mướt có mang những bông hoa nhỏ màu tím lạt trong khu vườn hoa. Dãy nhà hai tầng cổ kính phía trong cùng nhà chung cũng đã hoàn toàn biến mất, nhường chỗ cho một vườn rau cỏ dại mọc đầy... Tôi còn nhớ ngày xưa Đức Cha Nguyễn Bá Tòng ở tại hai căn phòng đầu góc phía tây của tòa nhà này. Trong thời kỳ khu an toàn, hai người khách ngoại quốc nổi tiếng về tham quan Phát Diệm lúc đó là nhà văn Graham Green và giáo sư Honey thuộc Đại học Luân Đôn đã được mời ở trong mấy căn phòng gần đó.

Tôi không có cái may mắn được gặp văn hào Graham Green, nhưng nhân dịp này đã được quen biết Giáo-sư Honey, và thường tới thăm ông để tha hồ hút thuốc lá Ăng-lê rất hiếm hoi lúc đó. Tôi có gặp lại ông mấy lần tại Hà Nội và sau đó 15 năm, lần cuối cùng, trong một bữa tiệc khoản đãi phái đoàn Nghị sĩ Việt Nam Cộng hoà tại Luân Đôn. Tôi nói hơi nhiều về Honey không phải vì ông là một người bạn vong niên của tôi mà vì ông là một người Anh khá đặc biệt, rất chịu khó học hỏi và nghiên cứu về các vấn đề Việt Nam (ông đã từng diễn thuyết về văn phạm Việt Nam tại Đại học Văn khoa Saigon, và rất thích Truyện Kiều). Ngoài ra, ông còn là một nhân vật chống cộng rất có uy tín và cũng như Đại tướng Vanuxem, ông là một trong những người bạn ngoại quốc hiếm hoi trung thành với Miền Nam tự do và bênh vực chúng ta cho tới tận những ngày tháng cuối cùng.

Sống lưu vong nơi xứ người tôi vẫn thường mơ ước được trở lại thăm trường cũ như ông Carnot trong sách Giáo-khoa Thư lớp dự bị ngày xưa. Rất tiếc là trường Lasan Phát Diệm, nơi tôi mài đũng quần suốt thời thơ ấu, nay hầu như chẳng còn chút vết tích gì. Hàng trăm gốc nhãn cổ thụ mà ngày xưa chúng tôi biết rõ từng cây, nay đều đã biến mất, nhường chỗ cho một số cây nhỏ mới được trồng lại gần đây. Hai cổng tam quan xây toàn bằng đá phía Đông và phía Tây nhà Thờ ngày trước đối với tôi nguy nga và đồ sộ là vậy, nay gặp lại trông nhỏ và cũ kỹ, tạo cho tôi một cảm giác ngao ngán và buồn buồn khó tả. Mấy sập đá ở Phương đình cũng vậy, trông như nhỏ lại, bị nứt vỡ, nhợt nhạt và bụi bặm, không có đen bóng và nhẵn nhụi như ngày xưa. Hồi còn đi học trường thày dòng, tôi thường cùng các bạn nằm phưỡn bụng hóng gió trên chiếc sập lớn chính giữa Phương đình.

Lúc này, mấy người ngồi thừa lương ở đó nhớn nhác nhìn chúng tôi một cách tò mò. Đối với họ, chúng tôi quả nhiên chỉ là những khách phương xa. Bùi ngùi nhớ lại dĩ vãng, tôi cảm thấy Phát Diệm của hiện tại đối với tôi thực xa lạ. Thực vậy, người hướng dẫn viên nói thao thao bất tuyệt về Cha Trần Lục và lịch sử xây cất nhà thờ, coi chúng tôi như những khách du lịch lần đầu tới tham quan Phát Diệm. Nói cho cùng thì đó cũng không phải là không đúng, bởi vì vợ tôi, vốn người Hà Nội, và con trai tôi, sinh đẻ trong Nam sau 54, về Phát Diệm đây là lần thứ nhất.

Ngày xưa, Cha Lớn Khâm Trần Lục cùng dân chúng Phát Diệm phải mất 20 năm mới hoàn thành được quần thể Nhà Thờ Lớn Phát Diệm. Một công trình kiến trúc toàn bằng đá và gỗ vĩ đại, xây cất hoàn toàn theo lối cổ truyền, có thể nói là độc nhất vô nhị ở Việt Nam vào cuối thế kỷ 19. Sau Chiến tranh Việt Nam, nhà thờ bị hư hại rất nhiều, ai nấy tưởng không có cơ hội và phương tiện để trùng tu. Nhưng sau cùng, Đức Cha Nguyễn Văn Yến, hiện là Giám mục cai quản Giáo-phận Phát Diệm, đã có thể hoàn tất công cuộc trùng tu trong vòng bốn năm, với kinh phí lên tới hơn một triệu Mỹ Kim. Công cuộc xây cất Nhà Thờ Lớn cách đây trên 100 năm tất nhiên đã là hết sức vĩ đại đối với Việt Nam thời đó. Trong cái bối cảnh đặc biệt của Đất Nước hiện tại, công cuộc trùng tu ngày nay cũng không kém phần công phu và kỳ vĩ. Tôi có tò mò hỏi Đức Cha là nhờ đâu mà Ngài có đủ phương tiện để chu toàn trong một thời gian ngắn một dự án lớn lao như vậy thì Ngài nhũn nhặn trả lời: "Cụ ơi, cũng là nhờ Chúa Quan Phòng và Đức Mẹ Mân Côi lo liệu đấy thôi. Chứ thực sự chính tôi cũng chẳng hiểu tại sao chúng tôi lại có thể làm được như vậy."

Về vấn đề tự-do tôn-giáo, vì muốn tránh phiền phức và khó xử cho Đức Cha, tôi cố gắng nhịn, không dám nhắc tới, kể cả chuyện Cha Lý tranh đấu ở Miền Trung. Nhưng chuyện đó có lẽ cũng không còn cần nữa, vì sự thực vẫn là sự thực, và sự gian trá dù có giấu giếm khéo đến đâu cũng chẳng có thể giấu được người dân và thế-giới trong thời buổi "thông tin kỹ thuật cao" (sic) này.

Trước hôm chúng tôi về một ngày, Phát Diệm đã long trọng khai mạc Năm Thánh để đánh dấu Giáo phận đã được thành lập đúng một trăm năm. Đức Cha cho biết có tám vị Hồng Y và Giám-mục về tham dự cùng với hàng ngàn giáo-dân đến từ khắp nơi trong nước. Về tình hình chung của giáo-phận, Đức Cha cho biết là số tân linh-mục đã bắt đầu gia-tăng một cách "rất đáng khích lệ," mỗi năm có thể có thêm một hay hai cha mới. Hiện nay toàn giáo-phận chỉ có 28 linh-mục phần lớn già yếu, đã quá tuổi về hưu từ lâu, tuy nhiên mỗi cha đều phải kiêm-nhiệm nhiều giáo xứ. Đối với việc tông-đồ của một địa-phận lớn như Phát Diệm quả là đồng lúa mênh mông mà thợ gặt thì quá ít. Tuy nhiên, căn cứ vào nhịp độ tiến-triển trong công cuộc trùng tu Nhà Thờ Lớn, cũng như số khách hằng ngày tới hành hương và nhất là khi nhận xét thấy cái cung cách đĩnh đạc và thái độ ung dung của Đức Cha, tôi nghĩ rằng việc đạo tại Phát Diệm hiện nay có lẽ cũng không đến nỗi bi quan cho lắm. Phải chăng đó là nhờ tài tháo vát và ngoại giao của Đức Cha, một vị Giám-mục tương đối còn trẻ nhưng rất hăng say trong mọi công việc.

Có thể một phần nào cái ưu-điểm của Đức cha là một sự pha trộn giữa hai đặc tính khác nhau của hai bậc nhân kiệt ngày xưa của Phát Diệm: đó là cái Đảm Lược của Trần Lục và cái Nhu Hòa của Nguyễn Bá Tòng. Nếu đó là một sự an-bài của Bề Trên, chúng ta có thể tạm yên tâm là giáo-phận Phát Diệm nay đã có một vị lãnh-đạo khôn khéo và quả cảm. Thực ra thì trước khi về Phát Diệm, tôi có được nghe một số dư luận không mấy tốt và thuận lợi đối với Đức cha Yến. Nhưng với những điều tai nghe mắt thấy tại chỗ, tôi quả thấy có thiện cảm và hy vọng nơi vị Giám mục trẻ tuổi này. Riêng tôi thì tôi vẫn nghĩ rằng, từ xưa tới nay, để thích ứng với mỗi giai

đoạn đặc biệt của lịch sử giáo-phận, hình như Chúa đã sắp xếp cho Phát Diệm một vị lãnh-đạo cũng đặc biệt. Từ cha Lớn Khâm Trần Lục tới các Đức Cha Marcou Thành, Nguyễn Bá Tòng, Lê Hữu Từ, Bùi Chu Tạo, ai cũng đã đóng trọn vai trò đặc-biệt của mình một cách rất ngoạn mục. Nay đến lượt Đức Cha Yến, chúng ta ai nấy nên cầu mong Đức Cha sẽ đóng trọn vai trò của mình trong cái giai đoạn khá đặc biệt và khó khăn này sao cho xuất sắc, đẹp mắt, thuận với ý Bề Trên và lòng người. Thôi thì chúng ta hãy cố gắng tin và hy vọng như vậy, vì dầu sao mọi sự trên đời này cũng đều do Trời định và an bài.

Sau cuộc thăm viếng Nhà Thờ đầy cảm xúc vui buồn lẫn lộn, chúng tôi thấy như được an ủi và đền bù một phần nào khi được Đức Cha cho hưởng dụng một bữa ăn trưa thanh đạm thuần tuý miền đồng bể, với những món ăn mà kể từ khi di cư vào Nam, rồi sang đến Hoa Kỳ, tôi thường chỉ thấy trong những giấc mơ. Thực ra thì rau muống, rau lang, rau đay, rau mồng tơi, mắm tôm, đậu phụ v.v. đâu có thiếu trên đất Mỹ, nhưng nếu đem ra mà so sánh với những sản phẩm của Phát Diệm, những sản phẩm tại Mỹ chẳng khác gì những đồ mạo hóa. Trong bữa cơm này, có ba món tôi nghĩ sẽ không bao giờ có thể quên được: thứ nhất là món canh rau đay tía nấu với cua rốc (loại cua đồng đặc biệt của vùng Kim Sơn), thứ hai là món đậu phụ sống (tức đậu phụ tươi) chấm mắm tôm, thứ ba là món rau lang luộc chấm với mắm cáy (một loại cua đồng đặc biệt khác của miền đồng bể Kim Sơn). Tôi còn nhớ hồi còn ở Sài Gòn, có môt đêm tôi mơ được ăn rau lang luộc chấm mắm cáy.

Sáng hôm sau, tôi bắt vợ tôi tìm mua mấy thứ đó cho bằng được, nhưng rốt cuộc cũng chỉ mua được một mớ rau lang tuy không già nhưng sau khi luộc vẫn dai và lạt lẽo một cách thực là vô duyên. Riêng món mắm cáy thì hoàn toàn vô phương, không tìm đâu ra. Ngoài ra bữa "tiệc" hôm đó còn một vài món độc đáo khác nữa mà tôi thiết nghĩ chỉ khi nào về nhà chung Phát Diệm quý vị mới có thể có dịp được thưởng thức mà thôi, như cà pháo muối xổi, cá chép "rán" và cá rô kho nhừ, ăn rồi, một cái xương cũng không còn. Nói đến cá chép thì có thể nói cá chép Phát Diệm là số "dzách," vừa ngọt thịt lại vừa béo,

TRẦN MỘNG TÚ

Mở

Gửi Bùi Bích Hà

Hãy mở cho em những cánh cửa
Từng gian im lặng của hai ta
Căn nhà nhỏ sao mênh mông quá
Bóng tối mang trái tim đi xa

Có một chỗ nào cho em nghỉ
Vuốt duỗi thời gian thủa đợi mong
Có một chỗ nào em ngồi xuống
Chải lại đường ngôi như nhánh sông

Từng gian từng gian im lìm đóng
Tuổi xanh em đổi thẫm mầu rêu
Những cánh cửa mòn theo năm tháng
Chìa khóa han dần theo tình yêu

Tình hai ta như nhà cửa khép
Như tranh tĩnh vật treo trên tường
Ngàn năm tranh không lên tiếng nói
Mở hộ em từng cánh cửa buồn !

Khi anh về gõ lên cánh cửa
Tường chắc đã nghiêng mái nát rồi
Em vẫn chờ anh sau cánh cửa
Dọn sẵn cho anh một chỗ ngồi.

5/02

vừa thơm, không có những xương giăm và lạt lẽo như các loại cá chép trong Nam hoặc ở Hoa Kỳ, vì chúng được sống trong các sông ngòi nước phù sa. Hồi còn nhỏ, tôi hay được theo ông nội tôi đi thăm mấy Cha xứ hoặc bạn ở trong vùng Yên Mô. Thời đó người ta thường đi lại bằng thuyền. Các bạn thử tưởng tượng một đêm trăng, thuyền lênh đênh trên mặt sông sương phủ trắng xóa, thấp thoáng xa xa có ánh đèn của những chiếc thuyền chài đương thả lưới dưới ánh trăng lạnh mùa thu, đúng như cái cảnh mê ảo trong mấy câu thơ:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên...

Chỉ có khác là không có "Cô Tô thành" và cũng không có "Hàn San tự."

Rất có thể là vào lúc nửa đêm bạn thấy lạnh và đói bụng. Bạn gọi một chiếc thuyền chài đến để mua cá nấu cháo ăn khuya. Và cũng rất có thể là người thuyền chài vừa bắt được một con cá chép lớn, đương giẫy đành đạch trong chiếc vợt lưới. Thế là bạn có được một nồi cháo cá tuy đơn sơ, vì gia vị chỉ có chút gạo và muối, nhưng tôi cam đoan là suốt đời bạn không thể nào quên được cái thú vị rất mực là Đường Thi của bữa nhậu cá chép nấu cháo đêm đó. Tôi vì quá nhỏ chưa biết rượu là cái gì, nhưng thấy các cụ nhậu nhẹt và thơ phú tưng bừng nên cũng thấy vui lây. Với câu chuyện nồi cháo cá chép trên đây, tôi muốn chứng tỏ cùng quý vị là người Phát "Riệm," Kim Sơn chúng tôi xưa tuy quê mùa, nhưng đôi khi cũng biết ăn nhậu một cách rất lý thú và "văn nghệ."

Sau bữa ăn trưa nhớ đời trong nhà Chung, chúng tôi đi "tham quan" phố phường Phát Diệm. Phát Diệm nay được coi là thị xã và đã thay đổi rất nhiều. Đường sá có lẽ sạch sẽ phong quang hơn, nhưng rất im lìm, vắng vẻ. Các tiệm buôn hầu như đều đóng cửa, có lẽ vì các chợ nhỏ đều đã bị dẹp và tập trung vào khu chợ lớn Năm Dân, buôn bán ế ẩm, nên phải dẹp tiệm chăng. Những hàng phở, quán chè "Ba Cô", cà-phê Trường Ký v.v. của thời son trẻ chúng tôi, nơi mà những Đoàn Văn Cầu, Bùi Diễm, Nguyễn Lộc, Nguyễn Duy Diễn, Phạm Tăng, Đoàn Tòng, Trịnh Hoài Đức, Đỗ Thế Phiệt v.v. thường lai vãng, la cà đấu láo nay đã là những chuyện xa xưa trên nửa thế kỷ về trước.

Tôi tìm về khu nhà của cha mẹ tôi ngày xưa ở phố Ngoài, nhưng chẳng còn nhận ra được gì, có chăng là một vũng nước nhỏ đầy bèo Nhật Bản cao gần bằng đầu. Có lẽ đó là di tích cái ao lớn ở phía Nam khu nhà rộng hai mẫu của chúng tôi ngày xưa, nay đã bị chia ra làm bốn, năm mảnh cho bốn, năm chủ mới. Ngoài vũng nước ngập bèo Nhật Bản đó, cái tổ ấm gần một trăm năm của bốn đời dòng họ Vũ Phát Diệm nay chẳng còn chút vết tích gì, họa chăng còn sót lại là một mớ hình ảnh mơ hồ trong cái ký ức có lẽ đã già nua của một gã tuổi đã ngoài 75 là tôi đây mà thôi.

Ngày hôm trước, sau gần 50 năm gặp lại Hà Nội tôi cũng có rất nhiều mối quan hoài, nhưng trên con đường về Phát Diệm, qua Phủ Lý, rồi Ninh Bình, nhìn hai bên đường thấy đất nước nay đã đổi thay nhiều, tôi xin thú thực là không thấy có cảm giác gì đặc biệt ngoài sự tò mò tìm hiểu và cái thú vị được nhìn lại phong cảnh rất nên thơ của đồng ruộng và xóm làng miền Bắc mà thôi. Nhưng khi nhìn thấy tháp nhà thờ kiểu gô-tich làng Tôn Đạo, tức địa đầu khu thị-xã Phát Diệm, tôi bỗng thấy xúc động lạ lùng. Tôi nói với người tài-xế cho ngừng xe để vào thăm nhà thờ. Đứng trước tiền đình, nhìn ra đồng ruộng xanh mướt, con sông nhỏ và những mái nhà bổi sau lũy tre ở phía xa, tôi cảm thấy một cái gì thiệt thê thiết và ấm lòng... Nhìn mấy con vịt đương mò ăn cạnh mấy luống khoai ngứa trồng dọc bờ sông tôi cảm động và thấy vui vui như được gặp lại cố tri... Tôi nay kể ra cũng đã già rồi, đâu có còn nước mắt, thế mà mắt ướt cay lúc nào không hay... Bỗng nhiên, không hiểu tại sao tôi lại nhớ tới một bài hát theo điệu kèn la-vầy (réveil) liên quan đến nhà thờ Tôn Đạo mà hồi còn nhỏ tôi thường nghe trẻ con đồng lứa tuổi hát như sau:

"Này ông phó Nguyên,
Này ông phó Nguyên
Trèo lên cây tháp mà chơi...
.....
Thấy xe bình bịch gọi là Cha Kim"

Con nít thời đó gọi xe mô-tô là xe bình-bịch. Theo như tôi được biết, cha Kim là ông cố Tây đứng ra xây nhà thờ Tôn Đạo thường cởi xe bình bịch đi lại giữa Phát Diệm và Tôn Đạo; ông phó Nguyên hình như là người đốc công việc xây cất. Lời lẽ bài hát thiệt dớ dẩn, trẻ con và bất thành văn làm cho tôi bật cười sằng sặc. Vợ tôi ngạc nhiên hỏi: "Ông điên hay sao mà bỗng dưng phá lên cười một mình như vậy?"

Khúc đường từ Tôn Đạo về Phát Diệm dài

chừng năm miles. Ngày xưa đi bộ hoặc ngay cả đạp xe đạp tôi thấy cũng rất là dài. Phong cảnh hai bên đường đã biến đổi quá nhiều, trong khi tôi chưa kịp định thần thì người lái xe cho biết là đã về tới đền Nguyễn Công Trứ, rồi Phố Kiến Thái, rồi Phố Trì Chính và chiếc cầu xi-măng ngang sông Vạc...

Như thế đó, sau 51 năm, không kèn không trống, và đầu óc lâng lâng như trong mơ, tôi đã trở về quê tôi: Phát Diệm. Cầu Trì Chính, tức chiếc cầu xi-măng bắc qua sông Vạc Giang trông nhỏ xíu và điêu tàn. Bãi và bến tàu nay trông cũng nhỏ và hoang vắng. Nước sông vẫn đỏ lờ lờ cuồn cuộn chạy ra phía Kim Đài để rồi đổ vào cửa sông Đáy... Những cây đa, cây đề, cây bàng cổ thụ mấy trăm năm đều bị triệt hạ không còn một cây nào. Tôi cố gắng tìm lại một vài nét quen thuộc của trên 50 năm về trước, nhưng vô ích, vì hầu như hết thảy đã biến đổi khác xưa. Có nhiều căn nhà xây cất trước 1954 hiện vẫn còn nhưng nay trông già nua, cũ kỹ và đã biến dạng nhiều. Một số khác nay trở nên hoang tàn một cách thảm hại, nhất là khu nhà ông Ph. K. ở đầu phố Phát Diệm và khu nhà dòng Đức Bà Truyền Giáo bên Phu Vinh. Ngoài khu nhà Thờ Lớn nay đã được trùng tu lại, những dấu tích đáng kể của Phát Diệm ngày xưa nay chỉ còn lại cây Cầu Ngói và mấy ngôi nhà thờ và chùa miếu lân cận....

Ngồi ở một quán nước cạnh bờ sông, nơi ngày xưa có một quán thịt chó nép dưới bóng một cây bàng cổ thụ, nhìn sang Phố Ngoài, tôi không tìm được một nét gì quen thuộc ngoài tháp và nhà thờ họ Rosa do ông nội tôi xây cách đây trên 80 năm và cây cầu Ngói bắc ngang sông Ân Giang. Nước sông vẫn đỏ với những mảng bèo Nhật Bản cố hữu trôi lờ đờ, nhưng sông Ân nay hoàn toàn vắng lặng, không có trên bến dưới thuyền, buôn bán sầm uất như xưa. Trong một khung cảnh hoàn toàn đổi thay, hoang vắng và xa lạ như vậy, ngọn tháp màu trắng cũ kỹ họ Rosa và cây cầu Ngói vắng tanh không người qua lại trông thiệt bơ vơ và vô lý.

Có một vài bạn nói với tôi là khi về Việt Nam thấy cảnh vật đã khác xưa, người chung quanh chẳng biết mình là ai nên có cảm giác cô đơn và lạc lõng như Từ Thức khi trở về trần gian. Không biết cái tâm tình Từ Thức thực sự như thế nào, riêng tôi, khi đứng giữa phố Trong vào một buổi chiều hoang vắng, tôi thấy như lạc vào một thế giới xa lạ nào. Đầu óc bỗng trống rỗng, tôi như cảm thấy một cái gì không đầu không đuôi. Phải chăng đó là cái cảm giác của một con người đi lạc vào Twilight zone. Nói là như thế, làm gì có twilight zone, phải không các bạn? Nhưng quả thực lúc đó, trong ánh nắng xiên khoai của một buổi chiều vàng úa, tôi đã lạc vào một thứ twilight zone, bơ vơ và trơ trọi một cách lạ lùng, đến nỗi giật mình thảng thốt tự hỏi: "Ta đương đứng ở nơi nào đây?"

Sau cùng, cuộc viếng thăm mộ ông bà đã mang đến cho chúng tôi những giây phút cảm động nhất. Đã hơn 50 năm rồi, đây là lần đầu tiên nơi phần mộ hoang phế này có con cháu tới nhang khói. Đứng ở đây, giữa một sự vắng lặng hầu như hoàn toàn, nhìn về phía Đất Thánh Lưu Phương nằm xế bên kia con sông nhỏ, xa xa là dãy núi đá vôi quen thuộc, tôi cảm thấy một nỗi buồn man mác khi ngẫm nghĩ không biết có còn dịp trở lại chốn hoang vắng này hay không, để một lần nữa thắp một nén hương hay đặt một bó hoa trên những

LƯU NGUYỄN

ĐÀ NẴNG MỘT THỜI

Chuyến tàu chợ dừng sân ga vắng khách
Chiều mưa bay lất phất lạnh tê tê
Tàu đến, tàu đi, dặm nghìn lau lách
Sân ga trơ vơ sỏi đá mệt mề.

Phố thị bây chừ phố thị ủ ê
Những chuyến tàu xưa sao mà vui thế
Những chuyến tàu xưa có nàng gái Huế
Cười chao nghiêng sóng nước sông Hàn
Đà Nẵng một thơi, Đà Nẵng – Hội An.

nấm mộ hầu như mồ côi và vô chủ này. Tôi đã trù tính là sau khi về Hà Nội tôi sẽ trở lại Phát Diệm ở mấy ngày để có thể sửa sang mồ mả ông bà và đi thăm đây đó như Văn Hải, Như Tân, Cồn Thoi, Văn Lý, Lai Thành, Điền Hộ, Yên Mô, Thanh Hoá, Sầm Sơn v.v. bởi vì những nơi này đã để lại trong lòng tôi rất nhiều kỷ-niệm đẹp và thân thương. Tiếc rằng, sau khi về tới Hà Nội, chúng tôi gặp chuyện trục trặc nên đã không thể trở lại Ninh bình và Phát Diệm như đã dự tính.

Hồi thơ ấu, tôi sống trong một cái thế giới thiệt nhỏ bé. Đứng trên cầu Ngói, nhìn về phía Tây, thấy dãy núi đá vôi màu xanh lam ở phía xa xa, tôi mường tượng như đó đã là tận cùng trái đất.

Những chuyến đi xa nhất của tôi thời đó là những lần về thăm quê ngoại ở Văn Hải, hoặc theo ông nội tôi, như đã nói ở trên, ngồi thuyền đi thăm mấy cha xứ già vốn là bạn của ông nội tôi trong vùng Yên Mô. Chúng tôi thường lên xứ Yên Thổ trước, rồi sang bên Quảng Nạp, vào Hảo Nho, qua Chính Đại (nơi xưa là cửa Thần Phù), rồi sau đó mới vòng về Phát Diệm. Đẹp nhất là khúc sông quanh co len lỏi giữa những núi đá vôi của cửa Thần Phù cũ. Trên một vách đá, người xưa có khắc một chữ Thần rất lớn, nét bút sắc sảo, oai phong, trông thiệt là lẫm liệt.

Thời kháng chiến, tức thời "khu an-toàn" Phát Diệm, tôi cũng không đi đâu xa mà chỉ luẩn quẩn ở vùng Phát Diệm mà thôi. Mỗi đầu thu, tôi thường đi bộ lên Yên Mô, bởi vì không có một nơi nào có một mùa thu đẹp như mùa thu trên con đường đi từ Phát Diệm lên Yên Mô. Tôi cũng đã từng đi coi lá rừng đổi màu vào mùa thu ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ. Phong cảnh mùa thu ở đó thiệt đẹp, ngoạn mục, rực rỡ với muôn ngàn màu sắc. Nhưng, ở quê tôi, với những đám mây trắng trôi bồng bềnh, trời như lên cao hơn, thiệt trong và xanh, và trong cái vắng lặng trầm trầm và hiu hắt của mùa thu, tôi cảm thấy các xóm làng và đồng ruộng của quê hương tôi êm đềm, đáng yêu và xinh đẹp lạ thường, một cái đẹp tuy đơn sơ nhưng duyên dáng và dịu dàng mà tôi không thể tìm thấy ở bất cứ một nơi nào khác.

Sau hết, như là định mạng đã an bài, vào một ngày mùa thu năm 1949, một ngày khác thường đã làm thay đổi vận mạng dân chúng Kim Sơn, từ một địa-điểm tại Yên mô, tôi tình cờ được mục kích toàn diện cảnh quân đội Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm. Thực vậy, từ tối hôm trước, tôi tới Yên Mô thăm một người bạn vong niên hơn tôi đến 10 tuổi. Sáng sớm hôm sau, trong khi chúng tôi đương uống trà thì bỗng có tiếng máy bay và bên ngoài người ta la lối rất là xôn xao. Có người hớt hải chạy vào báo tin Pháp nhảy dù, nhưng chưa rõ là tại địa-điểm nào. Chúng tôi kéo nhau ra trước nhà nhìn về hướng Nam quan sát. Quả nhiên Pháp đương thực hiện một cuộc hành quân lớn với hàng trăm lính nhảy dù xuống vùng Kim Sơn. Tôi lúc đó quýnh quá, vội vàng từ biệt ông bạn và hẹn sẽ gặp lại trong một dịp khác. Nhưng từ đó tới nay đã trên 50 năm, chúng tôi chẳng bao giờ có cơ hội gặp lại hoặc biết tin tức nhau.

Sau khi từ biệt ông bạn, tôi chạy về phía Phát Diệm, mặc dầu đã biết rõ là máy bay Pháp đương tiếp tục thả dù ở phía Kim Sơn. Đi được chừng hơn một cây số, tôi gặp nhiều đoàn người từ phía dưới ào ào đổ lên, trong số có một người ăn mặc bảnh bao vác trên vai một chiếc xe đạp đuy-ra mới tinh và bóng loáng. Tôi nhận ra người đó là anh Bùi Trác, anh em thường gọi là Trác Bốp (sau này vào Nam anh là chủ hãng dệt mền Sakymen và tiệm bách-hoá lớn đường Tự Do). Anh Trác cho biết là Pháp nhảy dù Phát Diệm và khuyên tôi không nên về thẳng Phát Diệm ngay lúc này. Nghe lời anh khuyên, tôi đổi hướng chạy về phía núi. Vì không quen đường, nên luẩn quẩn mãi tới gần chiều tôi mới về tới Chính Đại, rồi vòng xuống Điền Hồ, theo hướng Nam chạy dọc đê sông Càn ra vùng ven biển Kim Sơn.

Phong cảnh non nước vùng Chính Đại vào một buổi chiều thu thiệt là đẹp và buồn. Xa xa tiếng súng đại bác từ phía Phát Diệm vọng lại ì ầm, tiếp đến là những tiếng nổ lớn làm vang động núi rừng. Đây đó có những đám khói lớn bốc lên ở trên các sườn núi. Gần nửa đêm hôm đó, sau một ngày vừa đi vừa chạy, tinh thần căng thẳng tới cực độ, tôi về tới trại của ông cụ tôi ở Như-Tân.

Kể từ ngày đó cho tới những ngày máu lửa cuối cùng của Phát Diệm (1954), Phát Diệm với Yên Mô tuy ở sát kề, nhưng xa nhau như đất với trời. Nay thì chuyện đó đã qua rồi. Tôi ước mong sẽ có dịp trở lại Việt Nam vào một mùa thu, về Phát Diệm ở ít nhất là một tuần để có thể đi thăm thật nhiều nơi trong vùng.

Và kỳ này tôi nhất định cũng sẽ đi bộ từ Phát Diệm lên Yên Mô. Có thể cảnh sắc nay chẳng còn như xưa, nhưng tôi vẫn muốn tìm lại những cảm giác say sưa và xôn xao trong cái hiu hắt của một ngày thu lành lạnh gió heo may, tiêu sơ và bàng bạc những nhớ thương vu vơ trên con đường Phát Diệm, Yên Mô của những tháng ngày đã qua./.

ĐI XEM PHIM GREEN DRAGON

BÙI BÍCH HÀ

Nhìn bên ngoài, trong một khóe mắt hờ hững, thời gian là một giòng chảy thấp thoáng, nhạt nhẽo, cuốn theo, vùi chôn trong nó đủ thứ báu vật hay rác rưởi trên đường nó qua. Trong một số trường hợp đặc biệt, không nhiều lắm, có người chứng minh được thời gian là một giòng chảy xói mòn, khắc sâu những vết tích hư hao nó để lại phía sau. Nhận thức này vừa có một minh họa cụ thể qua phim Green Dragon của anh em nhà họ Bùi, nhằm dựng lại ký ức khi họ còn là những cậu bé năm, bảy tuổi, theo gia đình di tản đến Mỹ trong những ngày cuối tháng tư 75. Trạm dừng chân đầu tiên của họ là Camp Pendleton, thuộc miền tây California.

Với khán giả không di tản theo hành trình này, cuốn phim cung cấp một số tình cảnh của người tỵ nạn Việt Nam trong thời điểm mất mát, hoang mang, đau buồn, chân ướt chân ráo đặt chân lên miền đất mới, chỉ thấy trước mắt lều trại tạm bợ, bờ bụi hoang vu, những khuôn mặt lạ không nói cùng một ngôn ngữ với mình. Mọi chuyện được kể lại theo ghi nhận không phê phán của cậu bé con lần đầu tiên xa mẹ, bỡ ngỡ, lạ lẫm, bị bắt buộc tham gia vào dòng sinh hoạt của đám người lớn có hoàn cảnh tương tự như cậu, lần đầu tiên bị bứt ra khỏi quá khứ, quê hương, lạc lõng trong hỗn độn, căm hờn, ngờ vực và tuyệt vọng. Cậu bé ấy có thể là hình ảnh của Tim Bùi, cũng có thể chỉ là biểu tượng của sự hồn nhiên, vô tội, không một chút định kiến, nhằm bảo vệ tính trung thực trong những thước phim ghi lại ở ký ức cậu.

Phim mở đầu bằng những hình ảnh thời sự đã khá quen mắt, đã in đậm nét vào tâm khảm cộng đồng người Việt di tản, phơi bày sự hoảng loạn của Sài Gòn trong những giờ phút hấp hối, đường phố tràn ngập giòng người bỏ đi, đẩy xô nhau,

như đàn ong vỡ tổ, cha lạc con, vợ mất chồng, ngất ngất tiếng kêu gào và nước mắt. Trong một căn lều ở trại tiếp cư Pendleton, cậu bé Minh thức giấc giữa đêm vì những tiếng động lạ, bất an. Cậu ngồi nhổm dậy, ngẫm nghĩ rồi quyết định lần mò bước qua những thân người đang ngủ la liệt bốn phía xung quanh, đi về phía cửa lều, rón rén mở. Trước mặt cậu, ngày mới hừng đông ở chân trời còn lãng đãng sương mù, mở ra một nơi chốn cậu chưa nhìn thấy bao giờ (đến đây, có một sơ hở kỹ thuật vì khán giả nhìn thấy ở chân cậu bé đôi dép cao su, là dấu vết của đạo diễn quên không phối hợp với toàn cảnh một phút trước đó). Cận ảnh cho khán giả nhìn thấy cậu hết sức cẩn thận, khó nhọc, bước qua những thân người ngổn ngang, đoán rằng cậu cũng sẽ phải bước qua biết bao nỗi ngổn ngang của một tuổi thơ thật không dễ dàng nhận lấy cho những đứa trẻ trạc tuổi cậu, thu dọn sạch sẽ tàn tích từ một quá khứ ảm đạm trước khi có thể chắp cánh bay vào vùng trời thênh thang trước mắt.

Tôi không biết bao nhiêu phần trăm các dữ kiện nêu ra trong cuốn phim là những sự việc mà cậu bé Minh đã thực sự chứng kiến, ghi nhận bằng đôi mắt của tuổi lên năm hay lên bảy và chúng hằn sâu trong trí nhớ non dại của cậu như một ám ảnh, cắn cấu âm thầm, thúc dục cậu cho mãi đến gần ba mươi năm sau, khi đã trưởng thành, đã phấn đấu để có trong tay những phương tiện truyền thông lý tưởng nhất, cậu biết chắc phải một lần nói lên, phơi mở, để tháo gỡ cậu ra khỏi những vướng mắc quá khứ đau lòng ấy nhiên hậu cậu mới yên tâm bước vào tương lai, bao nhiêu phần trăm là những hành lý cậu thâu lượm thêm nơi những người cậu gặp gỡ sau này, trên đường thai nghén và thực hiện cuốn phim?

Một trong vài số báo Chính Luận cuối cùng trong tháng tư 75 của Saigon có đăng một bài thơ dường như của ký giả Nguyễn Tú, với những câu nhiều người đến nay vẫn thuộc lòng: Nếu chia tay một lần là mãi mãi, xin một lần mãi mãi chia tay. Đối với Tim Bùi, tôi có cảm tưởng cuốn phim là cách anh muốn diễn tả một điều tương tự, là chia tay lần cuối với quá khứ nhìn kỹ lại một lần, là vòng hoa đặt trên mộ phần một thời điêu linh của Việt Nam cuối thế kỷ 20.

Anh cố gói ghém, nhồi nhét, để cuốn phim là những chuyện kể ngàn năm một thuở nên không thể thiếu sót một chi tiết nào cần thanh thỏa: Danh dự, lòng tin bị phản bội của hàng ngũ sĩ phu tham gia các cuộc chiến tranh dù tiến hành dưới danh nghĩa nào, tựu trung, đều đưa đến sự phá sản toàn diện những giá trị nhân bản được cổ xúy lâu đời trong văn hóa và xã hội Việt Nam, nỗi cam chịu nhục nhã của kẻ thua cuộc, ý thức tự xử của người thức giả ở bước đường cùng; lòng kiêu hãnh hẹp hòi, giả trá, ngông cuồng, đưa đến hành động trỏ ngón tay vào kẻ khác nhằm trốn chạy việc gánh vác trách nhiệm hay tự tra vấn lương tâm của một lớp người không đối đầu được với sự thật; bài học 'bán mình chuộc cha', cổ điển, ít sáng tạo, thể hiện với vai trò cô gái quê chịu hy sinh tình riêng, chấp nhận làm vợ bé một người đàn ông có vợ con và có thế lực, trong những điều kiện, bề ngoài, xem ra không có gì thúc bách hoặc là một thúc bách giả tạo, gắng gượng ghép vào cái thời điểm Saigon đang ở trong cơn sốt di tản; tâm lý hoang mang, sợ sệt (những gì mình chưa biết và khó tiên liệu), trăn trở, luyến tiếc, (cái phần đời và những người thân yêu không thể mang theo), khiến họ loay hoay, vùng vẫy như cá mắc cạn; một nhân viên làm việc trại, nhập tâm thói quen cửa quyền, sách nhiễu, tiếp tục làm khó đồng hương cần lương thực trại phát không cho trẻ con, gây ra cảnh cãi vã tồi tệ; một tuổi trẻ hồn nhiên, phấn khích trước viễn ảnh những thành tựu huy hoàng của một Sài Gòn nối dài, của một đời sống vật chất dễ dàng, tiêu biểu bằng cái xe cadillac và tiền lương 2 đôla 75 xu một giờ cho bất cứ ai chỉ cần biết cầm cái ống bơm xăng hay cái vòi nước rửa xe; tâm sự dằng co, xâu xé của một bà mẹ có hai người con trai cầm súng ở hai chiến tuyến khác nhau, dùng dằng giữa việc rời trại đi định cư hoặc ở lại (vì lo sợ sẽ để lỡ cơ hội gặp lại chúng); tình yêu như một kết hợp tình cờ, dung dị, trong lễ giáo Á đông hòa hợp với phong cách ồn ào, sống động kiểu văn minh bản xứ; tình bạn giữa những con người bơ vơ vì hoàn cảnh riêng mà tuổi tác chênh lệch, ngôn ngữ bất đồng, màu da khác biệt không còn là trở ngại khi họ đã tìm gặp nhau ở cùng một thân phận người lạc lõng giữa ước mơ và đời thường; sau cùng, là những kinh nghiệm hội nhập mới mẻ, những va chạm chua chát, giữa một nước Mỹ tự do trong kỷ luật và đặc tính văn hóa nặng về thể diện của người mới đến "ăn nhờ ở đậu."

Người xem được thưởng thức từng ấy món (rất có thể tôi kể còn sót) trong thực đơn Green Dragon. Như là một ký ức nhọc nhằn, cần phải được nhìn lại, thấy cho rõ, gội rửa sạch, để từ đó vươn vai đứng dậy, đóng hồ sơ, rời khỏi bóng tối, hiên ngang, tự tin, bước vào chặng đường tràn

đầy sinh lực của một vận hội mới. Có thể đó chỉ là cảm nhận chủ quan của người xem phim, để tự cắt nghĩa vì sao một thanh niên trưởng thành trên nước Mỹ, không còn nói thông thạo tiếng mẹ đẻ mà lòng cứ mãi cưu mang gánh nặng lịch sử một thời đã qua, đã chìm khuất, đã nguội lạnh dưới tro than quá khứ? Anh cần chữa lành vết thương (ít ai biết) tuổi thơ của anh hay đó chính là căn cơ, gốc gác khó chối bỏ của một thứ bản ngã dân tộc nó khiến cho bất cứ một cộng đồng lưu vong nào cũng có quyền hy vọng vào tương lai về nguồn của các thế hệ nối tiếp về sau?

Về mặt kỹ thuật, chỉ hơi đáng tiếc ở chỗ dường như người viết kịch bản phim đã thiếu chủ động trong lựa chọn hoặc bị thúc đẩy phải cố nhồi nhét bằng hết vào cái khung thời lượng khoảng chín mươi phút, quá nhiều vấn đề vốn chất chứa chật ních trong trí nhớ cần giải tỏa của cậu bé Minh nay đã lớn khôn, ngoảnh nhìn lại gia tài của cha mẹ, vừa tự hào, vừa bối rối, muốn dốc cạn cái đãy nặng mang nhiều năm trên lưng như một bí ẩn đầy ray rứt. Vì vậy, cuốn phim đặc sệt tính thời sự nhưng thời gian và không gian đan kết mơ hồ, lẫn lộn (những người di tản lúc đặt chân đến camp Pendleton năm 75 không còn cơ hội nghe qua radio tin Saigon sụp đổ). Cảnh những quân nhân Mỹ nai nịt súng ống, nửa đêm xâm nhập các lều tạm trú, chiếu đèn bấm loang loáng để sục sạo tìm người bắt đi định cư, khiến khán giả liên tưởng đến tình cảnh ở trại tỵ nạn Hong Kong hơn là ở nước Mỹ. Diễn tiến chuyện tình giữa hai vai chính (Đơn Dương và Lê thị Huệ) trở nên gượng gạo vì thiếu không khí, khoảng cách cần thiết làm nên nhịp thở mang sức sống thật của nhân vật. Cảnh đạo diễn cho Đơn Dương diễn tả nỗi xúc động (khi được tin người anh đã từ trần và bà chị dâu không bao giờ còn cơ hội gặp lại hai con của bà nữa) bằng cách đứng tắm trần truồng dưới vòi sen rồi nằm lăn lóc, co quắp ở một góc phòng tắm thật không phù hợp với phong cách bày tỏ của người Việt Nam. Nó nhắc người xem một cảnh khác, tương tự, trong phim Heaven and Earth, cũng có một nhân vật cựu chiến binh Mỹ, nạn nhân của hội chứng VN, nửa đêm trần truồng ngồi vào tay lái xe hơi, vật vã điên dại.

Tôi không có kiến thức thuộc lãnh vực điện ảnh nên không dám lạm bàn đến kỹ thuật dàn dựng phim cảnh của đạo diễn Tim Bùi. Hiểu theo cảm tính, tôi chắc rằng trong sự cọ sát với cuộc sống hằng ngày trước mặt, Tim Bùi cũng chẳng thoát được sự dằng co giữa cậu bé Minh của gần ba mươi năm về trước và của nhà sản xuất phim ảnh Tim Bùi, xuất thân từ một trường đại học điện ảnh Hoa Kỳ, dù muốn dù không, chịu sự chi phối của khuynh hướng thưởng ngoạn trong đại chúng Mỹ, có lẽ của cả tham vọng sẽ chen được chân vào kỹ nghệ làm phim Hollywood một ngày nào đó hay ít nhất, đưa phim ảnh Việt Nam lên một vị thế đáng nể như kỳ vọng và lòng tự tin dựa vào tài năng được huấn luyện trong những điều kiện tốt đẹp của anh.

Cũng giống như nhiều công trình khai mở khác, ở đây có sự thiếu cân xứng giữa tầm vóc của chủ đề muốn thực hiện và phương tiện trong tầm tay của những người trong cuộc. Tuy nhiên, các thành tựu rất đáng khuyến khích của anh em nhà họ Bùi trong thời gian qua cho phép mọi người tin tưởng vào những bước chân họ sẽ cùng đi ngày một vững vàng hơn trong thời gian tới.

Sống đến một quãng tuổi nào, tôi biết trân trọng cảm xúc của mọi người, tôn trọng cách bày tỏ, mở hay đóng những cảm xúc ấy, luôn nhìn thấy ở đó những nỗ lực cưu mang mà nếu thực sự quan tâm, hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp phong phú làm nên màu sắc của một đời sống lung linh bên trong chúng.

Tháng 4, 2002

HOÀNG HUY KHÁNH

RƯỢU XUÂN

Ngày xuân cây cỏ ra hoa
Lòng tôi chim én bay ra bay vào
Uống đi em uống đi nào
Nhấp thêm chút nữa má đào thêm xinh
Biết đâu mai mốt nhạt tình
Em không đến nữa một mình tôi say.

QUẬN CAM

Nhật báo Người Việt tiếp tân nhân số báo 6,000

Để kỷ niệm sự kiện nhật báo Người Việt xuất bản số báo 6000, đồng thời cũng để giới thiệu cơ sở mới của báo quán, công ty Người Việt đã tổ chức một cuộc tiếp tân họp mặt với thân hữu và giới truyền thông vùng Little Saigon tại địa chỉ mới, số 14771 Moran St thành phố Westminster thuộc quận Cam (cách báo quán cũ chỉ độ 200 mét) ngày Chủ Nhật 12/5/2002.

Trong dịp này, Luật Sư Phan Huy Đạt, chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của công ty Người Việt đã nói đến sự hình thành của nhật báo Người Việt từ thuở ban đầu do một số anh em tập họp lại làm báo vì nhu cầu cần có một tờ báo trong cộng đồng Việt Nam. Dần dần người Việt Nam về định cư vùng Nam California ngày càng đông nên công ty Người Việt đã chánh thức thành lập từ cuối năm 1983 để chủ yếu kinh doanh về ngành báo chí. Dần dần công ty lớn mạnh để đến bước trưởng thành như ngày hôm nay. Luật Sư Phan Huy Đạt cũng đã giới thiệu ban chấp hành mới cho niên khóa 2002-2003 của Hội Đồng Quản Trị của công ty, gồm 11 vị trong đó lần đầu tiên có sự tham gia của một số người trẻ thuộc thế hệ di dân thứ hai.

Ông Đỗ Ngọc Yến, Tổng Giám Đốc công ty Người Việt và cũng là người sáng lập báo Người Việt nhắc đến số báo Người Việt đầu tiên xuất bản ngày 15 tháng 12 năm 1978, làm tại một garage ở San Diego với chỉ ba người thực hiện là Đỗ Ngọc Yến, Du Miên và Nguyễn Hoàng Đoan. Những năm đầu chỉ ra mắt vài ba số một tuần, chỉ cách đây khoảng 10 năm báo Người Việt mới xuất bản bảy số một tuần, để đến ngày nay thành một công ty nề nếp, có cơ sở nhà cửa riêng với 50 người làm việc hàng ngày. Với số báo 6000, Người Việt đã tồn tại với sự thành hình của cộng đồng Việt Nam tại Quận Cam gần 24 năm.

Nhà báo Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi, nhà thơ Viên Linh, Nghị Viên Tony Lâm đã lên nhắc lại những kỷ niệm làm báo lúc ban đầu với Người Việt cùng những lời chúc tốt đẹp cho công ty Người Việt. Sau đó các thân hữu đã đi thăm cơ cở mới của nhật báo Người Việt đang sửa chữa. Chừng vài tháng nữa, khi xong công việc tân trang, lúc bấy giờ nhật báo và nhà xuất bản Người Việt, báo Thế Kỷ 21, đài phát thanh VNCR, hội VAALA, sẽ cùng làm việc dưới một mái nhà, với một hội trường rộng rãi và tiện nghi phục vụ cho những sinh hoạt đa dạng của cộng đồng.

Cựu trung tướng Nguyễn Cao Kỳ trình làng tác phẩm "Con Cầu Tự"

Cựu trung tướng Nguyễn Cao Kỳ vừa có một cuốn sách viết bằng Anh ngữ mới xuất bản, cuốn *"Buddha's Child: My Fight to Save Việt Nam"* tạm dịch "Con Cầu Tự: Cuộc chiến đấu của tôi để cứu Việt Nam." Sách do nhà St Martin's Press xuất bản, phát hành vào tháng Năm, 2002. Đây là cuốn sách thứ hai của ông. Cách đây hơn mười năm ông đã xuất bản cuốn *"Twenty years, twenty days – Hai mươi năm, hai mươi ngày"* cũng bằng Anh ngữ.

Nhan đề "Con Cầu Tự..." hình như nói lên khá nhiều về bản thân của tác giả. Ông từng tiết lộ ông là đứa con cầu tự ở chùa Hương, một "Buddha's child," còn mục tiêu của cuốn sách gói ghém hoài bão cứu nước Việt Nam của ông. Cuốn sách kể lại quãng đời quân nhân rồi vào trường chính trị của ông tại Việt Nam khoảng 40 năm về trước.

Để ra mắt cuốn sách này, ông được nhà xuất bản St Martin's Press tổ chức một chuyến *Book tour,* bắt đầu từ vùng Nam California. Tại Quận Cam, nơi có đông người Việt hải ngoại nhất thế giới, "Con Cầu Tự" và tác giả của nó xuất hiện vào tối ngày 7 tháng Năm, 2002 tại tiệm sách Border Bookstore, thành phố Orange. Ông sẽ tiếp tục đi Los Angeles, San Francisco, Seattle, New York và kết thúc tại Washington D.C. Ông tin cuốn sách sẽ trả lời được nhiều thắc mắc liên quan đến giai đoạn lịch sử của miền Nam thuộc thập niên 60 và đầu 70 của thế kỷ trước.

Hội luận, Triển Lãm và Trình diễn PHẠM DUY, MỘT ĐỜI NHÌN LẠI

Buổi hội luận thứ nhất

Lần đầu tiên nhạc sĩ Phạm Duy, một nghệ sĩ

Quang cảnh hội luận và triển lãm

Việt Nam có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ được vinh danh qua một chương trình quy mô với hai cuộc hội luận và triển lãm suốt hai cuối tuần liên tiếp, kết thúc với một chương trình âm nhạc tổ chức tại rạp hát La Mirada vào ngày Chủ Nhật 26 tháng Năm 2002. Chương trình vinh danh này do Hội Ung Thư Việt Mỹ, mà Chủ tịch là bác sĩ (cũng là một ca sĩ nổi tiếng) Nguyễn Bích Liên, đứng ra tổ chức.

Cuộc Hội Luận và Triển lãm thứ nhất được tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt, trụ sở mới vào chiều ngày thứ Bảy 18 tháng Năm 2002.

Nữ Bác sĩ Bích Liên, Chủ tịch Hội Ung Thư Việt Mỹ đã lên ngỏ lời chào mừng văn nghệ sĩ và khán giả đã đến tham dự và nói lý do tổ chức loạt sinh hoạt này: chúng ta nợ Phạm Duy quá nhiều, đã đến lúc phải nói với ông lòng biết ơn của chúng ta. Điều khiển chương trình là nhà văn Phạm Phú Minh. Ông đã khái lược về những đóng góp, cống hiến của nhạc sĩ Phạm Duy, người đầu tiên đã ứng dụng thành công âm giai ngũ cung trong những bài nhạc mới để thành một thể loại gọi là dân ca phát triển, người đã viết "ngàn lời ca" về đủ mọi đề tài, trở thành một khuôn mặt lớn lao nhất của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, tổng thư ký tuần báo *Việt Mercury* đến từ San Jose, cho rằng khi nói đến âm nhạc Việt Nam không thể không nhắc đến Phạm Duy. Nhạc sĩ họ Phạm không những là một khuôn mặt lớn mà còn là một người có cá tính và đời sống tư có thể gây nhiều tranh cãi, đến nỗi một số người cho rằng Phạm Duy là một thiên tài, nhưng là thiên tài hư hỏng. Nguyễn Xuân Hoàng nhấn mạnh rằng ông không chia sẻ cách nhìn đó, khối lượng sáng tác khổng lồ đầy giá trị của Phạm Duy đã nói lên tất cả.

Họa sĩ Trịnh Cung nhấn mạnh đức tính tích cực của Phạm Duy: không một nghệ sĩ Việt Nam nào ở tuổi ngoài tám mươi mà còn sáng tác, trình diễn và sử dụng những phương tiện tối tân của điện toán vào công việc như nhạc sĩ Phạm Duy. Ngoài tài năng với khối lượng tác phẩm đồ sộ, ý chí và phương pháp làm việc của Phạm Duy cũng là một bài học cho lớp trẻ.

Nhà văn Bùi Bích Hà cho rằng chúng ta không bênh hay chống người nghệ sĩ mà hãy nhìn người nghệ sĩ một cách công bằng. Một nghệ sĩ nhiều khi cần có một cuộc sống ngoại khổ và nhiều khi những oan khiên mà một tài năng phải gánh chịu cũng là điều cần thiết cho người nghệ sĩ. Riêng nhạc sĩ Phạm Duy, cả một sự nghiệp ngàn lời ca của ông tự nó đã nói lên sự cống hiến của ông cho đời rồi.

Riêng nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, nguyên Trưởng Phong trào Du Ca Việt Nam đã nói đến những kỷ niệm của ông với nhạc sĩ Phạm Duy trong thập niên (19)60. Ông cho biết tuổi trẻ thời đó đã chịu ảnh hưởng của nhạc Phạm Duy ra sao, và Phạm Duy đã khuyến khích việc ra đời của Du Ca như thế nào.

Trong chương trình, chỉ một bản nhạc duy nhất: Vương Hương đàn dương cầm bản Đêm Xuân của Phạm Duy. Tiếng đàn điêu luyện diễn tả những tình cảm trong sáng của buổi đầu tình yêu,

Nhà nhạc học Jason Gibbs đang thuyết trình

Đêm Xuân là bản nhạc đầu tiên nhạc sĩ Phạm Duy làm để tặng Thái Hằng, thủa hai người mới yêu nhau, tại Thanh Hóa, năm 1948.

Về phần triển lãm, người ta được xem một số tư liệu về Phạm Duy, gồm hình ảnh, sách vở và nhạc phẩm. Nhạc sĩ Phạm Duy là người gìn giữ tài liệu rất kỹ, từ khi còn được mẹ bồng trên tay, cho đến khi lớn lên đi học, rồi đi kháng chiến, rồi về thành... mỗi giai đoạn của cuộc đời ông, với gia đình, với bạn bè đều có hình ảnh ghi lại. Các nhạc phẩm của ông cũng thế, người xem rất thích thú thấy lại những bản nhạc xuất bản từ thập niên 40, 50 của thế kỷ trước.

Phạm Duy (đeo kính râm) với Hoàng Khởi Phong, Ngô Vương Toại, Nguyễn Xuân Hoàng trong cuộc hội luận.

Buổi hội luận thứ hai

Đúng một tuần sau, vào lúc 3 giờ chiều ngày thứ Bảy 25 tháng Năm 2002, buổi hội luận thứ hai về Phạm Duy lại được tổ chức tại địa điểm tuần trước. Người tham dự đến đông, hết cả ghế ngồi. Diễn giả gồm có nhà văn Bùi Bảo Trúc, ông Nguyễn Ngọc Bích giám đốc chương trình Việt ngữ của đài phát thanh Á châu Tự Do, Jason Gibbs một nhà nhạc học người Mỹ thuyết trình bằng tiếng Việt, ông Nguyễn Xuân Nghĩa chủ bút báo *Việt Tide*. Phần thứ hai của chương trình là phần đối thoại giữa nhạc sĩ Phạm Duy với Ngô Vương Toại, Nguyễn Xuân Hoàng và Hoàng Khởi Phong cùng tất cả những người tham dự khác. Nội dung cả hai phần trong buổi hội luận này rất phong phú, thậm chí rất quan trọng với những điều lần đầu tiên nhạc sĩ Phạm Duy thổ lộ trước công chúng. Rất tiếc vì thì giờ cấp bách, *Thế Kỷ 21* không tường thuật kịp chi tiết buổi này vào số báo tháng Sáu.

Đặc biệt vào giữa chương trình, phim Người Tình Già – The Old Lover, cuốn phim về nhạc sĩ Phạm Duy vừa mới thực hiện xong đã được trình chiếu. Đây là một phim tài liệu ngắn chiếu trong 10 phút, do Charlie Nguyễn đạo diễn, Y-Sa viết kịch bản và thuyết minh. Cuốn phim trình bày sơ lược cuộc đời Phạm Duy, chú trọng vào những sinh hoạt sáng tác và trình diễn của ông, cũng như quan điểm về âm nhạc và cuộc đời của ông qua các cuộc phỏng vấn. Các hình ảnh Phạm Duy từ khi còn bé, đi suốt cuộc đời đến khi thành một ông già trên tám mươi đã được sắp xếp khéo léo để những đặc tính của cá nhân ông, của nghệ thuật ông, quan niệm của ông về cuộc sống... được trình bày một cách đầy đủ và cảm động.

Buổi trình diễn

Rạp La Mirada, 4 giờ chiều ngày Chủ nhật 26 tháng 5, 2002. Một ngàn hai trăm chỗ ngồi không còn một ghế trống. Màn mở, bản Chiều Về Trên Sông đã lan tỏa không khí huyền hoặc của sông nước quê hương đến thẳng khán giả không cần giới thiệu, không qua thủ tục chào hỏi thông thường, như một cách đem Phạm Duy trực tiếp đến với tâm hồn mọi người của ban hòa tấu Vietnamese American Philharmonic Symphony Orchestra, điều khiển bởi nhạc trưởng Nguyễn Khánh Hồng. Bản nhạc dứt, Bích Liên bước ra, cùng ban nhạc trình bày bài Tình Ca. Hai tiết mục dùng nghệ thuật thay thế cho lời mở đầu, không một lời giới thiệu nào có thể hay hơn, toàn vẹn và trực tiếp hơn. Phạm Duy đã tràn ngập không gian La Mirada và lòng người.

Một chương trình âm nhạc đầy ắp với Thái Hiền, Duy Quang, Mai Hương, Kim Tước, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Nguyễn Thành Vân, Trần Thái Hòa, Anh Dũng, Mộng Thủy, Lê Hồng Quang, Tuấn Ngọc, Bích Liên cùng ban hợp ca lần lượt được hai người điều khiển chương trình Y-Sa và Hoàng Khởi Phong giới thiệu. Các nhạc sĩ phối âm: Lê Văn Khoa, Duy Cường, Trần Chúc, Đặng Xuân Thìn, Vương Hương. Hai mươi lăm tiết mục trình

diễn, cố gắng thể hiện những nét tiêu biểu nhất của những chủ đề khác nhau trong cõi nghệ thuật Phạm Duy, đã đem lại cho khán giả những xúc cảm tuyệt vời. *Cô Hái Mơ*, bài hát đầu đời của nhạc sĩ họ Phạm, tuy đơn giản nhưng đã biểu lộ khởi điểm của một tài năng, lại được người con gái đầu của nhạc sĩ, ca sĩ Thái Hiền, trình bày. Tiếp theo là các nhạc phẩm *Kỷ niệm* (Thái Hiền), *Tóc mai sợi ngắn sợi dài* (Mộng Thủy, Duy Quang), *Còn chút gì để nhớ* (Anh Dũng), *Đưa em tìm động hoa vàng* (Mai Hương), *Tìm nhau* (Trần Thái Hòa), *Mùa thu chết* (Lệ Thu), *Tình nghèo* (Nguyễn Thành Vân), *Còn gì nữa đâu* (Quỳnh Giao), *Lữ hành* (hợp ca, với lĩnh xướng Lê Hồng Quang), *Tình hoài hương* (Lê Hồng Quang), *Nghìn trùng xa cách* (Mộng Thủy), *Khối tình Trương Chi* (Anh Dũng), *Rồi đây anh sẽ đưa em về nhà* (Lệ Thu), *Bà mẹ quê, Vợ cồng quê, Em bé quê* (Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Nguyễn Thành Vân), *Áo anh sứt chỉ đường tà* (Duy Quang), *Nước mắt rơi* (Trần Thái Hòa), *Như là lòng tôi* (Kim Tước), *Kiếp nào có yêu nhau, Tâm sự gửi về đâu* (Tuấn Ngọc), *Qua suối mây hồng* (Bích Liên) và tiết mục cuối, *Mẹ trùng dương – Mẹ Việt Nam ơi* (hợp ca).

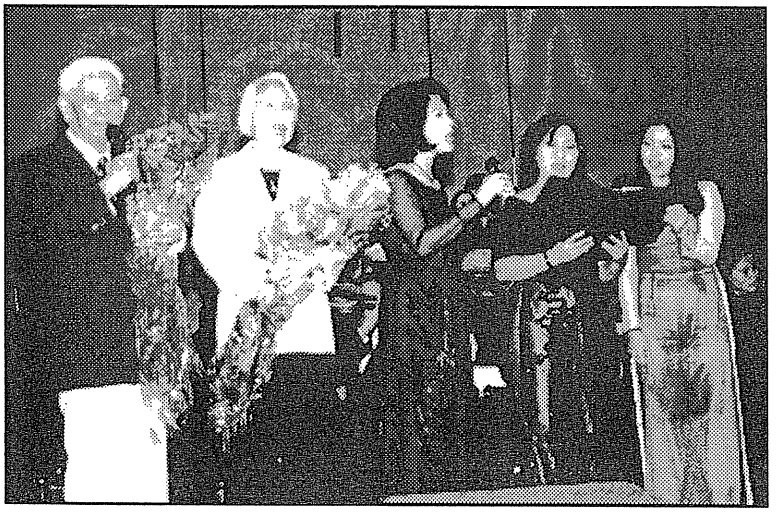

Phạm Duy, Thái Thanh, Bích Liên, Vương Hương, Y Sa đang hát "nhạc Tuổi Vàng".

Khối lượng bài hát khá lớn và đa dạng về đề tài, thể tài cũng như lề lối trình diễn, nhưng đối với sự nghiệp sáng tác của Phạm Duy thì con số đó chưa là gì cả, một số khán giả đã cho biết ý nghĩ của mình như vậy. Nhưng nói cho cùng thì tinh thần và phẩm chất của buổi trình diễn mới là điều quan trọng nhất, chứ thực tế thì không một buổi trình diễn nào bao trùm hết được sự nghiệp sáng tác của một người, nhất là người đó lại là Phạm Duy. Khán giả đã có ấn tượng rất mạnh đối với một số tiết mục, như *Lữ hành, Áo anh sứt chỉ đường tà, Qua suối mây hồng*... Đặc biệt *Qua suối mây hồng* là một trong mười bài Đạo ca, viết về truyện Sơn Tinh Thủy Tinh, một bài hát rất phức tạp với nhiều tình huống vừa thần thoại vừa thiên nhiên vừa lòng người, lại có cả trận giao đấu long trời lở đất, đã được Bích Liên, với sự hỗ trợ của rừng âm thanh giao hưởng, trình bày với tất cả tài năng và bản lãnh, đưa được nét thiên tài của Phạm Duy tràn ngập tâm thức người nghe.

Chương trình ca nhạc chấm dứt, nhạc sĩ Phạm Duy được mời lên sân khấu. Nhưng ông không lên một mình mà với một người nữa ít ai ngờ có mặt trong buổi hôm nay, đó là ca sĩ Thái Thanh. Từ mấy năm nay Thái Thanh bị bệnh, đã tưởng khó có dịp ra mắt trước quần chúng, nhưng gần đây bà đã hồi phục nhiều, hôm nay đến tham dự đêm ca nhạc Phạm Duy với mái tóc bạc trắng. Từ nhiều thập niên trước, Thái Thanh vẫn được coi là người hát nhạc Phạm Duy hay nhất, đến nỗi có người nói trời sinh ra Thái Thanh là để hát nhạc Phạm Duy, và trời sinh ra Phạm Duy là để viết nhạc cho Thái Thanh hát. Sự có mặt Thái Thanh trong buổi *Phạm Duy một đời nhìn lại* thật là một sắp xếp đầy ý nghĩa của số mệnh, như một bổ túc không thể thiếu được khi muốn nhìn lại toàn cuộc đời Phạm Duy. Tất cả mọi người cảm thấy một sự viên mãn trong lòng.

Ban tổ chức mời những nghệ sĩ trên sân khấu, trong đó có nhạc sĩ Phạm Duy và Thái Thanh, và tất cả khán giả cùng hát bài Nhạc Tuổi Vàng của Phạm Duy. Thời thanh niên Phạm Duy đã viết bản Nhạc Tuổi Xanh trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đến khoảng đầu thập niên 1960, vào tuổi trung niên ông đã viết bản Nhạc Tuổi Vàng này. Hành khúc êm ái khoan thai của Nhạc Tuổi Vàng vang trong rạp đã kết thúc buổi văn nghệ *Phạm Duy, một đời nhìn lại* một cách đầy tình nghĩa và lẫm liệt, như bóng dáng Phạm Duy trong lịch sử âm nhạc Việt Nam./.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sóng Từ Trường II

tiểu luận của **Thụy Khuê,** Văn Nghệ xuất bản, 267 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster CA 92683 – USA. Tel: (714) 934-8574.

Thụy Khuê tiếp tục những tiểu luận văn học với Sóng Từ Trường II, đề cập các tác giả: Tô Thùy Yên, Nhật Tiến, Nguyên Sa, Phạm Thị Hoài, Cung Trầm Tưởng, Bùi Ngọc Tấn, Bùi Giáng, Nguyễn Huy Thiệp, Khánh Trường, Hoàng Cầm, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Hồng Châu, Mai Ninh, Cao Hành Kiện, Nguyễn Bình Phương và Albert Camus. Người viết đi thẳng vào tính chất đáng bàn đến của từng người để giới thiệu tác phẩm hoặc tác giả với một lối bình giải sâu sắc và tài hoa. Làm bộc lộ được những đặc tính văn nghệ của một tác giảcũng cần một sáng tạo khác, và đó là cách của Thụy Khuê. Bà đã tạo những trang viết thật đẹp, ngôn từ mới mẻ, cách nhìn vừa cổ điển vừa khai phá, người đọc sẽ cảm nhận được các tài năng văn học bằng một tài năng văn học khác.

Tác giả Sóng Từ Trường không đề cập toàn bộ tác phẩm của một tác giả như một tổng kết sự nghiệp thơ văn, mà chỉ đề cập đến một số nét nào đó, một cuốn sách riêng biệt nào đó, hoặc có khi thậm chí chỉ một truyện ngắn của một tác giả. Nhưng chính cái cách đi lẻ, xoáy sâu như thế giúp chúng ta hiểu một tác giả trọn vẹn hơn, có khi là hiểu một cách toàn diện, mặc dù lối xâm nhập chỉ là một hành lang rất nhỏ hẹp. Phải có một nội lực văn học thâm hậu, khả năng cảm nhận đẹp đẽ và sắc bén, và lối diễn đạt độc đáo, sáng tạo mới đem được cái tài, vẻ đẹp ở một người này đưa vào trí óc và tấm lòng của bao người đọc sách khác.

Thương Thế, Ngày Xưa

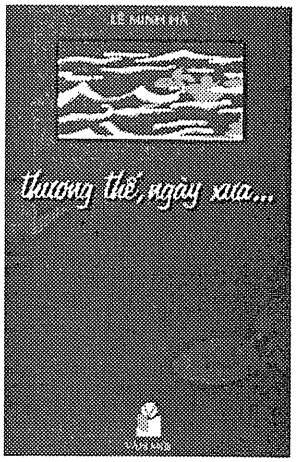

tập truyện và tùy bút của **Lê Minh Hà,** Văn Mới xuất bản, 136 trang, giá US$10.00. Liên lạc mua sách: Văn Mới, 1127 W. Gardena Blvd. Gardena, CA 90247 – USA. Tel: (310) 366-6867. (Chi phiếu mua sách đề tên ông Nguyễn Khoa, địa chỉ trên).

Tên sách nghe như một lời tâm sự thì thầm của một người phụ nữ. Nội dung sách lại đúng như vậy, một người đàn bà Việt Nam, vào đầu thế kỷ 21, sống ở nước ngoài, đem tấm lòng của mình đi ngược về mấy ngàn năm trước, lặn vào cổ tích, huyền sử của nước mình để cố gắng sống lại, rung động lại với hoàn cảnh của người xưa, rồi diễn đạt sự tích và nỗi niềm của mỗi chuyện theo những gì mình tìm thấy trong cuộc phiêu du ấy.

Trong diễn tiến đơn sơ của câu chuyện Lưu Bình Dương Lễ, có ai đã nhìn ra một khía cạnh như thế này về nàng Châu Long:

Nhưng Dương Lễ có phải là chồng nàng? Chàng đã cưới nàng về làm thiếp. Làm thiếp nghĩa là không phải làm vợ. (...) Nàng có gì từa tựa một loài lan quý. Chàng đã nói thế với nàng. Nhưng chàng không giữ nàng lại để chăm chút cho nàng như thường ngày chăm chút vườn lan. Chàng đã cậy nàng đến với Lưu Bình. Nàng là một thứ phương tiện đẹp và sẵn để chàng bày tỏ tình bạn với đời.

Những gì ẩn kín trong tâm sự Châu Long cũng là những điều mà cổ tích không thể nhìn thấy như Lê Minh Hà đã nhìn thấy tâm trạng điên loạn của Tấm trong "Ngày xưa, cô Tấm." Cổ tích cũng không tả con người Trương Chi như Lê Minh Hà tả:

Trương Chi biết vẻ xấu của mình là vẻ xấu không cá tính. Đấy là đường nét bộ dạng của kẻ lam lũ nhiều đời. Điều đó làm chàng đau khổ. Giá mà chàng xấu xí kiểu một kẻ thành đạt, hay kiểu con cầu tự nhà giàu, hay đơn giản là xấu xí kiểu một kẻ cướp đường, có lẽ chàng sẽ tự tin hơn.

Lê Minh Hà đã đặt lại giả thuyết trường hợp Tiên Dung gặp Chử Đồng Tử, diễn lại nỗi lòng của An Dương Vương khi rút gươm chém con gái yêu Mỵ Châu... tác giả đã đem tâm tình mình viết lại sự tích xưa, làm thành phần I cho cuốn sách này: *Cổ tích cho ngày mới.*

Nhưng "ngày xưa" để cho Lê Minh Hà "thương thế" không chỉ là ngày xửa ngày xưa có anh Trương Chi với những cô Tấm cô Cám, mà còn là ngày xưa mới đây thôi, loại ngày xưa có cô... Lê Minh Hà. Những ngày tác giả còn bé, ở một miền Bắc bom đạn thiếu thốn nhưng vẫn đậm đà những hương vị cổ truyền với bánh trôi, bánh chay, chè cám và cốm cháy, cua đồng, xôi, dưa cà, các món bún Hà Nội... Và khám phá ra điều này: Lê Minh Hà viết về món ăn rất hay, nối gót một cách vững vàng theo Thạch Lam, Vũ Bằng. Đàn ông kể lại sự thưởng thức món ngon nhiều khi không bằng đàn bà, vì nặng thái độ thưởng ngoạn mà ít sự tìm hiểu; hiểu biết về cách cấu tạo thức ăn rất có lợi trong việc giới thiệu nó với người khác bằng văn chương.

Và đi với hương, vị là biết bao niềm yêu thương của mẹ, của bà, của con đường đi học ngày nhỏ, của biết bao thơ mộng của tuổi mới lớn... Xa nước, quá khứ xa quá khứ gần dội về. Thương là phải.

Kiều – Giọng Ngâm *Lệ Ba*

đĩa thơ Kiều do **Lệ Ba** diễn ngâm, Hong Lac Vietnamese Music & Dance Emsemble

sản xuất, không ghi giá bán. Liên lạc: Hong Lac, 772A Dundas St West 2nd Fl. Toronto ON. M6J 1V1 Canada. Tel: (416) 603-6060. E-mail: HONGLAC@CANADA.COM

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã được đưa lên sân khấu cải lương, đã đi vào âm nhạc với các Minh Họa Kiều của Phạm Duy, nhưng với CD này, đây là lần đầu tiên tác phẩm Kiều được trình bày một cách quy mô bằng giọng ngâm thơ. Gọi là quy mô vì số đoạn trích để diễn ngâm nhiều, trọn bộ phải gồm hai đĩa, trích từ nhiều đoạn khác nhau trong truyện; các thể ngâm phong phú, thay đổi tùy tình cảm từng đoạn; âm nhạc đệm được soạn và trình tấu rất kỹ lưỡng; và sau cùng chỉ

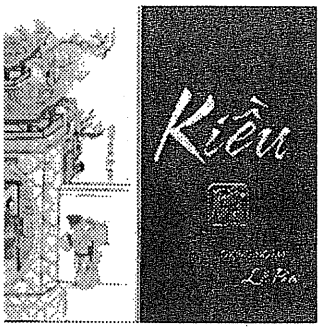

một người diễn ngâm duy nhất đảm trách tất cả chương trình.

Lệ Ba là một tài năng đặc biệt về ngâm thơ. Chất giọng tốt, kỹ thuật cao, và nhất là rất thông minh hiểu rõ những gì mình phải diễn tả trong từng tình huống thơ. Truyện Kiều trước hết là một tiểu thuyết bằng thơ diễm lệ bậc nhất của Việt Nam, vậy hình thức trình diễn truyện Kiều thích hợp đầu tiên phải là ngâm thơ, trước khi làm thành tuồng diễn trên sân khấu hay soạn thành ca khúc. Nhưng vì tác phẩm mang nhiều tình tiết phong phú nên không thể chỉ dùng một lối ngâm đều đều cho tất cả các đoạn, Lệ Ba đã dùng nhiều thể ngâm khác nhau để diễn đạt những tình huống khác nhau, đó là: sa mạc, lẩy Kiều, tao đàn, hát bội, nam xuân, nam ai, ngâm nam, ru bắc, ngâm Hà Tĩnh, ngâm Huế, hò mái nhì, lý con sáo, ca trù, tụng Huế. Nếu Kiều là đại diện cho ngôn ngữ và tâm hồn Việt Nam thì cũng cần phải có gần như đầy đủ lối ca ngâm của Việt Nam để diễn Kiều. Điều lạ là làm sao một người mà có thể tinh thông được nhiều thể ca ngâm đến thế để một mình mình gánh vác việc phô diễn một cách đặc sắc cái hay toàn bích của thơ Kiều.

Bộ CD Kiều này, và riêng giọng ngâm của Lệ Ba, là một tài sản quý của văn hóa Việt Nam.

Diên Lộc Quận Công Nguyễn Thân

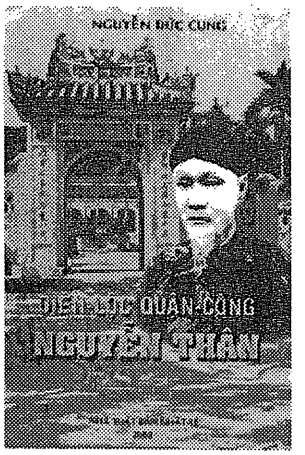

biên khảo lịch sử của **Nguyễn Đức Cung,** Nhật Lệ xuất bản, 575 trang, giá US$25.00. Liên lạc: Nguyễn Đức Cung, 257 Kearny Ave. 1st Floor, Kearny, NJ 07032. Tel: (201) 736-5108. E-mail: CungDNguyen@aol.com

Nguyễn Thân là một nhân vật nổi tiếng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 vì đã đóng vai trò chính trong việc đánh dẹp các phong

trào kháng chiến Cần Vương. Xuất hiện trong một vai trò lịch sử như thế chắc chắn ông không có được cảm tình của tuyệt đại đa số người Việt Nam, nhất là ngay cả sau khi người Pháp đã dẹp yên mọi thứ "giặc giã" để đặt nền đô hộ trên nước ta, những vận động yêu nước vẫn tiếp tục hết thập niên này đến thập niên khác, cho đến ngày người Pháp phải rút hẳn chân ra khỏi thuộc địa này. Lòng yêu nước của người Việt Nam được hâm nóng liên tục như thế khiến cho những nhân vật như Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải..., những người cộng tác tích cực với Pháp để thẳng tay tiêu diệt các hoạt động chống ngoại xâm của sĩ phu Việt Nam, khó được nhìn như là có công trạng với đất nước, mặc dù tài năng của họ có thể rất cao, nhân cách trong cuộc sống của họ không có gì đáng chê trách, và hơn nữa, trong thực tế có thể họ đã đem lại sự ổn định cho đời sống nhân dân, nhìn theo một khía cạnh nào đó. Sách vở tài liệu về họ, ngoài những tác phẩm viết trong gia đình hoặc của chính quyền đương thời, thường chỉ đánh giá họ có một chiều, và là chiều xấu.

Với *Diên Lộc Quận Công Nguyễn Thân*, nhà nghiên cứu sử Nguyễn Đức Cung đã làm việc ngược lại, ông dùng sử liệu để đặt để lại con người và vai trò của Nguyễn Thân trong lịch sử như một nhân tố tốt và tích cực. Tác giả đã dùng rất nhiều nguồn tài liệu từ trước đến nay có liên quan đến Nguyễn Thân, và đặc biệt nguồn tài liệu của gia tộc Nguyễn Thân cho đến nay công chúng chưa được biết, như gia phả hay các tác phẩm về một số nhân vật do chính nhân vật đó hay gia đình biên soạn, chẳng hạn *Diên Lộc Quận Công Đại Ký Sự* nói về hành trạng của Nguyễn Thân.

Ông trình bày bối cảnh tình hình trước và sau khi vua Hàm Nghi ra chiến khu, vua Đồng Khánh được Pháp đặt lên tại Huế, và lý do Nguyễn Thân lựa chọn "về với triều đình" chứ không theo hịch Cần Vương của phe kháng chiến, và cho thấy một Nguyễn Thân tài trí mưu lược trong công tác tiêu diệt các tổ chức kháng chiến. Ông cũng cho thấy những điều tiêu cực hay yếu kém của phong trào Cần Vương hay Văn Thân, như nội bộ xâu xé nhau, giết hại người theo đạo Công giáo (bình Tây sát Tả)...; và ông cải chính tài liệu cho rằng Nguyễn Thân, sau khi công tác tiễu trừ Phan Đình Phùng thành công, đã đốt xác ông lấy tro trộn thuốc súng bắn xuống sông...

Một cuốn sách đầy tài liệu, trình bày có phương pháp, để dựng lại một cách đầy đủ, có lẽ đầy đủ nhất từ xưa tới nay, diện mạo của một nhân vật lịch sử mà theo tác giả, đã chịu nhiều bất công trong việc đoán định tư cách và công tội của người đời. Tác giả đã làm một công việc đầy khó khăn, vì có những loại sự thật vốn không được khuynh hướng tự nhiên của xã hội sẵn sàng công nhận, người ta phải lao hẳn vào một cuộc tranh đấu gay go mới có được.

Quan niệm của tác giả về Sử học là: *Khi xét một biến cố lịch sử, một nhân vật hay một vai trò nào trong lịch sử cần phải quan sát nhiều mặt, nhiều phương diện, nhiều phạm trù, những mặt tích cực cũng như những mặt tiêu cực, ưu điểm cũng như khuyết điểm. Muốn nhận xét để đánh giá một nhân vật cần phải đặt người đó vào trong bối cảnh lịch sử thời đại của họ, từ khi mới sinh ra cho tới khi kết thúc cuộc đời, tư tưởng của thời cuộc lúc bấy giờ mà họ chịu ảnh hưởng, bối cảnh sinh quán, quê hương, dòng tộc, làng nước, điều kiện và môi trường học hành, tiến thân.*

Tác giả đã cố gắng "hiểu" Nguyễn Thân trong quan niệm ấy. Và hiểu Nguyễn Thân cũng có nghĩa là biện minh cho tất cả hành trạng trong cuộc đời của ông, và công việc này vô hình chung đã đặt ra một mặt "chính diện" là Nguyễn Thân, một mặt "phản diện" là những người theo Cần Vương tổ chức kháng chiến mà Nguyễn Thân có nhiệm vụ tiễu trừ. Với tất cả tài liệu được chọn lựa và trưng dẫn, Nguyễn Thân có chính nghĩa khi tuân lệnh của triều đình chứ không chịu lệnh của người Pháp để đi tiễu trừ kháng chiến – mặc dầu triều đình ấy do Pháp nặn ra và điều khiển, và về phía Cần Vương hay Văn Thân thì được trình bày như là "giặc" hơn là được thúc đẩy bởi tinh thần yêu nước, và đó là đặc tính phải có của phía phản diện. Suốt cuốn sách tác giả đã đưa ra một bộ mặt mới của Nguyễn Thân – chưa biết có phải là bộ mặt thật hay không, nhưng ít ra cũng khác với những gì tài liệu sách vở cũng như trong dân gian lâu nay đã nói. Nhưng cũng vì thế người đọc sách đã phải trải qua những giây phút rất bất nhẫn với tiền nhân, những con người vì nước xả thân chống ngoại xâm vào cuối thế kỷ 19, dù là:

Bản thân các lãnh tụ Cần Vương trải qua các cuộc khởi nghĩa đã chứng minh khả năng yếu kém, ý thức tổ chức lỏng lẻo, thậm chí vô kỷ luật của họ, không có trình độ để tiên liệu được tình hình (trang 250),

sự hy sinh của họ cũng đã đóng góp tích cực cho ý chí độc lập tự chủ được nuôi dưỡng mãi với dân tộc. Phong trào Đông Du, rồi Việt Nam Quốc Dân Đảng, rồi cuộc kháng chiến chống Pháp vào

thập niên 1940 chỉ là những tiếp nối không ngừng của tinh thần yêu nước bắt nguồn từ phong trào Cần Vương.

Ngay cả việc giết hại Công giáo của Văn Thân và Cần Vương, rõ ràng là tàn bạo và vô lý trong cái nhìn của đời sau, cũng cần phải xét theo tiêu chuẩn mà chính tác giả đã nêu "đặt (người đó) vào trong bối cảnh lịch sử thời đại của họ." Đạo Công giáo vào Việt Nam từ mấy thế kỷ trước, đã có khi nào bị giết hại một cách ồ ạt như thế đâu, mà nay với sự xâm chiếm đất nước ta của người Pháp mới nảy ra, thì ắt phải có yếu tố nhân quả. Gọi ngay nó là "những vết nhơ trong lịch sử dân tộc" thì có lẽ hơi nặng nề và thiếu khoan dung, chưa kể còn có khả năng gợi ra những vết nhơ khác.

Vấn đề tín ngưỡng của ông Nguyễn Thân cũng đã được tác giả đề cập tới vào cuối sách. Gia đình có truyền thống theo đạo Phật, cha Nguyễn Thân là Nguyễn Tấn đã từng xây chùa, nay Nguyễn Thân lại xây chùa Thạch Sơn ở núi Phú Thọ, Quảng Ngãi. Ông xây chùa để làm gì, có phải vì đạo pháp không? Theo tác giả Nguyễn Đức Cung thì: "... ông muốn ở gần chùa để nghe tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng kinh cũng là một cách giải trí, tiêu khiển." Đến với tôn giáo để giải trí, tiêu khiển, đó là một lối giải thích rất lạ. Tiếp theo, tác giả còn viết : "Theo lời ông Nguyễn Hy, thân phụ ông cũng là một người cao minh đạt đạo, không lạ gì những chuyện Tiên Phật, song vì muốn sự khuyến thiện cho bà con lân lý, phần đông không có học vấn gì, nếu không biết sợ sự trừng ác khuyến thiện của kiếp luân hồi thì không còn biết úy kỵ vào đâu nữa." Không biết ông Nguyễn Hy phát biểu những lời này ở đâu, chứ trong ý tứ thì rõ ràng cho rằng cha của ông (tức Nguyễn Thân) làm chùa không phải vì tín ngưỡng của chính ông, vì ông đã đạt đạo rồi, nhưng cốt chỉ để tạo một phương tiện làm lành lánh dữ cho quần chúng ít học thôi; hoặc cũng có thể hiểu ông biết đạo Phật chẳng giá trị gì ("không lạ gì những chuyện Tiên Phật"), xây chùa chẳng qua cho dân chúng có trình độ kém và để tạo uy tín cho gia đình mà thôi (như nói đến ở một câu sau). Lại một giải thích lạ nữa.

Trong bài *Thạch Sơn bi tự* do chính ông Nguyễn Thân đã viết khắc vào bia dựng tại chùa có đoạn

"... trời cho tai nghe tiếng chuông nơi bửu tòa, lòng trần nhờ phép màu mà đạt đạo, mắt theo ánh sáng chiếu rọi tự tòa sen, niềm lo toan trần tục cũng mờ nhạt đi, nhờ đó mà bồi đắp thiện căn, vuông tròn quả phúc..."

thì chứng tỏ ông hiểu đạo Phật có tác dụng như thế nào đối với con người, hơn nữa đối với chính ông, chứ không coi là việc giải trí, tiêu khiển, hoặc chỉ là phương tiện để "làm phước" hay gây uy tín.

Nhân nói về việc xây chùa thờ Phật của Nguyễn Thân, tác giả, có lẽ muốn độc giả hiểu thêm về Phật giáo và trình độ về Phật giáo của người Việt Nam, đã trích dẫn một đoạn của Linh mục Léopold Cadière:

"Phật học là một triết lý, một quan niệm về đời sống con người và thế giới; nhưng mà con số của người An Nam đồng ý một phần nào về triết lý đó thì lại là con số nhỏ. Tôn giáo Phật giáo có những mô thức giúp cho con người hạnh phúc khi còn sống và nhất là sau khi đã chết."

Linh mục Cadière là một học giả, có thể ông rất hiểu đạo Phật bằng kiến thức của ông, nhưng chắc chắn ông không thể là người sống với đạo Phật hằng hai ngàn năm như người Việt Nam, nên việc trích dẫn như thế thật ra không soi sáng được gì. Đạo Phật vì thấm nhuần quá lâu trong lòng dân tộc, đã biến thành máu thành thịt, thành sự sống (của người theo đạo Phật lẫn những người không theo đạo Phật) chứ nó không chỉ nằm trong "kiến thức" của người dân, theo lối hiểu của một ông Tây. Tại sao phải tìm hiểu chính dân tộc mình bằng một cái nhìn bị khúc xạ của một người ngoại quốc như thế?

Nhắc lại ý kiến của Fustel de Coulangues, sử gia Pháp: "Tôi không áp đặt gì hết, tôi không đề nghị gì hết, tôi trình bày thôi," thì thấy rằng cái cách trình bày nó cũng quan trọng lắm, nó có thể chứa đầy ý đồ chủ quan của người sử dụng những tài liệu khách quan.

Cuốn *Diên Lộc Quận Công Nguyễn Thân* của Nguyễn Đức Cung rất phong phú tài liệu, nhằm đưa ra một cái nhìn mới mẻ về một nhân vật lịch sử chưa xa lắm, còn ghi dấu vết rất nhiều trong ký ức dân Quảng Ngãi, Quảng Nam, Huế, Nghệ Tĩnh... Có thể sẽ có đối thoại, thậm chí cọ xát nhau về cách nhìn, cách trích dẫn, cách lý giải tài liệu... Để viết cuốn sách này, tác giả Nguyễn Đức Cung đã dày công sưu tầm, sắp xếp, lựa chọn tài liệu lịch sử, và nhất là có can đảm đi ngược lại cái nhìn của đa số, và dĩ nhiên chấp nhận đối thoại trong một không khí trí thức và hiểu biết. Công việc ấy sẽ làm phong phú thêm cho một trang sử của đất nước./.

Nhà Hàng Buffet Việt Nam Kiểu Las Vegas
Độc Nhất Vô Nhị Tại Little Saigon

Muốn Có Tiệc Cưới

Sang Trọng

tại **Trung Tâm Little Saigon**

Xin mời đến **REGENT WEST**

4717 W.First Street *(Euclid & Newhope)*
Santa Ana, CA 92703

Schedule & Price

From Monday through Sunday
We apologize for some Wedding Saturdays
DIMSUM: 9:30 am 2:30 pm
Order Items
From Monday to Sunday: Breakfast and Lunch
BUFFET: Monday to Friday
Lunch: $5.95 + $1 unlimited Drinks 11 am 3:00 pm
Dinner: $8.95 + $1 unlimited Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Saturday & Sunday
Special Brunch: $8.95 + $1 Drinks 11:00 am 3:00 pm
Special Dinner: $8.95 + $1 Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Featuring Buffet "All You Can Eat"

LIVE MUSIC AT WEEKEND

Regent West có những đặc điểm sau đây:

* Thực đơn Việt Tây Tàu
* Buffet hoặc ăn cơm thổi
* Đầu bếp tàu 5 sao từ Hồng Kông, Bắc Kinh mới sang
* Phòng ăn sang trọng, sàn nhảy lộng lẫy
* Âm thanh nổi, hiện đại
* Ánh sáng tân kỳ với Laser Lights
* Sân Khấu 3D
* Bãi đậu xe rộng rãi, an ninh
* Có phòng trang điểm cho cô dâu
* Free bánh cưới Tiramisu độc nhất vô nhị
* Trang trí lộng lẫy
* Free Wedding consultation

Nhận tất cả các tiệc, thuê phòng hội họp, ra mắt CD, trình diễn kịch nghệ và cải lương.

Mọi chi tiết xin liên lạc

Toll-Free 1 877 Yến Tiệc hoặc 1 877 936 8432 và (714) 531 5798

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

***THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO:* AMVI MEDICAL GROUP**
***CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA:* AMVI/PROSPECT 27**

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa
Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Lưu Lợi, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.
Phan Tuấn, MD.
Trần Du, MD.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Nguyễn Thanh Thùy, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần số 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

* **AETNA**
* **BLUE CROSS/BLUE SHIELD**
* **BPS HMO**
* **CALIFORNIA CARE**
* **CIGNA**
* **FOUNDATION HEALTH**
* **HEALTH NET**
* **INTERVALLEY HEALTH PLAN**
* **MAXICARE**
* **ONE HEALTH PLAN**
* **PACIFIC CARE**
* **PRO-PATIENT**
* **PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS**
* **SECURE HORIZON'S**
* **TOWER HEALTH**
* **UNITED HEALTH**
* **UNIVERSAL CARE**

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Chuyên tẩy xóa nám, tàn nhang, mụn cóc, nốt ruồi, hột thịt dư, nấm ngoài da, bớt bẩm sinh, tẩy vết thâm của mụn, tẩy trắng da mặt, da cổ, da tay, chân. Chữa mụn kinh niên, lột da mặt, chữa thẹo lồi, chữa lỗ chân lông to, chữa vết nứt ở bụng trước và sau khi sanh, làm mờ vết thẹo của mụn, vết nhăn trên mặt. Chữa da dầu, da khô. Xóa xăm mình, xóa xăm lông mày.

UỐNG NHIỀU THUỐC TRỊ SINH, ĐẾN NHIỀU THẨM MỸ VIỆN VẪN KHÔNG CHỮA HẾT MỤN, CHÚNG TÔI CHỮA HẾT MỤN 20 NGÀY

BẢO ĐẢM CHỮA HẾT NÁM, TÀN NHANG TRONG VÒNG 4 ĐẾN 10 TUẦN
LÀM GIẤY TỜ CAM ĐOAN CHỮA KHÔNG HẾT LẤY TIỀN LẠI

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Cắt mắt hai mí, lấy mỡ, cắt da mí dưới
- Nâng chân mày
- Sửa mũi cao, thon, đẹp tự nhiên
- Căng da mặt, trán và cổ
- Sửa ngực và nâng ngực mềm mại
- Hút mỡ bụng, lấy mỡ và căng da bụng.

CREAM tẩy trắng da cổ và cơ thể. Special $49

Do 1 nhóm Bác Sĩ Mỹ trên 20 năm kinh nghiệm đảm trách.
Ở xa có xe đưa rước và chỗ ở

MÀI DA (Microdermabrasion & Diamond Peel)

Phương pháp mài da mới phối hợp với dược mỹ phẩm đem lại kết quả tốt nhất và an toàn nhất. Giúp da khoẻ mạnh, non mướt, trẻ trung, làm tan vết nhăn, mờ thẹo mụn vết nám, tàn nhang, mặt rỗ...

(trong tháng 7/6) Giá đặc biệt $30 (cho khách đầu tiên)

BÁN SỈ TẤT CẢ CÁC LOẠI CREAM &
MÁY MÀI DA WONDER FEEL (Microdermabrasion)

XÂM THẨM MỸ

- Xăm chân mày, mí mắt, viền môi...

Xăm rất đẹp và tự nhiên, dùng mực tốt, thay kim mới và dụng cụ cho mỗi lần xăm.

LỘT DA MẶT

- Lột da mặt bằng dược thảo, lột dầy chỉ trong vòng 5 ngày sẽ lột tẩy hết lớp da cũ, trang điểm, sinh hoạt bình thường.

Giá đặc biệt **50% OFF**

SKIN CARE PRODUCTS

Bí quyết để giữ và duy trì làn da trẻ & khỏe mạnh.

Cream dưỡng da tẩy trắng Nhật Bản **SACHIKO** làm bằng dược thảo thích hợp cho mọi loại da. Đặc biệt cream của Pháp **DERMABELLA** chữa trị nám, tàn nhang, vết thâm... không làm đỏ, nóng, rát, kết quả trong 1 tuần lễ.

LADY BELL NHẬP CẢNG NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA ĐỨC, PHÁP RẤT CÔNG HIỆU, KẾT QUẢ NHANH CHÓNG:

- Cream chữa vết răn nứt da bụng, đùi - Cream trị mụn kinh niên - Cream tẩy trắng da mặt - Cream làm săn ngực - Cream tan mỡ, ốm (rất công hiệu) - Cream chữa lỗ chân lông to - Cream làm mờ vết nhăn - Cream chữa da dầu da khô, da ngạy cảm - Cream lột da mặt mỗi ngày - Cream lột da mặt 7 ngày - Lotion và thuốc trị rụng tóc kết quả nhanh chóng - Cream hồi sinh da mặt.

MUA 1 BỘ CREAM (cho tất cả loại)
ĐƯỢC TẶNG 1 FACIAL or UỐN LÔNG MI CONG

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn nhất và sang trọng, được sự tín nhiệm của quý khách, quý thân chủ trong suốt 15 năm qua

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, khu chợ Đông Hương)*
MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM -6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG - CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim